

Khảo Luận

bình thơ

Phạm Đức Nhì

thực tế bếp núc

Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu
2017

Phạm Đức Nhì, sinh năm 1952 tại Kiến An, Hải Phòng. Cựu sĩ quan QL/VNCH. Qua Mỹ năm 1993/ vượt biên. Hiện ở San Leon, Galveston, Texas.



Đến với e-book này bạn đọc sẽ bước vào lãnh vực bình thơ không phải bằng những bài lý thuyết dài ngoẵng, khô khan mà bằng những “tác phẩm” bình thơ thực sự. Những nguyên tắc, phương cách, tiến trình để bình một bài thơ đã được “cài” sẵn rải rác trong mỗi bài bình thơ đó. Từ những “Lời Bình Ngắn” đến “Mười Bài Bình Thơ Chọn Lọc” và sau cùng là hai bài bình thơ “bài bản” có cả phần trao đổi và tranh luận với độc giả, đều ít nhiều chứa đựng kinh nghiệm thực tế bếp núc trong việc Lâm Thơ và Bình Thơ của tác giả.

tv&bh

Phạm Đức Nhì

BÌNH THƠ:

THỰC TẾ BẾP NÚC

Trình Bày: T.Vấn

Ấn Bản Điện Tử

do

T.Vấn & Bạn Hữu

Thực hiện

2017

©T.Vấn & Bạn Hữu 2017

©Phạm Đức Nhì 2017

Mục Lục

Dẫn Nhập

1

Phần I

Lời Bình Ngắn

Tập 1 03

Tập 2 24

Tập 3 24

Phần II

Mười bài bình thơ chọn lọc 101

Phần III

Tâm Tình Hoài Cổ 230

Phần IV

Tổng Biệt Hành

Lời Bình và Tranh Luận 283

Dẫn Nhập

Đến với e-book này bạn đọc sẽ bước vào lãnh vực bình thơ không phải bằng những bài lý thuyết dài ngoằng, khô khan mà bằng những “tác phẩm” bình thơ thực sự. Những nguyên tắc, phương cách, tiến trình để bình một bài thơ đã được “cài” sẵn rả rác trong mỗi bài bình thơ đó. Từ những “Lời Bình Ngắn” đến “Mười Bài Bình Thơ Chọn Lọc” và sau cùng là hai bài bình thơ “bài bản” có cả phần trao đổi và tranh luận với độc giả, đều ít nhiều chứa đựng kinh nghiệm thực tế bấp núc trong việc Làm Thơ và Bình Thơ của tác giả.

Nếu độc giả - đặc biệt là các bạn đọc trẻ, sinh viên, học sinh – tìm thấy một vài điều bổ ích khi đọc Bình Thơ: Thực Tế Bấp Núc thì đó chính là phần thưởng quý nhất cho người bỏ công viết ra nó.

Xin thành thật cảm ơn trang T.Vấn & Bạn Hữu đã tạo cơ hội để e-book này được đến tay bạn đọc.

Phạm Đức Nhì

nhidpham@gmail.com

phamnhibinhtho.bogspot.com

Phần I

LỜI BÌNH NGẮN

(TẬP 1)

Lời Nói Đầu

Đây là những **Lời Bình Ngắn**, đúng riêng rẽ, nhấm vào một câu, một đoạn, một ý thơ riêng biệt. Đôi khi cũng bàn đến một điểm nhỏ (rất nhỏ) liên quan đến Thơ nói chung. Lời Bình Ngắn cũng có khi được trích từ một bài bình thơ hoặc một bài tiểu luận bàn về Lý Thuyết Thơ. Mục đích của việc “cắt nhỏ” như vậy là để “vừa miếng” cho những người mới làm quen với thơ, đang bước đầu tìm hiểu cách thưởng thức một bài thơ, đang tìm cách trả lời câu hỏi “Thế nào là một câu, một đoạn, một bài thơ hay?” Và “Thế nào là một câu, một đoạn, một bài thơ dở?” Một đôi khi cũng có Lời Bình Ngắn hơi “dài”. Lý do: người viết muốn bàn sâu về một điểm đặc biệt nào đó của lý thuyết thơ hay một tiêu chí quan trọng để thẩm định giá trị nghệ thuật của bài thơ.

Xin nhắc các bạn trẻ - đối tượng chính của những bài viết như thế này – nên luôn để mắt vào Cái Đẹp Tổng Thể Của Bài Thơ. Có những câu thơ đứng riêng một góc trời thì rất hay, rất tuyệt. Nhưng khi

đưa vào bài thơ thì lại không hợp, có khi còn trở thành vật cản đối với dòng chảy của tứ thơ. Nhận biết được một câu thơ, đoạn thơ hay là một bước tiến đáng kể. Tuy nhiên, phải đặt câu thơ, đoạn thơ đó vào khung cảnh bài thơ, cân nhắc, xem xét những tiêu chí khác - đặc biệt là dòng chảy của tứ thơ, hơi thơ và hồn thơ - để sau cùng đi đến kết luận chung cuộc, có tính tổng hợp về giá trị nghệ thuật của bài thơ.

1/ Tô Đông Pha Sửa Thơ Vương Thạch

2/ Chọn Thơ Để Bình

3/ Anh Bằng Sửa Thơ Yên Thao

4/ Ý Tưởng Trong Thơ TTKH

5/ Ý Tưởng Trong Bài Thơ Ngọn Cỏ

6/ Anh Em Trong Ngậm Ngùi

7/ Một Mong Ước Thật Đáng Thương

8/ Phân Biệt Tứ Và Ý

9/ Tiếc Cho Nguyễn Bính

10/ Trạng Quỳnh Nỡm Vua

1/ TÔ ĐÔNG PHA SỬA THƠ VƯƠNG AN THẠCH

Vương An Thạch trong lúc du học ở đảo Hải Nam đã làm một bài thơ trong đó có hai câu rất lạ:
Minh Nguyệt sơn đầu khiêu
Hoàng Khuyển ngọa hoa tâm

Dịch nghĩa:
Trăng sáng hót đầu núi
Chó vàng nằm (trong) lòng hoa

Thi hào Tô Đông Pha tình cờ đọc được, thấy “sai” (trăng sáng làm sao hót trên đầu núi và chó vàng làm sao nằm trong lòng hoa được) nên đã sửa lại hai chữ cuối cho đúng nghĩa hơn.

Minh nguyệt sơn đầu chiếu
Hoàng khuyển ngọa hoa âm

Dịch nghĩa:
Trăng sáng rọi đầu núi
Chó vàng nằm (dưới) bóng hoa

Chuyện sửa thơ đến tai Vương An Thạch (lúc ấy đang là Tể Tướng) nên họ Vương đã bổ nhiệm Tô thi hào một chức quan ở Hải Nam. Sau đó Tô Đông Pha mới khám phá ra ở địa phương này có loại chim tên là Minh Nguyệt, hay hót trên đầu núi, và có một loại sâu tên là Hoàng Khuyển, chỉ thích nằm trong lòng hoa! Và người kể chuyện kết luận *“Lúc ấy Tô Đông Pha mới biết là mình xón xác, bông bột và thấy được cái thâm trầm của Vương An Thạch.”*

Theo tôi, việc Tô Đông Pha sửa thơ không có gì là “xón xác, bông bột” hết. Người đọc thơ, bình thơ – trong thế giới thơ rộng lớn - không thể biết và không có bốn phận phải biết những chi tiết, sự việc chỉ có, chỉ xảy ra ở một địa phương nhỏ bé. Chính thi sĩ - để hoàn thành chức năng truyền thông của bài thơ - phải chú thích để người đọc biết, hiểu những chi tiết, sự việc có tính chất địa phương ấy. Lỗi và trách nhiệm ở đây nằm trên hai vai Vương An Thạch chứ không phải Tô Đông Pha.

2/ CHỌN THƠ ĐỂ BÌNH

Người bình thơ phải tự trả lời 3 câu hỏi:

1/ Bài thơ có đủ hay, đủ tiếng tăm, đủ hấp dẫn để có thể “mời gọi” độc giả đến với bài bình thơ của mình hay không?

2/ Bài bình thơ của mình – phân tích, giải thích cái hay, cái dở (nếu có) của bài thơ dựa vào những Tiêu Chí thẩm định giá trị nghệ thuật thơ ca - có đem lại điều gì mới, bổ ích (về thơ) cho độc giả hay không? Lập luận của mình có đủ sức thuyết phục những độc giả hiểu biết, khó tính và cả giới phê bình không?

3/ Nếu đã có những bài bình trước rồi thì liệu bài bình của mình có đem lại điều gì mới hơn những bài bình đó hay không?

Thơ được chọn bình hầu hết là thơ hay (theo nhận định của người bình) hoặc ít nhất cũng có một điểm

gì đó nổi bật như tứ thơ, ý thơ mới lạ, khả năng diễn đạt ý tưởng của tác giả điêu luyện, ngôn từ trong sáng, sang cả, hình ảnh đẹp, được đặt đúng chỗ, đúng lúc làm tăng sức hấp dẫn của bài thơ. Bên cạnh đó có thể còn có sự xuất hiện của những “câu thủ siêu sao” – những câu, đoạn thơ độc đáo – cách kết thúc đầy ấn tượng, phép ẩn dụ ý nhị, thủ pháp Show, Not Tell khéo léo, cảm xúc dạt dào. Đây là chỗ mà người yêu thơ đọc đi, đọc lại để thưởng thức, còn người bình thơ giải thích, phân tích để chia sẻ cái đẹp ấy với mọi người.

Đã bình thơ là phải có khen chê. Dĩ nhiên, cũng có (nhưng rất ít) những bài thơ toàn bích, còn thì đại đa số thơ được lưu hành thế nào tác giả cũng có một chút “không khéo” ở chỗ này, chỗ khác; người bình thơ cũng phải chỉ ra để độc giả (trong đó có rất nhiều thi sĩ khác) rút kinh nghiệm khi viết những bài thơ sau. Thấy khuyết điểm mà lờ đi vì những lý do không liên quan đến thơ thì, theo tôi, là hành vi “thiếu lương thiện trong văn chương”. Hơn nữa, bình thơ mà bài nào cũng khen tuốt lượt từ đầu đến chân thì, nói như nhà văn Châu Thạch, là “nịnh thơ” chứ không phải bình thơ.

3/ ANH BẰNG SỬA THƠ YÊN THAO

Tôi đứng bên này sông

Bên kia vùng giặc đóng

là 2 câu mở đầu trong bài thơ Nhà Tôi của Yên Thao.

Khi phổ nhạc bài thơ nhạc sĩ Anh Bằng sửa lại:

Tôi đứng bên này sông

Bên kia vùng lửa khói

Nhà Tôi là tâm trạng hồi hộp, lo âu của một người lính trước giờ nổ súng mà mục tiêu của trận đánh lại chính là ngôi làng bên kia sông, có căn nhà nơi những người thân yêu nhất của mình, bà mẹ già và cô vợ trẻ, đang cư trú. Trước hết, đưa cụm từ “vùng lửa khói” vào không ăn khớp với thực tế trận địa; chưa nổ súng thì làm gì có “lửa khói!” Hơn nữa, chi tiết làng tôi là “vùng giặc đóng” khiến việc đánh bật trại giặc để chiếm lĩnh mục tiêu trong một trận đánh có cả pháo binh sẽ rất nguy hiểm cho căn nhà và những người sống trong đó. Điều này làm nổi lo của người lính thật hơn, khơi dậy nơi người đọc cảm xúc mạnh hơn. Anh Bằng đã làm tứ thơ dở đi rất nhiều khi thay cụm từ trên.

4/ Ý TƯỞNG TRONG THƠ TTKH

Ý tưởng chính, đề tài của bài thơ là một tiêu chí quan trọng để người phê bình đánh giá bài thơ. Ý tưởng hay sẽ nâng giá trị của bài thơ lên rất nhiều. Tôi tạm chia Ý TƯỞNG TRONG THƠ làm 4 hạng (từ cao xuống thấp):

1/ Nhân bản, cao đẹp, khai phóng, thăng hoa tâm hồn con người, hoàn toàn mới lạ, độc đáo. (Điều này có thể đạt được nhưng rất khó và rất hiếm)

2/ Tác phẩm xuất sắc nhất đại diện cho một hiện tượng, một lối sống, một cách nghĩ của một giai đoạn lịch sử (đã lác đác có người viết đề cập đến nhưng chưa có tác phẩm nào xuất sắc).

3/ Lách, thoát hẩn (hoặc ngược với) dòng thơ Phải Đạo (những suy nghĩ đã thành nếp trong đời sống xã hội, trong tâm hồn con người).

4/ Viết theo phong trào, xu hướng chính trị, theo thị hiếu của đám đông, chọn những đề tài muôn thuở chung chung (tình yêu, quê hương ...), những con đường đã có hàng triệu dấu chân.

Vào thời TTKh viết Hai Sắc Hoa Ti Gôn (và 3 bài thơ khác) con người VN còn sống bó buộc trong cái khung của lễ giáo phong kiến: “Liệt nữ bất canh nhị phu” nghĩa là gái chính chuyên chỉ có một chồng. Sự chung thủy là một đức tính, một nguyên tắc ứng xử - chỉ áp dụng cho phái nữ - được hết mực ca ngợi. Đã “đeo gông vào cổ” rồi mà còn “tơ tưởng đến ông láng giềng” hay bất cứ người đàn ông nào khác là đã “ngoại tình trong tư tưởng”, là đã phạm một điều đại cấm kỵ, bị xóm làng nguyên rủa, xã hội lên án. Những bài thơ của TTKh đã đập đổ cái luật lệ khắt khe bất nhân ấy, đã gột rửa lớp son phấn giả tạo của Khổng Giáo trên thân thể người phụ nữ, để lộ ra trước xã hội, trước cuộc đời một Con Người có trái tim, biết yêu thương, nhung nhớ, biết khổ đau. Ý tưởng của mấy bài thơ, lúc ấy, được coi là vô cùng táo bạo, không những thoát khỏi mà còn chảy ngược với dòng thơ phải đạo.

Trước TTKh chắc cũng có nhiều bậc thức giả đã nhận ra khía cạnh bất nhân trong cái gọi là “tam tông tứ đức” của đạo Khổng - đã ép buộc nhiều phụ nữ phải gạt nước mắt chia tay người mình hết lòng thương mến, để vì lễ giáo, vì môn đăng hộ đối, vì lệnh của song thân, phải lấy, rồi ăn ở suốt đời với người mình không hề yêu thương - nhưng họ hoặc không dám nói ra hoặc chỉ than thở lén lút và những

lời than thở ấy cũng thoáng bay theo gió. Tuy vậy, thi đàn nước Việt có ít nhất 2 tác phẩm đề cập đến sự coi thường tình cảm của phụ nữ trong hôn nhân vẫn còn được lưu truyền: Cung Oán Ngâm Khúc của Nguyễn Gia Thiều và Cảnh Làm Lễ của Hồ Xuân Hương.

Tôi có mấy nhận xét sau đây:

1/ Đối tượng của CONK nhắm vào những cung nữ trong cung đình, chỉ là một bộ phận nhỏ trong cộng đồng phụ nữ của dân tộc.

2/Thẻ thơ song thất lục bát đã không còn được ưa thích và ngày càng ít xuất hiện trên thi đàn.

3/ Khi tôi viết những dòng chữ này (2016) chế độ phong kiến đã cáo chung từ lâu. Không còn tam cung lục viện, không còn hàng ngàn cung phi, mỹ nữ, có người phải lén rải cỏ non trước cửa phòng với ước mơ xe dê của vua ngừng lại và tấm thân trong trắng ngọc ngà của mình được ngài đoái hoài đến. Ý tưởng chính của tác phẩm - “Tiếng thét oán hờn của trang nữ lưu” - đã không còn tính thời sự, không còn thôi thúc, không gây được ấn tượng mạnh như thời Nguyễn Gia Thiều.

Có lẽ vì thế mà CONK dù vẫn có vị trí trong văn học sử, giá trị và ảnh hưởng của nó phải xếp phía sau mấy bài thơ của TTKh.

Cảnh Làm Lễ

Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lòng,
Chém cha cái kiếp lấy chồng chung!
Năm thì mười họa, hay chẳng chớ,
Một tháng đôi lần, có cũng không ...
Cổ đám ăn xôi, xôi lại hổng,
Cầm bằng làm mướn, mướn không công.
Thân này ví biết đường này nhỉ,
Thà trước thôi đành ở vậy xong.

(Hồ Xuân Hương)

Đối tượng của Cảnh Làm Lễ cũng chỉ là một thiếu số phụ nữ - vì một lý do nào đó - chấp nhận làm lễ. Thể thơ đường luật chật hẹp quá, gò bó quá nên chỉ mới chạm vào lớp vỏ ngoài của nỗi khổ phải “lấy chồng chung”. Bài thơ gọi được nỗi thương cảm nơi người đọc nhưng nỗi thương cảm ấy không lớn, không sâu sắc.

Trong khi đó đối tượng của mấy bài thơ của TTKh là toàn thể giới phụ nữ. Độ phủ sóng ở đây lớn hơn gấp bội. Thêm vào đó hôn nhân ép buộc kiểu “cha

mẹ đặt đầu con ngồi đó” đang xảy ra trước mắt mọi người, đang là một vấn nạn lớn của xã hội nên mấy bài thơ ấy – có thể nói mà không sợ bị cho là quá lời – đã góp đặt nền móng cho việc đập đổ lễ giáo phong kiến của Khổng Tử, làm cuộc cách mạng giải phóng phụ nữ sau này.

Thơ mới phóng khoáng, tự do hơn nên TTKh đã trải tâm sự của mình một cách thoải mái, đầy đủ, sâu sắc. Hơn nữa đội quân chữ nghĩa của bà thế trận chặt chẽ hơn, chia thành 4 đạo quân bao kín trận địa (4 bài thơ) và đã chinh phục hoàn toàn tim óc của người đọc thời bấy giờ.

Dưới cái nhìn của thơ ca hiện đại thì mấy bài thơ của TTKh – dù nhỉnh hơn CONK và Cảnh Làm Lễ - chỉ ở mức khá hoặc trên khá một chút - nhưng nhờ có ý tưởng nhân bản và táo bạo – đòi lại quyền làm chủ trái tim mình cho toàn thể phụ nữ - nên chúng, tuy chưa phải là tuyệt tác, vẫn có một vị trí đặc biệt trong văn học sử, trở thành cột mốc quan trọng trên chặng đường tiến hóa của dân tộc.

Ý tưởng trong thơ của TTKH có thể xếp vào hạng 1 và hạng 2 - vừa nhân bản, vừa có giá trị lịch sử.

5/ Ý TƯỞNG TRONG BÀI THƠ “NGỌN CỎ”

Ngọn Cỏ

*Tiếng nước đái
nhỏ giọt
trong bồn cầu tí tách
thứ nước ấm sóng sánh vàng
hổ phách
trong người tôi tuôn ra*

*Phải rồi
tôi là đàn bà
hạng đàn bà đái không qua ngọn cỏ
bây giờ
được ngồi rồi trên bồn cầu chễm chệ
tương lai không chừng tôi sẽ
to con mập phệ
tí tách như mưa
ngọn cỏ gió đùa.
(Nguyễn Thị Hoàng Bắc)*

Bài thơ đóng góp một lời kêu gọi mạnh mẽ cho cuộc cách mạng nữ quyền. Phụ nữ hãy vùng lên đòi quyền “đứng đái đàn ông” như nam giới. Tứ thơ mới lạ một cách táo bạo. Kỹ thuật thơ vững, nhuyễn, thể thơ có thể nói đã vượt qua thơ mới về số chữ trong câu, vần tự nhiên nhưng hơi “ngọt” (một chút thôi). Tiếc là câu kết quá dở, “trật bàn đạp”, ngược với dòng chảy của tứ thơ.

Riêng về Ý Tưởng Trong Thơ có thể xếp vào hạng 1 và hạng 3.

6/ ANH EM TRONG NGÂM NGÙI

Ngâm Ngùi do Phạm Duy phổ nhạc từ bài thơ cùng tên của Huy Cận rất được dân miền nam và sau này, ở hải ngoại, ưa thích. Cả nhạc sĩ lẫn người thưởng ngoạn đều tưởng rằng đó là bài thơ, bản nhạc tình; hai kẻ yêu nhau, khi bóng đã xế tà, đang tình tự trong một khu vườn hoang vắng. Khi hát, nam ca sĩ thì hát đúng lời của bài thơ, bản nhạc, còn nữ ca sĩ thì tự động hoán chuyển “anh” thành “em” và ngược lại.

Đến năm 2006 “trong chương trình âm nhạc cuối tuần của Đài RFA cũng như chương trình văn học nghệ thuật của Đài RFI, anh Hà Vũ (Cù Huy) khẳng định lại, bài thơ Ngâm Ngùi được viết cho người em gái ruột của nhà thơ mất khi còn nhỏ, độ tuổi trắng rằm, khi nhà thơ đến thăm mộ.”. Và tôi đã viết lời bình cho đoạn cuối bài thơ:

Cây dài bóng xế ngẩn ngơ
Hồn anh đã chín mấy mùa thương đau

Thế rồi bóng cây đã dài, trời đã sắp tối, nỗi đau thương trong hồn đã chín, trái sầu đã trĩu nặng, thì sĩ vẫn nán lại để cùng cô em gái “sống” một giấc mơ, một kỷ niệm sau cùng trước khi từ giã. Cảnh và tình kết hợp, quyện lẫn với nhau thành một bức tranh thơ rất buồn, rất đẹp.

Tay anh em hãy tựa đầu
Cho anh nghe nặng trái sầu rụng rơi

Và chàng mơ thấy em tựa đầu lên tay mình như ngày xưa còn bé, mắt nhắm, giấc ngủ bình yên. Ôi! Đúng lúc ấy trái sầu trĩu nặng trong hồn chàng bấy lâu bỗng đứt cuống rụng rơi, biến mất. Người chàng nhẹ nhàng bay bổng; hạnh phúc ập đến choáng ngợp tâm hồn. Em ở đây không phải người yêu mà là “hồn ma bóng quế” của đứa em gái trong tâm tưởng của nhà thơ. Cho nên khi nữ ca sĩ hát mà tự động hoán chuyển giới tính, thay “anh” bằng “em” thì ... trật lất. Thế mà thỉnh thoảng xem TV các chị ca sĩ vẫn cứ ung dung “Tay em anh hãy tựa đầu”, chẳng cần biết “trời trăng mây nước” gì hết thì quả là đáng ... sợ thật.

7/ MỘT MONG ƯỚC THẬT ĐÁNG THƯƠNG

Theo lời kể của nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu khi đến thăm Xuân Quỳnh thì: Nhà thơ Xuân Quỳnh rất cảm xúc khi nghe ca khúc “Thuyền Và Biển”. Chị chỉ mong ước giữ nguyên văn câu thơ: “Nếu phải cách xa anh, em chỉ còn bão tố!” Mong các ca sĩ đừng đổi lại: “Nếu phải cách xa em, anh chỉ còn bão tố”. Chị không muốn xóa đi kỷ niệm buồn đau của mình trong cuộc tình đã qua, và theo chị chắc gì nam giới đã có được tình yêu đắm thắm, đắm say và có lúc bão tố như phụ nữ. Tôi rất đồng cảm với Xuân Quỳnh về điều mong ước trên. Có điều theo tôi, tại sao lại để chị phải thốt ra những lời mong ước đó? Các ca sĩ nếu có một chút khả năng “hiểu cảm câu chữ” thì phải biết bản nhạc phổ thơ là tâm trạng của người phụ nữ trong chuyện tình của Thuyền Và Biển, thuyền là nam và biển là nữ. Bản nhạc này để nữ hát là đúng nhất, là hợp tình nhất. Nhưng nếu nam thích thì cũng vẫn có thể hát được, miễn là phải hiểu rằng “giọng nam của mình đang được mượn để

chuyển tải tâm tình của một phụ nữ”nghĩa là phải hát đúng nguyên văn:

Nếu phải cách xa anh
Em chỉ còn bão tố

Chứ nếu đổi lại:

Nếu phải cách xa em
Anh chỉ còn bão tố

thì sai bét. Anh là thuyền chứ có phải là biển đâu mà bão với tố!

Tôi đã vào Youtube nghe vài nam ca sĩ hát Thuyền và Biển. Đáng buồn là nghe 5 ca sĩ hát thì cả 5 đều hát sai.(3) Rất mong các nam ca sĩ xem lại để hát cho đúng. Trước hết, để tỏ lòng tôn trọng Xuân Quỳnh, một nữ sĩ tài danh đã mất, thứ đến để chúng tôi khẳng định năng lực của mình, có thể hiểu, cảm tâm trạng của tác giả và thả hết tâm hồn vào lời ca, nốt nhạc chứ không phải là người vô trách nhiệm, tự động sửa lời bản nhạc của người ta theo ý mình, chẳng cần biết đúng sai, và cứ thế nhắm mắt hát bừa, hát bậy.

8/ PHÂN BIỆT TỨ VÀ Ý

Nếu nói thơ có phần xác và phần hồn, trái với nhận định của một số người, tôi cho tứ thơ thuộc về phần xác. Khi đã có chủ đích viết về cái gì (ý) thì sĩ sẽ chọn cách tiếp cận, cách truyền đạt ý của mình đến độc giả. Công việc lựa chọn ấy - tìm tứ thơ - sẽ đóng góp lớn cho giá trị của bài thơ nếu tác giả chọn được tứ hay, mới lạ. Dù có vai trò quan trọng như vậy nhưng việc tìm tứ thơ lại do lý trí đảm nhiệm; tứ thơ, và cả ý, đều là sản phẩm của lý trí.

Ý: Điều tác giả muốn nói đến

Tứ: Cách để tiếp cận, diễn đạt ý

Khi tác giả chọn cách nói trực tiếp, nói thẳng vào điều muốn nói, bài thơ có ý và tứ giống nhau. Ý là tứ, tứ là ý, ý với tứ là một.

Thí dụ:

Anh Lái Đò của Nguyễn Bính

Ý và Tứ là một: Anh lái đò nói về mối tình tuyệt vọng của mình.

Hồ Trường của Nguyễn Bá Trắc

Ý và Tứ là một: Hào khí của một sĩ phu trước cảnh đất nước điêu linh

Khi tác giả không muốn nói trực tiếp, không muốn nói thẳng vào điều muốn nói mà mượn một hình ảnh khác, một sự kiện khác để thổ lộ lòng mình, bài thơ có ý và tứ khác nhau. Ý là điều muốn nói; tứ là hình ảnh mượn để thổ lộ lòng mình.

Thí dụ:

Ông Đồ của Vũ Đình Liên

Tứ: Ông đồ ngồi bên phố viết câu đối thuê cho khách du xuân. Nay xuân đến, không thấy ông đồ nữa, nhiều người tiếc nhớ.

Ý: Tác giả muốn nói đến nền nho học đang lụi tàn.

Nhớ Rừng của Thế Lữ

Tứ: Con hổ trong vườn bách thú tiếc nhớ những ngày còn là chúa sơn lâm, tự do vùng vẫy nơi rừng sâu núi cao- giang sơn của mình.

Ý: Tác giả mượn lời con hổ để nói đến hào khí, ước mơ của chính mình.

9/ TIẾC CHO NGUYỄN BÌNH

Mỗi lần đọc lại hoặc ngâm nga bài Giác Mơ Anh Lái Đò trong đầu tôi lại hiện ra một câu hỏi: “Tại sao một tài thơ hiếm có như Nguyễn Bình lại vô ý đến độ đưa chữ “to” rất “thô”, rất vô duyên ấy vào bài thơ?” Chữ “to” ấy đã làm đoạn thứ 3 mất đi danh hiệu “đoạn thơ bày tỏ không kể lại” (show, not tell) và đáng tiếc nhất là do đó, ông đã để vượt khỏi tay chiếc huy chương dành cho thi sĩ có Thi Phẩm Hoàn Toàn Show, Not Tell.

GIÁC MƠ ANH LÁI ĐÒ

Năm xưa chở chiếc thuyền này
Cho cô sang bãi tước đày chiều chiều
Để tôi mơ mãi, mơ nhiều:
“Tước đày se võng nhuộm điều ta đi

Tưng bừng vua mở khoa thi,
Tôi đồ quan trạng vinh quy về làng

Võng anh đi trước võng nàng
Cả hai chiếc võng cùng sang một đồ.”

Đồn rằng đám cưới cô **to**
Nhà giai thuê chín chiếc đồ đón dâu
Nhà gái ăn chín nghìn cau
Tiền cheo, tiền cưới chừng đâu chín nghìn...

Lang thang tôi dạm bán thuyền
Cố người giả chín quan tiền, lại thôi!

Dẫu sao Giác Mơ Anh Lái Đồ vẫn là một bài thơ rất hay. Đặc biệt là 2 câu kết tuyệt vời, mở cửa đổ cả một dòng thác cảm xúc làm ướt đầm tâm hồn người đọc và đã lưu lại trong lòng họ rất lâu cái cảm giác đau buồn tê tái của anh lái đồ. Tuy không có tuyệt chiêu “thi hóa thân thành họa” như Ông Đồ của Vũ đình Liên nhưng bài thơ có những ưu điểm khác (đặc biệt là đoạn kết) tạo thành một thi phẩm độc đáo, góp phần đưa Nguyễn Bính vào hàng những nhà thơ được yêu mến nhất trong thời kỳ Thơ Mới.

Nói Với Các Bạn Trẻ Yêu Thơ

Show, not Tell là một thủ pháp nghệ thuật ở đó tác giả tránh không nói thẳng ý mình mà cung cấp dữ kiện, chi tiết để người đọc tự suy gẫm tìm ra. Nó tạo cho câu thơ, bài thơ cái vẻ đẹp “lung linh sương khói” và cho người đọc cơ hội tham gia tích cực vào tiến trình đọc và khám phá tứ, ý của bài thơ. Trong GMALĐ Nguyễn Bính đã áp dụng thủ pháp này một cách tài tình. Ông thành công ở 3 đoạn, nhưng ông đã đưa vào bài thơ chữ “to” rất vô duyên làm lộ ý của đoạn 3.

Đoạn kết của bài thơ hay tuyệt.

10/ TRẠNG QUỲNH NỖM VUA

Ông Trọng mời vua đến nhà chờ ăn món mâm đá rồi sau cùng khi vua thật đói thì đưa ra đĩa rau muống luộc và một cái lọ sành. Vua hỏi thì Trọng Quỳnh trả lời: Đó là món “đại phong”.

Đại phong là gió lớn
Gió lớn thì đổ chùa
Đổ chùa thì tượng lo
Tượng lo là lọ tương.

Và vua ăn cơm với rau muống chấm tương ngon lành.

Tôi có lần kể cho vài người bạn Mỹ nghe thì họ phán thẳng thừng: “Stupid joke.” (truyện cười ngu xuẩn).

Chúng ta thử xem cách liên tưởng của Trạng Quỳnh.

1/ Đại phong là gió lớn: đúng, không có gì bàn cãi.

2/ Gió lớn thì đổ chùa: gió lớn có thể gây ra hàng trăm thứ thiệt hại. Lý lẽ nào bắt óc liên tưởng của người đọc dừng ở chỗ “đổ chùa”?

3/ Đổ chùa thì tượng lo: đổ chùa cũng có hàng trăm hậu quả. Lý lẽ nào để bắt óc liên tưởng của người đọc dừng ở chỗ “tượng lo”?

4/ Tượng lo liên tưởng đến lọ tương thì tạm hợp lý, có thể chấp nhận.

Tôi không hiểu sao cái truyện cười vô lý và ngờ nghệch đến thế mà vẫn được truyền tụng trong nhân gian từ đó đến nay.

Nếu thi sĩ ở đoạn kết của bài thơ có thể mở ra trước mắt người đọc một khoảng không gian rộng lớn để mỗi người có thể nhờ óc tưởng tượng của mình “thả hồn vào mênh mông” – thì, với tôi, là hạnh phúc lớn cho người đọc, cho thi ca. Nhưng để đến được cái chỗ có thể như Nguyễn Khắc Phước:

... chép giấc mơ vào con thuyền giấy
thả trôi vào mênh mông

(Mất Bò Câu, Nguyễn Khắc Phước, Văn Nghệ
Quảng Trị)

cho hồn thi sĩ bênh bồng theo dòng nước ra tận tít mù khơi, người đọc phải “vịn” vào mỗi câu thơ để tìm đường đi. Khi bài thơ chưa đến đoạn kết, đừng tạo quá nhiều ngã rẽ mà không có lời chỉ dẫn kỹ càng. Xin đừng gọi trí tưởng tượng của người đọc qua những liên tưởng quái đản kiểu Trạng Quỳnh:

Gió lớn thì đổ chùa
Đổ chùa thì tượng lo

có hai điểm dừng, mỗi điểm có hàng trăm ngã rẽ. Người đọc chắc chắn sẽ đi lạc – không bắt được tứ thơ – và bài thơ thất bại. Viết kiểu đó người biết chuyện sẽ cười vào mũi thi sĩ cũng như người ta (có cả người ngoại quốc) đã cười vào mũi Trạng Quỳnh.

LỜI BÌNH NGẮN

(TẬP 2)

- 1/ Bài Hát Đi Tìm Chúa Tôi
- 2/ Bài Thơ Có Câu Thơ Nội Gián
- 3/ Ai Yêu Ai Say Đắm?
- 4/ Câu Đối Về Chữ Hiếu
- 5/ Chăn Trâu Đốt Lửa: Bài Thơ Có Ý Tứ Rất Hay
- 6/ Hai Phong Cách Bình Thơ
- 7/ Một Cách Diễn Đạt Khác Về Tứ Thơ
- 8/ So Sánh Chăn Trâu Đốt Lửa Và Sông Lấp
- 9/ Sự Chờ Đợi
- 10/ Vị Trí Của Thơ Đường Luật

1/ BÀI HÁT ĐI TÌM CHÚA TÔI

Mỗi năm cứ đến giữa tháng 12 là các đài truyền thanh, truyền hình Việt ngữ, các nhà thờ, các Mall, các trung tâm sinh hoạt của người Việt lại rầm rộ phát nhạc Giáng Sinh. Tôi chú ý đến bản nhạc Đi Tìm Chúa Tôi vì có 2 câu đầu, theo tôi, tác giả viết hơi vội, hơi ẩu hoặc vô ý.

*Này một hài nhi vừa sinh ra đời
Hãy đến mau kính dâng lạy người*

Tại sao thấy hài nhi sinh ra đời lại phải đến dâng lạy? Như thế thì (chỉ riêng ở Houston) một ngày phải lạy biết bao nhiêu hài nhi? Nếu hai câu ấy nằm ở giữa bài thì không nói làm gì. Thính giả ít nhất cũng đã được dẫn dắt vào khung cảnh ngày lễ và hiểu được là hài nhi được nói đến chính là Chúa Hài Đồng. Đàng này chưa biết ất giáp gì đã bị hỏi thúc đi lạy hài nhi. Những người không phải là tín đồ Thiên Chúa Giáo sẽ thấy ngỡ ngàng, gai gai khó chịu. Mà ngay đối với con dân Chúa cũng thấy chướng; một bài hát về đạo mà vô ý đến độ gây phản cảm. Tác giả đã dựa vào tâm cảnh của mình mà viết, đã không quan tâm nên không có sự hiệp thông với khán thính giả. Chức năng truyền thông của bản nhạc (ở đoạn này) thất bại.

2/ BÀI THƠ CÓ CÂU THƠ NỘI GIÁN

Chăn Trâu Đốt Lửa

Chăn trâu đốt lửa trên đồng
Rạ rơm thì ít, gió đông thì nhiều
Mải mê đuổi một con diều
Củ khoai nướng để cả chiều thành tro.

Trong bài Lục Bát Và Chăn Trâu Đốt Lửa ông
Nguyễn Lâm Cúc đã viết:

Khung cảnh trong bài thơ là cánh đồng miền Bắc, nơi mà dù vụ gặt vừa mới xong rạ rơm cũng không còn lại bao nhiêu, vì suốt cả một vùng đồng bằng dọc theo châu thổ sông Hồng, người nông dân quý rạ không khác gì sản phẩm khác. Họ tận thu rơm rạ để làm thức ăn cho trâu, bò; để đun nấu, để làm vách đất nứa. Vì vậy, cánh đồng sau vụ gặt mùa Đông chỉ còn rất nhiều gió và cái lạnh thấu xương. Trong bài “Chăn Trâu Đốt Lửa”: *Sâu Sắc Một Triết Lý Nhân Sinh* nhà phê bình Đức Thọ cũng đề cập đến sự hiếm hoi của rơm rạ sau vụ gặt Đông: Câu thơ thứ hai nhà thơ khẳng định “Rạ rơm thì ít,

gió đông thì nhiều”. Đúng vậy, trong mùa hanh heo mà đã gió đông thì khi thổi cháy bao nhiêu rom rạ cho vừa.

Trong đầu tôi tức khắc hiện ra câu hỏi: Trong hoàn cảnh đó làm sao có đủ than lửa để củ khoai cháy thành tro được?

Tôi có điện thoại hỏi một ông chú họ xa ở ngoại thành Hà Nội thì được cho biết: “Nếu chịu khó kiếm cánh khô, củ mục ở nơi khác gom lại thì với chút ít rom rạ còn sót ở cánh đồng cũng có thể tạo được “bếp lửa” để nướng khoai nhưng phải chăm chút, che chắn cẩn thận, chứ như thi sĩ của chúng ta “Mãi mê đuổi một con điều” thì chỉ chốc lát là rom rạ đã bay tung tóe, lửa tắt, củ khoai chưa chắc đã chín chứ làm gì có cái cảnh “Củ khoai nướng để cả chiều thành tro.” Mà dù - cứ cho là với cái tài “gây bếp” đặc biệt của trẻ chăn trâu - củ khoai nướng đã thực sự thành tro thì câu thơ “Rạ rom thì ít, gió đông thì nhiều” cũng đã “đi ngược đường” với tứ thơ.

Trong quân đội đôi khi có những người lính “vô tích sự”, cháu của ông Bộ Trưởng này, con của ông Tổng Cục kia, có mặt ở Bộ Chỉ Huy, Bộ Tư Lệnh chỉ để làm vùi, để bảo vệ “chữ Thọ”, để khỏi phải lao vào chỗ sống chết nơi trận địa. Khi đụng chuyện chẳng những không giúp ích được gì cho đơn vị mà có khi còn vướng chân, vướng tay những người lính khác trong việc hoàn thành nhiệm vụ của họ. Đặc biệt hơn, còn có những người lính làm nội gián cho địch để cản trở, để phá hoại việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Trong thơ, tôi đã gặp khá nhiều những câu thơ “vô tích sự”. Có lẽ tôi sẽ đề cập đến những câu thơ “thừa” này vào một dịp khác. Riêng trường hợp Chấn Trâu Đốt Lửa thì “Ra rom thì ít, gió đông thì nhiều” chính là câu thơ nội gián. Không những nó không giúp làm tăng độ khả tín, sức thuyết phục của tứ thơ mà ngược lại, đã trở thành một chương ngại vật ngăn cản hành trình qua đó độc giả tiếp cận tứ thơ để rồi đi đến chỗ đồng cảm với tác giả.

3/ AI YÊU AI SAY ĐẮM?

Qua bài Lạm Bàn Thêm Về Tranh Luận Việc Bình Thơ của Châu Thạch viết để tham dự cuộc bàn cãi vui xung quanh bài thơ Trăng Lên của Lưu Trọng Lư tôi thấy anh với tôi đồng ý với nhau ở nhiều chỗ nhưng có một khác biệt khá quan trọng trong việc hiểu ý nghĩa của bài thơ. Nhận định của anh như sau:

Nếu “Trăng lên” là lời của cô gái thì nhất định là cô ta đã công nhận chàng lọt vào mắt xanh của mình như Phạm Đức Nhì đã nói. Ngược lại, “Trăng lên” là lời của người nam thì rõ ràng người nam chỉ muốn bày tỏ “sự say đắm si mê của chàng” như Nguyễn Khôi đã viết, vì chuyện người nam chỉ nhìn vào mắt cô gái mà khẳng định cô ta đã yêu mình say đắm thì thật ra quá hấp tấp ...

Khi viết những dòng chữ này anh Châu Thạch đã dựa vào một “nguyên tắc” mà nhà thơ Nguyễn Đình Thi đã có lần phát biểu:

... Vì nhà thơ nhìn bằng con mắt của người đầu tiên. Đó là những hình ảnh mới tinh, chưa có vết nhòa của thói quen, không bị dập khuôn vào những ý niệm trùu tượng định trước. Mượn câu nói của một

nhà văn Pháp, nhà thơ bao giờ cũng là ngôi thứ nhất.

Bởi vậy, nếu từ 2 câu thơ:

Mắt em là một dòng sông

Thuyền ta bơi lững trong dòng mắt em.

mà hiểu là “nàng đã yêu ta đắm say” (như PĐN) thì theo Châu Thạch, coi chừng bị ... sai. Lý lẽ của anh xem chừng quá vững; độ chính xác ít nhất cũng phải 99,9%.

Nguyên tắc “nhà thơ bao giờ cũng là ngôi thứ nhất” có mục đích kêu gọi thi sĩ bày tỏ chân thật cảm xúc của chính mình, không dùng thơ để thương vay khóc mướn, nói hoặc đoán mò tâm trạng của người khác. Nhưng nguyên tắc này lại có ngoại lệ. Một trong những ngoại lệ được một vài thi sĩ áp dụng liên quan đến đôi mắt. “Mắt là cửa sổ linh hồn”. Đặc biệt khi cảm xúc dâng cao, tâm trạng con người càng thể hiện rõ nét qua khung cửa sổ ấy. “Nhìn đôi mắt, đặt tâm trạng” (dĩ nhiên là tâm trạng của người khác), trong thơ vẫn có thể chấp nhận được. Mà đâu cần phải “bốn mắt nhìn nhau, nhìn thật lâu” mới cảm được tâm trạng; chỉ cần một cái liếc thoáng qua là cũng có thể “thấy” được khá chính xác.

Chúng ta thử đọc 2 câu thơ của Thâm Tâm trong Tổng Biệt Hành:

*Bóng chiều không thấm không vàng vọt
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong.*

Ta biết người buồn lắm vì nhìn mắt người như chứa cả bóng hoàng hôn. Đây là lời nói của người đưa tiễn nhưng lại là tâm trạng của người ra đi. Thâm Tâm đã không chịu nghe lời khuyên của nhà văn Pháp nào đó - làm thơ ở ngôi thứ nhất - nhưng câu thơ của ông vẫn được xếp vào những câu thơ hay nhất trong khung cảnh tiễn biệt. Đó là vì ông đã cho người đưa tiễn “nhìn đôi mắt, đặt tâm trạng” của người ra đi. Người ra đi thì buồn như thế, còn người đưa tiễn có buồn không? Chắc chắn là có buồn, nhưng độ sâu đậm của nỗi buồn ra sao thì 2 câu thơ trên không nói đến vì đó không phải là chủ đích của tác giả mà chỉ là “phản ứng phụ tất yếu” của tứ thơ. Chính vì thế trước đó tác giả vì cũng muốn nói đến tâm trạng của người đưa tiễn đã phải viết riêng 2 câu thơ khác, ở ngôi thứ nhất:

*Đưa người ta không đưa qua sông
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?*

Và đây cũng là 2 câu thơ trác tuyệt.
Bây giờ trở lại 2 câu thơ của Lưu Trọng Lư:

Mắt em là một dòng sông

Thuyền ta bơi lững trong dòng mắt em.

Chàng có cần nhìn vào mắt nàng thật kỹ, thật lâu mới có thể biết được nàng đang nhìn mình say đắm? Cũng giống như Tống Biệt Hành, câu trả lời là không. Chỉ cần một thoáng nhìn, có khi chỉ nửa giây, chiếc máy ảnh của thi sĩ có thể khắc họa được, chụp được tấm hình có đầy đủ chi tiết của bài thơ: vàng trắng, mái tóc, cảnh thu vắng lặng, mắt em ... đủ cả.

Tấm hình sẽ được lưu trữ trong bộ nhớ. Những vần thơ sẽ không tuôn ra ngay lúc ấy mà thường phải một lúc sau, vài tiếng sau, vài ngày sau, có khi nhiều năm sau khi có hoàn cảnh gợi hứng tấm hình mới hiện ra để thi sĩ làm thơ.

Cách hiểu như anh Châu Thạch “Lời của người nào thì là tâm trạng của người đó” trong thơ ca sẽ đúng với tuyệt đại đa số trường hợp. Nhưng, giống như 2 câu “bóng chiều ... mắt trong” của Tống Biệt Hành, đây là ngoại lệ “nhìn đôi mắt, đặt tâm trạng”. Theo câu cuối của bài thơ thì cô gái đang thu hút cả bóng hình chàng trai vào đôi mắt - như một dòng sông - của mình, “cho phép” chàng được bơi lững trong dòng sông ấy, nghĩa là nàng đang nhìn chàng say

đắm. (1) Nếu theo đúng mạch suy luận – thì trong khung cảnh nên thơ đó - độc giả sẽ nhận ra là “nàng đã yêu chàng”. Theo tôi, suy luận để đi đến kết luận như thế là rất hợp lý, không có gì là hấp tấp cả. Còn nếu có người đặt câu hỏi “Thế chàng có yêu nàng không?” thì câu trả lời sẽ là “Dĩ nhiên! Ít nhiều gì cũng có. Nhưng đó không phải là chủ đích của tác giả mà chỉ là ‘phản ứng phụ tất yếu’ của tứ thơ”. Bằng chứng là chàng đâu có đặt hết tâm hồn vào “đối tượng” như nàng mà còn để ý đến nhiều thứ khác, nào là vàng trắng, mái tóc, cảnh thu vắng lặng, hương thu thơm nồng rồi mới đến mắt em. Nếu tác giả cũng muốn nói đến tình cảm của mình với cô gái thì – cũng giống như trong Tống Biệt Hành – ông sẽ viết riêng mấy câu khác.

Dẫu sao cũng cảm ơn anh Châu Thạch. Trên sân chơi thi ca, đặc biệt là bình thơ, khác biệt ý kiến là chuyện bình thường. Điều đáng nói, đáng nhớ là phong cách của người bước vào cuộc chơi. Nhắc đến Châu Thạch, Nguyễn Khôi, ngoài những bài thơ đậm tình người, những bài bình luận sắc sảo, người đọc chắc sẽ không quên thái độ lịch thiệp, hòa nhã của hai vị trong đối thoại văn chương. Được thỉnh thoảng “bàn ra tán vào” với hai vị, Phạm Đức Nhì tôi thấy thơ ca thật đáng yêu và đời cũng thật đáng sống.

4/ CÂU ĐỐI VỀ CHỮ HIẾU

Hôm nọ lên Austin thăm một anh bạn tù. Gia đình nề nếp, gia giáo, con cháu đối với ông bà, cha mẹ và với khách rất mực kính trọng, lễ phép. Ở một chỗ khá trang trọng trên tường có đôi câu đối:

Vế 1: Nước biển mênh mông không đong đầy tình mẹ.

Vế 2: Mây trời lồng lộng không phủ kín công cha.

Ý nghĩa của câu đối hiện ra ngay trước mắt: tình mẹ công cha thật vô cùng to lớn, không sao đo lường được.

Về nhà chép lại chuyển cho một người bạn già vẫn còn mẹ để trước là, chia sẻ mấy câu văn hay, sau nữa gọi là “nhắc nhở nhau” về lòng hiếu thảo với cha mẹ. Email gửi xong thì khoảng 20 phút sau đã thấy chuông reng. Ra mở cửa thì ông bạn già đã đứng sờ sờ trước mặt. Chưa kịp bắt tay chào hỏi hân đã vào đề ngay:

- *Ai gửi cho ông câu đối đó vậy?*

Tôi kể cho hân nghe xuất xứ của câu đối. Nghe xong hân bảo tôi:

- Ông gọi lên Austin coi có phải anh bạn tù của ông viết ra câu đối đó hay ai tặng anh ta?

Tôi gọi điện thoại cho anh bạn tù thì được trả lời:

- Người ta khắc lên tre, lên gỗ bán ở cửa hàng Mỹ Nghệ, thấy hay hay thì mình mua về treo chơi.

Đến lượt tôi hỏi anh bạn:

- Câu đối có gì rắc rối đâu mà sao điều tra kỹ vậy cha?
- Từ từ để tôi phân tích cho ông nghe nhé. Vế 2 thì thật rõ ràng: mây trời lồng lộng (rất lớn, rất rộng) cũng không thể phủ kín công cha. “Công Cha” ở đây được hình tượng hóa thành một vật có kích thước, diện tích rất lớn, mây trời to rộng cỡ nào cũng không thể phủ kín được.

Điểm mà tôi thấy lẩn cán, khúc mắc nằm ở vế 1: nước biển mênh mông (nhiều lắm) mà cũng không thể đong đầy tình mẹ. “Tình Mẹ” ở đây cũng được hình tượng hóa thành một cái hố có sức chứa rất lớn, nhưng cái hố rất lớn, rất sâu, trên miệng cắm một tấm bảng vĩ đại “Tình Mẹ” đó lại “trống rỗng” đến độ

nước biển mênh mông cũng không thể đổ đầy. Nói thẳng ra thì theo vế 1 của câu đối “Tình Mẹ” chỉ là cái hố trống rỗng, không chứa đựng cái gì trong đó hết.

Tôi đây hấn ngược mắt hỏi tôi:

- “Ông thấy chưa?”
- “Thấy rồi”, tôi trả lời
- “Thấy cái gì?”
- “Thì thấy là ở vế 1 “Tình Mẹ” chỉ là con “số không” to tướng, trong khi ở vế 2 “Công Cha” vô cùng rộng lớn. Câu đối trở nên mất cân bằng, không chỉnh.
- Còn thấy gì nữa không?
- Câu đối này mấy tay còn mẹ như ông đọc thì chắc là “tức càn hông” chứ gì!
- Không tức mới là lạ! Nhưng trường hợp này có lẽ chẳng ai có ý chơi khăm ai đâu. Chắc là con cháu ông đồ nho nào đó kẹt tiền viết mấy câu đối để “kinh doanh” nhưng không lường hết được uy lực của chữ nghĩa. Mẹ kiếp! Làm mình tốn mấy Gallons (1) xăng.

Chú thích:

1/ Đơn vị đo dung tích tương đương với 3,7854 lít

5/ CHĂN TRÂU ĐỐT LỬA: BÀI THƠ CÓ Ý TÚ RẤT HAY

Chăn Trâu Đốt Lửa

Chăn trâu đốt lửa trên đồng
Rạ rom thì ít, gió đông thì nhiều
Mải mê đuổi một con diều
Củ khoai nướng để cả chiều thành tro.
(Đồng Đức Bốn)

Bài thơ ngắn nhưng tứ thơ rất hay: mê thả diều để củ khoai nướng, có thể là bữa ăn đạm bạc của trẻ chăn trâu, cháy thành tro. Khung cảnh rất thực, rất dân dã của bài thơ khiến tứ thơ dễ bắt, người đọc có thể hiểu ngay. Nhưng ngụ ý của tác giả thì hơi có vẻ mờ mờ ảo ảo, bèn bèn, lung linh sương khói đòi hỏi một trực giác nhạy bén, một khả năng liên tưởng mạnh mẽ và chính xác để cảm nhận. Sau đây xin trích dẫn liên tưởng của nhà bình thơ Đức Thọ:

“Trẻ chăn trâu mãi mê theo đuổi một con diều (cái đó là tất yếu sẽ diễn ra với trẻ chăn trâu). Nhưng trong cuộc sống ngày nay có biết bao nhiêu cá thể cũng mãi mê theo đuổi một “con diều”. Một con diều không hơn không kém và đúng nghĩa là một thú vui của trẻ chăn trâu, nhưng còn “con diều” của những cá thể chúng ta thì nó nhiều vô kể. Mãi mê vậy đề một củ khoai nướng đốt cả chiều thành tro thì quả là một kết cục rất thực đời. *Mãi mê nghe điện thoại khi đang điều khiển xe dẫn đến mất mạng sống. Mãi mê theo đuổi ánh kim của tiền bạc dẫn đến tan cửa nát nhà hoặc lâm vào trong vòng lao lý và mãi mê... v.v. và v.v....*” (5)

Đúng là bài thơ có ý tưởng rất tuyệt, tuyệt đến mức ông Đức Thọ đã đưa nó lên hàng “triết lý nhân sinh”. Tôi nể phục và đồng ý với việc nâng cấp ấy nhưng lại có ý kiến rất khác với ông về những thí dụ minh họa.

Cái chuyện “*Mãi mê nghe điện thoại khi đang điều khiển xe dẫn đến mất mạng sống.*” hoặc “*Mãi mê theo đuổi ánh kim của tiền bạc dẫn đến tan cửa nát nhà hoặc lâm vào trong vòng lao lý*” làm sao có thể cho là một “triết lý nhân sinh” được. Đó chỉ là một sự đại dốt và bướng bỉnh đến độ coi thường mạng sống hoặc tham lam đến độ mờ mắt, coi thường đạo lý và pháp luật, để rồi trong một phút bất cẩn gây tai

nạn, hoặc đổ bể sự việc – không những mất mạng mình mà còn mang khổ ải đến cho bao nhiêu người khác. Đó không phải “triết lý” mà là cái đại, cái tham làm hại cái thân. Nếu hiểu như ông Đức Thọ thì bài thơ Chấn Trâu Đốt Lửa đã đi vào quên lãng từ lâu rồi chứ đâu còn được lưu truyền đến ngày hôm nay để người này người kia tham gia lý sự.

Có một cách hiểu khác có vẻ có lý hơn là “Hãy sống thực tế, đừng mơ mộng viễn vông”. Miền bắc Việt Nam vào những năm ĐDB viết CTĐL là một vùng “người khôn của khó”, quần quật suốt ngày kiếm đủ cơm khoai dưa mắm cho gia đình đã là may mắn lắm rồi. Hơn nữa, trận đói năm Ất Dậu (1945) là một cơn ác mộng, một nỗi kinh hoàng lúc nào cũng ám ảnh tâm trí mỗi người. Năm gạo, củ khoai, con cá, lá rau là những món thiết thực, gần gũi với mọi gia đình. Những câu “Có thực mới vực được đạo” hay “Nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rong lại nhất nông nhì sĩ” đã là những câu nói cửa miệng nhắc nhở con cháu trong nhà – hãy bước đi bằng đôi chân chạm đất chứ đừng có bay lơ lửng trên không kéo lại “giật mình tỉnh dậy thấy mình đói meo”. Nhưng nếu hiểu theo cách này thì ý tưởng trong bài thơ của ĐDB có gì đặc biệt đâu, cũng chỉ lặp lại những điều mà người dân đồng bằng Bắc Bộ đã nhắc nhở nhau, dặn dò nhau đến nhàm đến chán.

Theo tôi, ngụ ý của Đồng Đức Bốn như sau:

Con người nhiều khi chạy theo những cái viển vông, cao tít trên trời mà quên đi những thứ thiết thực, gần bó với cuộc sống, ngay trên mặt đất. Nhưng cũng chẳng có gì nuối tiếc vì những thứ viển vông, cao tít đó chính là thức ăn cho tinh thần, cho phần hồn của con người; đó chính là niềm vui, hạnh phúc mà vật chất không thể tạo ra được.

Ở môi trường xã hội mà cái đói luôn là nỗi ám ảnh - dầm mưa dãi nắng từ sáng tinh mơ đến tối mịt mới có được 2 bữa ăn - con người lắm khi bị kéo xuống rất gần với con vật. Vâng ở cái môi trường đó mà dám “coi thường” củ khoai (mặc cho nó cháy thành tro) để đánh đổi lấy một niềm vui tinh thần, được cùng với con điều bay bổng trên bầu trời chiều thì theo tôi, đó là hành vi vô cùng dửng dưng. Ở đây cũng có một chút vô tâm, bất cần và sau đó là một chút tiếc rẻ khi bụng – vì thiếu củ khoai – đã bắt đầu cồn cào. Nhưng việc đổi củ khoai lấy những giây phút sáng khoái, hạnh phúc trên cánh đồng vẫn là một thương vụ có lời. Cậu bé trong thơ ĐDB tối hôm ấy có thể bị lên giường ngủ với cái bụng trống không nhưng chắc là miệng sẽ mỉm cười và có một giấc mơ thật đẹp. Cậu bé đã dám “quên” củ khoai, chấp nhận chịu đói để được hưởng những giây phút sáng khoái trong tâm hồn. ĐDB đã cho cậu bé chân trâu bước ra khỏi “cái trại mà ở đó con người gần ngang hàng với con vật”, lừa trâu về chuồng trên con đường làng mà lòng tràn ngập niềm vui và tự

hào vì thấy hồn mình đang bay lên một tầm cao mới, tầm cao của CON NGƯỜI được viết hoa thật đẹp. Ý tưởng của bài thơ tuyệt vời là ở chỗ ấy. Và triết lý nhân sinh cũng là ở chỗ ấy.

Rất tiếc ĐDB đã phạm một lỗi nặng trong kỹ thuật thơ ca là dung dưỡng một câu thơ nội gián. Câu “rạ rom thì ít gió đông thì nhiều” tuy không tệ hại, mâu thuẫn, câu sau chửi cha câu trước như bài thơ:

*“Trên đường có nhị chàng trai
Đầu râu tóc bạc cời hai ngựa hồng
Ngựa thì trắng toát như bông
Giữa đường cát trắng bụi hồng tung bay”*

nhưng đã làm mạch thơ, con thuyền tứ thơ - đang băng băng chảy thì bị một dòng đối lưu cản lại – tròng trành như muốn vỡ. Cuối cùng nhờ tài lèo lái của tài công, thuyền cũng trôi tới bờ, tới bến nhưng đã bị tổn thương nặng.

Có 2 cách phát biểu về bài thơ Chăn Trâu Đốt Lửa:

1/ Nếu không có phần ý và tứ tuyệt vời như thế thì với cái lỗi “dung dưỡng một câu thơ nội gián” trong bài thơ chỉ có 4 câu người đọc đã có thể gạt bài thơ qua một bên để đọc những bài thơ khác. Và bài thơ sẽ hoàn toàn đi vào quên lãng.

2/ Nếu ĐDB không phạm lỗi “dung dưỡng một câu thơ nội gián” thì với phần ý và tứ thơ tuyệt vời như thể Chấn Trâu Đốt Lửa chắc sẽ chiếm một vị trí trang trọng trong kho tàng thơ ca Việt Nam và theo tôi, còn cao hơn Sông Lấp của Tú Xương một bậc. Ngoài ra, qua CTĐL mối tương quan giữa tác giả, ý, tứ và độc giả cũng hiện ra rõ ràng:

Tác giả đã hoàn thành chức năng truyền thông của bài thơ, tạo được nhịp cầu để người đọc ai cũng có thể “bắt” được, đến được với tứ thơ, hiểu được nghĩa đen (trên văn bản) của bài thơ và hiểu giống nhau (không thể có chuyện người hiểu tứ thơ thế này, người hiểu tứ thơ thế khác). Dĩ nhiên có thể mỗi người mỗi ý khi nói đến cái hay (hoặc dở) của câu chữ, hình tượng, kỹ thuật thơ ... nhưng nội dung của bài thơ phải hiểu đúng như ngôn ngữ đã chuyên chở nó.

Riêng với ngụ ý của bài thơ thì tùy theo óc tưởng tượng, khả năng liên tưởng và trực giác thơ ca của mình, mỗi người đọc có thể sẽ cảm nhận khác nhau (có khi khác với tác giả). *Một trong những nhiệm vụ của người bình thơ là tìm ra, thuyết phục để người yêu thơ đến với, và chấp nhận cách hiểu vừa hợp lý vừa nâng giá trị của bài thơ lên cao nhất.*

6/ HAI PHONG CÁCH BÌNH THƠ

Phong Cách Nguyễn Khôi

Cách đây không lâu tôi tình cờ đọc được bài Kim Lũ Y – Thơ Xưa Mà Vẫn Mới của Nguyễn Khôi, trong đó ông phản bác cách nhìn nhận bài “thơ” Kim Lũ Y (Đỗ Thu Nương) của tôi. Tôi cho rằng Kim Lũ Y không phải là thơ vì chỉ là lời giáo huấn của bậc trưởng thượng đối với lớp hậu bối – không có cảm xúc. Cách nhìn nhận của Nguyễn Khôi hoàn toàn trái ngược: Kim Lũ Y là thơ, không những thế, Thơ Xưa Mà Vẫn Mới. Ông đã, không tương nhượng, phản bác cách nhìn nhận của tôi hoàn toàn. Nhưng ông có lối phản bác rất lịch sự. Ông cho rằng có hai cách nhìn nhận bài thơ và ông dùng lý luận của mình chứng minh cách nhìn nhận của ông là đúng.

Tôi không đồng ý, viết lại một bài khác (Kim Lũ Y Có Phải Là Thơ?) để làm rõ cách nhìn nhận của mình. Ông Nguyễn Khôi đọc được, gửi e-mail cho tôi đại ý: Với Kim Lũ Y, anh cảm nhận cách của anh, tôi cảm nhận cách của tôi; sự bảo sự phải, với

bảo vãi hay; hãy để công luận phán xét. Lời lẽ trong e-mail rất hòa nhã, biểu lộ cung cách của một bậc trưởng thượng. Tôi, để bảo vệ quan điểm của mình, e-mail trả lời.

Cuối cùng hai người vẫn còn nhìn ở hai hướng khác nhau nhưng trong tôi đã có một ấn tượng rất đẹp về người đã phản bác mình. Ông Nguyễn Khôi đã “thắng” tôi, không phải bằng kiến thức văn học, khả năng lý luận mà bằng phong cách lịch sự, hòa nhã trong đối thoại văn chương. Xin được bày tỏ lòng kính phục.

Phong Cách Đỗ Hoàng

Trên trang VanDanViet tình cờ đọc được bài “Dấu Chân Qua Trảng Cỏ” Của Thanh Thảo - Dở, Kém Toàn Diện của Đỗ Hoàng, tôi có một số nhận xét sau đây:

1/ Thái độ kiêu binh: Ngay những dòng đầu phía dưới bài thơ, Đỗ Hoàng viết:

Nhà thơ Thanh Thảo tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ với tư cách dân sự. Ông xếp sau Phạm Tiến Duật, Lê Anh Xuân, Nguyễn Khoa Điềm

Tại sao lại có thái độ kiêu binh, mỉa mai, miệt thị “tư cách dân sự” của tác giả như vậy? Tư cách lính hay dân sự có ăn nhập gì đến giá trị nghệ thuật của bài thơ? Một nhà thơ được xếp trước ai, sau ai là do thi tài chứ đâu phải do có mặc áo lính hay không.

2/ Đắm vào hạ bộ:

*Ông được cung nựng và lãng xê khá đều
đặn trên văn đàn chính thống.*

Nếu Đỗ Hoàng chứng minh được Dấu Chân Qua Trắng Cỏ là bài thơ dở thì không cần nói người đọc cũng sẽ suy ra đúng điều Đỗ Hoàng muốn nói. Đàng này bình thơ mà chưa đá động gì đến bài thơ đã bô lô bô loa nói xấu tác giả. Chắc Đỗ Hoàng muốn chứng minh gián tiếp: tác giả xấu thì bài thơ phải dở chẳng! Đây là lối bình thơ bá đạo, như võ sĩ quyền anh đắm vào hạ bộ của đối thủ.

3/ Chiếu bóng con đặng những gì

Mà đi cuối đất mà đi cùng trời

Chiếc bông đựng nhiều nhất chỉ bộ áo quần bà ba là cùng, hoặc nữa là hai bơ gạo (!)

Tại sao bình thơ mà lại đi bới móc chiếc bông của người ta? Con người dù thời nào cũng vậy, được đánh giá cao hay thấp là ở số lượng và phẩm chất của sản phẩm và dịch vụ họ đóng góp cho xã hội chứ không phải ở chiếc bông lớn hay nhỏ, ba lô nặng hay nhẹ.

4/ Lỗi vận:

Đọc kỹ, tôi thấy cả bài thơ không có chỗ nào lỗi vận. Có lẽ muốn giảm bớt vị ngọt quá đậm của thơ lục bát, tác giả, trong vài chỗ, đã dùng thông vận thay vì chính vận. Những đoạn Đỗ Hoàng trích dẫn để chê là lỗi vận như:

Những gì gọi lại chỉ là dấu chân

Vùi trong trắng cỏ thời gian

Vẫn âm thầm trải mướt tâm mắt ta

và:

Tiếng bày chim kết bồng thành mênh mang

Lối mòn như sợi chỉ giăng

Còn in đậm đặc vô vàn dấu chân

theo tôi, không sai, không lỗi, *chỉ không khéo* - điệp vận không cần thiết.

5/ *Nếu biết học tiền nhân một chút thì có thể viết khổ kết bài thơ trên có sức mạnh khái quát hơn, nâng tầm thơ lên hơn.*

Đồng ý chúng ta cũng cần “luận cổ suy kim”. Nhưng làm thơ mà không chịu học cái mới, cái lạ, không dám đứng trên đôi chân của mình, mà cứ ru rú theo bước tiền nhân thì có ngày bước xuống ... hố.

6/ Sửa chữa nâng cao

Bình thơ thì cứ phân tích rồi phán nó hay, hoặc dở; hay ở chỗ nào - chứng minh, dở chỗ nào - chứng minh. Ở đây Đỗ Hoàng chơi cái màn “sửa chữa nâng cao”, **viết lại cả bài thơ của tác giả**. Với tôi, đó là thái độ kiêu ngạo đến lỗ bịch.

Quốc có quốc pháp, gia có gia quy - ở đâu có lệ luật đó. Trên chiếu văn chương cũng có một số quy luật bất thành văn. Trong thơ, không gian đề tâm tình của thi sĩ chuyển động rộng rãi hơn, tự do hơn vì đó là thế giới riêng tư.

Trên trang thơ của mình

tôi chỉ trung thành

với nhịp đập

của chính trái tim tôi.

Khi bình thơ là đã bước vào một không gian khác. **Đó là không gian của cuộc đối thoại giữa người bình thơ và thi sĩ, có rất nhiều khán giả theo dõi.** Để giữ cho không khí của sân chơi vui vẻ, lành mạnh, một số lệ luật, cung cách ứng xử cần phải được tuân thủ; tuân thủ để tôn trọng thi sĩ, tôn trọng độc giả đang chú tâm theo dõi. Đối với cả hai ông Nguyễn Khôi và Đỗ Hoàng tôi đều không quen biết, nhưng qua phong cách bình thơ tôi đã thấy hai ông ngồi ở hai vị trí khác nhau trên chiếu văn chương. Chỗ ngồi ấy chính hai ông đã tự chọn bằng tài năng và cung cách ứng xử của mình.

7/ MỘT CÁCH DIỄN ĐẠT KHÁC VỀ TỨ THƠ

Tứ thơ là tâm tình của thi sĩ gửi đến người đọc ở dạng thông điệp mở (open message) - hiện hiện trên bề mặt chữ nghĩa.

Ý: là thông điệp được dấu kín trong tứ thơ (hidden message) bởi phép ẩn dụ toàn bài. Người đọc phải “bắt” được tứ, rồi từ tứ suy ra ý. Trường hợp không có phép ẩn dụ thì Tứ cũng là Ý; Tứ và Ý là một.

Ba Nhiệm Vụ Của Tứ Thơ

1/ Chứa thông điệp: tâm trạng, tâm tình của thi sĩ. Đối với văn xuôi thì thông điệp có thể là: tin tức, mệnh lệnh, tư tưởng, tình cảm ... nhưng với thơ thì phải là tình cảm hoặc ít nhiều phải dính líu tới tâm trạng, tình cảm.

2/ Thông điệp phải đồng thời là lời chỉ dẫn để người đọc lần theo đó, vừa đọc vừa đi đến hết bài thơ (đến

cuối đường) và phải “bắt” được thông điệp; đây là chức năng truyền thông của thơ.

3/ Chức năng thẩm mỹ: Con đường của tứ thơ được chia làm nhiều đoạn nhỏ, dài ngắn khác nhau. Tôi gọi mỗi đoạn nhỏ đó là một “đơn vị tạo khoái cảm”. Trong mỗi đơn vị đó, tác giả thể hiện chức năng thẩm mỹ của thơ bằng cách tổ chức trận địa chữ nghĩa để có thể trao tặng người đọc (và chính mình) cái cảm giác khoan khoái, sung sướng khi tiếp xúc với “cái đẹp” của các con chữ (làm thơ là nói để được cái thú nghe lời mình nói).

Như vậy, tứ thơ là bảng chỉ dẫn, là tấm bản đồ chỉ đường, là cái GPS từng bước đưa người đọc đến cánh cửa bước vào “trái tim”, bước vào ngôi nhà chứa tâm tình, cảm xúc của tác giả. Bởi thế, tứ thơ phải rõ ràng, mạch lạc; nếu không, người đọc sẽ bối rối, đi lạc đường.

Bài thơ dù có ngụ ý hay ẩn dụ sâu kín đến đâu chăng nữa tác giả cũng phải làm thế nào để người đọc có thể tìm đường đến nơi, bước vào ngôi nhà cảm xúc, thoải mái ngồi uống trà thưởng thức vẻ đẹp cũng như không khí ấm cúng của nó, và từ từ chiêm nghiệm, thẩm thấu cái nổi lòng sâu kín đó của mình.

Đừng bắt người đọc phải xoay ngang trở dọc tấm bản đồ, mò hôi nhế nhại, vừa căng óc suy nghĩ, vừa ghé chỗ này, chỗ kia hỏi đường mà cuối cùng cũng không tìm được địa chỉ cần đến.

8/ SO SÁNH CHẼN TRÂU ĐỐT LỬA VÀ SÔNG LẤP

Chẽn Trâu Đốt Lửa:

- Ý tưởng độc đáo, tuyệt vời, “sâu sắc một triết lý nhân sinh” (3)
- Hình ảnh đứa bé chẽn trâu, con diều, củ khoai rất gần gũi, dân dã nhưng lại rất hợp, rất ăn khớp với đề tài; có thể nói tứ thơ rất khéo, hay và dễ thương.
- Cái dở của CTĐL là có câu thơ nội gián, thể trộn chữ nghĩa xộc xệch.

Sông Lấp:

- Ý tưởng: nuối tiếc nền Nho học đang lụi tàn, cùng với một số bài thơ khác là chứng nhân của một giai đoạn lịch sử của dân tộc Việt Nam, không hay bằng CTĐL
- Tứ thơ hay hơn vì có 2 tầng ẩn dụ rất khéo.
- Chữ dùng rất đắt, thể trộn chặt chẽ.
- Bài thơ toàn bích, không một chút sơ hở.

Kết luận:

Theo nhận định chủ quan của người viết thì Sông Lấp hay hơn. Chăn Trâu Đốt Lửa cũng như cô gái đẹp nhưng bị khuyết tật. Dưới con mắt của các anh hùng hảo hán đi tìm người yêu vẻ đẹp của cô gái ấy đã giảm đi quá nửa. Cũng vậy, ý tứ có hay cách mấy mà kỹ thuật thơ kém, thể trận chữ nghĩa xộc xệch thì bài thơ sẽ bị coi là hỏng, hoặc ít ra, giá trị cũng bị giảm đi rất nhiều.

9/ SỰ CHỜ ĐỢI

Nó không hình không sắc

Tuyệt không có tiếng có lời

Nó không có gì. Chỉ là một sự chờ đợi lặng lẽ

Thế thôi.

Nó là sự chờ đợi từ vô thủy đến vô chung

Ai nấy lần lượt đến với nó, không ai gặp nó

Tất cả đều hướng về nó, như hướng về ý nghĩa cốt tuỷ của chính mình

Tất cả đi về hướng nó. Nó chờ.

Nó chờ một con kiến, nó chờ một con voi.

Nó chờ một hạt bụi, nó chờ một đoàn quân.

Trên dòng thời gian đang trôi, những kẻ xanh mặt bảo nhau: “Nó chờ.”

Những kẻ mặt xám như tro bảo nhau: “Nó chờ đấy.”

Những kẻ run rẩy, tắc cổ, nghẹn họng thì thảo: “Sắp rồi. Nó thôi.”

Trông cái nắng ngoài song cửa, tôi nghĩ: Nó đang chờ.

Nhìn chiếc răng em trắng muốt, tôi thầm nghĩ: Nó đang chờ.

Mắt nhìn con chữ đang thành hình trên giấy, tôi kêu thầm trong trí: Nó đang chờ.

Sự chờ đợi không lời mỗi lúc mỗi thiết tha

Và mỗi khăn trương.

12/1995

Võ Phiến

(tienve.org)

Lời Bình Ngắn

Nó ở đây là ai? Đối với con người và những vật hữu tình (cây cỏ ...) thì nó là cái chết. Đối với những vật vô tình thì nó là sự chuyển hóa từ trạng thái vật thể này sang trạng thái vật thể khác sau một chu kỳ thành trụ hoại diệt. Đây chính là lẽ vô thường của đạo Phật. Bài thơ không dùng vần mà tạo vị ngọt thơ ca bằng nhịp điệu và tình tiết hấp dẫn trong thủ pháp Show, Not Tell. Đây cũng là bài thơ có hình thức khác biệt hoàn toàn với thơ mới, tránh được hầu hết các khuyết điểm của thơ truyền thống và thơ mới. Tuy nhiên cảm xúc của tầng 3 (hồn thơ) hầu như không có. Chất trí tuệ nặng hơn chất tình.

10/ VỊ TRÍ CỦA THƠ ĐƯỜNG LUẬT

Đường luật thất ngôn bát cú là một thể thơ có nhiều luật lệ khắt khe; vắn đối niêm luật với những trói buộc của nó khiến thi sĩ luôn phải xoay ngang trở dọc đối phó nên ít có cơ hội chăm chút cho phần cảm xúc, hồn thơ. Dĩ nhiên, năm thì mười họa cũng có những bài thơ hay nhưng ngay cả những bài thơ hay đó cũng có vẻ khô cứng so với thơ đương đại.

Giờ đây Nàng Thơ đã có bộ mặt mới. Các thi sĩ đã cố công tìm tòi, thể nghiệm nhiều thể thơ “mới”, sao cho vừa giữ được vị ngọt của thơ ca, vừa cởi trói cho người làm thơ khỏi những luật lệ quá khắt khe, gò bó. Đây là thể thơ tối ưu của thi ca đương đại? Công cuộc chọn lựa, tranh cãi còn chưa ngã ngũ. Nhưng chắc chắn đã có rất nhiều thể thơ, ở mức độ

khác nhau, cho phép người làm thơ thời nay được thoải mái hơn, tự do hơn, thể hiện tứ thơ của mình, và nhờ đó, có thể dễ dàng đưa cảm xúc của mình, thả tâm hồn của mình vào thơ.

Thơ Đường luật bỗng trở thành cô gái lơ thì, thân hình khô cứng lại kênh kiệu, khó tính, bị những chàng trai trẻ ngoảnh mặt làm ngơ. Họ nhìn về hướng khác để tìm những cô gái đang xuân, vóc dáng, trang phục hợp thời hơn, hấp dẫn hơn, tính tình cởi mở hơn, gần gũi hơn với cái “gu” thẩm mỹ của thời đại mới.(3)

Tôi nhớ hồi còn ở trại tù A20 Xuân Phước, anh bạn thân của tôi, chiều đến, không biết bắt đầu được con nhái khá to - bằng 3 ngón tay xếp sát nhau. Sau đó, tôi lung sục hái được mấy cọng rau dền mọc hoang. Anh bạn tôi xé con nhái thành mấy mảnh, rửa sơ rồi cho cả rau và nhái vào lon ghi-gô, đổ đầy nước, len lén đem xuống nhà bếp nấu sôi, nêm tí muối, cho thêm vào nắm mì ăn liền. Hai đứa chia nhau xì-xụp húp. Thật tuyệt vời! Vị ngon ngọt của chén canh còn lưu lại trong ký ức tôi rất lâu. Năm ngoái, gặp lại anh bạn ở California, nhớ đến chén canh chiều hôm ấy và những năm tháng tù đầy, hai đứa ôm chầm lấy nhau, mừng mừng, tủi tủi.

Giờ đây, những ai đã từng trải qua năm tháng khổ cực, nghiệt ngã trong nhà tù cộng sản, gặp nhau hay nhắc đến những món ăn kiểu “mì nhái rau dền” như

những kỷ niệm khó quên. Nhưng nếu vì thế mà sau này trong mỗi tiệc tùng, họp mặt lại cứ tiếp tục “rau dền mì nhái” rồi xì xụp húp, khen ngon với nhau thì... chán lắm. Trong thời gian tù tội, hoàn cảnh thiếu thốn, đói khổ, chén canh đó rất quý, rất ngon. Chúng ta không phải loại “có lê quên lựu, có trắng quên đèn” nên sẽ không phụ rầy, sẽ không quên những “chén canh kỷ niệm” ấy. Nhưng thời thế đã khác, hoàn cảnh đã khác. Chung quanh còn có biết bao nhiêu món ngon, vật lạ trong tầm tay để chúng ta chọn lựa.

Một người bạn thích thơ truyền thống các có hỏi tôi: “Nếu ở thời điểm này (2013) mà vẫn cứ thích làm thơ Đường luật thì có sao không?” Câu trả lời là: “Chẳng sao cả. Quả địa cầu sẽ chẳng vì thế mà nổ tung. Dĩ nhiên, làng thơ vẫn dang rộng vòng tay đón chào. Trên trang thơ của mình, trong cõi thơ của mình, thi sĩ là Hoàng Đế, có toàn quyền chọn lựa, quyết định. Từ tứ thơ, thể thơ, cách gieo vần, câu dài, câu ngắn, bài thơ dài hay ngắn, sử dụng các biện pháp tu từ...tuốt tuột. Không ai có thể chõ miêng vào bắt anh (chị) phải làm thơ kiểu này, kiểu nọ.”

Có một nhà thơ đã nói:

“Làm thơ tự do giống như đánh tennis mà không có lưới.”

Lời phát biểu ấy đúng hay sai đến mức độ nào, xin để những người làm thơ tự do lên tiếng. Riêng tôi,

nhân có hình ảnh của môn thể thao tennis, nghĩ đến thơ Đường luật, xin đưa ra một so sánh khác:

“Làm thơ Đường luật ở thời đại này giống như đánh tennis với đối thủ (là những nhà thơ khác) mà khi banh về đến phần sân của mình thì lưới đột nhiên được nâng cao hơn, đường biên sân phía bên sân đối thủ ngắn và hẹp hơn, mình chỉ được di chuyển không quá 2 bước, lần trước đánh banh bằng tay phải thì lần sau phải đánh banh bằng tay trái...” nghĩa là bị gò bó đủ mọi bề; đánh banh hợp lệ vào đúng phần sân phía bên kia đã là khó chứ đừng nói chi đến thể hiện sự nhanh nhẹn, nhạy bén nghệ thuật. Tranh tài kiểu này thi sĩ làm thơ Đường luật sẽ ở vào thế hạ phong, phần thua nhiều hơn phần thắng. Tạo được bài thơ nên vóc, nên hình đã mệt đứt hơi rồi, còn hơi, còn sức đâu mà để ý đến hồn thơ hay cảm xúc.

Làm thơ, thưởng thức thơ, nói chung, là một thú vui tao nhã. Làm thơ Đường luật, xướng họa thơ Đường luật, đọc và thưởng thức thơ Đường luật nói riêng, là phương cách giải trí của các tao nhân, mặc khách. Ngoài nhu cầu đối âm, người làm thơ Đường luật phải biết cả đối ý (trong 2 câu thực và 2 câu luận). Do đó việc sử dụng ngôn ngữ trong thơ Đường luật, theo tôi, được đề ý kỹ hơn (đôi khi phải “chẻ sợi tóc làm tư”). Kết quả là người làm thơ Đường luật thường có khả năng dùng chữ chính xác hơn, đặt

hơn, tinh tế hơn những người chuộng các thể thơ khác.

Đối với những vị chuộng thơ Đường luật, đã “quen” với thơ Đường luật, thích thù tạc xướng họa thơ Đường luật, thì chẳng việc gì mà phải từ bỏ cái thú vui tao nhã ấy. Xin cứ tiếp tục làm thơ để góp cho đời những bông hoa tươi đẹp. Xin cứ tiếp tục đọc thơ Đường luật để thưởng thức những cảm nghĩ, những rung động nhẹ nhàng, thanh thoát của người xưa.

Những quý vị làm thơ Đường luật, theo tôi, như võ sĩ lên võ đài, rất ương ngạnh và oai hùng, chấp nhận chịu trời cả 2 tay, 2 chân để đấu với đối thủ. Khi bị brou đầu sút trán, hoặc nằm thẳng cẳng đo ván thì (dù không nói ra) thường cho là tại bị gò bó, trời buộc. Những quý vị đó quên rằng chính họ đã tình nguyện lên võ đài với tư thế ấy.

LỜI BÌNH NGẮN (TẬP 3)

- 1/ Hồn Thơ Và Cảm Xúc
- 2/ Bài Thơ Tuyên Ngôn Độc Lập
- 3/ Câu Chuyện Thương Thức Thơ Của Bác Nguyễn Bàng
- 4/ Chọn Thể Thơ
- 5/ Về Cái Tựa Niềm Tin
- 6/ Tiến Trình Nâng Cấp Trình Độ Thương Thức Thơ
- 7/ Và Bởi Vì Âm Hộ Nàng Trong Suốt
- 8/ Đoạn Kết Bài Thơ Niềm Tin
- 9/ Về Cái Tựa Bài Học Đầu Cho Con
- 10/ Chân Thật Trong Thơ

1/ HÒN THƠ VÀ CẢM XÚC

Một Chút Ví Von Cho Dễ Hiểu

Thể thơ: Con mương (kênh, dòng sông).

Ngôn ngữ thơ (chữ, câu) + kỹ thuật thơ ca: Dòng nước chảy trong mương.

Tứ thơ: Con thuyền được dòng nước đưa đi.

Hồn thơ: Gió (xuôi), đẩy con thuyền tứ thơ đi nhanh hơn. Gió không được “sinh ra” từ dòng nước mà đến từ bên trên, bên ngoài dòng nước. Gió càng mạnh bài thơ càng có hồn.

Bài Thơ Không Hồn Có Cảm Xúc Hay Không?

Dù không có gió con thuyền tứ thơ vẫn trôi, và có thể cũng trôi tới bến. Nhưng người đọc sành điệu sẽ chê bài thơ không có hồn. Xin quý vị đừng hiểu lầm bài thơ không hồn là không có cảm xúc. Dù không hồn nhưng đã gọi là thơ thì ít nhiều cũng có cảm xúc. Gặp trường hợp này, nếu tác giả yếu tay nghề, bài thơ sẽ khô khốc, đọc chán phèo. Nhưng nếu thi sĩ khéo tay, nhuần nhuyễn kỹ thuật thơ ca thì bài thơ cũng có chữ “đắt”, câu hay, hình ảnh đẹp và cũng có thể khơi dậy một lượng cảm xúc đáng kể trong lòng người đọc. Tuy nhiên, đó chỉ là cảm xúc từ ngôn ngữ thơ, từ kỹ thuật thơ mà tôi gọi là **cảm xúc nội tại của bài thơ**. Nó khác xa với thứ cảm xúc có được từ hồn thơ. Hồn thơ tươi mát hơn, đậm thấm hơn, gây cảm giác sáng khoái hơn.

Hồn Thơ

Tôi đã xem những trận túc cầu mà tài nghệ của hai đội quá chênh lệch. Thật tẻ nhạt. Đội mạnh vòn đội yếu như mèo vòn chuột. Họ ghi một vài bàn thắng rồi vòn bóng giữa sân để dưỡng sức cho những trận sau. Những trận đá giao hữu cũng thế. HLV đưa ra đội hình chỉ để thử nghiệm độ ăn ý, chỗ yếu, chỗ

mạnh của đội mình. Thắng cũng tốt mà thua cũng không sao. Xem những trận như vậy chỉ phí thời gian và phí tiền mua vé.

Chỉ có những trận được ăn cả, ngã về không, thắng đi tiếp, bại “go home” là hấp dẫn. Lúc ấy cả 2 đội sẽ dồn hết thể lực, kỹ thuật và tinh thần vào trận đấu. Nếu đó lại là những trận bán kết, chung kết của những giải lớn quốc tế, khán giả cổ vũ cuồng nhiệt thì mọi người sẽ được thưởng thức một bữa “tiệc túc cầu” vô cùng ngoạn mục. Vâng, đúng vậy! Khi các cầu thủ đồng loạt bùng lên, quên mình, chơi xuất thần, hoàn toàn ngẫu hứng cái đẹp của túc cầu mới được đưa lên hàng nghệ thuật. Cái “chất nghệ thuật” đó không phát xuất từ kỹ thuật cá nhân, từ đấu pháp toàn đội mà từ cảm hứng trong tâm hồn của mỗi cầu thủ. “Đội của bạn hôm nay đá hay quá” chỉ là một lời khen bình thường; “Đội của bạn hôm nay đá xuất thần, có hồn quá” mới làm huấn luyện viên, cầu thủ mát lòng, hả dạ.

Gió không đến từ dòng nước chảy trong mương; “chất nghệ thuật” trong túc cầu, không đến từ kỹ thuật cá nhân của cầu thủ hoặc đấu pháp, chiến thuật toàn đội. Hồn thơ cũng không đến từ câu chữ và kỹ thuật thơ ca trong bài thơ mà đến từ trạng thái rung

động mãnh liệt của thi sĩ khiến chàng (nàng) như cuồng, như điên; cuồng điên vì quá vui, giận, yêu, ghét, đau thương, sung sướng, sợ hãi, cuồng điên vì tham ái trong lòng: tham đẹp, tham ngon, tham dâm ... đã dâng cao đến đỉnh điểm.

Trong trạng thái phấn khích, cuồng nhiệt, hứng khởi đó, tác giả đưa vào, thổi vào bài thơ một luồng hơi nóng bỏng, một luồng cảm xúc đặc biệt, khác hẳn với thứ cảm xúc nội tại đến từ câu chữ và kỹ thuật thơ ca. Vâng, **luồng hơi nóng bỏng ấy chính là hồn thơ**. Người đọc không thể nắm bắt, nhận biết nó bằng lý trí mà *chỉ có thể cảm nhận bằng tâm hồn*.

2/ BÀI THƠ TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

NAM QUỐC SƠN HÀ

Nam quốc sơn hà Nam đế cư,

Tiết nhiên phân định tại Thiên thư.

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

SÔNG NÚI NƯỚC NAM

Sông núi nước Nam, vua Nam ở

Rành rành phân định tại sách trời

Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm

Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời

(Trần Trọng Kim dịch)

Năm 1076, hơn 30 vạn quân nhà Tống (Trung Quốc) do Quách Quỳ chỉ huy xâm lược Đại Việt (tên nước Việt Nam thời đó). Lý Thường Kiệt lập phòng tuyến tại sông Như Nguyệt (sông Cầu) để chặn địch. Quân của Quách Quỳ đánh đến sông Như Nguyệt thì bị chặn. Nhiều trận quyết chiến ác liệt đã xảy ra tại đây nhưng quân Tống không sao vượt được phòng tuyến Như Nguyệt, đành đóng trại chờ viện binh. Đang đêm, Lý Thường Kiệt cho người vào đền thờ Trương Hồng, Trương Hát ở phía nam bờ sông Như Nguyệt, giả làm thần đọc vang bài thơ trên. Nhờ thể tinh thần binh sĩ lên rất cao. Lý Thường Kiệt liền cho quân vượt sông, tổ chức một trận quyết chiến, đánh thẳng vào trại giặc. Phần vì bất ngờ, phần vì sĩ

khí quân Đại Việt đang lên, quân Tống chống đỡ yếu ớt, số bị chết, bị thương đã hơn quá nửa. Lý

Thường Kiệt liền cho người sang nghị hòa, mở đường cho quân Tống rút quân về nước, giữ vững bờ cõi nước Đại Việt. (1)

Ý và tứ của bài thơ giống nhau và rất rõ ràng, một người dân bình thường cũng có thể hiểu được, không cần giải thích. Lúc ấy ý niệm về Luật Quốc Tế (International Law) còn rất xa lạ. Tác giả đã khéo léo lồng ý tứ bài thơ – quan niệm về chủ quyền quốc gia - vào thuyết thiên mệnh, một học thuyết gần gũi với suy nghĩ của người dân. Ý thơ hay và đầy sức thuyết phục nên binh sĩ đã hết lòng chiến đấu và đã đánh thắng quân Tống, giữ vững cõi bờ Đại Việt. Nhờ ý tứ mới lạ và độc đáo đó bài thơ đã được xem là tuyên ngôn độc lập đầu tiên của đất nước. Hơn một ngàn năm trôi qua nó được tôn xưng là bài thơ có ý tưởng hay nhất của văn học Việt Nam và tôi tin rằng ngày nào nước Việt còn tồn tại bài thơ Nam Quốc Sơn Hà sẽ không bao giờ đi vào quên lãng.

3/ CÂU CHUYỆN THƯỜNG THỨC THƠ CỦA BÁC NGUYỄN BÀNG

Bác Bàng kể rằng:

Sang nhà ông bạn già hàng xóm chơi, thấy cô giúp việc vừa lau nhà vừa khe khẽ hát:

*Hoa chanh nở giữa vườn chanh.
Thầy u mình với chúng mình chân quê*

Được biết cô giúp việc này người dưới quê Nam Định nhưng nom không thấy một dấu vết chân quê nào còn đọng lại ở người đàn bà đã ngoài 50 tuổi.

Khi đã được ông bạn mời vào nhà lại thấy cô giúp việc đem phích nước sôi từ nhà bếp lên để chủ nhân pha trà mời khách, bèn hỏi cô:

- Ban nãy nghe cô hát rất hay. Cô có biết bài hát đó của ai làm ra không?

- Dạ thưa, không ạ! Mà thưa với hai ông, biết ai làm ra bài hát này cũng chẳng để làm gì. Khi rồi việc cháu hay nghe đĩa nhạc ở phòng riêng, thấy bài nào hay hay thì cháu bắt chước hát theo, lâu dần thì thuộc ít nhiều thôi ạ!

- Thế cô có thích nghe ngâm thơ không?

- Dạ có! Hồi còn ở quê, bố cháu hay nghe đài về đêm, mỗi khi thấy các cô trên đài ngâm thơ cháu rất thích và cũng học lỏm được ít câu.

- Cô đã bao giờ làm thơ chưa?

- Dạ, ông cứ đùa cháu. Cháu sao mà làm thơ được. Phải là những thần đồng như Trần Đăng Khoa hay những người tài giỏi như Hồ Chủ tịch, như ông Tố Hữu thì mới làm thơ được chứ ạ. Cháu chỉ thích thơ thôi. Hồi học cấp 1 cấp 2, các thầy cô dạy nhiều thơ của ông Tố Hữu lắm, dạy xong bài nào bắt chúng cháu phải học thuộc lòng bài đó. Cháu sợ bị kiểm tra, học như chó gặm xương mãi mới thuộc nhưng ít lâu sau thì quên bống luôn. Nghe thơ trên đài thích hơn vì mình không phải đọc mà giọng ngâm lại hay, thêm nữa chẳng lo phải học thuộc lòng, thấy bài nào hay hay thì cố học cho nhớ được vài câu để khi thấy hợp lòng mình thì ngâm ngợi lại cho thích.

- Những bài thơ hay hay mà cô thích là thế nào?

- Dạ, theo cháu thì đó là những bài ngắn gọn, có vần có điệu, nghe êm tai, dễ nhớ dễ thuộc và cháu cảm thấy với mình nó là rất hay, thích lắm!

Và bác Nguyễn Bàng hiên ngang kết luận:

Đọc thơ như công chúng, nghe thơ như công chúng thì có cần gì phải học ngữ pháp, không cần phải biết Thi pháp là cái quái gì, cũng không cần biết Tu từ học với những ẩn dụ, những động từ này nọ để có hiểu cho bằng được bài thơ như các nhà bình tán. Cũng chẳng cần biết thủ pháp mô tả rằng rứa gì. Nhà thơ cũng vậy, làm ra thơ để ai thích thì đọc chứ không phải để cho các nhà này nọ mang cách nhìn của mình ra để làm con dao cùn mổ xẻ những con chữ rất đời thường kia.

Sau đây là ý kiến của tôi về câu chuyện trên:

Một bài thơ có 3 chức năng như sau:

1/ Chức năng truyền thông: chuyển tải thông điệp (tứ thơ) đến người đọc.

2/ Chức năng thẩm mỹ: truyền đến người đọc cái đẹp của văn chương gồm câu chữ, hình ảnh, thể trận chữ nghĩa, các biện pháp tu từ. Cái đẹp ở đây do

kiến thức, kỹ thuật, nói chung là “tay nghề” của tác giả trong “chế tạo thơ ca” mà có.

3/ Chức năng nghệ thuật: hồn thơ. Thi hứng càng cao, càng dạt dào thì hồn thơ càng lai láng. Nhiệm vụ lớn nhất, cao cả nhất của bài thơ là truyền được cái cảm xúc dạt dào trong lòng tác giả đến người đọc, để mong có được sự đồng cảm với người đọc.

Bởi thế nếu không “bắt” được tứ thơ, không hiểu được nét đẹp của văn chương chữ nghĩa mà chỉ “mang máng” rồi “nghe hơi bắc nồi chõ” thì làm sao cảm được hồn thơ. Còn nói như chị giúp việc:

“Dạ, theo cháu thì đó là những bài ngắn gọn, có vần có điệu, nghe êm tai, dễ nhớ dễ thuộc và cháu cảm thấy với mình nó là rất hay, thích lắm!”

thì cái thích ấy, cái sướng ấy chỉ là “cái tự sướng” của những kẻ “ngu si hưởng thái bình”. Chúng ta không trách gì chị giúp việc ấy và hàng vô số những người thưởng thức thơ như chị. Trong thế giới thi ca họ là những kẻ tội nghiệp, đáng thương. Chúng ta thương họ vì do hoàn cảnh, tầm hiểu biết của họ chỉ có thế. Nhưng còn biết bao người yêu thơ khác, bước vào vườn thơ với tư thế khác, đẳng cấp khác, hàng triệu học sinh bước vào giờ Việt Văn để tìm học nét đẹp của văn chương thi phú với đủ loại trình độ khác nhau. Họ không bằng lòng với trình độ

thường thức đang có mà muốn học hỏi để vươn lên. Mà vườn thơ thì mênh mông. Muốn viết một câu thơ, một lời bình lắm khi phải tra cứu mỗi tay, mỗi mắt, phải dựa vào những nhà phê bình tiếng tăm, uy tín. Bác Nguyễn Bàng viết *“Đọc thơ như công chúng, nghe thơ như công chúng thì có cần gì phải học ngữ pháp, không cần phải biết thi pháp là cái quái gì, cũng không cần biết tu từ học với những ẩn dụ, những động từ này nọ để cố hiểu cho bằng được bài thơ như các nhà bình tán. Cũng chẳng cần biết thủ pháp mô tê rằng rứa gì. Nhà thơ cũng vậy, làm ra thơ để ai thích thì đọc chứ không phải để cho các nhà này nọ mang cách nhìn của mình ra để làm con dao cùn mổ xẻ những con chữ rất đời thường kia.”* nghĩa là bác **không cần phân tích xem cách nhìn của người này, người nọ đúng sai thế nào mà lại dè bủ, chê trách chính công việc phê bình**. Theo tôi, câu cuối phải viết: *“Nhà thơ, làm ra thơ để ai thích đọc thì đọc và ai thích phê bình thì cứ việc phê bình”* mới hợp lý lẽ và thực tế. Như vậy, đoạn văn trên của bác Bàng hơi bị sai. Không! Phải nói là sai hơi bị nhiều mới đúng. Mà lại là cái sai lớn, cái sai căn bản trong việc đối thoại văn chương mới đáng tiếc.

4/ CHỌN THỂ THƠ

Làm thơ, có người chuyên về một thể loại; thí dụ: lục bát. Có người thể thơ nào cũng “thử” một đôi bài nhưng khi cao hứng gặp được tứ thơ hay thì sẽ chọn thể thơ mình thích nhất. Đọc thơ, tôi thường nghe những câu đại loại như “Tặng tôi không hợp với thơ ‘ông này’ mà gần với thơ ‘bà kia’ hơn.”

Khi mới tập làm thơ thầy giáo dạy Việt Văn, khi được hỏi ý kiến nên chọn thể thơ nào, đã cho tôi lời khuyên: “Thấy thích, hợp thể thơ nào thì cứ chọn thể thơ đó; có thích, có tự tin thì làm thơ mới hay. Hơn nữa, đó là quyền tự do của thi sĩ”. Sau này góp nhặt thông tin từ các bài bình thơ, các cuộc tranh luận về thơ, cộng với kinh nghiệm làm thơ của chính mình tôi đi đến kết luận:

Trên trang thơ của mình, đồng ý, thi sĩ là vua, có toàn quyền quyết định mọi thứ, nhưng đối với thể thơ, nếu cứ lèo đèo ở phía sau, không vươn lên cùng thời đại thì chính thi sĩ sẽ không được hưởng cái thoải mái tự do khi phóng bút mà bài thơ khi xuất

xưởng sẽ bị giới thưởng ngoạn nhìn với đôi mắt thiếu thiện cảm.

Chọn thể thơ nên lưu ý một số điểm sau:

1/ Số chữ trong câu có thể tùy tiện, thoải mái, không bị luật lệ bó buộc.

2/ Không bị hội chứng nhàm chán vần nhưng cũng nên có vần thoang thoảng, tạo vị ngọt thơ ca vừa phải.

3/ Nếu bài thơ hơi dài, tránh thể thơ trường thiên vì tứ thơ sẽ bị phân mảnh, đứt đoạn, chọn cách gieo vần để bài thơ nhất khí, liền mạch.

4/ **Đường Luật** rất gò bó; **song thất lục bát** sẽ “giúp” bài thơ chết sớm; **lục bát** là con dao hai lưỡi: coi chừng thành vè hoặc “ầu ơ”; **thơ mới vần liên tiếp** dễ “ầu ơ”; **thơ mới trường thiên**: tứ thơ phân mảnh, đứt đoạn, nếu trên 4 đoạn cũng dễ “ầu ơ”; **thơ kiểu văn xuôi không vần**: trúc trắc, khó đọc, tứ thơ gập ghềnh, khi đọc lý trí phải làm việc cật lực, mất cơ hội để tâm hồn giao cảm.

5/ VỀ CÁI TỰA NIỀM TIN

NIỀM TIN

Lại một NOEL nữa
Mấy mùa Giáng Sinh rồi
Anh ở đồn biên giới
Thương về một khung trời

Chắc Đà Lạt vui lắm
Mimosa nở vàng
Anh đào khoe sắc thắm
Hương ngào ngạt không gian

Mấy mùa Giáng Sinh trước
Chỗ hẹn anh chờ hoài
Lần này không về được
Hội hộp đợi tin ai

Em biết chẳng đời lính
Nắng sớm với sương chiều
Gió rừng rồi mưa núi
Đã làm anh vui nhiều

*Radio mở sẵn
Đón thanh lễ truyền thanh
Xin CHÚA ban ơn xuống
Cho em và cho anh*

*Cùng cầu cho thế giới
Cho nhân loại hoà bình
Cho đôi ta gặp lại
Trong một mùa Giáng Sinh*

(nhất tuần (1960) Anh Linh phổ nhạc)

Dựa vào nỗi niềm thương nhớ sâu đậm của tác giả - một người lính xa nhà - đối với người yêu ở hậu phương Đà Lạt, có thể nói Niềm Tin là một bài thơ, một bản nhạc **tình**. Tuy đoạn cuối có nhắc đến việc cầu nguyện:

Cùng cầu cho thế giới

Cho nhân loại hòa bình

nhưng mục đích chính vẫn là:

Cho đôi ta gặp lại

Trong một mùa Giáng Sinh.

Tạm giả từ giai điệu êm đềm, dễ thương của Anh Linh để trở về nguyên bản bài thơ của Nhất Tuấn tôi thấy khi phổ nhạc Anh Linh đã bỏ đi một đoạn:

Radio (Ra đi ô) mở sẵn

Đón Thánh Lễ truyền thanh

Xin Chúa ban ơn xuống

Cho em và cho anh

Việc bỏ đi đoạn thơ ấy làm bản nhạc hay hơn hoặc dở đi tôi sẽ bàn ở phần sau. Nhưng dù trở lại bài thơ nguyên gốc – có cả 2 đoạn cầu nguyện - Niềm Tin vẫn là bài thơ tình, nặng về nỗi nhớ thương của người lính với người yêu. **Lời cầu nguyện không nhằm mục đích nhấn mạnh vào niềm tin tôn giáo mà chỉ tô đậm thêm cho chữ Tình của con người.** Một nhà thơ đã viết, đại ý: **tựa đề** là một chữ hay một nhóm chữ “chỉ ra cái cốt tủy của toàn bài”. Vì thế theo tôi, cái tựa Niềm Tin của bài thơ có vẻ hơi xa cách, hơi lạc với nội dung của tứ thơ.

6/ TIẾN TRÌNH NÂNG CẤP TRÌNH ĐỘ THƯỜNG THỨC THƠ

Tùy trình độ kiến thức và độ nhạy bén trong cảm nhận thơ tiến trình nâng cấp có thể mỗi người mỗi khác. Theo kinh nghiệm cá nhân, tôi thấy sự nâng cấp tiến triển theo trình tự như sau:

1/ Tiếp xúc với đám đông mới, tiếp cận thơ ở “đẳng cấp” mới

Nghe nhiều người nói nó hay, đọc những bài bình khen nó thấy cũng có lý nhưng lòng vẫn nửa tin, nửa ngờ.

2/ Vẫn khoái thơ ở “đẳng cấp” cũ, gắng đọc nhưng chưa thích thơ ở “đẳng cấp” mới

3/ Vẫn còn “lưu luyến” thơ ở “đẳng cấp” cũ; bắt đầu thích thơ ở “đẳng cấp” mới

Những lời đồn, những lời khen, những bài bình đã bắt đầu thấm; đọc thơ đẳng cấp mới với sự chú tâm nhiều hơn.

4/ Thích thơ ở “đẳng cấp” mới; chán thơ ở “đẳng cấp” cũ.

Khi cái mớ lý thuyết về thơ chất chứa trong người lâu ngày chầy tháng đã trở thành “nội công thâm hậu” của chính mình, để rồi một ngày nào đó đọc một bài thơ “cao cấp” mình bỗng nhiên “ngộ” ra cái hay của nó. Như thế là đã đến chỗ “lý sự dung thông”; ta đã ung dung an vị ở đẳng cấp mới.

7/ VÀ BỞI VÌ ÂM HỘ NÀNG TRONG SUỐT

*(Sau khi đọc “Bài ai điều cho những âm hộ thời
mạt thế” của Lynh Bacardi)*

Trên sông Tiền Đường bình lặng, Thúy Kiều ngồi ở đầu thuyền gởi khúc hồng nhan bạc mệnh vào thiên cổ. Nàng đã vớt vào sọt rác những con cu thối và trở về. Trong ánh sáng khai nguyên của các thần linh, âm hộ nàng trong suốt. Và reo vui. Không phải vì trái tim nàng đã được lau chùi bằng nước mắt và tóc. Không phải vì sự đền đáp của hư vô. Nàng vui vì non tơ xanh rợn chân trời (của lông). Không có máu. Không có nước nhờn và trứng. Không có bất cứ điều gì. Nhưng bởi vì âm hộ nàng trong suốt, nó phản chiếu bầu trời rắng đỏ, những đám mây hình thù cổ quái và một ngọn gió vừa lướt qua mang theo hơi thở của muôn vạn sinh linh. Tôm lợm. Và bởi vì âm hộ nàng trong suốt, tất cả thế giới được nhìn thấy. Những người đàn ông đi lộn ngược. Và bóng họ khuất sau một khe nước. Thúy Kiều nói: “Con người đang say ngủ”. Không một ai nghe tiếng nàng. Chỉ có âm hộ nàng rung động. Nước sông Tiền Đường mênh mang và thấu hiểu nhưng nước sông Tiền Đường không để rửa lành những vết thương. Hai bàn chân nàng lạnh. Âm hộ nàng cũng đã ở trong

nước và dường như tan biến. Nàng tự hỏi: “Phải chăng đây là cuộc hạnh ngộ cuối cùng?” Không, âm hộ nàng vẫn trong suốt và nó chứa một dòng sông đầy. Nàng thích thú với những con cá bơi ra - vào. Nàng bảo: “Thật là vô tội”. Khi những con cá cũng trở nên trong suốt như âm hộ nàng, chúng sinh sôi nảy nở nhanh chóng và bơi lội tung tăng cả trên bầu trời ráng đỏ. Bơi vào trong những đám mây cổ quái và tạo ra sấm chớp. Chúa lòng lạnh vô cùng, người bảo: “Hãy trở về”. Nhưng sãi Giác Duyên thì hoang mang. Bà ôm lấy Thúy Kiều và đem lên bờ. Âm hộ nàng đen trở lại. Lóng lánh như kim cương.

Chung quanh sắc mùi con cu thôi.

25.2.2013

Nguyễn Viện

(tienve.org)

Lời Bình:

Cũng như bài Sự Chờ Đợi của Võ Phiến, bài này tôi cũng lấy từ tienve.org, một trang văn học đứng đắn được tạo ra để “*mọi người có thể gặp gỡ nhau trong nỗ lực tìm tòi và thử nghiệm để trả công việc sáng tác trở về đúng nguyên nghĩa của nó: làm ra cái mới.*”(1) Nguyễn Viện là một nhà thơ đã có rất nhiều

bài đăng trên Tiền Vệ nghĩa là thơ của ông đã đi đúng hướng, đã vươn tới một trình độ nghệ thuật nào đó và đã được trang web chấp nhận. Tôi rất cảm kích nghĩa cử của những người như ông Nguyễn Viện, dấn thân vào cuộc thử nghiệm đầy khó khăn, gian khổ để tạo ra những vần thơ mới.

Nhưng những vần thơ mới ấy đối với tôi còn ở một khoảng cách quá xa. Đọc bài thơ VBVAHNTS tôi thật không hiểu ông muốn nói gì và không cảm được cái hay của nó. Theo cách nhìn của tôi thì chức năng truyền thông của bài thơ thất bại. Hơn nữa, hình thức thơ của ông không vần và cũng không nhịp điệu nên thiếu cái cái vị ngọt, cái “thuốc dẫn” để đưa đưa độc giả đi theo dòng chảy của thơ. Kết quả là lý trí phải “bao” hết mọi việc và không có chỗ để “hồn ta gặp hồn người”. Nhưng tôi biết chắc rằng nếu ông, hoặc những người cùng đẳng cấp (level) với ông, tình cờ đọc những dòng chữ này sẽ cười khẩy và nghĩ thầm “Chú mày cứ luyện nội công đi, khi nào đủ sức bay qua dòng sông nghệ thuật thì lúc ấy may ra mới hiểu thơ của (chúng) ta.”

Dù sao đối với những bài thơ mới như VBVAHNTS tôi vẫn một lòng kính trọng. Nhưng kính nhi viễn chi. Chỉ hy vọng một ngày nào đó sẽ có cây cầu đủ dài để người thơ trong quá khứ và hiện tại có thể gặp gỡ và thông cảm với người thơ đang hướng đến tương lai.

8/ ĐOẠN KẾT CỦA BÀI THƠ NIỀM TIN

Đoạn kết cũng là một tiêu chí để thẩm định giá trị một bài thơ.

Có những đội bóng, từ khi phát bóng cho đến lúc qua phần đất đối phương ở khoảng giữa sân cầu thủ chơi rất hay. Nhưng hễ tiến vào khu vực 16 mét 50 thì cầu thủ lạng quạng, hoặc để mất bóng, hoặc đá ra ngoài, hoặc đá vào cầu môn nhưng quá nhẹ, thủ môn bắt được một cách dễ dàng. Nói tóm lại, không có khả năng phối hợp để cuối cùng sút dứt điểm tung lưới đối phương, ghi bàn thắng. Với thơ cũng vậy. Có những bài thơ có đoạn kết hay, vừa xác

nhận thông điệp của tác giả một cách trang trọng, khéo léo vừa tạo ấn tượng sâu sắc cho người đọc. Nhưng cũng có những bài thơ có đoạn kết nhạt nhẽo, bình thường, đôi khi còn “xa lạ” hoặc “ngược dòng” với tứ thơ. Cho nên làm thơ, phải chú ý đến đoạn kết. Nếu không, sẽ bị nhà phê bình văn học Nguyễn Hưng Quốc chê là “Đánh cờ mà không biết chiếu tướng”.

NIỀM TIN

Lại một NOEL nữa
 Mấy mùa Giáng Sinh rồi
 Anh ở đồn biên giới
 Thương về một khung trời

Chắc Đà Lạt vui lắm
 Mimosa nở vàng
 Anh đào khoe sắc thắm
 Hương ngào ngạt không gian

Mấy mùa Giáng Sinh trước
 Chỗ hẹn anh chờ hoài
 Lần này không về được
 Hồi hộp đợi tin ai

Em biết chẳng đời lính
 Nắng sớm với sương chiều

Gió rừng rồi mưa núi
Đã làm anh vui nhiều

*Radio mở sẵn
Đón thanh lễ truyền thanh
Xin CHÚA ban ơn xuống
Cho em và cho anh*

Cùng cầu cho thế giới
Cho nhân loại hoà bình
Cho đôi ta gặp lại
Trong một mùa Giáng Sinh

nhất tuần (1960) Anh Linh phổ nhạc

Chỗ hay nhất của bài thơ là đoạn kết. Tâm sự của người lính xa nhà, nhớ người yêu – dù được chuyên chở bằng ngôn ngữ đã vươn tới mức khá sang, khá đẹp - vẫn không có gì mới mẻ, độc đáo. Tuy nhiên, bài thơ thật bất ngờ bừng sáng ở 4 câu cuối:

*Cùng cầu cho thế giới
Cho nhân loại hòa bình
Cho đôi ta gặp lại
Trong một mùa Giáng Sinh*

Lời cầu nguyện cho hạnh phúc riêng tư của người lính đã được khéo léo ghép chung với – nhưng được khiêm tốn đặt ở phía sau - ước vọng hòa bình cho toàn thế giới. Trong không khí “đất với trời se chữ đồng” (1) của mùa Giáng Sinh – lúc “Thiên Địa Nhân quy nhất” (2) - dòng cảm xúc chân thật, cao đẹp ấy đã thấm rất nhanh vào tâm hồn độc giả. Thi sĩ, một người trai thời loạn, đã chọn được cách hành xử tối ưu; ông không thể tự cởi bỏ chiếc áo lính nhưng đã rất tài tình đặt bên dưới lớp vải kaki một trái tim đầy lòng nhân ái.

Chú Thích:

1/ Đêm Thánh Vô Cùng (Silent Night), nhạc: Franz Xaver Gruber, lời Việt: Hùng Lâm

2/ Trời, đất và con người hợp nhất

9/ VỀ CÁI TỰA BÀI HỌC ĐẦU CHO CON

Bài Học Đầu Cho Con

Quê hương là gì hở mẹ
Mà cô giáo dạy phải yêu?
Quê hương là gì hở mẹ
Ai đi xa cũng nhớ nhiều?

Quê hương là chùm khế ngọt
Cho con trèo hái mỗi ngày
Quê hương là đường đi học
Con về rợp bướm vàng bay

Quê hương là con diều biếc
Tuổi thơ con thả trên đồng
Quê hương là con đò nhỏ
Êm đềm khua nước ven sông

Quê hương là cầu tre nhỏ

Mẹ về nón lá nghiêng che
Là hương hoa đồng cỏ nội
Bay trong giấc ngủ đêm hè

Quê hương là vàng hoa bí
Là hồng tím giậu mồng tơi
Là đỏ đôi bờ dâm bụt
Màu hoa sen trắng tinh khôi

Quê hương mỗi người chỉ một
Như là chỉ một mẹ thôi
Quê hương có ai không nhớ...

(Đỗ Trung Quân)

Ngay ở đoạn đầu tác giả cho đứa bé hỏi mẹ 2 câu hỏi với giọng rất ngây thơ về một ý niệm khá trừu tượng: *quê hương*.

Quê hương là gì hở mẹ

Mà cô giáo dạy phải yêu?

và:

Quê hương là gì hở mẹ

Ai đi xa cũng nhớ nhiều?

Người đọc có thể nhận ra ngay là nhà trường đã cố nhồi nhét quá sớm cái ý niệm “khó hiểu, khó cảm” ấy vào đầu óc ngây thơ của đứa bé mà không thành công. Vì thế đứa bé về nhà hỏi mẹ và người mẹ đã được tác giả nhờ cậy giải thích ý niệm về Quê Hương cho đứa bé. Và bà đã giải thích rất hay, rất tuyệt. Dựa vào ngôn ngữ từ 2 câu hỏi tôi đoán đứa bé đang học một lớp nào đó ở bậc tiểu học. Như vậy lời giải thích của bà mẹ - rất hay, rất tuyệt ấy – có vẻ hơi cao, hơi xa so với tầm hiểu biết của đứa bé. Nhưng để ý đến cái tựa bài thơ thì tôi giật nẩy mình. “Bài Học Đầu Cho Con” có nghĩa là đứa bé mới học bài học đầu tiên, mới vào lớp vỡ lòng, còn thấp hơn mẫu giáo một bậc.

Ở tuổi ấy làm sao có thể đặt một câu hỏi “nặng ký” như thế được. Rõ ràng câu hỏi của đứa bé đã được tác giả ngụy tạo một cách khá vụng về, và câu trả lời - tuy bà mẹ có thể đang nhìn thẳng vào mắt con để nói - đâu phải để giải thích cho đứa bé ngây thơ máu thịt của mình mà tâm hồn của bà đang nghĩ đến, nhắm đến những đối tượng khác, với mục đích khác.

Thơ là tiếng lòng, tiếng thôn thức của con tim mà ngay từ những giây phút ban đầu, từ cái tựa của bài thơ thi sĩ đã cho lý trí bước vào đạo diễn một kịch bản “ba xạo” thì thật là “không tâm lý” chút nào. Chắc người đọc có thể thấy ngay là cái tựa không thật đó đã kéo độ khả tín của bài thơ xuống gần mức Zero. (1)

Chú thích

1/ Tôi xin phép được lên tiếng “ca” cổ nhạc sĩ Giáp Văn Thạch một câu. Khi phổ nhạc ông đã sáng suốt và tài tình bỏ cái tựa Bài Học Đầu Cho Con và bỏ luôn đoạn thơ có 2 câu hỏi của một “cụ non” nào đó mà thi sĩ Đỗ Trung Quân đã nặn ra để lấy cớ đưa vào bài thơ những bức tranh quê tuyệt đẹp. Bản nhạc phổ thơ của ông - với cái tựa Quê Hương – nghe “đã” hơn bài thơ gốc nhiều. Tiếc rằng đoạn cuối “bị biên tập” nên có cái giọng xấp xược, bố láo làm bức mình rất đông người Việt hải ngoại.

10/ CHÂN THẬT TRONG THƠ

Việt Nam ta có câu tục ngữ “Đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ”. Tại sao vậy? Vì trẻ con không biết nói dối. Trong kinh thánh Chúa Giê-Su cũng từng nói: “Này ta bảo thật cùng các ngươi, nếu không trở lại như con trẻ thì sẽ không vào được nước trời đâu.” Ngài cũng muốn nhấn mạnh đến sự chân thật. Người đời, trong đó có cả các thi sĩ, thường gian dối. Cầm bút lên là đã muốn vẽ cái hay, cái đẹp về mình. Nhà thơ nào cũng vỗ ngực là yêu nước, thương dân, hiếu thảo với cha mẹ, tình nghĩa với anh chị em, chung thủy với vợ (chồng), hết lòng vì con, tốt bụng với bạn bè. Ngay cả khi kể một vài điều “không tốt” về mình cũng là muốn chứng tỏ mình thành thật. Có nhiều mức độ dối trá trong thơ:

Có người **nói dối lộ liễu** trong thơ; vừa liếc mắt vào cái “tâm sự” của hân bày tỏ trên trang giấy, không

cần suy luận hoặc kiểm chứng, người đọc đã biết là tên này xạo, vì nó rõ ràng ràng như 2 với 2 là 4. Nhưng vì ham sống sợ chết, mê bả vinh hoa phú quý, mê mồi danh lợi nên hần cũng cố bơi mặt, nhắm mắt mà viết. Chỉ cần một, hai câu thơ kiểu này hần sẽ trở thành trò cười cho thiên hạ suốt đời.

Có người, để biểu lộ tinh thần chống cộng quyết liệt, làm bài thơ tuyên bố, đại ý: “Ta là người biết bảo toàn sĩ khí, tiết tháo, nhất quyết không về Việt Nam với giặc, dù ở đó vẫn còn những người thân yêu nhất”. Nhưng ít lâu sau ông ta - một nhà thơ có vai vế - lại sáng tác một bài thơ khác tả cảnh “Sài Gòn Bây Giờ” và cũng ngênh ngang phổ biến. Hai bài thơ vô phúc bị độc giả khám phá, vạch ra. Lúc ấy nhà thơ **“trong thơ hứa một đảng, ngoài đời làm một nỏ”** thì ôi thôi ê mặt. Không những bài thơ dối trá bị tẩy chay mà cả những bài thơ khác (cùng tác giả) có khi cũng bị “văng miếng”.

Một số đồng khác không nói thật lòng mình nhưng lại **khéo léo che dấu** bằng kỹ thuật thơ điêu luyện nên độc giả không có bằng chứng để vạch trần sự dối trá; tuy nhiên trong lòng họ đã gợn lên một chút nghi ngờ. Trong lãnh vực pháp luật, không đủ bằng chứng buộc tội một nghi can thì nghi can đó phải được coi là vô tội. Còn trong thơ ca, độc giả đã nghi

ngờ sự thật lòng của tác giả thì bài thơ coi như “đi đoong”, hết đời, không còn giá trị.

Có bài thơ từ đầu đến cuối đều rất thật, rất hợp lý, không có chi tiết nào, điểm nào dối trá nhưng lại **được viết trong lúc “tĩnh” quá**, không có dấu hiệu đặc biệt nào để người đọc biết là tác giả đang “lên cơn”, để cảm ngay được sự chân thật của tác giả. Chân tình trong thơ phải được bày tỏ (show) chứ không phải chỉ cần nói đến (tell). Thơ loại này đem phân tích thì không thấy cái sai, cái dở nhưng đọc lên thấy thiếu cái hơi nóng của cảm xúc, thiếu cái hồn thơ.

Cuối cùng, chỉ có một số rất ít nhà thơ đặt bút **làm thơ trong lúc “lạc thần trí”, trong lúc “lên cơn”** (cơn giận, cơn ghen, cơn say tình ...), lúc lý trí bị khối cảm xúc đầy ắp trong tâm hồn che phủ. Dòng thơ trải trên giấy chính là dòng cảm xúc, và chỉ có cảm xúc, cuộn cuộn từ trong lòng tác giả tuôn ra. Nếu chọn được thể thơ thích hợp tâm hồn đọc giả sẽ bị cuốn theo cái dòng cảm xúc đó, sẽ cảm nhận ngay tấm chân tình của nhà thơ. Và đọc giả sẽ tự nhủ “ta đã bắt gặp hồn thơ của tác giả”. Lúc đó, bài thơ đã đạt được mục đích cao đẹp của thơ ca: **là nơi gặp gỡ của những tâm hồn đồng cảm.**

Phần II

MƯỜI BÀI BÌNH THƠ

CHỌN LỌC

- 1/ Bài Thơ Chạm Và Mấy Lời Bình
- 2/ Đọc Bài Thơ Nhục Nhã Ê Chê Đau Xé Ruột
- 3/ Đọc Phương Xa Bằng Đôi Mắt Bình Phẩm
Nghiêm Túc
- 4/ Giấc Mơ Anh Lái Đò Hay Mối Tình Vô Vọng
- 5/ Đọc Bài Thơ Hai Người Lính
- 6/ Mắt Bò Câu: Bài Thơ Mới Đọc Lần Đầu
- 7/ Thuyền Và Biển: Ngọt Bùi Cay Đắng Của Tình
Yêu
- 8/ Bánh Vẽ Và Nhân Cách Một Nhà Thơ
- 9/ Tạ Lỗi Trường Sơn: Bài Thơ Ngược Dòng Nóng
Bỏng
- 10/ Nhìn Từ Xa ... Tổ Quốc - Nỗi Đau Quặn Thắt
Của Một Người Việt Yêu Nước

1/ BÀI THƠ CHẠM & MÁY LỜI BÌNH

Chạm

Vùi vào tóc anh

Chạm

rong rêu đại dương, ẩm mực rừng già

ngai ngái phù sa cánh đồng rom rạ

Chạm sợi đa đoan

nhuộm màu dâu bể

Chạm sợi muộn phiền

ẩn mình lặng lẽ

Vùi vào môi anh

Chạm thêm mê man, chạm bờ mộng寐

Chạm lời chối bỏ trong lời thăm thì

Dâng bồi bồi nhớ

Chạm bồi bồi quên

Vùi vào tay anh

Chạm đường vân quen mịt mùng lạc lối

Chạm vết thương sâu dấu chai cần cỗi

Hôn ngón yêu thương

Chạm ngón lạnh lùng

Vùi sâu vào anh

Vùi vào giấc mơ

Vào đêm

Không anh.

(Đậu Thị Thương)

Tứ Cũng Là Ý:

Tác giả kể lại cái cảm giác sung sướng, hạnh phúc của mình trong một đêm được đắm đuối mê say dâng trọn cả linh hồn lẫn thể xác cho người yêu, nhưng bừng tỉnh mới biết đó chỉ là giấc mơ.

Ẩn Dụ Biến Thể

Với tôi, cách cấu tứ của Chạm có thể coi như là biến thể của phép ẩn dụ. Tác giả diễn tả sự việc cứ như đang thực sự xảy ra với tất cả háo hức, cuồng nhiệt của mình. Chỉ đến giây phút cuối mới bất ngờ hé lộ: “Đấy chỉ là tưởng tượng, chỉ là mơ.” Người đọc cảm được ý của tác giả trong sự ngạc nhiên thích thú.

Weldon Kees (1914 – 1955) đã dùng thủ thuật này từ rất lâu trong bài For My Daughter (Cho Con Gái Tôi) trong đó ông kể con gái ông đã phải chịu đủ

mọi khổ đau do cuộc đời khắc nghiệt đem đến;
nhưng câu thơ cuối cùng rất bất ngờ:

I have no daughter. I desire none. (1)

Tôi không có con gái. Và cũng không muốn có.

Weldon Kees mượn đứa con gái tưởng tượng để diễn tả sự khổ cực của kiếp người, cũng giống như Đâu Thị Thương mượn người tình trong mộng để bày tỏ nỗi khát khao nhục dục của mình.

Bố Cục:

Bài thơ được chia làm 4 phần.

1/ Vui vào tóc anh

Chạm

rong rêu đại dương , ẩm mục rừng già

ngai ngái phù sa cánh đồng rom rạ

Chạm sợi đa đoan

nhuộm màu dâu bể

Chạm sợi muộn phiền

ẩn mình lặng lẽ

Tác giả chọn mái tóc để thể hiện những bước đầu tiên cho vũ điệu yêu đương của cô với người tình.

2/ Vui vào môi anh

Chạm thêm mê man, chạm bờ mộng mị
Chạm lời chối bỏ trong lời thâm thì
Dâng bời bời nhớ
Chạm bời bời quên

Kế tiếp là bờ môi

3/ Vui vào tay anh

Chạm đường vân quen mịt mùng lạc lối
Chạm vết thương sâu dấu chai cấn cỗi
Hôn ngón yêu thương
Chạm ngón lạnh lùng

và vòng tay.

4/ Vui sâu vào anh

Vui vào giấc mơ
Vào đêm
Không anh

Đoạn cuối (4) “Vui sâu vào anh” để đi đến tận cùng của lạc thú ái ân nhưng đúng lúc ấy choàng tỉnh dậy mới biết chỉ là ... mơ. Người tình đã biến mất và mình vẫn lẻ loi trong đêm vắng.

Ngoại trừ chữ Chạm đứng lẻ loi ở câu thứ 2, bài thơ đọc lên có nhịp ngắt như loại thơ 4 chữ. Độ ngọt của

thơ chỉ thoang thoảng, vẫn thì đoạn có đoạn không nhưng nhịp điệu thì khá rõ, như ngựa phi nước kiệu, dẫn tứ thơ đi bon bon trên đường.

Ngôn Ngữ Thơ:

Ngôn ngữ của bài thơ chất lọc, cô đọng nhưng minh bạch đến độ khó có thể giải thích, bàn tán gì thêm nữa. Tất cả đều rõ như ban ngày. Rất nhiều cụm từ 4 chữ, cụm nào của người đời đã thành thành ngữ, cụm nào do chính cô giáo dạy văn nghĩ ra, thú thật, cũng khó mà phân biệt rạch ròi. Nhưng một điều tôi biết chắc là cô đã sử dụng chúng nhuần nhuyễn như đồ dùng trong túi mình. Cô chỉ nói bóng gió rất xa nhưng do sức gợi cảm, sức khơi gợi tưởng tượng mạnh mẽ của ngôn ngữ khiến một người đọc tuổi xuân không còn phơi phới như tôi cũng hồi hã chạy “đến bên” trước khi cô bừng tỉnh giấc mộng tình.

Tứ thơ táo bạo:

Đã là con người ai cũng có quyền sống và quyền mưu cầu hạnh phúc. Hạnh phúc không phải chỉ là vấn đề ăn mặc, chỗ ở an toàn ấm cúng, nghề nghiệp ổn định mà còn là những nhu cầu khác. Đó là yêu thương, được yêu thương và thỏa mãn nhu cầu sinh lý. Đối với xã hội còn nặng nề nếp Nho giáo như Việt Nam, việc phụ nữ đề cập hay bàn luận chuyện

phòng the, về mặt đạo đức, xã hội tuy không phải là điều tuyệt đối cấm kỵ nhưng vẫn còn bị nhìn với đôi mắt khá khắt khe. Cô giáo Đậu Thị Thương đã viết và phổ biến bài thơ Chạm với tên thật của mình thì phải nói cô vô cùng can đảm.

Cảm xúc trong thơ:

Do thành công ở cách sử dụng ngôn ngữ nên bài thơ có cảm xúc ở tầng một khá mạnh. Đầu pháp toàn đội hay trận đồ chữ nghĩa của bài thơ - được thể hiện qua phép ẩn dụ biến thể - cũng góp phần tạo nên một lượng cảm xúc lớn ở tầng hai. Cảm xúc ở tầng ba (hồn thơ) có xuất hiện nhưng yếu. Cũng dễ hiểu. Là phụ nữ, lại là giáo viên dạy văn, tác giả đã không dám cho phép chữ Dâm – dù được viết hoa, rất đẹp, rất trong sáng và nhân bản - độc chiếm tâm hồn mình.

Kết Luận

Cái sung sướng nhất của người đàn ông trong chuyện gối chăn là được người phụ nữ mình yêu cũng hết mực yêu mình, đang lúc cơn thèm khát nhục tình lên đến cực điểm, đã với cung cách tận tụy ân cần, đem trọn vẹn thể xác và linh hồn đắm say cuồng nhiệt hiến dâng. Đó chính là cung cách của Đậu Thị Thương khi bước vào cuộc ân ái. Cô đã thi

vị hóa chữ đậm dung tục của người đời. Qua ngôn ngữ thơ của cô – như đã nói ở phần trước - chữ Dâm (viết hoa) rất đẹp, rất trong sáng và nhân bản.

Có lẽ vì thế mà cô đã trở thành người tình lý tưởng của nhiều chàng trai chưa vợ bạn. Cùng ngày mấy bài thơ của Đậu Thị Thương được post lên trang Nhà Thơ Nguyễn Trọng Tạo cô nhận ngay được một comment rất tình, trong có đoạn: “Thương! Really I am falling in love with your poems and You yourself as well.” Tạm dịch: “Thương! Anh thật đã yêu mấy bài thơ của em và cả em nữa.” Nếu chữ really được đặt lùi ra phía sau một tý thì comment đã thành một lá thư tỏ tình thật dễ thương.

Riêng tôi, bây giờ cũng chưa biết cô còn tự do hay đã là hoa có chủ, nhưng điều ấy đâu có gì quan trọng. Tôi chỉ là một con bướm thơ đa tình, thấy vườn thơ cô hay hay, là lạ bay đến lượn chơi đôi vòng để thưởng thức hương thơm, vẻ đẹp. Giờ đây xin gửi đến cô chủ vườn lời cảm ơn chân thành và xin được vẫy tay từ biệt để bay đến những vườn thơ mới.

Chú thích:

1/ <http://www.poetryfoundation.org/poem/177037>

2/ ĐỌC BÀI THƠ: NHỤC NHÃ Ê CHỀ - ĐAU XÉ RUỘT

Vài Lời Biện Minh Cho Cô Giáo Trần Thị Lam

Tuần vừa qua bài thơ Đất Nước Mình Ngộ Quá Phải Không Anh? của cô giáo Trần Thị Lam ở Hà Tĩnh được rất nhiều người đọc ở hải ngoại ca ngợi. Tôi nhận được một email cho biết đã có 6 nhạc sĩ phổ nhạc bài thơ. Tôi đã nghe nhạc, đọc thơ và rất xúc động. Thế rồi trên trang web TVấn& Bạn Hữu lại có bài viết Thư Gửi Cô Giáo Trần Thị Lam – Hà Tĩnh của nhà văn nữ Thiên Lý trong đó chị “phản nản” về cách gộp tuổi trong bài thơ của cô giáo. Chị viết:

*“Bốn ngàn tuổi mà vẫn còn bú mớm
Trước những bắt công vẫn không biết kêu đòi...
mà tính từ mốc lịch sử bốn ngàn năm thì tôi hoàn
toàn không đồng ý.”*

Tôi có người bạn làm ăn khá thành công ở Mỹ. Mấy năm gần đây về Việt Nam hùn hạp đầu tư địa ốc. Gặp tôi tháng trước nó than: “Dành dụm được chút vốn dưỡng già bị thằng em họ lừa lấy hết. Giờ lại trắng tay”. Tôi chửi nó “Mày hơn sáu chục tuổi rồi mà khờ như đứa con nít; làm ăn cứ nắm lưỡi còn để người ta nắm cán”. Vợ nó chĩa vào “Chỉ khờ mấy năm nay thôi, chứ sáu chục năm trước ông ấy khôn như rận vấy”. Tôi không phân định rạch ròi như vợ người bạn nhưng tự nghĩ câu chửi của tôi chẳng có gì sai sót cả.

Làm thơ thỉnh thoảng tôi cũng nhận trong người mình có dòng máu của bà Triệu, bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung để có thêm tự tin, hào khí nhưng cũng có khi tôi bước vào trận chiến đơn thân độc mã (giả vờ quên hết những nhân vật lịch sử kia) để lúc chiến thắng có thể mạnh tay vỗ ngực tự hào. Trường hợp cô giáo TTL tặng thêm 4 ngàn tuổi cho mỗi người Việt Nam để làm nổi bật sự thơ đại, yếu đuối của họ trước chính quyền, theo tôi,

hoàn toàn hợp tình hợp lý. Đó là một trong những quyền căn bản của thi sĩ.

Tiện đây xin có vài nhận xét về bài thơ.

ĐẤT NƯỚC MÌNH NGỘ QUÁ PHẢI KHÔNG ANH?

Đất nước mình ngộ quá phải không anh?
Bốn ngàn tuổi mà sao không chịu lớn
Bốn ngàn tuổi mà vẫn còn bú mớm
Trước những bất công vẫn không biết kêu đòi...

Đất nước mình lạ quá phải không anh?
Những chiếc bánh chưng vô cùng kì vĩ
Những dự án và tượng đài nghìn tỉ
Sinh mạng con người chỉ như cái móng tay...

Đất nước mình buồn quá phải không anh?
Biển bạc, rừng xanh, cánh đồng lúa biếc
Rừng đã hết và biển thì đang chết
Những con thuyền nằm nhớ sóng khơi xa...

Đất nước mình thương quá phải không anh?
Mỗi đứa trẻ sinh ra đã gánh nợ nần ông cha để lại

Di sản cho mai sau có gì để cháu con ta trang trải
Đứng trước năm châu mà không phải cúi đầu...

Đất nước mình rồi sẽ về đâu anh?
Anh không biết em làm sao biết được
Câu hỏi gửi trời xanh, gửi người sau, người trước
Ai trả lời dùm đất nước sẽ về đâu...

TRẦN THỊ LAM

Kỹ Thuật Thơ

Về hình thức, bài thơ được viết theo thể Thơ Mới trường thiên, gồm 5 đoạn, mỗi đoạn 4 câu, mỗi câu thường là 8 chữ nhưng khi cần cũng được thay đổi một cách tự nhiên, vần trắc liên tiếp ở câu 2 và câu 3.

Về nội dung, bài thơ có 5 đoạn nhưng hồn cốt nằm ở đoạn thứ nhất:

Đất nước mình ngộ quá phải không anh?
Bốn ngàn tuổi mà sao không chịu lớn
Bốn ngàn tuổi mà vẫn còn bú mớm
Trước những bất công vẫn không biết kêu đòi...

Cái “ngộ” lớn nhất là đất nước mình đã 4 nghìn tuổi mà “sao không chịu lớn”. Ở đây cô giáo đã sử dụng một ẩn dụ thật hay – ví người dân Việt nam như đứa bé chưa rời vú mẹ, vẫn còn bú mớm vì “Trước những bất công vẫn không biết kêu đòi”. Lời lẽ của đoạn thơ rất đúng, rõ ràng và trong sáng, không cần và cũng không thể giải thích gì thêm nữa. Chúng như một lưỡi dao dài và sắc đâm thẳng vào trái tim mỗi người Việt Nam. Bạn là người Việt Nam ư? Nếu có chút kiến thức, còn chút lương tri, danh dự khi đọc những dòng thơ này đều sẽ tự động cúi đầu nuốt nhục.

Cái hay, cái tài của cô giáo Trần Thị Lam là lời lẽ của cô vừa chân thật vừa nhẹ nhàng, khéo léo nên lưỡi dao của cô đâm nát tim gan của không biết bao nhiêu người - từ người dân bình thường đến đám đông tự xem mình là sĩ phu yêu nước - nhưng họ không những không thể nào ghét cô được mà nhiều khi còn quý mến, kính trọng, cảm phục cô nữa. Những bất công lớn trong đất nước mình được cô giáo liệt kê ở những đoạn thơ sau:

Bất Công Đến Lạ Lùng

Đất nước mình lạ quá phải không anh?

Những chiếc bánh chưng vô cùng kì vĩ
Những dự án và tượng đài nghìn tỉ
Sinh mạng con người chỉ như cái móng tay...

Cái bắt công đầu tiên là “Sinh mạng con người chỉ bằng cái móng tay” nhưng người ta lại vung hàng nghìn tỉ vào những dự án, những công trình phù phiếm, không phục vụ lợi ích của người dân. Mà điều lạ là không ai nhận lãnh trách nhiệm, hậu quả về việc phí phạm tài sản chung đó.

Bắt Công Đến Buồn Thảm

Đất nước mình buồn quá phải không anh?
Biển bạc, rừng xanh, cánh đồng lúa biếc
Rừng đã hết và biển thì đang chết
Những con thuyền nằm nhớ sóng khơi xa...

Tài nguyên của quốc gia cạn kiệt, một phần bị khai thác phí phạm để quan chức bỏ túi riêng, một phần lãnh đạo ngậm miệng ăn tiền để ngoại bang tự tung tự tác.

Bất Công Đến Đáng Thương

Đất nước mình thương quá phải không anh?
Mỗi đứa trẻ sinh ra đã gánh nợ nần ông cha để lại
Di sản cho mai sau có gì để cháu con ta trang trải
Đứng trước năm châu mà không phải cúi đầu...

Nợ công chồng chất trong khi giới lãnh đạo chớp bu
mỗi người có tài khoản hàng trăm triệu, nhiều người
hàng tỉ đô la ở ngân hàng ngoại quốc. Số nợ công to
lớn ấy sau này lại đè nặng trên lưng, trên vai của con
cháu chúng ta.

Đất Nước Sẽ Về Đâu?

Đất nước mình rồi sẽ về đâu anh?
Anh không biết em làm sao biết được
Câu hỏi gửi trời xanh, gửi người sau, người trước

Ai trả lời dùm, đất nước sẽ về đâu?

Cuối cùng là câu hỏi đau xé ruột cho mỗi người Việt Nam: “Đất nước sẽ về đâu?”

Khi đọc những đoạn sau nếu đọc giả thấy dậy lên trong đầu mình một câu hỏi thì cứ quay lại đoạn đầu. Đó là phần quan trọng nhất, đoạn hay nhất của bài thơ; nó là nguyên nhân, là câu trả lời cho những câu hỏi “Tại Sao?”

Lỗi Kỹ Thuật

Bài thơ có 2 lỗi kỹ thuật rất nhỏ không ảnh hưởng đến tứ thơ - như 2 cộng rác – có thể nhặt đi bất cứ lúc nào.

1/ Trước **những** bất công vẫn không biết kêu đòi: chữ **những** hơi thừa.

2/ *Đất nước* mình **ngộ** quá phải không anh? (câu 1, đoạn 1)

Và

Đất nước mình **lạ** quá phải không anh? (câu 1, đoạn 2)

Chữ “ngộ” và chữ “lạ” đồng nghĩa; 2 câu thơ trùng ý.

Tóm lại, ĐNMNQPKA là bài thơ rất hay. Hình thức tương đối phóng khoáng tuy không có gì mới lạ lắm. Nhưng nội dung thì không chèn vào đâu được; những “bất công” (đoạn 2+3+4 hỗ trợ cho đoạn 1) được chọn lựa kỹ, có tính điển hình, ngôn ngữ chính xác mà gợi cảm, tứ thơ cô đọng, sâu sắc, thể trện chữ nghĩa chặt chẽ, đặc biệt phép ẩn dụ ở đoạn 1 thật tuyệt vời. Đọc xong, thi vị của bài thơ - nổi bật hoành đầu đón - vẫn còn vương vấn mãi trong tâm hồn.

Có thể nói đây là bài thơ của một người Việt Nam chửi con người Việt Nam tàn tệ nhất, xúc phạm đến danh dự người Việt Nam nặng nề nhất. Điều đáng nói là hàng bao nhiêu triệu người bị chửi - đặc biệt là những người góp phần to lớn tạo ra những bất công, những trí thức khoa bảng, nhà văn nhà thơ - đều cúi mặt ngậm tăm. Tại sao vậy? Vì bài thơ chửi đã hội đủ 5 điều kiện sau đây:

1/ Chửi đúng điều đáng chửi: những kẻ bị chửi không cãi vào đâu được.

2/ Chửi “nặng” nhưng lời lẽ nhẹ nhàng, khéo léo: chửi sỗ sàng, ngoa ngất quá thì chúng coi là đồ hạ cấp, không thèm để ý, không thèm nghe; chửi nhẹ quá thì không đủ ép – phê

3/ Chửi “đúng thời vụ”: nhân vụ xả độc ở Vũng Áng, cá chết lên khên, gây thảm họa môi trường, toàn dân Việt và cả thế giới quan tâm.

4/ Chửi bằng tấm lòng chân thật: cảm xúc dạt dào.

5/ Chửi hay: tứ thơ hay quá, ẩn dụ tuyệt vời, càng đọc, càng nghe, càng ngẫm nghĩ càng thấm

Kết Luận

Chỉ cần tứ thơ, hồn thơ thấm vào tim một phần trăm (1%) dân số Việt Nam khiến họ không thể chịu được nổi nhục nhã ê chề, đứng lên **kêu đòi** thay đổi thì chúng ta sẽ có cả gần một triệu người dân thân, tạo thành một làn sóng, một phong trào, nước Việt mến yêu của chúng ta sẽ có cơ may thoát khỏi tình trạng bi đát hiện nay. Nếu được như thế bài thơ Đất Nước Mình Ngộ Quá Phải Không Anh? sẽ hiện ngang bước vào văn học sử và cô giáo Trần Thị Lam sẽ trở thành một anh hùng lịch sử của dân tộc Việt.

Mong được như thế lắm thay.

3/ ĐỌC BÀI THƠ PHƯƠNG XA BẰNG ĐÔI MẮT BÌNH PHẪM NGHIÊM TÚC

Tính tính tính tình tang tang tang
Cuộc đời mình như chiếc thuyền nan
Trôi nó trôi bênh bồng
Đi tới Tô-Ky-Ô
Mình xách tay chiếc dù
Mặc áo ki-mô-nô
Tô-Ky-Ô Tô-Ky-Ô
Dù là dù với ki-mô-nô.

.....

Trên đây là một đoạn của Chiếc Thuyền Nan, một bài hát vui mà các thành viên của Hướng Đạo, Gia Đình Phật Tử, Thiếu Nhi Thánh Thể ... thường hát trong các buổi sinh hoạt. Bài hát diễn tả niềm hạnh phúc

được đến các vùng đất lạ, học thêm được những kiến thức mới bổ ích cho cuộc đời. Khoảng cuối những năm 30s, đầu những năm 40s thế kỷ trước (1) có một thi sĩ cũng bước lên thuyền ra khơi nhưng với tâm trạng và mục đích hoàn toàn khác. Đó chính là thi sĩ Vũ Hoàng Chương trong thi phẩm *Phương Xa*.

Phương Xa

Nhỏ neo rồi thuyền ơi! Xin mặc sóng
Xô về Đông hay giạt tới phương Đoài
Xa mặt đất giữa vô cùng cao rộng
Lòng cô đơn cay đắng, họa dần vơi.

Lũ chúng ta, lạc loài dăm bảy đứa
Bị quê hương ruồng bỏ, giống nòi khinh
Bể vô tận sá gì phương hướng nữa
Thuyền ơi thuyền! Theo gió hãy lênh đèn.

Lũ chúng ta, đầu thai làm thế kỷ
Một đôi người u uất nổi trơ vơ
Đời kiêu bạc không dung hồn giản dị
Thuyền ơi thuyền! Xin ghé bến hoang sơ.

Men đã ngấm bọn ta chờ nắng tắt
Treo buồm cao cùng cao tiếng hò khoan
Gió đã nổi nhịp trăng chiều hiu hắt
Thuyền ơi thuyền! Theo gió hãy cho ngoan.
VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Hai Khổ Thơ Tuyệt Vời

Người đọc dễ nhận thấy hồn cốt của bài thơ nằm ở 2 khổ giữa, gồm mấy ý chính như sau: có sự khác biệt quá lớn giữa thi sĩ và xã hội, khó có thể dung hợp nên ông muốn “bỏ đi thật xa” để khỏi phải sống, phải nghe, phải nhìn những cảnh đời ngang tai, trái mắt.

Lũ chúng ta lạc loài dăm bảy đũa

Bị quê hương ruộng bỏ giống nòi khinh

Dù thể xác vẫn là hình hài con người, hơn nữa, lại là con người Việt Nam máu đỏ da vàng, nhưng ông có cảm giác như một kẻ lạc loài, và vì thế nên bị quê hương ruộng bỏ giống nòi khinh khi.

Bể vô tận sá gì phương hướng nữa

Thuyền ơi thuyền! Theo gió hãy lênh đèn

do đó mới có tâm trạng chán chường đến cùng cực, chỉ muốn lênh đèn trên biển cả, chẳng cần biết đâu là bờ, đâu là bến hết.

Khổ thơ kế tiếp được nhìn dưới góc cạnh thời gian:

Lũ chúng ta đầu thai lắm thế kỷ

Một đôi người u uất nổi trơ vơ

Người đời thường nói “sinh bất phùng thời”, câu nói đã cũ rích, khô cứng. Thi sĩ của chúng ta, cũng cái ý ấy, đã sáng tạo một câu thơ độc đáo, ngôn từ mới, hình ảnh mới, vóc dáng mới:

Lũ chúng ta đầu thai lắm thế kỷ

phải nói là một câu thơ hay tuyệt. Ông (và một nhóm bạn nào đó) mang tâm trạng vừa cô độc, trơ trọi vừa bơ vơ, không có chỗ bám víu, nương tựa bởi vì:

Đời kiêu bạc không dung hồn giản dị

sự vận hành của cuộc đời hoàn toàn khác, không thể dung hợp với cách suy nghĩ, cách nhìn cuộc đời của ông. Và ông đã yêu cầu:

Thuyền ơi thuyền! Xin ghé bến hoang sơ

để được thoát hẳn cái khung cảnh xã hội mà đối với nhịp suy tư của tâm hồn ông chỉ là “cung đàn lạc điệu”

Như vậy ý chính của bài thơ có thể tóm tắt như sau: tác giả và nhóm bạn của ông là những kẻ “lạc loài” lại “đầu thai lắm thế kỷ,” không hợp với xã hội đương thời nên bị ruồng rẫy, rẻ rúng, chỉ muốn lênh đênh trên biển cả, không cần biết phương hướng bến

bờ, hoặc trôi giạt vào một hoang đảo nào đó để khỏi phải tiếp xúc với cuộc đời “kiêu bạc.”

Trên bề mặt chữ nghĩa là như vậy, nhưng thực tế thì hoàn toàn khác. Vũ Hoàng Chương la toáng lên là:

“Lũ chúng ta lạc loài dăm bảy đứa

Bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh.”

Nhưng khi tự nhận là “**lạc loài** dăm bảy đứa” thì chính ông (và nhóm bạn nào đó) mới là những kẻ đã đoạn tuyệt với dòng giống, chối bỏ quê hương. Mẹ VN, thời nào cũng vậy, vẫn dang rộng vòng tay chứ nào có ruồng rẫy, rẽ rúng đứa con nào. Ông còn bù lu bù loa “Đời kiêu bạc không dung hồn giản dị,” nhưng thật ra chính cái bản tính kiêu kỳ, cao ngạo của ông mới là thủ phạm của sự “bất dung hợp” với cuộc đời; ông không muốn “hạ cố” hòa nhập với cuộc đời chứ không phải cuộc đời không chấp nhận ông.

Đó là tâm trạng của ông, cái nhìn chủ quan của ông đối với cuộc sống. Đúng hay sai xin nhường cho bạn đọc tự phán xét. Đối với thái độ ngông nghênh, xa lánh cuộc đời của ông tôi chỉ “kính nhi viễn chi”. Nhưng trong thơ, đặc biệt là bài thơ Phương Xa, chữ How (thế nào) quan trọng hơn chữ What (cái gì) rất nhiều. Chắc một số bạn đọc cũng như tôi, không thể không khoái tài thơ của ông trong cách ông diễn tả

tâm trạng và thái độ của mình. Một nhà thơ đã viết: *“Nói là nói cái gì; làm thơ là nói để được cái thú nghe lời mình nói”*. Đọc Phương Xa, cái thú “nghe” ông nói lớn hơn cái thú được biết ông nói gì rất nhiều. Điều thi sĩ nói có người đồng ý, có người không, nhưng cái cách ông nói thì hấp dẫn quá, ngôn ngữ của ông cao sang quá; qua tài thơ độc đáo của mình ông đã đưa ý tưởng vào 2 khổ chính của bài thơ, tạo nên một khung cảnh thơ rất đẹp, hình ảnh lãng mạn, nên thơ, gây ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc.

Cấu Trúc Thơ hay Trận Địa Chữ Nghĩa của Phương Xa

Về hình thức, đây là bài thơ bát ngôn (8 chữ) trường thiên gồm 16 câu được chia làm 4 khổ, mỗi khổ 4 câu. Vần gieo gián cách (1/3, 2/4) rất chân phương, nghĩa là tác giả áp dụng cách gieo phần của thơ mới (ảnh hưởng Pháp) rất đúng nguyên tắc, rất cứng:

Khổ 1: sóng rộng, Đoài vui.

Khổ 2: đưa nữa, khinh đênh.

Khổ 3: kỷ dị, vợ sơ.

Khổ 4: tắt hắt, khoan ngoan.

Có thể nói món chè Phương Xa được nêm hơi nhiều đường; *bài thơ có vần khá đậm*.

Khuyết điểm chính của bài thơ là Phân Bỏ Lực Lượng Không Cân Xứng

Tứ thơ được gói ghém, cô đọng ở khổ 2 và khổ 3. Khổ đầu và khổ cuối chỉ làm nhiệm vụ mở đề và kết luận. Như vậy mở đề và kết luận hơi dài, không cân xứng so với phần chính của bài thơ. Và vì hơi dài nên đã sinh ra một số khuyết điểm khác:

- Khổ thơ đầu tiên có đoạn:

“Nhỏ neo rồi thuyền ơi! *Xin mặc sóng*
Xô về Đông hay dạt tới phương Đoài”

ý trùng lặp với khổ thơ thứ 2:

“*Bể vô tận sá gì phương hướng nữa*
Thuyền ơi thuyền! Theo gió hãy lên
đênh.”

- Khổ đầu có hai câu thơ hơi khó hiểu:

Xa mặt đất giữa vô cùng cao rộng,
Lòng cô đơn cay đắng *họa dân voi*.

Tại sao lại *họa dân voi*? Nếu cho rằng chung đụng với xã hội là một tai họa thì khi đã ở trên thuyền “*Xa mặt đất giữa vô cùng cao rộng*” thì tai họa sẽ tự động biến mất chứ làm sao mà “*dân voi*” được? Theo tôi, đọc đến “*họa dân voi*” người đọc hơi bối

rồi, không biết tác giả muốn nói gì. Nhóm chữ ấy đã tạo một khoảng tối trong khung cảnh thơ trong sáng.

- Khổ cuối chỉ có câu “Thuyền ơi thuyền! Theo gió hãy cho ngoan” là cần thiết (ý nói thuyền vẫn tiếp tục trôi); ba câu trước được đưa vào, theo tôi, chỉ để cho đủ số câu, số chữ, cho đủ một khổ thơ của thể thơ bát ngôn trường thiên, không giúp ích gì nhiều cho bài thơ.

Tóm lại, Phương Xa là một bài thơ hay, được đông đảo những người ham chuộng văn chương (đặc biệt là ở miền nam, trong đó có tôi) yêu thích. Thuở còn học Đề Nhị (lớp 11 bậc trung học) tôi đã có lần làm một bài nghị luận văn chương trong kỳ thi lục cá nguyệt (nửa niên học) mà đề tài liên quan đến bài thơ Phương Xa. Lúc ấy tôi đã nổi hứng luận bàn, lý giải và đã được thầy giáo cho điểm cao nhất lớp.

Nhắc đến tâm trạng chán chường, lánh xa nhân thế người ta thường trích những câu trong khổ 2 hoặc khổ 3 của bài thơ, coi như là những chứng cứ hùng hồn, đắt giá. Tôi chợt liên tưởng đến một đội banh có một nửa là những cầu thủ siêu sao, kỹ thuật cá nhân điêu luyện, lối chơi hấp dẫn. Hề banh đến chân họ là khán giả reo hò vang dậy, cổ vũ nhiệt liệt; hình như khán giả không để tâm lắm đến các cầu thủ

khác trong đội. Nhưng dưới con mắt của người am tường túc cầu thì đội banh ấy có đội hình vá vúi, phân bổ lực lượng không hợp lý, đấu pháp toàn đội không chặt chẽ, bộc lộ nhiều sơ hở, nếu so sánh với những đội banh cùng đẳng cấp khác chắc chắn sẽ không được đánh giá cao.

Bài thơ Phương Xa cũng thế. Hai khổ thơ chính gồm những câu thơ gây ấn tượng mạnh mẽ, đọc rồi sẽ rất khó quên. Đó là những câu thơ hay tuyệt, có khả năng hớp hồn độc giả. Nhưng nếu xét bài thơ một cách tổng thể, toàn diện thì thể trệch chữ nghĩa của bài thơ còn lỏng lẻo, ý trùng lặp, có nhiều câu chữ dư thừa.

Nhà văn Mai Tú Ân trong bài Phương Xa – Thơ Vũ Hoàng Chương (2) - Giới Thiệu Những Bài Thơ Việt Nam Hay Nhất đã mạnh mẽ khen rằng; *“Và bài thơ này cũng là bài thơ ‘Tổ’ được đọc nhiều nhất, được thuộc nhiều nhất trong cộng đồng oversea hải ngoại.”* (sic) Theo tôi, Mai Tú Ân, với cảm xúc chủ quan của mình, không phân tích kỹ lưỡng, cho Phương Xa là “bài thơ Tổ”, là đã tán dương bài thơ quá lố.

Trong một bài khác, Giới Thiệu Bài Thơ Phương Xa Của Vũ Hoàng Chương (3), Mai Tú Ân còn viết:

*Bài thơ được viết theo thể thơ mới 8 chữ, và cũng trở thành một bài thơ kinh điển của thể thơ này. Với chỉ 16 câu bình dị, đậm đà luyện láy (4) nhưng lại thống thiết làm sao với các vần điệu cứ đưa cao cao (TRẮC TRẮC) lên mãi. Những câu thơ không gọt rửa (4), bình thường nhưng lại **đắc địa đến từng chữ một**.*

Như tôi đã phân tích ở trên, Phương Xa ở khổ đầu tiên có đến 11 chữ trùng lặp ý với khổ 2, ở khổ cuối thì 3 câu (24 chữ) được đưa vào chỉ để “đứng chơi” chứ không có đóng góp gì đáng kể cho tứ thơ. Bởi vậy khi nhà văn Mai Tú Ân phán một câu xanh rờn: “*Những câu thơ không gọt rửa (4), bình thường nhưng lại **đắc địa đến từng chữ một***” thì tôi chỉ còn biết cúi đầu thán phục, bởi đó là một lời bình “**quá ư liều mạng.**”

Kết Luận

Vũ Hoàng Chương di cư vào nam nên mặc dù “đa mang nghiện ngập” lại có cái nhìn về xã hội, con người rất “ngược đời”, có thể là chứng ngại vật cho sự đào tạo thế hệ trẻ trong xu hướng phát triển mới, nhưng vì thi tài của ông, vì vẻ đẹp cao sang, lộng lẫy

của thơ ca, vì giá trị nghệ thuật tự thân của tác phẩm, thơ của ông vẫn được Bộ Giáo Dục xếp vào chương trình giảng dạy ở bậc trung học. Ông từng là Chủ tịch Trung Tâm Văn Bút Việt Nam, mấy lần được trao giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc, được đại diện các thi sĩ Việt Nam tham dự Hội Nghị Thi Ca Quốc Tế, được đại diện Văn Bút Việt Nam tham dự Văn Bút Quốc Tế, được vinh danh là Thi Bá Việt Nam và được văn thi sĩ và những người yêu chuộng văn chương hết mực quý mến, thương yêu. Ngoài việc dạy Việt Văn ở Chu Văn An (một trường trung học công lập danh giá ở Sài Gòn) ông còn dạy thêm ở vài trường tư thực khác.

Tôi có cơ may được nghe “ké” ông giảng văn mấy buổi ở trường Hồng Lạc (đường Trần Quốc Toản) và được trò chuyện với ông. Nhưng phải đến lúc qua cái tuổi “tri thiên mệnh” tôi mới thực sự cảm và “thấy” được cái hay, cái đẹp, cái độc đáo, cái hồn trong một số bài thơ của ông. Bài thơ hay nhất của ông, theo tôi, rất xứng đáng với danh hiệu “tuyệt tác thơ ca”, đã đưa ông vào vị trí của vì sao chói sáng nhất giữa vùng trời thơ mới. Có điều Phương Xa không phải là bài thơ đó.

CHÚ THÍCH:

1/ Tập Thơ Say (có bài Phương Xa) được xuất bản năm 1940.

2/ <http://ma-tu-an.blogspot.com/2014/07/phuong-xa-tho-vu-hoang-chuong.html>

3/ <http://www.haingoaiphiemdam.com/Gioi-thieu-bai-tho-Phuong-Xa-cua-Vu-Hoang-Chuong-Mai-Tu-An-50694>

4/ luyện láy: đúng ra phải là luyện láy. Gọt rửa: đúng ra phải là gọt dừa hay gọt giữa

THAM KHẢO:

<http://www.vinhhao.info/Doctho/uy/vuhoangchuong>

http://www.chungta.com/nd/nhan-vat-van-hoa/vu_hoang_chuong.html

4/ GIÁC MƠ ANH LÁI ĐÒ - MỐI TÌNH VÔ VỌNG

Do không có phép ẩn dụ toàn bài nên tứ và ý bài thơ giống nhau, và thật đơn giản: tác giả tâm sự với người đọc về mối tình vô vọng của mình. Bài thơ chỉ có 14 câu, có thể đọc một mạch từ đầu đến cuối mà không bị khựng ở chỗ nào. Ngôn ngữ, hình ảnh (rất Nguyễn Bính), gần gũi, dân dã.

Bài thơ có thể chia làm 4 đoạn:

*Năm xưa chở chiếc thuyền này
Cho cô sang bãi tước đay chiều chiều*

Tác giả giới thiệu hoàn cảnh mà từ đó tình yêu của chàng với cô gái đã bén rễ: được mỗi chiều – bằng chiếc thuyền nhỏ bé của mình – chở cô sang bãi tước đay.

*Để tôi mơ mãi mơ nhiều
“Tước đay xe võng nhuộm điều ta đi*

*Tung bùng vua mở khoa thi
Tôi đỗ quan trạng vinh quy về làng
Võng anh đi trước võng nàng
Cả hai chiếc võng cùng sang một đò”*

Tác giả không nói gì về tình yêu nhưng khi người đọc nghe chàng tâm sự là đã đưa cô vào trong cái giấc mơ “vinh quy bái tổ” của mình thì hiểu ngay rằng chàng đã yêu cô say đắm.

*Đòn rỗng: đám cưới cô to
Nhà giai thuê chín chiếc đò đón dâu
Nhà gái ăn chín nghìn cau
Tiền cheo, tiền cưới chừng đâu chín nghìn*

Tình địch của anh lái đò quá giàu, có thể tổ chức một đám cưới linh đình để lấy cô về làm vợ. Không kể việc thuê chín chiếc đò để đón dâu, đem đến nhà gái chín nghìn cau làm lễ vật mà còn có thể nạp chín nghìn quan tiền (một số tiền rất lớn) cho khoản tiền cheo, tiền cưới.

*Lang thang tôi dạm bán thuyền
Có người giả chín quan tiền, lại thôi*

Trong khi cả cơ nghiệp của anh lái đò – là chiếc thuyền – đem gạ bán thì người ta chỉ trả có chín quan tiền.

Nhận Định Nghệ Thuật

1/ Không có hội chứng nhàm chán vắn

Bài thơ chỉ có 14 câu gồm 4 đoạn nối kết nhau thành một truyện tình đơn phương, vô vọng; người đọc được cốt truyện lôi cuốn, chưa cảm thấy “ngán” cái giọng ầu ơ của thơ lục bát thì bài thơ đã hết.

2/ Ngôn ngữ, hình ảnh bình dị dân dã

Nói đến thơ lục bát của Nguyễn Bính thì hình như bài nào ngôn ngữ, hình ảnh cũng rất bình dị, dân dã, dễ hiểu và dễ cảm. Người đọc yêu thơ thế nào cũng biết cái nét đặc biệt này của thi sĩ. Nhưng bình thơ Nguyễn Bính mà quên nhắc đến cái tài này (dù cứ phải lập đi, lập lại) thì lại là một thiếu sót. Đúng vậy, bài Giác Mơ Anh Lái Đò ngôn ngữ, hình ảnh cũng rất bình dị, gần gũi với dân quê. Trong cả 14 câu thơ, 98 chữ, chữ nào cũng dễ hiểu, cũng rõ như ban

ngày. Ngay cả cái hình ảnh vinh quy bái tổ “võng anh đi trước võng nàng” cũng rất gần gũi với người dân quê Việt Nam; nếu họ chưa tận mắt chứng kiến cái nghi thức có thật này thì cũng được nghe các bậc ông bà, cha mẹ kể đi, kể lại, xem như một tấm gương để khuyến khích con cháu cố công học tập, dùi mài kinh sử.

3/ Dòng chảy của thơ lưng lờ, chậm rãi.

Tác giả kể lại chuyện tình của mình một cách chậm rãi, có vẻ như bình thản (khác với cái vẻ hào hứng của một kẻ đang yêu như trong Người Hàng Xóm). Chỉ đến hai câu cuối, bao nhiêu đau buồn tuyệt vọng bị dồn nén trong lòng mới được tuôn ra.

4/ Ba trong 4 đoạn thành công với thủ pháp “bày tỏ, không kể lại” (show, not tell)

Ý định của tác giả là sử dụng thủ pháp “bày tỏ, không kể lại” trong cả 4 đoạn của bài thơ, nhưng theo tôi, ông chỉ thành công ở 3 đoạn.

a/ Năm xưa chở chiếc thuyền này
Cho cô sang bãi trước đay chiều chiều

Đây chính là hoàn cảnh – cơ hội được tiếp xúc, gần gũi với cô gái – để mỗi tình đơn phương nảy nở.

b/ Để tôi mơ mãi mơ nhiều

.....

Cả hai chiếc võng cùng sang một đò.

Tác giả chỉ nói về giấc mơ của anh lái đò – được cùng cô gái “vinh quy bái tổ” sau khi đỗ Trạng Nguyên – nhưng người đọc đã hiểu rằng anh đã yêu nàng say đắm.

c/ Đồn rằng: đám cưới cô **to**

Nhà giai thuê chín chiếc đò đón dâu

Nhà gái ăn chín nghìn cau

Tiền cheo, tiền cưới chừng đâu chín nghìn

Chữ vụng nhất và theo tôi, làm giảm giá trị của cả đoạn thơ là chữ “**to**”. Chính chữ “to” đã để lộ ý của tác giả trong đoạn này và đã làm thủ pháp “bày tỏ, không kể lại” thất bại. Ba câu kế tiếp chỉ làm rõ

ngĩa thêm cho chữ “to” mà thôi. Nếu tác giả “dấu” được chữ “to” (thí dụ: Đồn rằng đám cưới của cô) thì 3 câu kế tiếp sẽ đóng vai trò cung cấp thông tin để từ đó người đọc tự nhận ra và tự kết luận “À! Đám cưới cô ấy to thật”. Đoạn thơ sẽ trở thành “bày tỏ, không kể lại” một cách tự nhiên, không gượng ép.

*d/ Lang thang tôi dạm bán thuyền
Có người giả chín quan tiền, lại thôi.*

Hai câu thơ chỉ nói đến việc dọ giá bán thuyền nhưng đã ngầm chứa nỗi đau đến xé tâm can của anh lái đò về mối tình vô vọng.

5/ Hai câu kết tuyệt vời

Cái hay nhất của bài thơ chính là hai câu kết:

*Nhà giai thuê **chín** chiếc đò đón dâu
Nhà gái ăn **chín** nghìn cau
Tiền cheo, tiền cưới chừng đâu **chín** nghìn
Lang thang tôi dạm bán thuyền
Có người giả **chín quan tiền, lại thôi.***

Tôi không tin là trong thực tế, con số **chín** (9) hoàn toàn phù hợp với số lượng những “thứ” mà ông nói đến trong bài thơ. Đúng là ông “phịa”; nhưng ông “phịa” khéo quá, “cao tay ấn” quá, nên người đọc, theo dòng cảm xúc của mình, đâu cần biết “có đúng là chín chiếc đồ đón dâu, có đúng là chín nghìn cau hay chín nghìn tiền cheo, tiền cưới hay không, mà chỉ thấy cái khoảng cách giàu nghèo giữa anh lái đồ và tình địch hiện ra một cách rõ ràng và cay đắng, để rồi cái cảm giác bàng hoàng đau đớn về mối tình vô vọng của anh lái đồ đã như một dòng thác đổ xuống, tràn ngập tâm hồn. Ở đây thủ pháp “bày tỏ, không kể lại” được phối hợp với phép điệp ngữ (chín) một cách tài tình đã dẫn đến 2 câu kết thật tuyệt vời.

6/ Hai chữ **chùng đâu** hơi gượng

Người đọc, nếu để ý, sẽ thấy hai chữ “chùng đâu” không thêm được gì trong nhiệm vụ chuyển tải ý của tác giả. Hình như chúng được đẩy vào vị trí ấy (một cách gượng gạo) chỉ với mục đích tạo vần cho câu 8 (của thể thơ lục bát). Tệ hại hơn, chúng còn làm cho

con số “chín nghìn” của tiền cheo, tiền cưới có vẻ không chuẩn xác lắm (“chùng đâu” có nghĩa là có thể hơn, có thể kém) và từ đó khiến người đọc hơi có cảm giác “lấn cấn” khi so sánh với giá chiếc thuyền của anh lái đò, dù rằng con số này gấp cả nghìn lần con số kia. Ở những bài thơ “thường thường bậc trung” có lẽ chả ai để ý đến cái khuyết điểm nhỏ này, nhưng đây lại là bài thơ có tâm vóc, nằm trong số những bài thơ hay của thời tiền chiến, nên nếu có bị “chẻ sợi tóc làm tư” thì chắc bạn đọc yêu thơ cũng thông cảm cho người viết bài này.

Kết Luận:

Mỗi lần đọc lại hoặc ngâm nga bài Giác Mơ Anh Lái Đò trong đầu tôi lại hiện ra một câu hỏi: “Tại sao một tài thơ hiếm có như Nguyễn Bính lại vô ý đến độ đưa chữ “to” rất “thô”, rất vô duyên ấy vào bài thơ?” Chữ “to” ấy đã làm đoạn thứ 3 mất đi danh hiệu “đoạn thơ bày tỏ không kể lại” (show, not tell) và đáng tiếc nhất là do đó, ông đã để vuột khỏi tay chiếc huy chương dành cho thi sĩ có Thi Phẩm Hoàn Toàn Show, Not Tell.

Dẫu sao Giác Mơ Anh Lái Đò vẫn là một bài thơ rất hay. Đặc biệt là 2 câu kết tuyệt vời, mở cửa đổ cả một dòng thác cảm xúc làm ướt đầm tâm hồn người đọc và đã lưu lại trong lòng họ rất lâu cái cảm giác đau buồn tê tái của anh lái đò. Tuy không có tuyệt chiêu “thi hóa thân thành họa” như Ông Đồ của Vũ đình Liên nhưng bài thơ có những ưu điểm khác (đặc biệt là đoạn kết) tạo thành một thi phẩm độc đáo, góp phần đưa Nguyễn Bính vào hàng những nhà thơ được yêu mến nhất trong thời kỳ Thơ Mới.

Thay cho phần chú thích:

Sau khi đọc bài viết, một người bạn nhắc tôi “Trong một số phiên bản khác, bài GMALĐ còn có thêm 8 câu nữa.” Điều này tôi cũng đã biết. Nhưng theo tôi, (và một số bạn thơ mà tôi có trao đổi về việc này) 8 câu thơ thêm vào (chưa biết có phải thật của Nguyễn Bính hay không) làm tứ thơ loãng và nhạt đi rất nhiều (giống như trường hợp 4 câu thêm vào đoạn cuối của Tống Biệt Hành). Hơn nữa, trong Thơ Việt Nam Thế Kỷ XX – Thơ Trữ Tình (trang 50) được nhà xuất bản Giáo Dục in năm 2004 thì bài thơ chỉ

có 14 câu, ở cuối bài có ký hiệu [...] mà tôi hiểu là “còn nữa nhưng xin ngừng ở đây”. Hồng Vân trên youtube, khi ngâm bài thơ này cũng chỉ ngâm có 14 câu.

Sau đây là nguyên văn bài thơ:

(8 câu thêm vào chữ màu xanh)

GIÁC MƠ ANH LÁI ĐÒ

Năm xưa chở chiếc thuyền này
Cho cô sang bãi tước đây chiều chiều
Để tôi mơ mãi, mơ nhiều:
“Tước đây se võng nhuộm điều ta đi
Tưng bừng vua mở khoa thi,
Tôi đỗ quan trạng vinh quy về làng
Võng anh đi trước võng nàng
Cả hai chiếc võng cùng sang một đò.”
Đồn rằng đám cưới cô to
Nhà giai thuê chín chiếc đò đón dâu
Nhà gái ăn chín nghìn cau
Tiền cheo, tiền cưới chừng đâu chín nghìn...
Lang thang tôi dạm bán thuyền

Có người giả chín quan tiền, lại thôi!
Buông sào cho nước sông trôi
Bãi đay thấp thoáng, tôi ngồi tôi mơ
Có người con gái đang tơ
Vẫy tay ý muốn sang nhờ bãi đay
Sao cô không gọi sáng ngày?
Giờ thuyền tôi đã chở đầy thuyền mơ
Con sông nó có hai bờ
Tôi chưa đỗ trạng, thôi cô lại nhà.

Nói Với Các Bạn Trẻ Yêu Thơ

Show, not Tell là một thủ pháp nghệ thuật ở đó tác giả tránh không nói thẳng ý mình mà cung cấp dữ kiện, chi tiết để người đọc tự suy gẫm tìm ra. Nó tạo cho câu thơ, bài thơ cái vẻ đẹp “lung linh sương khói” và cho người đọc cơ hội tham gia tích cực vào tiến trình đọc và khám phá tứ, ý của bài thơ. Trong GMALD Nguyễn Bính đã áp dụng thủ pháp này một cách tài tình. Ông thành công ở 3 đoạn, nhưng ông đã đưa vào bài thơ chữ “**to**” rất vô duyên làm lộ ý của đoạn 3. Đoạn kết của bài thơ hay tuyệt.

5/ ĐỌC BÀI THƠ HAI NGƯỜI LÍNH

(không biết tên tác giả)

Tôi với anh
hai mái đầu xanh
xanh như màu quân phục...
làng tôi sông Hồng nước đục
quê anh Vàm Cỏ lở bồi
mẹ nhớ tôi, hết đứng, lại ngồi
má mong anh, vào nhà, ra ngõ

Tôi đã ngỏ lời
vào một đêm trăng tỏ
trước lúc lên đường
ba lô anh
có kỷ vật người thương
đêm giở ngắm
trên đường hành tiến

Người này nói
anh đi bảo vệ quốc gia
người kia bảo
tôi vào nam cứu nước
tôi và anh
có bao giờ tính suy mất được
cho bản thân mình, cho mẹ, cho em
chỉ nghe kèn trống nổi lên
người hối thúc
đưa ta vào chiến trận

Đồng quê tôi cỏ mọc xác xơ
nước quê anh cá chết dạt bờ
người con gái quê anh, quê tôi
héo hắt đợi chờ
mình mê mãi
với giấc mơ Bạo Chúa

Tôi và anh
hai mái đầu còn xanh
xanh như màu quân phục
Nào...!
hãy khoác vai nhau
ta cùng chúc phúc

Để tôi về ngoài ấy đắp đê
nước Vàm Cỏ
cũng đang gọi anh về
cùng cày cấy
nuôi mẹ già anh nhé

Mê muội qua rồi
chia tay trên lối rẽ
gửi cho nhau
lời xin lỗi muộn màng
một cánh mai tươi

một nén hương vàng
ta về
tặng những người đồng đội
ta bá vai nhau
để những người kia xóa tội
dưới suối vàng
Họ...!
chắc cũng đã ôm nhau...!

Hai người lính không vũ khí đứng sát vai nhau, hưởng cái cảm giác yên bình, không còn đi đùng tiếng súng. Giữa 2 chiếc áo màu xanh không có làn ranh quốc - cộng. Chỉ có 2 khuôn mặt trẻ, 2 đứa con yêu của mẹ Việt Nam. Hai khuôn mặt tuy có chút phong sương (người lính TQLC ở miền Nam có vẻ “dày dặn” hơn) nhưng trông rất hiền, rất lính mà lại rất người, đã tạo cảm hứng để thi sĩ viết lên bài thơ chắc sẽ làm rung động nhiều trái tim ở cả 2 miền nam bắc.

Trước bài thơ dạt dào cảm xúc, thấm đẫm tình người này tôi muốn ngồi thật nghiêm trang, không nghiêng bên này, ngả bên kia để thưởng thức cái hay, cái đẹp

của từng chữ từng câu và chia sẻ sự chiêm nghiệm của mình với độc giả.

TỨ THƠ CŨNG LÀ Ý

Anh bộ đội miền Bắc tâm sự với người lính miền Nam về viễn ảnh hòa bình trên quê hương sau ngày Hiệp Định Paris có hiệu lực, chấm dứt cuộc chiến huynh đệ tương tàn giữa Nam Bắc Việt Nam.

Tâm hình của hai người lính đã giúp cho tứ thơ “hiện thực” hơn, dễ “bắt” hơn và nhờ thế bài thơ sinh động hơn nhiều.

GIẢI THÍCH VÀ DIỄN DỊCH

Vì ngôn ngữ thơ rất dân dã, giản dị và rõ ràng, người đọc có thể hiểu ngay từ cái liếc mắt đầu tiên nên tôi xin bỏ qua phần giải thích diễn dịch để đi thẳng vào phần phân tích và nhận định nghệ thuật.

PHÂN TÍCH VÀ NHẬN ĐỊNH NGHỆ THUẬT

Hình thức:

Bài thơ có hình thức khá mới. Vẫn còn phảng phất mùi Thơ Mới nhưng đã có nhiều thay đổi để loại bỏ những khuyết điểm của loại thơ này.

- Số chữ trong câu: câu ngắn nhất 3 chữ, câu nhiều nhất 11 chữ. Ở khoảng giữa, từ câu 4 chữ cho đến câu 10 chữ, loại nào cũng được

sử dụng. Có thể nói tác giả đã sắp xếp, thay đổi câu chữ hoàn toàn thoải mái và tùy hứng.

- Vần: bài thơ có vần; vần gieo liên tiếp. Do số chữ trong câu thay đổi với biên độ rộng nên hội chứng nhàm chán vần, cái giọng ầu ơ của thơ mới gần như biến mất. Hơn nữa, có đến 3 chỗ bắt đầu đoạn mới tác giả đã “thoát vận” nên bài thơ có vị ngọt rất vừa phải đủ để đưa tứ thơ nhẹ nhàng trôi nhưng hoàn toàn không gây cảm giác nhàm chán cho người đọc.

Bài thơ đã rất thành công về mặt hình thức.

Ngôn ngữ:

Ngôn ngữ thơ dân dã, đơn giản dễ hiểu. Tuy nhiên, có lẽ chưa sống và tiếp xúc với người miền nam nhiều nên đôi lúc anh nói về người lính miền nam nhưng lời lẽ lại rất đậm mùi “bắc kỳ”:

mẹ nhớ tôi hết đứng, lại ngồi

má mong anh **vào nhà, ra ngõ**

và:

ba lô anh

có kỷ vật người thương

đêm *giở ngắm* trên đường *hành tiến*

Cảm xúc:

Ngôn ngữ, hình ảnh trong thơ lúc tôi, lúc anh, lúc Nam, lúc Bắc rất gần gũi và dễ cảm; người đọc hiểu và chấp nhận ngay. Cảm xúc từ từ thơ toát ra nhẹ nhàng nhưng cũng đủ để chảy thành dòng. Lần theo tứ thơ người đọc có thể cảm nhận trực tiếp tâm tình của tác giả mà hầu như không phải ngừng lại để lý trí làm công việc kiểm chứng.

Hồn Thơ

Ưu điểm lớn nhất của Hai Người Lính khiến tôi (và vài người bạn thường trao đổi chuyện văn chương) vẫn vương với nó, yêu thích nó ngay từ lần gặp mặt đầu tiên là chất thơ, hồn thơ của nó. (Tôi không dùng từ cảm xúc vì theo tôi, thơ có đến 3 tầng cảm xúc mà chất thơ, hồn thơ ngự ở tầng cao nhất, sang trọng nhất.) Bình thường, với những bài thơ có hồn, tứ thơ phải chuyển động một lúc khá lâu thì hồn thơ mới “nhập”. Có khi phải gần đến cuối bài hồn thơ mới bắt ngờ xuất hiện. Nếu bài thơ dài thì hồn thơ có khi nhập, lúc xuất chứ không liên tục. Hồn thơ của Hai Người Lính chính là cái giọng (không phải lời) hồi hộp, háo hức, sung sướng trước cái hạnh phúc lớn lao tự nhiên đổ ập xuống người mình. Cái hơi nóng của cảm giác háo hức tỏa ra

ngay từ những câu thơ đầu tiên và vẫn giữ được nhiệt độ lúc ban đầu ấy cho đến câu thơ cuối cùng.

KẾT LUẬN

Để kết luận, tôi kính cần xin phép cố thi sĩ Huy Cận được mượn ý 2 câu kết bài thơ Ngậm Ngùi để diễn tả trái sầu và ước mơ của hai người lính.

Lúc ấy trái sầu chiến tranh đang trĩu nặng trên cổ mỗi người dân Việt Nam ở cả hai miền Nam Bắc. Với 2 người lính trong ảnh thì trái sầu ấy to và nặng hơn nhiều bởi họ trực tiếp gánh chịu gian lao và đau đầu với sống chết.

Và đây là 2 câu thơ của Huy Cận (được sửa chữa chút đỉnh):

Chúng ta hãy khoác vai nhau

Để cùng nghe nặng trái sầu rụng rơi.

Ước mơ của họ - được giã từ vũ khí trở về với cuộc sống thanh bình – hơn ai hết, đang cháy bỏng trong lòng.

Nhưng buồn cho 2 người lính và buồn cho dân tộc Việt Nam. Giây phút trái sầu rụng rơi quá ngắn ngủi, chỉ như một thoáng mơ qua. Bừng tỉnh dậy sau cái thoáng mơ ngắn ngủi ấy (27/01/1973), trái sầu vẫn

trữ nặng trên cổ mỗi chúng ta và trên cổ mẹ Việt Nam yêu dấu.

Phụ Lục:

CHỜ TÔI VỚI

“Tám giờ mười lăm, tiếng súng thưa dần.

Tiếng súng thưa dần rồi im hẳn. Toàn nhìn đồng hồ, tám giờ hai mươi lăm.

Cho chắc ăn không còn là mục tiêu, Toàn bảo Kháng:

– Mày giờ ngón tay lần nữa coi

Không tìm đâu ra nhánh dương nào khác, Kháng giờ ngón tay trở lên ngang mắt ngắm nghía, cười thử thí: “Đụ má, đừng bỏ tao đi nghe mày!”

Toàn gắt:

– Đù má mày, giờ ngón tay lên.

Kháng rụt rè đưa ngón trở lên khỏi đầu, cao hơn mô cát một chút, rồi lại thụt xuống. Nhấp nhur như vậy một lúc, Kháng để hẳn ngón tay cao hơn mô cát. Không thấy động tĩnh gì, Kháng nhích tay cao hơn, cao hơn tí nữa. Kháng giờ cả bàn tay, vẫn yên lặng. Toàn nhìn quanh kiểm soát đám đàn em. Tất cả đang nhìn Toàn chờ.

Toàn đẩy đẩy cái mũ sắt của mình lên cao khỏi mô cát. Không có gì.

Toàn ghéch đầu nhìn lên phía trước. Dãy đồi cát hình cánh cung trước mặt Toàn đầy người. Tất cả đều đứng dưới giao thông hào, chỉ lộ từ ngực trở lên.

Toàn đứng hẩn dậy. Lính tráng chỉ đợi có thể, cũng đứng hẩn lên. Tháo dây đạn, bỏ súng, bỏ mũ sắt xuống.

Bình nhất Phước đen, một tên cao bồi khác của Toàn, vụt băng mình lao về phía trước. Toàn hốt hoảng ra lệnh cho lính ứng chiến ngay lập tức, sợ có gì nguy hiểm cho Phước đen. Nhưng không, những người bộ đội phía bên kia nhào lên khỏi giao thông hào, ôm chầm lấy Phước đen. Phước đen móc trong túi ra gói thuốc mời, mời, mời... hết người này đến người khác.

Lính hai bên ùa lên phía trước, ôm nhau hò hét:

"Hết đánh nhau rồi! Hết chiến tranh rồi!"

Những bộ quân phục rằn ri miền Nam trộn lẫn những bộ quân phục cứt ngựa miền Bắc. Có không khóc nhưng nước mắt Toàn cứ ứa ra, không kèm được. Nhưng việc gì phải kèm chứ! Toàn mặc cho nước mắt trào ra"...

(Cao Xuân Huy, Chờ Tôi Với trong tập Vài Mẫu Chuyện)

6/ MẮT BỒ CÂU: BÀI THƠ MỚI ĐỌC LẦN ĐẦU

MẮT BỒ CÂU

trong giấc mơ về thuở thiếu thời
có ai đó nhìn tôi
bằng đôi mắt bồ câu ngây thơ
đánh thức tôi
chạy một trăm năm mươi cây số
chỉ để về đứng lặng
ngắm ngả ba sông

trưa nắng trút bao la trời rộng
ngả ba sông buồn hắt
buồn hiu
sông bây giờ sao quá mệnh mông
bến không bóng đò
không một bóng bồ câu
chân trời thăm thẳm

gió giận ai
chẳng chút nôm nam
cây chờ ai
cây buồn đứng bóng
tôi chờ ai
mà tôi đứng ngóng
nước sông chẳng bao giờ chảy ngược
đành chép giấc mơ vào con thuyền giấy

thả trôi vào mênh mông

*(Nguyễn Khắc Phước, Văn Nghệ Quảng
trị)*

Lần đầu đọc thơ Nguyễn Khắc Phước đã có chút ấn tượng đẹp. Cái ấn tượng đó cứ bám theo, cứ mạnh dần lên để cuối cùng có thể thôi thúc mình cầm bút viết mấy lời bình phẩm.

Mắt Bò Câu là bài thơ tình. Có thể là tình yêu. Có thể là tình bạn. Cũng có thể là tình ... gì đó với một người có đôi mắt bò câu. Người đó giờ đang ở đâu? Tác giả không nhắc đến. Tất cả chỉ còn là kỷ niệm. Chắc là kỷ niệm đẹp, dễ thương, đáng nhớ. Bởi nếu không thế, thi sĩ đâu có mất công:

chạy một trăm năm mươi cây số

để về

đứng lặng

ngắm ngã ba sông

rồi

chép giấc mơ vào trong thuyền giấy

thả trôi vào mênh mông.

Nhưng cái cách thi sĩ mở lòng tâm sự với người đọc cũng thật dễ cảm, dễ mến. Và tôi đã thích bài thơ.

Ấn tượng đầu tiên của tôi với Mất Bò Câu là hình thức phóng khoáng của nó. Số chữ trong câu không theo một lề luật trói buộc nào. Và rất đặc biệt, cách gieo vần tạo *vị ngọt thơ ca* vừa phải, đủ để đưa độc giả theo dòng cảm xúc của thơ đến bờ, đến bến, nhưng không nhiều đến mức làm cho họ ngán.

Theo tôi, *vị ngọt thơ ca* cũng giống độ ngọt của chè:

Đường ít, chè không đủ ngọt

không ngon

đường nhiều, ngọt lợ

ăn gắt cổ.

Tác giả, một đầu bếp kinh nghiệm, nêm đường cho món chè “Mất Bò Câu” của anh không lạt, không ngọt, mà rất vừa miệng.

Ngoài ra, bài thơ còn có những ưu điểm rất dễ nhận thấy: hình ảnh đẹp, nên thơ, tứ thơ bông bênh nhưng dễ “bắt”. Thêm vào đó, từ mỗi con chữ, từ khoảng trống giữa những câu thơ, hơi ấm cảm xúc nhẹ

nhàng lan tỏa tạo cảm giác thật dễ chịu cho người đọc thơ.

Bài thơ có một khuyết điểm rất nhỏ (lỗi chính tả): *ngả ba sông*. Đúng ra phải là *ngã ba sông*. Có lẽ do cách phát âm của người miền Trung, hỏi ngã đôi khi lẫn lộn.

Để kết luận tôi xin ghi lại đoạn cuối, đoạn hay nhất của bài thơ:

gió giận ai

chẳng chút nồm nam

cây chờ ai

cây buồn đứng bóng

tôi chờ ai

mà tôi đứng ngóng

nước sông chẳng bao giờ chảy ngược

đành chép giấc mơ vào con thuyền giấy

thả trôi vào mệnh mông.

Con thuyền chở giấc mơ của Nguyễn Khắc Phước có lẽ đã trôi xa, xa lắm. Nhưng tâm tình của anh, không biết từ lúc nào, đã thấm sang tôi. Và cái cảm giác băng khuâng, tiếc nhớ ấy - nếu không có tiếng vợ gọi ăn cơm – không biết còn bám lấy tôi đến bao giờ?

Nói Với Các Bạn Trẻ Yêu Thơ

Mất Bò Câu là bài thơ chưa được nhiều người biết đến, còn xa lạ với giới thưởng ngoạn thơ. Bình một bài thơ chưa thành danh như thế rất dễ uổng phí công sức. Tuy nhiên, tôi thấy ở bài thơ này một điểm đặc biệt so với nhiều bài thơ tôi đã đọc; **đó là hình thức tương đối phóng khoáng, tự do, cách gieo vần không theo một quy cách bó buộc nào.** Tôi chọn bình bài thơ này để các bạn trẻ yêu thơ có cơ hội làm quen với cái vóc dáng dễ thương của nó. Hãy thoát ra khỏi sự bó buộc của các thể thơ truyền thống. Hãy vượt qua Thơ Mới nay đã không còn mới nữa. Hình thức của Mất Bò Câu chưa phải là cái đích cuối cùng. Hãy xem nó như một trạm trung chuyển để hướng đến chân trời đang rộng mở của thơ ca.

7/ THUYỀN VÀ BIỂN

NGỌT BUI CAY ĐẮNG CỦA TÌNH YÊU

Ngoài 2 câu mào đầu giới thiệu:

*Em sẽ kể anh nghe
Chuyện con thuyền và biển:*

Thuyền Và Biển được viết theo thể thơ ngũ ngôn trường thiên, 7 đoạn, mỗi đoạn 4 câu. Ở đây tác giả sử dụng phép ẩn dụ toàn bài.

Tứ: Câu chuyện thuyền và biển.

Ý: Chuyện tình của chính tác giả. Tác giả là biển, người yêu của chị là thuyền.

Theo tình tiết của tứ thơ, bài thơ được chia làm 4 phần:

1/ Tình Yêu Mới Chớm

*Từ ngày nào chẳng biết
Thuyền nghe lời biển khơi
Cánh hải âu, sóng biếc
Đưa thuyền đi muôn nơi*

*Lòng thuyền nhiều khát vọng
Và tình biển bao la
Thuyền đi hoài không mỏi
Biển vẫn xa... còn xa*

Đoạn đầu của bài thơ kể lại lúc tình yêu mới chớm. Chàng để ý đến nàng, cố công theo đuổi; còn nàng trong lòng không biết thế nào chứ ngoài mặt thì cứ “tảng lờ như không”. Tôi chợt nghĩ đến tâm tình của một nữ sinh Đồng Khánh (Huế) trong một đoạn trả lời bài thơ Qua Mấy Ngõ Hoa của Muờng Mán:

*Răng mà cứ theo tui hoài rứa?
Cái ôn ni mới dị chưa tề!
Sớm chiều trưa ba buổi đi về
Đưa với đón làm chi không biết!*

mà cái thời còn là anh lính trẻ thường tới lui với Huế - vì công vụ cũng như vui chơi - tôi được một nữ sinh Đồng Khánh chép tặng và đã thuộc lòng vì rất thích. Nhưng nếu để ý so sánh thì tuy cùng một chiến thuật tán gái - bám sát đối tượng - cách diễn tả của Xuân Quỳnh sang hơn, bay bướm hơn nhiều.

Còn khi cô nữ sinh Đồng Khánh đã xuôi lòng, già
vờ xuống giọng năn nỉ:

Tội tui lắm cách cho vài thước

đừng đi gần hai bước song đôi

xa xa cho kéo bạn tui cười

mai vô lớp cả trường dị nghị.

thì ở đoạn thứ hai khi biết chàng trai đã có ý chinh
phục trái tim mình:

“Lòng thuyền nhiều khát vọng”

thì tình cảm của tác giả Thuyền Và Biển đã được kín
đáo bày tỏ:

“Và tình biển bao la”

nhưng vì là phụ nữ nên nàng vẫn “ý tứ” giữ một
khoảng cách khá ... xa:

“Thuyền đi hoài không mỏi

Biển vẫn xa ... còn xa”

Ấn dụ thật tuyệt vời.

Mấy thế kỷ trước Lê Quý Đôn đã viết về thi pháp như sau: “Lời kỵ thẳng, mạch kỵ lộ, ý kỵ nông, thi vị kỵ ngẩn”. Trong 2 đoạn thơ này Xuân Quỳnh hoàn toàn tránh được những điều “kỵ” mà nhà thơ họ Lê nhắc nhở người đời. Lời của chị rất bóng gió, mạch thơ kín đáo. ý thơ sâu sắc và đặc biệt thi vị cứ vương vấn mãi nơi tâm hồn người đọc.

2/ Khi Chúng Mình Yêu Nhau

Đến đoạn 3 thì tình yêu đã bền rễ, nàng đã “mở cửa trái tim” chấp nhận tình yêu của chàng và đã biểu lộ bằng hành động cụ thể:

*Những đêm trăng hiền từ
Biển như cô gái nhỏ
Thầm thì gửi tâm tư
Quanh mạn thuyền sóng vỗ*

*Cũng có khi vô cớ
Biển ào ạt xô thuyền
(Vì tình yêu muôn thuở
Có bao giờ đứng yên?)*

Qua 2 đoạn thơ ở phần này tác giả đã tiết lộ một chút bí mật về vai trò của phụ nữ trong hôn nhân. Theo chị thì phụ nữ là sứ giả của tình yêu, của hòa

bình, vào “*những đêm trăng hiền từ*” thường bằng những lời “*Thâm thì gửi tâm tư/ Quanh mạn thuyền sóng vỗ*” đem đến cho bạn tình cái cảm giác ấm áp, an lành, hạnh phúc của kẻ đang yêu và được yêu. Nhưng chính phụ nữ cũng là những bà “*thần chiến tranh*”, châm ngòi cho những cuộc “*xô bát, chạm đĩa*” trong gia đình mà chẳng cần có một duyên cớ gì chính đáng:

Cũng có khi vô cớ

Biển ào ạt xô thuyền

rồi đổ thừa là:

(Vì tình yêu muôn thuở

Có bao giờ đứng yên!)

Ôi! Nữ sĩ Xuân Quỳnh ơi, phụ nữ như chị thật ngàn lần đáng yêu và cũng vạn lần đáng ... sợ.

3/ Tình Sâu Nghĩa Nặng

Chỉ có thuyền mới hiểu

Biển mênh mông nhường nào

Chỉ có biển mới biết

Thuyền đi đâu, về đâu

Thân thể em, với anh, như tấm bản đồ mở rộng, anh đã rành rẽ đường đi nước bước; tâm hồn em, những nghĩ suy toan tính đời thường, cả những ước mơ sâu kín, em cũng chia sẻ với anh. Còn lộ trình của anh trong đời: điểm dừng, điểm đến, khi đi, lúc về anh cũng ghi hết cho em.

Những ngày không gặp nhau

Biển bạc đầu thương nhớ

Những ngày không gặp nhau

Lòng thuyền đau - rạn vỡ

Những ngày vắng anh em nhớ thương quay quắt; những ngày không gặp mặt nhau anh như phát ốm, phát đau. Ý chỉ bình thường như thế nhưng không biết tác giả chọn được điểm đứng đặc biệt như thế nào để khi nhìn biển nổi sóng bạc đầu (trắng xóa) lại có thể tưởng tượng là “Biển bạc đầu thương nhớ” và nhìn con thuyền tạm giã từ biển “lên ụ” để sửa chữa mà có thể nghĩ là “Lòng thuyền đau rạn vỡ” thì quả là thật tài tình. Đây là 2 câu đắt giá nhất của bài thơ; tứ thơ rất bóng gió, rất đẹp, rất thơ nhưng lại như lưỡi dao rất sắc len lỏi vào tận đáy tâm hồn.

Lao vào cuộc chơi văn chương thi phú tôi đã đọc không biết bao nhiêu là câu thơ, bài thơ diễn tả tình

sâu nghĩa nặng của vợ chồng. Đây là đề tài muôn thuở, “cũ xưa như trái đất”. Nhưng chưa có câu thơ, bài thơ nào đặc sắc như 2 đoạn thơ trên. Tôi xin nói rất mạnh mẽ mà không sợ lời: nói đến tình nghĩa vợ chồng, đây là những vần thơ tuyệt bút. Có lẽ vì thế mà nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu đã chọn 2 đoạn thơ này và đoạn kết để phổ thành bản nhạc *Thuyền Và Biển*.

4/ Nếu Cuộc Tình Chia Xa

*Nếu từ giã thuyền rồi
Biển chỉ còn sóng gió"*

*Nếu phải cách xa anh
Em chỉ còn bão tố*

Khi tình đã sâu, nghĩa đã nặng mà vì lý do này, lý do khác phải chia xa thì cả 2 bên đều đau khổ. Nhưng theo Xuân Quỳnh thì bên phía phụ nữ nỗi khổ đau sâu hơn, lớn hơn gấp bội. Hai câu kết:

*Nếu phải cách xa anh
Em chỉ còn bão tố*

chính là nỗi đớn đau đã lên đến tột độ, biểu lộ một tình yêu nồng thắm, mãnh liệt. Tác giả đã bước ra khỏi phép ẩn dụ, bôi hết son phấn trên mặt, cởi bỏ hết lớp vỏ hóa trang, không còn *Biển Thuyền* bóng

gió và đã hét thật to, xưng gọi đúng tên hai kẻ yêu nhau say đắm. Bài thơ kết thúc ở đúng cao trào.

Vài Lỗi Kỹ Thuật

1/ Hai câu mào đầu không cần thiết.

Theo tôi, 2 câu:

Em sẽ kể anh nghe

Chuyện con thuyền và biển

có thể bỏ đi mà không ảnh hưởng đến việc tìm hiểu tứ của bài thơ. Bố cục bài thơ sẽ gọn hơn.

2/ “Bật mí” phép ẩn dụ

Phép ẩn dụ của bài thơ, nếu tinh ý, người đọc có thể nhận ra sau khi đọc 2 đoạn đầu. Còn nếu “chậm tiêu” một tý thì từ từ rồi cũng thấy, cũng hiểu. Thuyền là chàng, biển là nàng, bài thơ là chuyện tình yêu của chàng với nàng, nàng là tác giả, là nhân vật chính trong bài thơ. Trong đoạn thơ:

Những đêm trăng hiền từ

Biển như cô gái nhỏ

Thăm thì gởi tâm tư

Bên mạn thuyền sóng vỗ

thì biển là cô gái (ẩn dụ) cho nên câu “Biển **như** cô gái nhỏ” không những đã trở nên thừa, gây cảm giác “không thoải mái” cho người đọc mà lại còn làm lộ phép ẩn dụ nữa. Nếu tác giả chọn được cách nói khác, không nhắc gì đến cô gái mà vẫn diễn tả được cái ý ấy thì hay hơn.

Tương tự như vậy, trong đoạn thơ:

Cũng có khi vô cớ

Biển ào ạt xô thuyền

*(Vì **tình yêu** muôn thuở*

Có bao giờ đứng yên!)

Tác giả quên rằng mình đang đóng vai Biển với thân hình và bộ mặt (đã hóa trang) của Biển. Ngôn ngữ rất riêng, rất lạ của Biển và Thuyền đang thu hút sự chú ý của độc giả. Tự nhiên buột miệng nói ra “tiếng người” khiến vai diễn của vở kịch trở thành bất nhất. Hai câu sau nếu tránh được từ “tình yêu” mà vẫn giữ được ý ấy thì quá hay.

Xuân Quỳnh sinh năm 1942, viết Thuyền Và Biển năm 1963 khi mới 21 tuổi nhưng cái nhìn của chị về

tình yêu, hạnh phúc, khổ đau rất từng trải, chừng chạc, chín chắn. Chị yêu hết mình nên rất sợ tình tan vỡ vì lúc ấy khổ đau sẽ vò nát trái tim.

Tuy là thể thơ mới trường thiên, mỗi đoạn 4 câu nhưng trong Thuyền Và Biển vẫn có dòng cảm xúc, dòng thơ. Đó chính là dòng thời gian của tiến trình tình yêu phát triển, tuy mong manh và hơi “lung linh sương khói” nhưng cũng đủ sức đưa con thuyền tứ thơ từ điểm khởi đầu khi tình yêu mới chớm đến lúc tình sâu nghĩa nặng và sau cùng là tâm trạng lo âu khi nghĩ đến lúc chia xa. Cảm xúc nhẹ nhàng man mác ở khởi đầu; càng về sau càng nồng thắm và đến 2 câu cuối thì đã đến đỉnh điểm, vô cùng mãnh liệt. Bài thơ đã đạt điểm tối đa ở đoạn kết, chấm dứt ở đúng cao trào của tứ thơ.

Chữ nghĩa sang trọng, chính xác, nhiều chỗ đắc địa nên cảm xúc dạt dào ngay từ tầng một. Thế trận câu chữ chặt chẽ, tâm tình chân thật - chị làm thơ bằng cả tâm hồn – nên cảm xúc ở tầng hai và tầng ba chảy ào xuống trái tim người đọc như thác đổ. Ấn độ nhiều đoạn vừa tượng hình vừa đẹp, rất tương hợp, kín kẽ, rất bay bướm và rất sinh động.

Bài thơ cũng có hơi hám của hội chứng nhàm chán vần nhưng:

1/ Trong 7 đoạn thơ gieo vần gián cách tác giả có 4 lần kết thúc đoạn thơ ở vần bằng, 3 lần ở vần trắc; sự chuyển đổi âm điệu đó đã giảm thiểu khá nhiều cái giọng ầu ơ của bài thơ.

2/ Nhờ lời đẹp, tứ hay, ẩn dụ tương hợp, kín kẽ, đọc giả càng đọc càng hứng thú nên cũng không đến nỗi ngán vì nhiều vần.

Tóm lại, nếu không vướng một chút lỗi kỹ thuật thì bài thơ có thể nói là toàn bích, chỗ đứng của Xuân Quỳnh cũng như Thuyền Và Biển trong lịch sử thi ca còn trang trọng hơn nữa

Một Mong Ước Thật Đáng Thương

Theo lời kể của nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu khi đến thăm Xuân Quỳnh thì:

Nhà thơ Xuân Quỳnh rất cảm xúc khi nghe ca khúc “Thuyền Và Biển”. Chị chỉ mong ước giữ nguyên văn câu thơ: “Nếu phải cách xa anh, em chỉ còn bão tố!” Mong các ca sĩ đừng đổi lại: “Nếu phải cách xa em, anh chỉ còn bão tố”. Chị không muốn xóa đi

kỷ niệm buồn đau của mình trong cuộc tình đã qua, và theo chị chắc gì nam giới đã có được tình yêu đắm thắm, đắm say và có lúc bão tố như phụ nữ”.

Tôi rất đồng cảm với Xuân Quỳnh về điều mong ước trên. Có điều theo tôi, tại sao lại để chị phải thốt ra những lời mong ước đó? Các ca sĩ nếu có một chút khả năng “hiểu cảm câu chữ” thì phải biết bản nhạc phổ thơ là tâm trạng của người phụ nữ trong chuyện tình của Thuyền Và Biển, thuyền là nam và biển là nữ. Bản nhạc này để nữ hát là đúng nhất, là hợp tình nhất. Nhưng nếu nam thích thì cũng vẫn có thể hát được, miễn là phải hiểu rằng “giọng nam của mình đang được mượn để chuyển tải tâm tình của một phụ nữ” nghĩa là phải hát đúng nguyên văn:

*Nếu phải cách xa **anh***

***Em** chỉ còn bão tố*

Chứ nếu đổi lại:

*Nếu phải cách xa **em***

***Anh** chỉ còn bão tố*

thì sai bét. **Anh là thuyền chứ có phải là biển đâu mà bão với tố!** Tôi đã vào Youtube nghe vài nam ca

sĩ hát Thuyền và Biển. Đáng buồn là nghe 5 ca sĩ hát thì cả 5 đều hát sai. Rất mong các nam ca sĩ xem lại để hát cho đúng. Trước hết, để tỏ lòng tôn trọng Xuân Quỳnh, một nữ sĩ tài danh đã mất, thứ đến để chúng tỏ đẳng cấp nghệ sĩ của mình, có thể hiểu, cảm tâm trạng của tác giả và thả hết tâm hồn vào lời ca, nốt nhạc chứ không phải là người vô trách nhiệm, tự động sửa lời bản nhạc của người ta theo ý mình, chẳng cần biết đúng sai, và cứ thế nhắm mắt hát bừa, hát bậy.

Kết Luận

Bài thơ giờ đã hơn 50 tuổi và Xuân Quỳnh cũng như biển, đã đi xa ... rất xa, nhưng những cặp hình ảnh tương xứng của phép ẩn dụ giữa thuyền, biển và đôi lứa yêu nhau, rất đẹp, rất ăn ý vẫn còn sống trong lòng người mê thơ, đặc biệt là những người trong tình yêu đã từng được nếm cả vị ngọt bùi lẫn cay đắng.

8/ BÁNH VẼ VÀ NHÂN CÁCH MỘT NHÀ THƠ

Bánh vẽ

Chưa cần cầm lên nếm, anh đã biết là bánh vẽ
Thế nhưng anh vẫn ngồi vào bàn cùng bè bạn
Cầm lên nhấm nháp.

Chả là nếu anh từ chối
Chúng sẽ bảo anh phá rối

Đêm vui

Bảo anh không còn có khả năng nhai

Và đưa anh từ nay ra khỏi tiệc...

Thế thì đâu còn dịp nhai thứ thiệt?

Rốt cuộc anh lại ngồi vào bàn

Như không có gì xảy ra hết

Và những người khác thấy anh ngồi,

Họ cũng ngồi thôi

Nhai ngồm ngoàm...

(Chế Lan Viên, Văn học và Dư luận 8-1991) (1)

Lời Bình

Bánh Vẽ có phép ẩn dụ toàn bài nên tứ và ý khác nhau.

Tứ: Tác giả được mời ăn bánh vẽ - chỉ là hình vẽ chứ không phải bánh thật. Ông biết là bánh vẽ nhưng vẫn cứ ngồi vào bàn nhai nhồm nhoàm để “giữ chỗ” hầu còn có dịp ăn thứ thiệt.

Ý: Ông chấp nhận “cùng hội cùng thuyền” với những người cộng sản bấy lâu nay chỉ là vì miếng cơm manh áo, uy quyền và danh vọng chứ ngay từ đầu ông đã biết tổng Xã Hội Chủ Nghĩa chỉ là sự lừa bịp.

1/ Ngôn ngữ thơ rất đời thường, dễ hiểu. Chúc năng truyền thông thành công ở cả 2 mặt tứ và ý. Tứ thì không nói làm gì vì hình ảnh bữa tiệc “bánh vẽ” đã quá rõ ràng. Nhưng – không như một số bài thơ sử dụng phép ẩn dụ toàn bài khác - ở đây độc giả bước lên cây cầu liên tưởng để đi từ tứ qua ý không khó khăn chút nào, và có thể nói mười người như một tới cùng một điểm đến.

2/ Hình thức thơ: tác giả biểu lộ một phong thái ung dung, tự tin trước hình thức thơ:

a/ Số chữ trong câu, số câu trong bài tùy tiện thoả mái, không có biểu hiện gò bó, gượng gạo

b/ Luật bằng trắc: nhiều chỗ phải phá lệ để tứ thơ được ung dung tiến bước.

b/ Vần: không quá nhạt, không quá ngọt, thoang thoảng rất vừa độ.

c/ Dòng chảy của thơ lững lờ, êm ả, thích hợp với tâm trạng buồn, cay đắng.

3/ Ẩn Dụ là “Nói cái này mà ngụ ý cái kia”. Cái này cũng hợp tình hợp lý và cái kia cũng hợp lý hợp tình. Phép ẩn dụ kín kẽ và hoàn hảo.

4 / Độ phủ sóng (scope) của đề tài, ý thơ: rộng, bao trùm mọi mặt của chế độ, của xã hội,

5/ Phỉ nhổ, bôi bác chế độ, chính quyền một cách cay độc, lời lẽ nhẹ nhàng nhưng ý tứ, nội dung của câu chữ “nặng đến nghìn cân”. Cộng với vị trí của ông trong chính quyền, làm công việc lãnh đạo tinh thần, tư tưởng nên câu chữ có căn cứ, gốc rễ, có độ khả tín cực cao, chế độ không còn đường nào biện minh, chối cãi.

6 / Làm thơ trong lúc quá tỉnh, kỹ thuật thơ điêu luyện, hoàn hảo nhưng thiếu hơi nóng cảm xúc. Thơ đầy chất trí tuệ nhưng lại không hồn.

Tóm lại, đây là bài thơ được viết bởi một thi sĩ bậc thầy về kỹ thuật thơ nên có hình thức gần như tối ưu, ngôn ngữ chất lọc, hình tượng dễ cảm, ẩn dụ sắc sảo được thể hiện một cách hoàn hảo, thơ đầy chất trí tuệ nhưng thiếu hồn. Qua Bánh Vẽ nhà thơ đã tự tay trét bùn lên mặt mình nhưng ông cũng nhân tiện ném những nắm bùn hôi tanh đó tung tóe vào mặt, vào người đám văn nghệ sĩ công thần của chế độ, những kẻ nhắm mắt ca tụng một “Thiên Đường” mà chính mình đã biết là không có thật.

Nhân Cách Của Chế Lan Viên:

Thật tình tôi vẫn rất kính trọng những người cộng sản chân chính, vào đảng vì lý tưởng, vì bầu nhiệt huyết của tuổi thanh niên, muốn đem tài sức của mình xây dựng một xã hội công bằng, một đất nước Việt Nam giàu đẹp. Tôi đã gặp, trò chuyện với một số người như thế. Nhưng đã từ khá lâu rất nhiều người đã thấy sự thật, biết mình lầm lẫn, đã bỏ hết để về với cuộc sống dân thường, giữ chút danh dự của kẻ sĩ.

Trường hợp Chế Lan Viên thì khác. Ông là một thức giả, đã thấy sự thật ngay từ lúc đầu:

Chưa cần cầm lên ném, anh đã biết là bánh vẽ

Ông biết, nhưng “*vẫn ngồi vào bàn cùng bè bạn*” vì:

a/ Mê bả vinh hoa, tham quyền cố vị: biết là bánh vẽ mà vẫn muối mặt ngồi cùng ăn và dùng tài thơ của mình hết lời ca tụng đám người vẽ bánh để hưởng bổng lộc triều đình cho đến chết. (1989)

b/ Hèn: Không có sĩ khí của người cầm bút, thấy cái sai to lớn, gây hại cho cả một dân tộc mà – vì sợ - vẫn ngậm miệng, không dám lên tiếng, viết dăm dúm mấy bài thơ, chờ khi chết (mấy năm sau) mới cho đem phổ biến.

c/ Và chính vì hèn, tham lợi lộc, quyền chức nên đã góp sức gây nhiều tội ác.

- Đẩy cả mấy thế hệ thanh niên Việt Nam đi vào chỗ chết: Chính ông đã tự thú:

*Mộ Thân 2.000 người xuống đồng
bằng*

Chỉ một đêm, còn sống có 30

*Ai chịu trách nhiệm về cái chết 2.000
người đó?
Tôi!
(Ai? Tôi!, Chế Lan Viên)*

Chỉ một trận đánh mà đã gần 2000 (nói chính xác như trong bài thơ là 1970) người mất mạng. Suốt mấy chục năm chiến tranh thì con số đó đã lên đến bao nhiêu? Rồi còn phía bên kia? Cũng là những đứa con của mẹ Việt Nam máu đỏ da vàng.

- Rủ rê, lôi kéo biết bao con dân nước Việt đi vào con đường mà chính mình đã biết là sai lầm tai hại.

Thơ của ông có lúc tỉ tê, nỉ non như rót mật vào lòng, có lúc như những bản nhạc hùng tráng thúc giục lên đường. Trong số nhiều triệu con em Việt Nam ưu tú, một số rất đông vì nghe thơ, đọc thơ ông mà đã ra sức phấn đấu vào đoàn, vào đảng để cuối cùng mang tội đày đoạ dân tộc, dẫm nát quê hương.

Kết Luận

Nhiều năm sau nữa người yêu thơ có lẽ cũng chưa quên Bánh Vẽ, một bài thơ có kỹ thuật thơ hoàn hảo, ý tứ sâu sắc (2). Thơ của ông, tên tuổi ông – nhà thơ

Chế Lan Viên, tên thật là Phan Ngọc Hoan - sẽ đi vào văn học sử, lịch sử của dân tộc. Lớp trẻ sau này đọc thơ ông, xem tiểu sử ông chỉ cần nhớ 3 chữ: TÀI, **Hèn** và **Ác**. Chữ TÀI thật to (viết hoa) là TÀI THƠ của ông, 2 chữ **Hèn** và **Ác** nhỏ hơn nhưng thật đậm nét chính là nhân cách của ông.

Chú Thích:

1/ Bộ **Di cao thơ** gồm 3 tập I, II, III do NXB Thuận Hoá ấn hành **lần** lượt các năm 1992, 1993, 1996. Riêng Bánh Vẽ và Trừ Đi được xuất hiện năm 1991 trên Văn Học Và Dư Luận.

2/ Cũng giống Ông Đồ (VĐL) và Sông Lấp (TTX) là chứng nhân cho một giai đoạn lịch sử: nho học lui tàn, Bánh Vẽ (CLV), Nhìn Từ Xa Tổ Quốc (Nguyễn Duy) và Tạ Lỗi Với Trường Sơn (ĐTQ) theo tôi, là 3 bài thơ tiêu biểu cho những vần thơ “ngược dòng”, dám nói thẳng nói thật về “*hậu quả tai hại của việc áp đặt chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa trên quê hương*”.

9/ TẠ LỖI TRƯỜNG SƠN BÀI THƠ NGƯỢC DÒNG NÓNG BỎNG

Vài Lời Phi Lộ

Tôi biết đến Đỗ Trung Quân và tài thơ của anh qua bản nhạc Quê Hương – thơ anh được Giáp Văn Thạch phổ nhạc. Lúc ấy – còn ở trong tù - tôi chưa biết, chưa được đọc nguyên bài thơ Bài Học Đầu Cho Con của anh. Mặc dầu hơi có cảm giác khó chịu khi nghe đoạn cuối:

Quê hương mỗi người chỉ một

Như là chỉ một mẹ thôi

*Quê hương nếu ai không hiểu (sau này đổi **hiểu** thành **nhớ**)*

Sẽ không lớn nổi thành người

Nhưng phải công nhận phần còn lại của bản nhạc (thơ) là những bức tranh về quê hương thật dễ thương. Ở đó – cũng giống Ông Đồ của Vũ Đình Liên – thi đã hoá thân thành họa; tác giả đã tặng cho đời những bức tranh thơ tuyệt đẹp.

Mấy năm sau này tình cờ đọc Tạ Lỗi Trường Sơn của ĐTQ trên Tiền Vệ tôi đã cao hứng viết bài thơ trong đó có đoạn:

Ngày xưa anh hát

“Quê hương là chùm khế ngọt”

Sao bây giờ cắn quả khế nào anh cũng che mặt bảo chua?

Có phải tại ngày xưa khế chua

nhưng muốn được lòng người anh yêu (1)

anh nói bừa là khế ngọt?

Hay tại sống với kẻ vô tình

lâu rồi

khế ngọt cũng thành chua? (2)

có ý muốn “đá giò lái” anh một cái. Nhưng không hiểu sao tôi vẫn khoái những câu chữ rất bộc trực, bóp chát – không giữ ý tứ, không dòm trước ngó sau - của anh nên hôm nay cũng bày đặt nhảy vô viết mấy lời bình.

Ý, Tứ:

Bài thơ là những lời đốp chát nói thẳng (không ẩn dụ) nên ý với tứ là một: Sau khi chiếm được miền nam năm 1975 “những người nhân danh Hà Nội” đã

khinh khi dân Sài Gòn nói riêng và dân miền nam nói chung như cỏ rác, dùng những từ xấu xa nhất để gán cho họ; nhưng rồi chính “những người nhân danh Hà Nội” – trong đời sống thực tế - đã biểu lộ một nhân cách còn tệ hại và đáng khinh khi hơn nhiều.

Hình Thức:

TLTS có vóc dáng của thơ mới nhưng đã được tác giả đưa vào những thay đổi tích cực:

a/ Số câu không giới hạn. Viết cho đến khi hết hứng, hết ý thì thôi. Theo cách đếm câu của PĐN thì bài thơ dài xấp xỉ 100 câu.

b/ Số chữ trong câu: Câu ngắn nhất 2 chữ (Bây giờ), câu dài nhất 18 chữ (Các anh cũng chạy bán người đi lòng kiếm tủ lạnh ti vi, cassette, radio...) còn lại thì tùy hứng, không tuân theo một luật lệ nào.

c/ Vần: Vần liên tiếp khá đều đặn nhưng nhờ số chữ trong câu thay đổi tùy tiện, thỉnh thoảng tác giả lại chuyển đoạn thay vần, có chỗ sử dụng cả vần gián cách (3) để chuyển âm bằng trắc nên độ ngọt vừa phải, không có hội chứng nhàm chán vần. “Lối chơi vần” rất nhuần nhuyễn của ĐTQ khiến dòng thơ chảy trơn tru, nhiều đoạn dòng chảy rất xiết, tạo cơ hội cho hồn thơ hình thành và lớn mạnh.

ngôn ngữ: Mạnh bạo, hằn học, vô thẳng mặt, “lấy chữ của mày để chửi mày” nhưng rõ ràng, dễ hiểu, chức năng truyền thông của bài thơ thành công. Một số hình tượng rất hay như:

*Các anh hòa nhau lập tòa án bằng văn chương
Mang tuổi trẻ Sài Gòn ra trước vành móng ngựa!!!*

Và:

*Các anh cũng chạy đút hơi
Rượt bắt và trùm kín đầu những rác rưởi Sài Gòn
thời quá khứ*

Giải Thích Thêm Về Tứ Thơ:

Đỗ Trung Quân viết Tạ Lỗi Trường Sơn với tâm thế của dân Sài Gòn (miền nam) nên dù đã từng đi TNXP, từng khoác áo bộ đội giọng thơ cũng vẫn có mùi của bên thua cuộc. Nhưng trong cái đoàn dài đến mấy chục triệu người của bên thua cuộc ấy ĐTQ đứng ở gần cuối hàng. Tâm hồn anh đã gần như nghiêng hẳn về phía bên kia. Anh “Tội nghiệp Sài Gòn quá thể” nhưng Sài Gòn với anh là ai?

Là:

anh thợ điện ra đi không về

là:

*những “bà mẹ Bàn Cờ” của những ngày chống Mỹ
là:*

*những người Sài Gòn đi xa
đi từ tuổi hai mươi
nhận hoang đảo tù đầy để nói về lòng ái quốc.*

toàn là những người sống ở miền nam, ăn cơm miền
nam nhưng lòng dạ đã giao hết cho “phía bên kia”
Và qua đoạn thơ dưới đây:

*Tội nghiệp những ông cha rời khỏi nhà dòng
Áo chùng đen dẫm máu
Tội nghiệp những chiến trường văn chương, thi ca,
sách báo
Những vị giáo sư trên bục giảng đường
Ưu tư nhìn học trò mình nhiễm độc*

tôi chưa dám nói là anh đã có lối suy nghĩ hoàn toàn
giống bên thắng cuộc nhưng những gì họ nói anh đã
rất tin tưởng và ghi khắc trong lòng.

Tại sao ĐTQ lại bức bối đến độ phần uất để có thể
viết lên những vần thơ “bùng bùng lửa giận”, chảy
ngược với dòng thơ phải đạo như thế? Để tìm câu trả

lời cho câu hỏi ấy tôi mời bạn đọc trở lại phần đầu của bài thơ:

*Các anh đến
Và nhìn Sài Gòn như thủ đô của rác
Của xì ke, gái điếm, cao bồi
Của tình dục, ăn chơi
“Hiện sinh – buồn nôn – phi lý!!!”*

*Các anh bảo con trai Sài Gòn không lưu manh cũng
lính ngục
Con gái Sài Gòn không tiểu thư khuê các, cũng đi
điểm giang hồ
Các anh bảo Sài Gòn là trang sách “hư vô”
Văn hóa lai căng không cội nguồn dân tộc*

*Ngồi bút các anh thay súng
Bắn điên cuồng vào tử lạnh, ti vi
Vào những đồ tiêu dùng mang nhãn Hoa Kỳ
Các anh hẳn học với mọi tiện nghi tư bản*

*Các anh bảo tuổi trẻ Sài Gòn là “thú hoang” nổi
loạn
Là thiêu thân ủy mị, yếu hèn
Các anh hòa nhau lập tòa án bằng văn chương*

Mang tuổi trẻ Sài Gòn ra trước vành móng ngựa!!!

Vâng! Đó là thái độ hết mực khinh khi của “những người nhân danh Hà Nội” đối với (dân) Sài Gòn nói riêng và cả miền nam nói chung. Nhưng sau 7 năm thì theo DTQ, “những người nhân danh Hà Nội”

“đang ngồi giữa Sài Gòn bắt đầu chửi bới”

“chửi vào tên những làng quê ghi trong lí lịch của mình”

và

“sợ đến tái xanh

khi có ai nói bây giờ về lại Bắc”

DTQ viết tiếp:

Bây giờ

Những đứa con đang tự nhận mình “trong sạch”

Đang nói về quê mẹ của mình như kẻ ngoại nhân

Các anh

Đang ngồi giữa Sài Gòn nhịp chân

Đã bờm xờm râu tóc, cũng quần jean xắn gấu

Cũng phanh ngực áo, cũng xỏ dép sa bô

Các anh cũng chạy bán người đi lùng kiếm tủ lạnh ti vi, cassette, radio...

Bia ôm và gái

Các anh nông nghênh tuyên ngôn "khôn và dại"

Các anh bắt đầu triết lý "sống ở đời"

Các anh cũng chạy đút hơi

*Rượu bắt và trùm kín đầu những rác rưởi Sài Gòn
thời quá khứ*

À! Thì ra là "chúng mày nói phét, chúng mày lừa ông". Và thi sĩ của chúng ta nổi trận lôi đình, "chửi vung tít mẹt". Bài thơ nặng mùi của bên thua cuộc là vì thế.

Vâng! Có thể nói TLTS là tập hợp một cách đầy nghệ thuật những lời đốp chát, vỗ thẳng mặt, nói hằn học trong cơn giận dữ, phân định "mi", "ta" rõ ràng. "Ta nói thẳng cho mi biết: Bây giờ cái bản mặt đạo đức giả của mi đã lộ ra. Những xấu xa bản thủ ngày nào mi gán cho ta thì giờ này mi bản thủ xấu xa còn gấp nhiều lần hơn thế nữa."

Trong cơn lửa giận phùng phùng ĐTQ đã "bật mí" hai điểm mà "những người nhân danh Hà Nội" đã cố bưng bít dấu diếm. Một là, những cái "ưu việt" của chế độ và con người XHCH chỉ là phét lác. Dân miền bắc ngạc nhiên đến choáng ngợp (4) trước sức

phát triển và vẻ đẹp của “Hòn Ngọc Viễn Đông” (5) và các thành phố lớn ở miền nam. Mức sống của dân miền nam lúc đó khá cao - đặc biệt là thực phẩm và tiện nghi vật chất - đã vượt xa mức sống của người dân miền bắc. Hai là, chính quyền đã có hẳn một chính sách đẩy dân miền nam đi vùng kinh tế mới để đưa dân miền bắc vào “chiếm” những “điểm then chốt” trong những thành phố lớn - đặc biệt là Sài Gòn.

TLTS được nhiều người khoái (dĩ nhiên là dân miền nam), tán tụng là bài thơ “hết sảy” cũng nhờ một phần ở nội dung của nó. Tác giả đã “không chịu trôi xuôi” mà dám “lội ngược dòng” (ý thơ Nguyễn Duy), viết nên những vần thơ đối chọi với dòng thơ phải đạo, nói lên những điều bị coi là cấm kỵ, không ai dám nói dù là sự thật. Chính vì thế mà bài thơ phải chờ đến 27 năm sau mới được trình làng.

Hơi Thơ, Hồn Thơ: Cái hay nhất, cái tuyệt vời của bài thơ là cảm xúc. Hơi thơ tỏa nhiệt ngay từ những câu đầu, dẫn người đọc đi một lèo tới đích. Cảm xúc từ câu chữ tỏa ra đã khá mạnh, rồi do - bài thơ nhất khí liền mạch – sóng sau dồn sóng trước nên cảm xúc đến từ thể trận của toàn bài dâng lên cao ngất. Hơn nữa tác giả viết trong lúc đang lên cơn - lửa

giận phùng phùng – thoát khỏi sự can thiệp của lý trí, nên không còn biết sợ, chữ nghĩa cứ hàng hàng lớp lớp tuôn ra khiến hơi thơ rất mạnh và nóng bỏng, hồn thơ lai láng.

Bài thơ này phía “ta” nghe rất sượng tai, nhưng phía “mi” thì “biết là nó nói đúng đấy nhưng cái kiểu ‘vuốt mặt không chịu nể mũi’ như thế thì làm sao có thể chấp nhận được!”

Về Câu Kết Của Bài Thơ

Cuộc sống của anh ở miền nam đang an lành, tiện nghi vật chất tương đối đầy đủ, tinh thần thì tự do thoải mái. Người ta từ bắc vào “cầm chịch” mọi góc cạnh của đời anh. Người ta chê anh đủ điều, khinh khi anh ra mặt, chửi anh như tát nước . Sau đó anh đã nhận ra là người ta chỉ là bọn đạo đức giả; những gì người ta chê anh, khinh anh, chửi anh thì bấy giờ người ta lại lậm vào còn gấp nhiều lần hơn thế nữa. Anh dùng dùng nổi giận, chửi một hơi dài, rất văn hoa, rất có hồn, nghe rất đã. Nhưng cuối cùng anh lại buông câu kết “Ai Bây Giờ Sẽ Tạ Lỗi Với Trường Sơn?” nghĩa là anh vẫn “tôn thờ” cái việc vượt Trường Sơn của người ta, vẫn xem cái việc

người ta tự dung từ bắc vào nam nắm đầu anh, cai quản cuộc đời anh là đúng. Câu kết ấy phải nói là trật lất và lãng nhách.

Kết Luận

Dù TLTS chưa phải là toàn bích, và cho đến thời điểm này (2016) bài thơ mới có trên dưới 7 năm thử thách với thời gian nên chưa thể kết luận gì về sức sống của nó. Nhưng chỉ nhìn vào giá trị nghệ thuật của bài thơ tôi phải công nhận là ĐTQ tài hoa. Mới 27 tuổi đã viết được một thi phẩm giá trị, đã đưa được hơi nóng hừng hực của tuổi trẻ trong lúc đang “nộ khí xung thiên” vào thơ. Cái giây phút “lên cơn” ấy đâu phải lúc nào cũng đến với thi sĩ. Mà nếu may mắn nó có đến, đâu phải ai cũng nhanh tay chớp được để đưa nó vào thơ. Cái hồn thơ, cái hơi thơ mạnh mẽ nhường ấy khiến TLTS đứng nổi bật ở một góc riêng và tôi mạnh dạn tiên đoán rằng – cũng giống như Ông Đồ và Sông Lấp là chứng nhân cho một giai đoạn lịch sử của dân tộc, giai đoạn Nho Học lụi tàn, Tà Lỗi Trường Sơn của Đỗ Trung Quân – cùng với 2 bài thơ ngược dòng khác – cũng sẽ đi vào văn học sử, là chứng nhân cho một giai đoạn lịch sử khác, giai đoạn chế độ XHCN bị áp đặt trên toàn cõi Việt Nam.

CHÚ THÍCH:

1/ nhưng lại không yêu anh

2/ Quê Hương - Kẻ Đi Người Ở, Phạm Đức Nhì, t-van.net

3/

Tội nghiệp chiếc cầu Công Lý

Có anh thợ điện ra đi không về

Tội nghiệp những “bà mẹ Bàn Cờ” của những ngày chống Mỹ

Lửa khói vỉa hè nắm cả những hàng me

4/ Trước khi vào nam (1975) dân miền bắc phải học tập để biết rằng những sự phát triển và vẻ đẹp của Sài Gòn, của miền nam, những tiện nghi vật chất của người dân chỉ là “phồn vinh giả tạo”

5/ Tên khác của Sài Gòn được người ngoại quốc gọi một cách nể trọng.

PHỤ LỤC:

Tạ lỗi Trường Sơn

1.

Một ngàn chín trăm bảy mươi lăm
Các anh từ Bắc vào Nam
Cuộc trường chinh 30 năm dằng dặc
Các anh đến
Và nhìn Sài Gòn như thủ đô của rác
Của xì ke, gái điếm, cao bồi
Của tình dục, ăn chơi
“Hiện sinh – buồn nôn – phi lý!!!”

Các anh bảo con trai Sài Gòn không lưu manh cũng
lính nguy
Con gái Sài Gòn không tiểu thư khuê các, cũng đã
điểm giang hồ
Các anh bảo Sài Gòn là trang sách “hư vô”
Văn hóa lai căng không cội nguồn dân tộc
Ngồi bút các anh thay súng
Bắn điên cuồng vào tủ lạnh, ti vi
Vào những đồ tiêu dùng mang nhãn Hoa Kỳ
Các anh hẳn học với mọi tiện nghi tư bản

Các anh bảo tuổi trẻ Sài Gòn là “thú hoang” nổi loạn
Là thiêu thân ủy mị, yếu hèn
Các anh hứa nhau lập tòa án bằng văn chương
Mang tuổi trẻ Sài Gòn ra trước vành móng ngựa!!!

2.

Tội nghiệp Sài Gòn quá thể
Tội nghiệp chiếc cầu Công Lý
Có anh thợ điện ra đi không về
Tội nghiệp những “bà mẹ Bàn Cờ” của những ngày
chống Mỹ
Lửa khói vỉa hè nám cả những hàng me

Tội nghiệp những người Sài Gòn đi xa
Đi từ tuổi hai mươi
Nhận hoang đảo tù đày để nói về lòng ái quốc
Có ai hỏi những hàng dương xanh
Xem đã bao nhiêu người Sài Gòn hóa thân vào sóng
nước
Tội nghiệp những đêm Sài Gòn đốt đuốc
Những “người cha bến tàu” xuống đường với bao tử
trống không

Tội nghiệp những ông cha rời khỏi nhà dòng

Áo chùng đen đầm máu
Tội nghiệp những chiến trường văn chương, thi ca,
sách báo
Những vị giáo sư trên bục giảng đường
Ưu tư nhìn học trò mình nhiễm độc
Sài Gòn của tôi – của chúng ta.
Có tiếng cười
Và tiếng khóc.

3.

Bảy năm qua đi với nhiều buồn vui đau xót
Một góc phù hoa ngày cũ qua rồi
Những con điểm xưa có kẻ đã trở lại làm người
giã từ ghế đá công viên để sống đời lương thiện
Những gã du đảng giang hồ
cũng khoác áo thanh niên xung phong lên rừng
xuống biển
Tìm lại hồn nhiên cho cuộc sống của mình
Cuộc đổi thay nào cũng nhiều mất mát, hi sinh...

4.

Và khi ấy
Thì chính “các anh”

Những người nhân danh Hà Nội
Các anh đang ngồi giữa Sài Gòn bắt đầu chửi bới
Chửi đã đời
Chửi hả hê
Chửi vào tên những làng quê ghi trong lí lịch của
chính mình
Các anh những người nhân danh Hà Nội sợ đến tái
xanh
Khi có ai nói bây giờ về lại Bắc!!!

Tội nghiệp những bà mẹ già miền Bắc
Những bà mẹ mấy mươi năm còng lưng trên đê
chống lụt
Những bà mẹ làm ra hạt lúa
Những năm thất mùa phải chống gậy ăn xin
Những bà mẹ tự nhận phần mình tối tăm
Để những đứa con lớn lên có cái nhìn và trái tim
trong sạch

Bây giờ
Những đứa con đang tự nhận mình “trong sạch”
Đang nói về quê mẹ của mình như kẻ ngoại nhân
Các anh
Đang ngồi giữa Sài Gòn nhịp chân
Đã bờm xờm râu tóc, cũng quần jean xắn gấu

Cũng phanh ngực áo, cũng xỏ dép sa bô
Các anh cũng chạy bán người đi lòng kiếm tủ lạnh ti
vi, cassette, radio...
Bia ôm và gái
Các anh nông nghênh tuyên ngôn ”khôn và đại”
Các anh bắt đầu triết lý “sống ở đời”
Các anh cũng chạy đút hơi
Rượt bắt và trùm kín đầu những rác rưởi Sài Gòn
thời quá khứ
Sài Gòn 1982 lẽ nào...
Lại bắt đầu ghẻ lở?

5.

Tội nghiệp em
Tội nghiệp anh
Tội nghiệp chúng ta những người thành phố
Những ai ngổn ngang quá khứ của mình
Những ai đang cố tẩy rửa “lí lịch đen”
Để tìm chỗ định cư tâm hồn bằng mồ hôi chân thật

6.

Xin ngả nón chào các ngài
“Quan toà trong sạch”

Xin các ngài cứ bình thân ăn chơi
Bình thân đổi thay lột cũ
Hãy để yên cho hàng me Sài Gòn
Hồn nhiên xanh muôn thuở
Để yên cho xương rồng, gai góc
Chân thật nở hoa.
Này đây!
Xin đổi chỗ không kì kèo cho các ngài cái quá khứ
ngày xưa
Nơi một góc (chỉ một góc thôi)
Sài Gòn bây hầy, ghẻ lở

Bây giờ...
Tin chắc rằng trong các ngài đã vô số kẻ tin vào
”thượng đế”
Khi sống hủ hê giữa một thiên đường

Ai bây giờ
Sẽ
Tạ lỗi
Với Trường Sơn?
(1982)

10/ NHÌN TỪ XA ... TỔ QUỐC NỖI ĐAU QUẬN THẮT CỦA MỘT NGƯỜI VIỆT YÊU NƯỚC

Lời Nói Đầu

Nhìn Từ Xa ... Tổ Quốc - nằm trong danh sách khá dài những bài thơ “phản kháng” - tự nó đã nặng mùi chính trị. Lưu chuyển nó - nếu gặp người khắt khe - cũng có thể bị coi là có ý đồ không tốt. Nhưng chẳng lẽ bình thơ mà gặp bài thơ nội dung súc tích như thế, kỹ thuật thơ hay như thế lại đang tâm ngoảnh mặt làm ngơ? Thế là tôi quyết định viết Lời Bình cho bài thơ.

Tôi không muốn biến bài bình thơ của mình thành một phương tiện tuyên truyền. Đối với những độc giả hiểu biết thì làm như thế là thừa, phí công vô ích. Đối với người khác thì họ đâu có thèm để mắt tới những bài viết khô khan, khó đọc như thế này.

Vì thế tôi chỉ chú trọng đến khía cạnh văn chương: kỹ thuật thơ, tứ thơ, hơi thơ, hồn thơ ...

Nhưng khi giải thích một câu thơ - đặc biệt trong bài thơ này – nó sẽ ít nhiều đụng đến lập trường, quan điểm. Nói thì chưa chắc người đọc sẽ tin, nhưng tôi đã đứng ngay thẳng, nghiêm chỉnh để viết lời bình cho NTXTQ.

Dĩ nhiên bình thơ - ngoại trừ những bài thơ toàn bích rất hiếm gặp - phải có khen, có chê. Đụng đến khen chê thì có người đồng ý, có người không. Tôi sẵn sàng đón nhận mọi ý kiến của các bậc trưởng thượng, của các bạn văn, bạn thơ, của những người yêu văn chương, và của mọi độc giả. Khen chê gì xin quý vị cứ gởi đến. Tôi sẽ trả lời tất cả, không trừ một ai. Nếu ý kiến hay, sẽ được tuyển lựa để đưa vào bài viết tổng hợp: Ba Bài Thơ Phản Kháng - Lời Bình – So Sánh và Tranh Luận.

Ba bài thơ đó là: NTXTQ của Nguyễn Duy, TLTS của Đỗ Trung Quân và Bánh Vẽ của Chế Lan Viên

Nghe Mang Máng Về Bài Thơ

Hạ tuần tháng 8 năm 1988 tôi đang nằm ở khu C1 của Trại Giam Số 4 Phan Đăng Lưu chờ ra tòa (1) thì có một tù nhân mới nhập phòng. Ông đã đứng tuổi (trên 50) là một cán bộ của Sở Văn Hóa TT TP

HCM. Nội vụ còn trong vòng điều tra nên ông chỉ cho biết ông bị nghi ngờ một tội mà ông không liên can. Sau khi đã quen nước quen cái ông kể cho bạn đồng tù nghe về một bài thơ lúc đó ở bên ngoài đang làm xôn xao dư luận cả nước; “nội dung thì đụng đến những yếu huyệt của Chế Độ, còn kỹ thuật thơ thì ‘hết sẩy’, đọc là khoái liền.” Rồi ông ta nói thêm: “Tác giả còn trẻ lắm. Sinh năm 48, 49 gì đó. Chưa đến 40 tuổi đầu.”

Thế rồi do chính sách cởi mở của Nguyễn Văn Linh chúng tôi được miễn tố và trả tự do. Chặt vật với cuộc sống ở trong nam rồi lại ra bắc vượt biên 2 lần thất bại (1 lần bị lừa), cuối cùng tháng 6/1991 chuyển đi của tôi đến bến Hồng Kông, tháng 7/93 qua được Mỹ. Làm công việc đi biển bắt cua nặng nhọc được mấy năm thì bị đụng xe gãy chân, tôi xin tiền chính phủ vào học đại học và dạy tiếng Việt cho trẻ em vào ngày Chủ Nhật kiếm thêm chút ít phụ giúp cuộc sống của gia đình. Lúc ấy - nhờ có cái computer - tôi mới được đọc Nhìn Từ Xa ... Tổ Quốc đầy đủ trọn vẹn. Mãi đến những năm sau này, con cái lớn đi làm, sức ép tài chánh nhẹ hẳn đi, tôi mới mon men bước vào chăm sóc vườn thơ của mình và bắt đầu bình thơ của người khác. Và hôm

nay – rà soát lại lung vốn văn chương, thấy đã khá khá - mới “sò” đến bài thơ “nặng ký” của Nguyễn Duy.

Tứ Thơ:

Bài thơ không có phép ẩn dụ toàn bài nên ý với tứ là một - từ xa nhìn về tổ quốc thấy quê hương dân tộc có quá nhiều vấn nạn (căn bệnh) quái ác mà không biết cách giải quyết (chữa trị) nên lòng đau quặn thắt.

Hình Thức:

Bài thơ vẫn còn vóc dáng của thơ mới nhưng tác giả đã biết phá luật, tháo bỏ xích xiềng để có thể tự do phóng bút.

1/ Viết hết ý thì thôi, không cần biết bài thơ có bao nhiêu câu.

2/ Số chữ trong câu tự do thoải mái.

3/ Văn liên tiếp kiểu Nhớ Rừng nhưng nhiều phá lệ khéo léo, hợp lý nên độ ngọt của thơ vừa phải, không có hội chứng “nhàm chán văn”.

Ngôn Ngữ Hình Tượng:

Rất xuất sắc, đầy ấn tượng, đặc biệt ở phần chính của bài thơ - những vấn nạn của quê hương dân tộc.

Bố Cục:

Bài thơ có thể chia làm 4 phần:

1/ Nhập đề: Hoàn cảnh ra đời của bài thơ

2/ Phần đầu của thân bài: Những chứng bệnh (vấn nạn) trầm trọng của quê hương, dân tộc.

3/ Phần sau của thân bài: Chẩn đoán (tìm nguyên nhân) và cách chữa trị

4/ Kết luận: Niềm tin ở tương lai dân tộc

Hoàn Cảnh Ra Đời Của Bài Thơ

Bài thơ được (bắt đầu) viết vào một đêm ở Moscow (Nga) nên tác giả thấy thấp thoáng cái bóng của mình dưới ngọn đèn và nảy ra ý định trò chuyện với nó để bày tỏ tâm sự và giãi trải tứ thơ. Ông viết với tâm thế của “bên thắng cuộc” – là con cưng của chế

độ (được du học ở Nga) - một lòng một dạ sắt son
yêu quê hương đất nước:

“Dù ở đâu vẫn Tổ Quốc trong lòng

cột biên giới đóng từ thương đến nhớ”

Những Căn Bệnh Quái Ác

Đây là phần chính của bài thơ - tác giả vạch ra
những vấn nạn lớn của quê hương, dân tộc.

1/ Hát đồng ca

Có một thời ta mê hát đồng ca

chân thành và say đắm

“ta là ta mà ta cứ mê ta” ()*

tất cả trôi xuôi – cấm lợi ngược dòng

thần tượng giả xèo xèo phi hành mờ

ợ lên thum thum cả tim gan

() Thơ Chế Lan Viên*

Không phải chỉ ở ngành văn hóa văn nghệ mà hầu
như ở mọi nơi, mọi mặt trong cuộc sống người Việt
Nam đều phải “hát đồng ca” đúng những chủ trương

chính sách của Đảng – “chỉ được trôi xuôi, cấm lội ngược dòng.” Thi sĩ kiêm bác sĩ Nguyễn Duy đã chẩn đoán, “bắt” được chứng bệnh đầu tiên của chế độ: Tự do ngôn luận bị bóp nghẹt, văn thi sĩ cứ cúi đầu nhắm mắt ngợi ca chế độ hết mình đến nỗi Chế Lan Viên cũng phải ngượng ngùng thốt lên: “Ta là ta mà ta cứ mê ta”. Cái gì của ta và phe ta (phe XHCN) cũng là nhất nên lại sinh ra biến chứng: nhiều thần tượng giả được phịa ra để làm gương, điển hình:

Thần tượng giả xèo xèo phi hành mờ

Ợ lên thum thum cả tim gan

2/ Xứ sở phi nhiều sao thật lắm ăn mày?

Từ những bài học dạy con em ở trường, những câu nói cửa miệng của cán bộ đảng và nhà nước đến những khẩu hiệu biểu ngữ đỏ đường, đỏ thành phố trên khắp quê hương thường có đoạn: *Đất nước ta giàu và đẹp*. Trong bài hát *Tinh Đất Đỏ Miền Đông* của Trần Long Ẩn có câu “*Trong đấu tranh người Miền Đông anh dũng; trong lao động người lại cũng anh hùng* (nghĩa là còn hơn cả cần cù chăm chỉ). Thế nhưng “*sao thật lắm ăn mày?*” Theo tôi, cơ chế

chính quyền và cơ cấu xã hội bất công - đặc biệt là chính sách Làm Chủ Tập Thể (cha chung không ai khóc) - đã làm nguội lạnh ý chí, nhiệt tình lao động của người dân; thà đi ăn mày còn hơn “*còng làm cho thẳng lưng ăn*”.

3/ Thương binh liệt sĩ bị bỏ bê.

Lãnh đạo chớp bu chỉ biết bằng mọi cách đẩy thanh niên ra chiến trường. Chính Chế Lan Viên đã tự thú:

Mộ Thân 2.000 người xuống đồng bằng

Chỉ một đêm, còn sống có 30

Ai chịu trách nhiệm về cái chết 2.000 người đó?

Tôi!

(Ai? Tôi!, Chế Lan Viên)

Đến khi họ chết hoặc bị thương thì vì không dự trù ngân sách nên không có chính sách đãi ngộ, đành ngoảnh mặt làm ngơ, bỏ mặc họ với gia đình trong khó khăn.

Xứ sở nhân tình

sao thật lắm thương binh đi kiếm ăn đủ kiểu

nặng gổ khua rổ mặt đường làng

Mẹ liệt sĩ gọi con đội mồ lên đi kiện

ma cụt đầu phục kích nhà quan

Đoạn thơ đã quá rõ ràng, quá thật và quá mạnh, không cần giải thích gì thêm nữa.

4/ Tín ngưỡng bị chà đạp

Đức tin, tín ngưỡng của con người bị ngang nhiên xúc phạm, chà đạp. Tính vô thần của Chủ Nghĩa Cộng Sản lộ rõ mặt, không còn lấp liếm chối cãi được nữa.

*Xứ sở linh thiêng
sao thật lắm đình chùa làm kho hợp tác
đánh quả tù mù trấn lột cả thần linh
Giấy rách mất lễ
tượng Phật khóc Đức Tin lưu lạc
Thiện – Ác nhập nhằng
Công Lý nổi lên phê phán*

Đoạn thơ thật hay về cả 3 mặt: ngôn ngữ, hình ảnh và âm điệu.

5/ Công việc giáo dục, đào tạo nhân tài cho tương lai bị bỏ bê, coi thường.

*Xứ sở thông minh
sao thật lắm trẻ con thất học
lắm ngôi trường xơ xác đến tang thương
Tuổi thơ oằn vai mồ hôi nước mắt
tuổi thơ còng lưng xuống chiếc bom xe đạp
tuổi thơ bay như lá ngã tư đường
Bịt mắt bắt dê đâu cũng đụng thân đồng
mở mắt... bóng nhân tài thất thế*

Tám câu thơ đã vẽ lên những bức tranh thê thảm của tuổi trẻ Việt Nam, hoàn toàn trái ngược với những thông tin “màu hồng” từ các phương tiện truyền của nhà nước. Với một thế hệ trẻ như vậy, tương lai đất nước thật vô cùng ảm đạm. Ở đây hình tượng thơ đã thừa sức thuyết phục, không cần biện giải dài dòng.

6/ Nhân phẩm con người rẻ mạt

Và con người - để sống còn - phải học dối gian, lừa đảo, trở thành những thứ điểm.

*Xứ sở thật thà
sao thật lắm thứ điểm
điểm biệt thự – điểm chợ – điểm vườn...
Điểm cấp thấp bán trôn nuôi miệng*

*điểm cấp cao bán miệng nuôi tròn
Vật giá tăng
vì hạ giá linh hồn*

phải tự hủy hoại nhân phẩm và lắm lúc phải bán rẻ
linh hồn.

7/ Cơ chế chính quyền, cơ cấu xã hội thối nát

Để ứng phó với cơ chế bắt công, xã hội thối nát con
người phải khôn vặt, trở nên lười biếng, ma giáo và
vô cảm.

*Xứ sở cần cù
sao thật lắm Lăn Ông
lắm mẹo lẫn công*

.....

*Tội lỗi dửng dưng
lạnh lùng gian ác vặt*

*buôn hàng lậu – buôn quan – buôn thánh thần –
buôn tuốt...
quyền lực bày ra đấu giá trước công đường*

Xã hội thối nát đến mức mua quan bán tước, “quyền
lực bày ra đấu giá trước công đường” thì không còn

gì để nói nữa, dân chỉ còn nước bó tay kêu trời.

8/ Nhiều chính sách tàn ác, phân biệt đối xử, gây chia rẽ

*Xứ sở bao dung
sao thật lắm thân dân là xứ
lắm cuộc chia li toe toét cười*

*Mặc kệ cỏ hoang cánh đồng gái góa
chen nhau sang nước người làm thuê*

*Biển Thái Bình bồng bênh thuyền định mệnh
nhắm mắt đưa chân không hẹn ngày về*

Sau 30/4/75 có những người đang ở trên tàu chuẩn bị ra khơi nhưng vì yêu đất nước và:

thương cha mẹ già, đàn em dại

nên:

tôi bước lên bờ ở lại quê hương (2)

Nhưng chính quyền của “xứ sở bao dung” đã đưa họ và hàng trăm ngàn quân nhân, viên chức của chế độ cũ (VNCH) vào các trại tập trung cải tạo.

“Và bằng những lời dối trá

trái tim vô tình

tia nhìn thù hận

các anh cướp mất của tôi

những tháng năm đẹp nhất cuộc đời” (2)

Không những chỉ bị đày đoạ đến thân tàn ma dại mà còn biết bao người bỏ xác nơi rừng sâu nước độc. Thân nhân của họ ở ngoài thì bị phân chia thành phần, phân biệt đối xử, tước hết mọi phương tiện để mưu sinh nên đành liều mình - bất kể sông chết - vượt biên. Sau này nhiều người được đi theo diện đoàn tụ gia đình, hoặc xuất khẩu lao động – đi làm thuê ở nước ngoài. Nhìn “*lắm cuộc chia li toe toét miệng cười*” như thế thật đau lòng cho những ai yêu quý quê hương đất nước.

9/ Luật pháp như đùa, lãnh chúa và đủ loại vua xuất hiện

Các quan chức địa phương thì không do dân bầu trực tiếp như các nước dân chủ mà từ tiền bạc và thế lực phe nhóm. Quan chức cao thấp các ngành không được tuyển chọn do khả năng chuyên môn mà đều có “giá cả” như một món hàng giữa chợ - chồng tiền là lãnh chức. Người mua chức sẽ trở thành lãnh chúa một vùng, thành vua trong ngành và tha hồ vơ vét để lấy lại vốn và sau đó kiếm lời.

Xứ sở kỷ cương

sao thật lắm thứ vua

vua mánh – vua lừa – vua chôm – vua chia

vua không ngại – vua choai choai – vua nhỏ...

Lãnh chúa sứ quân san sát vùng cát cứ

lúc nhúc cường hào đầu trâu mặt ngựa

Luật pháp như đùa như có như không có

một người đi chặt cả con đường

Những thành phần lừa đảo, mánh mung chôm chia cũng trở thành những vua con trong lãnh vực mình hoạt động. “Luật pháp như đùa như có như không

có” nghĩa là chỉ áp dụng với dân đen còn thì dung túng cho đám có quyền, có tiền tự tung, tự tác.

Những Vắn Nạn Của Quê Hương Dân Tộc là phần hay nhất, được nhắc đến và trích dẫn nhiều nhất của bài thơ. Ông bạn tù - cán bộ Sở Văn Hóa TT - cho rằng nội dung đã “đụng đến những yếu huyết của chế độ” chắc là ông muốn nói đến phần này. Nguyễn Duy tạo ra được những đoạn thơ tuyệt vời như thế, trước tiên, vì ông là người “nằm trong chăn” nên “biết chăn có rận”. Nhưng có phải mình ông biết đâu. Con số “biết chăn có rận” lên đến hàng vạn, hàng triệu người nhưng chỉ có ông lòng đau quặn thắt vì yêu nước thương dân, tài thơ trác tuyệt, đờm lược hơn người, lại gặp lúc cao hứng - cảm xúc sôi lên phủ mờ lý trí – không biết sợ, không suy tính thiệt hơn nên mới “tuôn ra” được những vắn thơ chân thật, có hồn. Ông viết về những xấu xa tệ hại của XHCN và con người Việt Nam đúng và thật quá, ngôn ngữ hình tượng mạnh mẽ, sinh động và táo bạo quá. Chính ông sau này cũng phải công nhận “khi viết xong thì chính bản thân tôi cũng bất ngờ bởi vì không nghĩ là mình viết được những câu thơ như vậy.”

Chẩn Đoán Bệnh Và Cách Chữa Trị

Muốn bắt đúng bệnh thì việc đầu tiên phải cho bác sĩ thấy, sờ, khám những bộ phận của cơ thể bị che dấu bởi nhiều lớp áo quần - phải “lột mặt nạ” để nhìn rõ chân tướng sự vật

*Thì lột mặt đi lần nữa mãi mà chi
dù dối nữa cũng không lừa được nữa
khôn và ngu đều có tính mức độ*

Và thi sĩ đã tìm ra mấy nguyên nhân đã gây ra và ủ bệnh từ nhiều năm:

*miếng quá độ nuốt vội vàng sống sót
mất vệ sinh bội thực tự hào
Sự thật hôn mê – ngộ độc ca ngợi*

1/ Áp đặt quá hấp tấp “bước quá độ” của CNXH vào hoàn cảnh đất nước Việt Nam trong khi cơ sở vật chất còn chưa đủ lớn, đủ vững.

2/ Tự hào vô lối, vô căn cứ đến độ “bội thực”, cả nước vỗ ngực ngợi ca mình, ngợi ca đảng, ngợi ca chế độ, ngợi ca nhau đến mức “ngộ độc ca ngợi”.

3/ Trên lừa dưới, dưới lừa trên, cả nước lừa nhau để được sống “an lành”. Cụm từ “sự thật hôn mê” được dùng rất chính xác, rất đắt.

Nhưng muốn chữa trị thì Nguyễn Duy bất lực:

“biết thế nhưng mà biết làm thế nào”

Bốc thang chửi bới thì sợ bị lợi dụng, van lạy để cầu xin đổi mới thì không biết:

“Đổi mới thật hay giả vờ đổi mới”

nên đành buông một câu hỏi băng quơ mà chính mình không biết - và không ai có thể cho mình - câu trả lời:

“Máu nhiễm trùng ta có thể thay chăng?”

Đối Thoại Với Cái Bóng - Và Hồn Thơ

Sau phần nhập đề - khoảng trên dưới 20 câu nhẹ nhàng từ tốn - nhịp thơ nhanh dần lên khi bước vào phần chính của tứ thơ. Cũng là người làm thơ, tôi có cảm giác Nguyễn Duy đang lên cơn điên – điên vì quá đau thương, điên vì quá giận dữ. Ông đã không

đắn đo hơn thiệt, không biết sợ hãi, để mặc cho các con chữ tuôn ra. Cảm xúc từ mỗi chữ, mỗi câu tỏa ra nóng hổi. Ý này nối tiếp ý kia, vắn nạn sau nối tiếp vắn nạn trước, chảy xiết cứ như dòng sông vào mùa nước lũ.

Nhưng sao thật lạ! Ở những đoạn sau, cảm xúc từ mỗi câu thơ vẫn nóng như lửa, cơn điên của tác giả hình như vẫn chưa hạ, mà sao có một “cái gì đó”, một “lực nào đó” trì kéo lại, không cho tứ thơ chuyển động nhanh như trước. Tôi đọc lại phần chính của tứ thơ vài lần và hình như đã tìm ra nguyên nhân.

Số là Nguyễn Duy trong lúc xác lập khung cảnh (setting) của bài thơ đã có một sáng kiến. Để khỏi phải tự mình đơn độc kể lể giải bày tâm sự như các thi sĩ khác ông “đề” cái bóng của chính mình ra để nói chuyện với nó. Làm thế có cái lợi trước mắt là giọng thơ bớt đơn điệu. Tôi đã nghe ông đọc bài thơ trên Youtube. Mỗi lúc quay qua nhìn giọng hỏi cái bóng: Ai? thì vài khán giả ngồi gần ông – cũng

giống ông - mắt lại sáng lên khoái chí; không khí bài thơ tươi, vui hơn.

Tuy nhiên, để có được cái không khí có vẻ tươi vui ấy bài thơ đã phải trả một giá khá đắt. Một là, hỏi giật giọng như vậy một, hai lần thì còn lôi cuốn sự chú ý của độc giả, tạo không khí sống động cho bài thơ, nhưng chơi cái mừng ấy đến 10 lần - mà lần nào câu hỏi cũng chỉ một chữ Ai? và câu trả lời cũng là đáng điệu bất tri, bất lực của cái bóng (3) - thì càng về sau cảm giác nhàm chán càng nặng nề. Hai là, về chữ nghĩa, ý tứ thì bài thơ nhất khí liền mạch nhưng hơi thơ, dòng thơ thì vì phải qua hơi nhiều bảng Stop nên không có trón, chảy không được nhanh, được mạnh, không tận dụng được sự gia tăng tốc độ và cường độ dòng chảy khi có “sóng sau dồn sóng trước”. Do đó, thiệt thòi cho sự lớn mạnh của hồn thơ.

Tôi nghĩ rằng nếu không có quá nhiều bảng Stop do “đổi thoại với cái bóng” tạo ra thì hơi thơ, hồn thơ sẽ mạnh hơn nhiều và giá trị nghệ thuật của bài thơ còn cao hơn nữa.

Đoạn Kết Thiếu Thuyết Phục

Mới đây cô giáo Trần Thị Lam cũng vẽ lên một bức tranh đen tối của đất nước qua bài thơ Đất Nước Mình Ngộ Quá Phải Không Anh? Cô chấm dứt bài thơ bằng một câu hỏi:

Ai trả lời giùm đất nước sẽ về đâu?

làm xôn xang, rung động trái tim của hàng triệu người yêu thơ, yêu quê hương dân tộc bởi vì đó là nỗi băn khoăn chung của toàn dân trước hiện tình đất nước..

Nguyễn Duy đã moi tâm huyết, dùng tài thơ của mình vẽ lên bức tranh về con người và quê hương đất nước Việt Nam rất sinh động, rất thật nhưng đen như mồm chó, đen như cái “sự đời”. Vâng, bức tranh Nhìn Từ Xa ... Tổ Quốc đầy đủ, cụ thể, rõ nét, sinh động và “đen” hơn bức tranh của cô giáo nhiều. Nhưng nhà thơ của chúng ta lại rất lạc quan bảo người dân Việt Nam:

*“Còn thơ còn dân
ta là dân - vậy thì ta tồn tại (sic!)*

*Giọt từng giọt
nặng nhọc thay
Dù có sao đừng thờ dài
Còn da lông mọc còn chồi nảy cây*

thì đúng là ngài nói cho lấy được, chẳng “tâm lý” tý nào. Lạc quan của ngài là thứ lạc quan tếu và niềm tin của ngài chỉ nhẹ như những câu xã giao, đầu môi chót lưỡi của láng giềng an ủi nhau trong cảnh nghèo hoặc khi gặp hoạn nạn:

“Thôi! Bác cũng đừng quá buồn. Hết cơn bí cực tới hồi thái lai.” (Sau đó nếu nó cứ bí cực hoài mà không thấy thái lai thì cũng cố chịu vậy nhé)

Khi viết:

*Giọt từng giọt
nặng nhọc thay*

không biết có phải ngài muốn nói đến việc thay máu nhiễm trùng không? Nếu đúng thế thì nhà thơ kiêm bác sĩ (mà tôi rất yêu mến và nể trọng) đang ... mơ. Lẽ ra phải giải quyết cái nguồn đưa vi trùng vào máu thì ngài lại “thay máu từng giọt”. Chữa bệnh

kiểu đó thì ngài – và hàng mấy chục triệu bệnh nhân khác - sẽ “chết trước giờ sổ số”.

Riêng câu “*Dù có sao đừng thở dài*” thì rất “chơi” với tứ thơ, như một cái gai nhọn và cứng đâm vào da thịt người đọc.

Tôi nhớ đã khá lâu rồi - khi gặp nhau ở Cali (Mỹ) - một bạn thơ đã nói với tôi “Biết đâu nếu không có cái đoạn kết lạc quan tếu ấy thì giờ này Nguyễn Duy đang mịt mù ở một vùng núi rừng nào đó còng lưng cuộc đất như Trần Dần, Lê Đạt, Hữu Loan thời Nhân Văn Giai Phẩm. Nguyễn Duy viết như thế là ‘hay’ đấy, chứ không phải ‘dở’ đâu.” Theo tôi, đó chỉ là suy đoán; và “hay, dở” như ông bạn tôi nói là cách ứng xử của thi sĩ trước cường quyền. Nhiệm vụ của tôi - một người bình thơ - là dựa vào văn bản để tìm ra cái hay, cái dở của kỹ thuật và nghệ thuật thơ. Và đoạn kết của NTXTQ với tôi, đã không cùng hướng với dòng chảy của tứ thơ và là một đoạn kết dở.

Đỏm Lược Của Nguyễn Duy

Nguyễn Duy nhìn quanh quất rồi than một câu nào nuốt trong bài thơ của mình:

“Ngày càng hiếm hoi câu thơ tuần tiết”

Nhân sĩ Bắc Hà và cả miền nam (13 năm sau ngày đổi chủ)) đã biết rõ chế độ XHCN nó nguy hại như thế mà miệng vẫn ngâm tẩm. Để giải thích hiện tượng này nhà phê bình Chu Văn Sơn đã viết *“Rồi yêu nước cũng phải có chỉ đạo nữa. Có phải thế không mà lòng yêu nước, nỗi đau đời lắm khi cứ phải nói chui như một thứ hàng lậu. Thiện chí bị nghi ngờ, thiện tâm bị cảnh giác. Lời tâm huyết bị kiểm duyệt, cắt xén sao cho hợp những cái khuôn cấm kỵ, lọt được những lỗ tai đông đặc nghi kỵ.*

Riêng Nguyễn Duy, ông không chỉ than suông mà đã viết – viết đúng những vần thơ tuần tiết - phổ biến là có thể mất mạng hoặc tù đầy. Biết thế nhưng ông vẫn cứ “chơi” và sẵn sàng chấp nhận hậu quả. Người đời kính trọng ông, yêu mến ông vì tài thơ, vì lòng yêu nước, nhưng có lẽ còn kính trọng và yêu mến ông nhiều hơn nữa vì đóm lược – thái độ anh hùng, hiên ngang bất khuất - của ông. Bài thơ vì thế

xuất hiện đúng lúc, tính thời sự nóng hổi, có tiếng vang lớn cả bắc lẫn trong nam.

Kết Luận

Nhìn Từ Xa ... Tổ Quốc là một bài thơ rất hay - tứ thơ táo bạo, ngôn ngữ hình tượng tuyệt vời, viết trong lúc cao hứng nên cảm xúc mạnh, thơ có hồn. Có chút “xộc xệch” về thể trận chữ nghĩa nên bài thơ chưa phải là toàn bích. Nhưng chỉ với hình hài như thế thôi nó đã làm chính quyền bối rối. “*Nó cũng như một giọt nước đầy ly, tap chí Sông Hương đang có một số vấn đề mà gặp bài “Nhìn Từ Xa ... Tổ Quốc” này thành ra họ phải đình bản để kiểm điểm.*” Còn đọc giả thì khỏi nói, trình độ thưởng thức thơ càng cao thì càng khoái - đọc mà nở từng khúc ruột. Tôi xin mạn phép xếp nó vào danh sách gồm **3 bài thơ phản kháng xuất sắc (4)**, về giá trị nghệ thuật đã đủ tầm vóc để đại diện cho một giai đoạn lịch sử của dân tộc – giai đoạn CNXH bị áp đặt trên toàn nước Việt Nam.

CHÚ THÍCH:

1/ Vũ Ánh, một phóng viên tài ba, một viên chức cao cấp trong ngành Truyền Thanh Truyền Hình VNCH (Sau này là chủ bút báo Người Việt ở Califonia) trong thời gian bị giam ở Trại Trùng Giời A 20 Xuân Phước đã thực hiện tờ Hợp Đoàn - một tờ báo “chui”, kiểu Nguyệt San - để đấu tranh chống chính sách đối xử dã man với tù nhân của trại. Sau khi anh bị đưa đi “xà lim” dài hạn, tôi được đề cử thay thế phụ trách tờ báo. Được thêm 3 số nữa thì báo bị đình bản vì lý do an ninh. Một năm sau, chuyện làm báo bị đổ bể nhưng không có vật chứng. Tuy nhiên, Bộ Nội Vụ vẫn bắt giải những người liên can về Số 4 Phan Đăng Lưu để thụ lý chờ ra tòa. Ngoài ra tôi còn dính líu tới một bài thơ “có vấn đề” mà người lưu giữ nó đã bị xử 12 năm tù.

2/ Bờ Vắn Quá Xa, Phạm Đức Nhì, t-van.net

3/ Mượn chữ của Chu Văn Sơn trong bài Nhìn Từ Xa Tổ Quốc - Tiếng Thơ Quần Quại Bi Hùng.

4/ Gồm: Nhìn Từ Xa ... Tổ Quốc của Nguyễn Duy, Bánh Vẽ của Chế Lan Viên và Tạ Lỗi Trường Sơn của Đỗ Trung Quân.

PHỤ LỤC:

Nhìn Từ Xa ... Tổ Quốc

Đôi diện ngọn đèn
trang giấy trắng như xeo bằng ánh sáng
Đêm bắc bán cầu vằn vện trắng
nồm nớp ai rình sau lưng ta
Nhủ mình bình tâm nhìn về quê nhà
xa vắng
núi và sông
và vết rạn địa tầng
Nhắm mắt lại mà nhìn
thăm thẳm
yêu và đau
quần quại bi hùng
Dù ở đâu vẫn Tổ Quốc trong lòng
cột biên giới đóng từ thương đến nhớ
*

Ngọn đèn sáng trắng nóng mắt quá
ai cứ sau mình lần quất như ma
Ai ?

im lặng

Ai ?

cái bóng !

A... xin chào người anh hùng bất lực dài ngoẵng

bóng máu bầm đen sông soài nền nhà

Thôi thì ta quay lại

chuyện trò cùng cái bóng máu me ta

*

Có một thời ta mê hát đồng ca

chân thành và say đắm

ta là ta mà ta cứ mê ta(*)

Vâng – đã có một thời hùng vĩ lắm

hùng vĩ đau thương hùng vĩ máu xương

mất người chết trùng trùng không chịu nhắm

Vâng – một thời không thể nào phủ nhận

tất cả trôi xuôi – cấm lợi ngược dòng

thần tượng giả xèo xèo phi hành mờ

ợ lên thum thum cả tim gan

*

Ta đã xuyên suốt cuộc chiến tranh

nổi day dứt không nguôi vón sạn gót chân

nhói dài mỗi bước

Thời hậu chiến vẫn ta người trong cuộc

xứ sở phi nhiêu sao thật lắm ăn mày ?

Ai ?

không ai

Vết bầm đen đăm ngực

*

Xứ sở nhân tình

sao thật lắm thương binh đi kiếm ăn đủ kiểu

nặng gổ khua rổ mặt đường làng

Mẹ liệt sĩ gọi con đội mồ lên đi kiện

ma cụt đầu phục kích nhà quan

Ai ?

không ai

Vết bầm đen quẹo quào giờ tay

*

Xứ sở từ bi sao thật lắm thứ ma

ma quái – ma cô – ma tà – ma mãnh...

quỉ nhập tràng xiêu vẹo những hình hài

Đêm huyền hoặc

dựng tóc gáy thấy lòng toang hoác

mắt ai xanh lè lạnh toát

lửa ma trôi

Ai ?

không ai

Vết bầm đen ngửa mặt lên trời

*

Xứ sở linh thiêng

sao thật lắm đình chùa làm kho hợp tác
đánh quả tù mù trấn lột cả thần linh
Giấy rách mất lễ
tượng Phật khóc Đức Tin lưu lạc
Thiện – Ác nhập nhằng
Công Lý nổi lên phênh
Ai ?

không ai
Vết bầm đen tọa thiền

*

Xứ sở thông minh
sao thật lắm trẻ con thất học
lắm ngôi trường xơ xác đến tang thương
Tuổi thơ oằn vai mồ hôi nước mắt
tuổi thơ còng lưng xuống chiếc bom xe đạp
tuổi thơ bay như lá ngã tư đường
Bịt mắt bắt dê đâu cũng đụng thần đồng
mở mắt... bóng nhân tài thất thủ
Ai ?

không ai
Vết bầm đen cúi đầu lặng thinh

*

Xứ sở thật thà
sao thật lắm thứ điểm
điểm biệt thự – điểm chợ – điểm vườn...

Điểm cấp thấp bán tròn nuôi miệng
điểm cấp cao bán miệng nuôi tròn

Vật giá tăng

vì hạ giá linh hồn

Ai ?

không ai

Vết bầm đen vò tai

*

Xứ sở cần cù

sao thật lắm Lăn Ông

lắm mẹo lẫn công

Giả vờ lĩnh lương

giả vờ làm việc

Tội lỗi dừng dung

lạnh lùng gian ác vật

Đạo Chích thành tôn giáo phổ thông

Ào ạt xuống đường các tập đoàn quân buôn

buôn hàng lậu – buôn quan – buôn thánh thần –

buôn tuốt...

quyền lực bày ra đấu giá trước công đường

Ai ?

không ai

Vết bầm đen nhún vai

*

Xứ sở bao dung

sao thật lắm thân dân lia xứ
lắm cuộc chia li toe toét cười
Mặc kệ cỏ hoang cánh đồng gái góa
chen nhau sang nước người làm thuê
Biển Thái Bình bồng bênh thuyền định mệnh
nhắm mắt đưa chân không hẹn ngày về
Ai ?

không ai
Vết bầm đen rút tóc

*

Xứ sở kỷ cương
sao thật lắm thứ vua
vua mánh – vua lừa – vua chôm – vua chia
vua không ngại – vua choai choai – vua nhỏ...
Lãnh chúa xứ quân san sát vùng cát cứ
lúc nhúc cường hào đầu trâu mặt ngựa
Luật pháp như đùa như có như không có
một người đi chặt cả con đường

Ai ?

không ai
Vết bầm đen gập vuông thước thợ

*

?...

?...

?...

*

Ai ?

Ai ?

Ai ?

Không ai !

Không ai !

Không ai !

Tự vấn – mỗi

vết bầm đen còng còng dấu hỏi

*

Thôi thì ta trở về

còn trang giấy trắng tinh chưa băng hoại

còn chút gì le lói ở trong lòng

*

Đôi khi nổi máu lên đồng

hồn thoát xác

rũ ruột gan ra đếm

Chích một giọt máu thường xét nghiệm

tí trí thức – tí thợ cày – tí điểm

tí con buôn – tí cán bộ – tí thằng hề

phật và ma mỗi thứ tí ti...

Khôn nạn thân nhau

nặng kiếp phân thân mặt nạ

Thì lột mặt đi lần lửa mãi mà chi

dù dối nữa cũng không lừa được nữa

khôn và ngu đều có tính mức độ

*

Bụng dạ còn cào bắt ỏn làm sao
 miếng quá độ nuốt vội vàng sống sít
 mất vệ sinh bội thực tự hào
 Sự thật hôn mê – ngộ độc ca ngợi
 bệnh và tật bao nhiêu năm ủ lại
 biết thế nhưng mà biết làm thế nào
 Chả lẽ bây giờ bốc thang chữa bới
 thầy chữa bới nhe giàn nanh cơ hội
 Chả lẽ bốc thang cỏ khô nhai lại
 lạy ông-cơ-chế lạy bà-tư-duy
 xin đừng hót những lời chim chóc mãi
 Đùng lón lỏi khi dân lành ốm đói
 vẫn còng làm cho thẳng lưng ăn
 Đồi mới thật không hay giả vờ đồi mới?
 máu nhiễm trùng ta có thể thay chăng?

*

Thật đáng sợ ai không có ai thương
 càng đáng sợ ai không còn ai ghét
 Ngày càng hiếm hoi câu thơ tuần tiết
 ta là gì ?
 ta cần thiết cho ai ?

*

Có thể ta không tin ai đó

có thể không ai tin ta nữa
dù có sao vẫn tin ở con người
Dù có sao
đừng khoanh tay
khủng khiếp thay ngoảnh mặt bó gối
Cái tốt nhiều hơn sao cái xấu mạnh hơn ?
những người tốt đang cần liên hiệp lại!

*

Dù có sao
vẫn Tổ Quốc trong lòng
mạch tâm linh trong sạch vô ngần
còn thơ còn dân
ta là dân – vậy thì ta tồn tại

*

Giọt từng giọt
nặng nhọc
Nặng nhọc thay
Dù có sao
đừng thờ dài
còn da lông mọc còn chồi nảy cây.

Phần III

**TÂM TÌNH HOÀI CỐ
THƠ - LỜI BÌNH
VÀ
TRANH LUẬN**

Bài 1: ĐỌC THĂNG LONG THÀNH HOÀI CỔ NGHĨ ĐẾN VỊ TRÍ CỦA THƠ ĐƯỜNG LUẬT

Tạo hoá gây chi cuộc hý trường
Đến nay thấm thoát mấy tình sương
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương
Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt
Nước còn cau mặt với tang thương
Ngàn năm gương cũ soi kim cổ
Cảnh đây, người đây luống đoạn trường.

(Bà Huyện Thanh Quan)

Theo Bách Khoa Toàn Thư Wikipedia, “Năm 1802 Nguyễn Ánh lên ngôi, lấy hiệu Gia Long và chọn Huế làm kinh đô. Thăng Long mất địa vị đầu não của đất nước về chính trị và văn hóa. Bài thơ được viết sau thời kỳ này. Bài thơ được viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật. Tác giả tả cảnh mà ngụ tình. Cảnh thì tang thương, tình thì hoài cổ.”

Giáo sư Phạm Thế Ngũ cho rằng “Bài thơ nói lên nỗi đoạn trường của tác giả trước cảnh hoang tàn của cố đô đất Bắc.”

Về giá trị nghệ thuật, ông nhận định: “Nhìn chung, thơ Bà Huyện Thanh Quan đều có vô số những cái hay: chữ dùng khéo, chọn lọc, thích đáng, đối rất chỉnh, rất thần tình, ý hàm súc, lời trau chuốt, gọn, đẹp. Riêng bài thơ Thăng Long Thành Hoài Cổ cổ kính mà thanh thoát nhẹ nhàng, ước lệ mà có hồn, có cảm. Sự phối hợp của ý tưởng với thanh âm đã gây nên một thi điệu tự nhiên, uyển chuyển, hấp dẫn, khác xa những dòng chữ chấp nối công phu mà vẫn lủng củng, không hồn của đa số các bài thơ tiền Nguyễn.” (Wikipedia Tiếng Việt)

Chỗ độc đáo của Thăng Long Thành Hoài Cổ, theo tôi, là hàm lượng cảm xúc. Bất chấp bị gò bó, trói buộc bởi niêm luật vần đối của thể thơ, Bà Huyện Thanh Quan vẫn cố gắng biểu lộ được cảm xúc dạt dào của mình. Hình như từ trong mỗi chữ, mỗi câu đều ứa ra một dung dịch chứa đầy sự

thương yêu, nỗi buồn đau, nỗi tiếc của bà đối với cố đô Thăng Long.

So sánh với thơ Đường luật của những nhà thơ cùng thời, bài Thăng Long Thành Hoài Cổ là một trong vài bài có giá trị nghệ thuật cao nhất, được ngợi ca nhiều nhất. Tuy nhiên, với con mắt nhìn của thơ ca hiện đại thì chữ dùng của bài thơ còn đầy vẻ khuôn sáo, ước lệ. Đặc biệt, chui vào cái rọ của thể thơ Đường luật tác giả đã phải xoay trở, luồn lách, tả xung, hữu đột với niêm luật vắn đối để bày tỏ tâm sự của mình. Tuy thành công, nhưng dấu hiệu của sự gò bó đã thể hiện rõ nét trong dòng chảy của thơ.

Tôi không ác cảm với thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật. Thuở mới tập làm thơ, những bài thơ tôi viết đầu tiên là thơ Đường luật. Chính những bài thơ đầy hào khí như Cảm Hoài của Đặng Dung, tâm tình hoài cổ sâu lắng như Thăng Long Thành Hoài Cổ, Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan, hoặc lãng mạn kiêu đồng quê như Thu Điếu, Thu Âm, của Nguyễn Khuyến đã lôi cuốn tôi bước qua cánh cổng Thơ Ca.

Nhưng thời gian cứ lặng lẽ trôi. Giờ đây Nàng Thơ đã có bộ mặt mới. Các thi sĩ đã cố công tìm tòi, thử nghiệm nhiều thể thơ “mới”, sao cho vừa giữ được vị ngọt của thơ ca, vừa cởi trói cho người làm thơ khỏi những luật lệ quá khắt khe, gò bó. Đầu

là thể thơ tối ưu của thi ca đương đại? Công cuộc chọn lựa, tranh cãi còn chưa ngã ngũ. Nhưng chắc chắn đã có rất nhiều thể thơ, ở mức độ khác nhau, cho phép người làm thơ thời nay được thoải mái hơn, tự do hơn, thể hiện tứ thơ của mình, và nhờ đó, có thể dễ dàng đưa cảm xúc của mình, thả tâm hồn của mình vào thơ.

Thơ Đường luật bỗng trở thành cô gái lơ đãng, thân hình khô cứng lại kênh kiệu, khó tính, bị những chàng trai trẻ ngoảnh mặt làm ngơ. Họ nhìn về hướng khác để tìm những cô gái đang xuân, vóc dáng, trang phục hợp thời hơn, hấp dẫn hơn, tính tình cởi mở hơn, gần gũi hơn với cái “gu” thẩm mỹ của thời đại mới.

Tôi nhớ hồi còn ở trại tù A20 Xuân Phước, anh bạn thân của tôi, chiều đến, không biết bắt đầu được con nhái khá to - bằng 3 ngón tay xếp sát nhau. Sau đó, tôi lòng sục hái được mấy cọng rau dền mọc hoang. Anh bạn tôi xé con nhái thành mấy mảnh, rửa sơ rồi cho cả rau và nhái vào lon ghi-gô, đổ đầy nước, len lén đem xuống nhà bếp nấu sôi, nêm tí muối, cho thêm vào nắm mì ăn liền. Hai đứa chia nhau xì-xụp húp. Thật tuyệt vời! Vị ngon ngọt của chén canh còn lưu lại trong ký ức tôi rất lâu. Năm ngoái, gặp lại anh bạn ở California, nhớ đến chén canh chiều hôm ấy và những năm tháng tù đầy, hai đứa ôm chầm lấy nhau, mừng mừng, tủi tủi.

Giờ đây, những ai đã từng trải qua năm tháng khổ cực, nghiệt ngã trong nhà tù cộng sản, gặp nhau hay nhắc đến những món ăn kiểu “mì nhái rau dền” như những kỷ niệm khó quên. Nhưng nếu vì thế mà sau này trong mỗi tiệc tùng, họp mặt lại cứ tiếp tục “rau dền mì nhái” rồi xì xụp húp, khen ngon với nhau thì... chán lắm. Trong thời gian tù tội, hoàn cảnh thiếu thốn, đói khổ, chén canh đó rất quý, rất ngon. Chúng ta không phải loại “có lê quên lựu, có trắng quên đèn” nên sẽ không phụ rầy, sẽ không quên những “chén canh kỷ niệm” ấy. Nhưng thời thế đã khác, hoàn cảnh đã khác. Chung quanh còn có biết bao nhiêu món ngon, vật lạ trong tầm tay để chúng ta chọn lựa.

Một người bạn thích thơ truyền thống các có hỏi tôi: “Nếu ở thời điểm này (2013) mà vẫn cứ thích làm thơ Đường luật thì có sao không?” Câu trả lời là: “Chẳng sao cả. Quả địa cầu sẽ chẳng vì thế mà nổ tung. Dĩ nhiên, làng thơ vẫn dang rộng vòng tay đón chào. Trên trang thơ của mình, trong cõi thơ của mình, thi sĩ là Hoàng Đế, có toàn quyền chọn lựa, quyết định. Từ tứ thơ, thể thơ, cách gieo vần, câu dài, câu ngắn, bài thơ dài hay ngắn, sử dụng các biện pháp tu từ...tuốt tuột. Không ai có thể chõ miệng vào bắt anh (chị) phải làm thơ kiểu này, kiểu nọ.”

Có một nhà thơ đã nói:

“Làm thơ tự do giống như đánh tennis mà không có lưới.”

Lời phát biểu ấy đúng hay sai đến mức độ nào, xin để những người làm thơ tự do lên tiếng. Riêng tôi, nhân có hình ảnh của môn thể thao tennis, nghĩ đến thơ Đường luật, xin đưa ra một so sánh khác:

“ Làm thơ Đường luật ở thời đại này giống như đánh tennis với đối thủ (là những nhà thơ khác) mà khi banh về đến phần sân của mình thì *lưới đột nhiên được nâng cao hơn, đường biên sân phía bên sân đối thủ ngắn và hẹp hơn, mình chỉ được di chuyển không quá 2 bước, lần trước đánh banh bằng tay phải thì lần sau phải đánh banh bằng tay trái...* ” nghĩa là bị gò bó đủ mọi bề; đánh banh hợp lệ vào đúng phần sân phía bên kia đã là khó chứ đừng nói chi đến thể hiện sự nhanh nhẹn, nhạy bén nghệ thuật. Tranh tài kiểu này thi sĩ làm thơ Đường luật sẽ ở vào thế hạ phong, phần thua nhiều hơn phần thắng. Tạo được bài thơ nên vóc, nên hình đã mệt đừ đừ rồi, còn hơi, còn sức đâu mà để ý đến hồn thơ hay cảm xúc.

Làm thơ, thưởng thức thơ, nói chung, là một thú vui tao nhã. Làm thơ Đường luật, xướng họa thơ Đường luật, đọc và thưởng thức thơ Đường luật nói riêng, là phương cách giải trí của các tao nhân, mặc khách. Ngoài nhu cầu đối âm, người làm thơ Đường luật phải biết cả đối ý (trong 2 câu thực và 2 câu

luận). Do đó việc sử dụng ngôn ngữ trong thơ Đường luật, theo tôi, được đề ý kỹ hơn (đôi khi phải “chẻ sợi tóc làm tư”). Kết quả là người làm thơ Đường luật **thường** có khả năng dùng chữ chính xác hơn, đắt hơn, tinh tế hơn những người chuộng các thể thơ khác.

Đối với những vị chuộng thơ Đường luật, đã “quen” với thơ Đường luật, thích thù tạc xướng họa thơ Đường luật, thì chẳng việc gì mà phải từ bỏ cái thú vui tao nhã ấy. Xin cứ tiếp tục làm thơ để góp cho đời những bông hoa tươi đẹp. Xin cứ tiếp tục đọc thơ Đường luật để thưởng thức những cảm nghĩ, những rung động nhẹ nhàng, thanh thoát của người xưa.

Những quý vị làm thơ Đường luật, theo tôi, như võ sĩ lên võ đài, rất ương ngạnh và oai hùng, chấp nhận chịu trời cả 2 tay, 2 chân để đấu với đối thủ. Khi bị brou đầu sút trán, hoặc nằm thẳng căng đo ván thì (dù không nói ra) thường cho là tại bị gò bó, trói buộc. Những quý vị đó quên rằng chính họ đã tình nguyện lên võ đài với tư thế ấy.

Bài 2: ÔNG ĐỒ - NHỮNG BỨC TRANH THƠ

Bài thơ Ông Đồ được đăng năm 1936 trên báo Tinh Hoa lúc tác giả của nó, Vũ Đình Liên, mới 23 tuổi. Ông là người theo tân học, đậu Tú Tài năm 1932 (lúc 19 tuổi). Nhờ khả năng quan sát sắc bén ông đã sáng tác được bài thơ mà theo Hoài Thanh: *“Theo đuổi nghề văn mà làm được một bài thơ như thế cũng đủ. Nghĩa là đủ lưu danh với đời.”* (Thi Nhân Việt Nam).

Hoài Thanh đưa ra những lời khen ngợi trên và đã chọn đưa vào tuyển tập Thi Nhân Việt Nam chứng tỏ bài thơ Ông Đồ của Vũ Đình Liên, dưới cái nhìn của đôi mắt thơ có nội lực sung mãn vào hạng nhất thời bấy giờ, được đánh giá rất cao.

ÔNG ĐỒ

*Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu, giấy đỏ
Bên phố đông người qua*

*Bao nhiêu người thuê viết
Tám tắc ngợi khen tài
Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay*

*Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sâu*

*Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay*

*Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?
Vũ Đình Liên*

Tứ thơ:

Mỗi độ xuân về ông Đồ lại ngồi bên phố trở tài viết câu đối cho người qua, kẻ lại. Nhưng mỗi năm mỗi ít người thuê viết, ông đồ ngồi lặng lẽ bên đường. Và năm nay không thấy ông đồ nữa.

Ý thơ:

Qua hình ảnh ông đồ tác giả tỏ ý thương tiếc một nền Nho học đang lụi tàn dần theo năm tháng.

Ở đây ý và tứ khác nhau, nghĩa là tác giả đã sử dụng phép ẩn dụ toàn bài. Ông không chơi bài cào, kiêu ngựa mặt lớn nút ăn tiền, mà chọn ván bài

xì phé trong đó con tẩy được dấu kín. Con tẩy càng kín thì ván bài càng hấp dẫn và tay chơi (tác giả) càng có lợi thế. Đến phút cuối cùng, con tẩy được lật lên, người đọc à lên một tiếng thích thú. Từ lúc hiểu tứ đến lúc cảm thông được ý - chủ đích của tác giả khi viết bài thơ - chỉ một tích tắc. Điều đáng nói là chính cái tích tắc ngắn ngủi đó đã cho người đọc cái cảm giác sáng khoái như khám phá được một điều gì to lớn lắm.

Đọc xong đoạn cuối:

*Năm nay đào lại nở
Không thấy ông Đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?*

qua dòng liên tưởng của chính mình người đọc thấy con bài tẩy đã được ngửa ra. Sự mất dạng của Ông Đồ giữa phố Tết dẫn đến tâm trạng nuối tiếc một nền Nho học đang lụi tàn. Đây là một tứ thơ hay, bao quát toàn bài, được vận dụng khéo léo, kín kẽ, không một tý sơ hở để có thể dẫn đến những hiệu ứng phụ khiến người đọc có thể vận vẹo, bắt bẻ.

Ngoài phép ẩn dụ, bài thơ Ông Đồ còn có những cái hay sau đây:

- Không có hội chứng nhàm chán vãn
Một trong những hạn chế của thể thơ trường thiên (ở đây là ngũ ngôn trường thiên) là hội chứng nhàm chán vãn. Mỗi câu vừa vãn 5 chữ,

vần gieo 1/3 (trắc), 2/4 (bằng) rất đều đặn từ đầu đến cuối khiến người đọc có cảm giác “ngán vần” nếu bài thơ quá dài. May mắn, bài thơ chỉ có 20 câu; tuy vị ngọt thơ ca hơi “đậm đà” nhưng cảm giác nhàm chán chưa kịp đến thì bài thơ đã hết.

- Tứ thơ không bị phân tán

Hạn chế thứ hai của thể thơ trường thiên là tứ thơ phân tán. Bài thơ chia làm nhiều đoạn, mỗi đoạn 4 câu độc lập, không có mắt xích nối các đoạn với nhau nên không có dòng chảy của thơ. Thay vào đó chỉ có những vũng thơ, những hố thơ riêng biệt; mỗi vũng, mỗi hố thể hiện một mảnh tâm trạng của tác giả. Người đọc phải đến từng hố thơ để cảm nhận từng mảnh vụn tâm tình đó. Tứ thơ vì thế bị phân tán. Bài thơ *Ta Về của Tô Thùy Yên* đã vướng phải hạn chế này. Ông viết: *Ta về như tứ thơ xiêu tán* là rất đúng. Bởi bài *Ta Về* có đến 124 câu, 31 đoạn; tứ thơ chủ đạo hoàn toàn bị phân tán, manh mún.

Bài thơ Ông Đồ về hình thức không có những mắt xích nối các đoạn thơ với nhau nhưng may mắn (lại may mắn), không kể đoạn đầu giới thiệu ông Đồ, 4 đoạn còn lại là chuỗi hình ảnh nối tiếp nhau theo thứ tự thời gian nên người đọc vẫn có được sự chú tâm cần thiết thả hồn theo dòng thơ – chính là dòng thời gian – để cảm được tâm tình của tác giả.

- Áp dụng thành công nguyên tắc “bày tỏ, không kể lại” (show, not tell): tác giả dùng ngôn từ đơn giản của đời thường, tạo ra những hình ảnh gần gũi, quen thuộc để người đọc có thể cảm nhận trực tiếp, không qua sự biện giải dài dòng của lý trí.
- Cái hay nữa của bài thơ là “thi hóa thân thành họa”; họa ở đây không phải chỉ khi ẩn, khi hiện mà mỗi đoạn thơ đã được tác giả vẽ thành một bức tranh sống động.

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu, giấy đỏ
Bên phố đông người qua

1/ Bức tranh nhìn từ xa: đám đông vây quanh một ông già mặc áo chùng thâm, đội khăn đóng (ông Đồ) đang lúi húi viết; mặt ông Đồ và những người vây quanh đều mờ mờ, không rõ nét. Đây đó một vài cây đào đang nở hoa, báo hiệu xuân sang, tết đến.

Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài
Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay

2/ Bức tranh cận cảnh: cũng đám đông vây

quanh ông Đồ, mặt tươi vui, chú tâm theo dõi nét bút (lông) của ông trên giấy đỏ.

Thân hình và mặt mọi người đều rõ nét.

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sâu

3/ Bức tranh nhìn hơi xa: ông Đồ ngồi trên chiếu, bên cạnh là xấp giấy màu đỏ (nhạt hơn màu giấy ở bức tranh 2), bút lông và lọ mực chỉ còn một ít mực đọng ở cuối lọ. Chỉ có 1, 2 người thờ ơ đứng xem, không ai thuê viết.

Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay

4/ Bức tranh nhìn gần hơn một tý: ông Đồ vẫn ngồi trên chiếu dưới mưa phùn lất phất, bên cạnh lờ mờ xấp giấy đỏ, bó bút lông và lọ mực. Người đi đường qua lại không ai đến gần chiếc chiếu của ông Đồ. Cảnh thật tiêu điều.

Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
“Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ?”

5/ Bức tranh cận cảnh: người đi chơi xuân qua lại tấp nập trên đường; khoảnh đất ngày xưa ông Đồ thường ngồi, nay bỏ trống; một người không rõ mặt (tác giả) đứng cách mười bước, mắt đắm chiêu nhìn khoảnh đất trống. Thật ra, nếu vẽ đúng ý của đoạn kết thì phải có thêm dấu chấm hỏi ngay trên khoảnh đất trống ấy.

Sau đây là vài khuyết điểm nho nhỏ trong bài thơ Ông Đồ mà người viết bài này muốn đưa ra để bàn luận:

- Cách gieo vần: phải nhìn nhận tác giả rất cố gắng và rất khéo trong việc chọn chữ và gieo vần để giảm bớt vị ngọt của thơ ca. Trong 10 đôi chữ vần với nhau chỉ có 3 đôi là chính vận (đâu sâu, đầy giấy, hay bay), 7 đôi còn lại là thông vận. Tuy vậy vị ngọt, mặc dầu chưa đến độ nhàm chán, đối với người đọc khó tính, đã hơi “đậm đà”. Tại sao ông không bỏ hẳn vần 1/3, chỉ giữ vần 2/4 như Ta Về của Tô Thùy Yên chẳng hạn? Hỏi tức là đã trả lời. Lúc ấy cách gieo vần của Thơ Mới (ảnh hưởng Pháp) là như thế. Một nhà thơ cự phách như Tô Thùy Yên mà đến gần 50 năm sau (1985), trong Ta Về mới áp dụng phép gieo vần ấy, thì làm sao có thể trách Vũ Đình Liên được. Ông đã chọn thể thơ mà ở thời

của ông được coi là mới nhất, phóng khoáng nhất. Nhưng dấu sao cái vị ngọt hơi “đậm đà” đã tan vào bài thơ của ông, và ông, chứ không ai khác, phải nhận trách nhiệm (một cách oan ức!) về khuyết điểm nho nhỏ đó.

- Theo tôi, 2 câu đóng góp ít nhất và giảm giá trị nghệ thuật của bài thơ nhiều nhất, là 2 câu cuối:

Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?

Nhận định này rất khác với những bài bình Ông Đồ trên sách báo và internet ở trong nước; nó cũng khác với nhận định của vài nhà phê bình văn học ở hải ngoại. Sau đây là lý do khiến tôi đưa ra nhận định ấy.

Khi đọc xong câu 18:

Không thấy ông Đồ xưa
con tảo của ván xì phé đã được lật lên, ẩn dụ đã được giải mã, không cần phải giải thích thêm nữa. Bằng khả năng liên tưởng của mình người đọc đã có thể nhận ra chủ ý của tác giả: nền Nho học đang lụi tàn. Cái câu hỏi “*Những người muôn năm cũ, hồn ở đâu bây giờ?*” là không cần thiết, là thừa.

Nếu nói tác giả dùng cái câu hỏi “hỏi để mà hỏi vậy thôi” với mục đích là, qua cái giọng “bàng hoàng, thảng thốt” trong câu hỏi ấy, truyền cho người đọc cảm giác tiếc nuối cái

nền Nho học kia, thì cũng không hợp tình lắm. “Bàng hoàng, thảng thốt” dùng cho trường hợp của Tú Xương trong Sông Lấp thì đúng, bởi ông Tú cũng chính là ông Đồ, là máu, là thịt của nền Nho học; mất (hình ảnh) ông Đồ, đối với ông, cũng đau đớn như mất một phần thân thể, một phần tâm hồn của mình.

Còn như Vũ Đình Liên, theo tôi, chỉ bằng khuâng tiếc nuối khi thấy mất đi một nét đẹp văn hóa của dân tộc, bởi ông – một người theo tân học – đối với ông Đồ, đối với nền Nho học, chỉ là kẻ bàng quan, là người ngoài cuộc; câu hỏi với cái giọng tha thiết ấy có vẻ hơi “lạc điệu”. Hơn thế nữa, nó làm bức tranh thứ 5 vẫn còm cộm chữ nghĩa; ngôn ngữ chưa hoàn toàn tan biến, chưa thực sự hóa thân vào trong tranh.

Có lần cô cháu dâu người miền nam nấu đãi ông bác chồng mới ở Mỹ về thăm, một nồi chè xôi nước. Con nhỏ nấu ngon thiệt; tôi ăn một lúc hết 4 viên mà vẫn còn thơm thềm. Nhưng đến viên thứ năm thì kể rằng tôi bị một miếng gì đó dính vào. Thì ra nó nấu chè bằng đường chén làm từ mía; người làm đường không để ý nên sót lại chút bã mía trong chén đường. Dù vậy, chè xôi nước hôm

đó vẫn là bữa ăn rất ngon tôi còn nhớ đến ngày hôm nay.

Vâng! Hai câu kết của bài thơ chính là miếng bã mía trong nồi chè xôi nước. Người đọc có cảm giác hơi tiêng tiếc. Chỉ một chút xíu nữa thôi là những bức tranh thơ có thể hoà nhập trọn vẹn vào tâm hồn người đọc, bài thơ có thể gọi là toàn bích.

Tóm lại, nhờ sự nhạy bén của tác giả (và một chút may mắn) bài thơ Ông Đồ đã tránh được hai khuyết điểm lớn của thể thơ trường thiên: hội chứng nhàm chán vắn và tứ thơ phân tán. Thêm vào đó, nó lại có thể thủ đắc một lúc 3 “tuyệt chiêu” của thơ ca là ẩn dụ tài tình, bày tỏ, không biện giải (show, not tell), và thi hóa thân thành họa. Tôi xin mạnh dạn gọi nó là một tuyệt tác.

Nó không phải chỉ nổi bật khi so sánh với những bài thơ cùng thời, không phải chỉ nhận được những lời ngợi khen từ những nhà phê bình văn học sử dụng cái thước đo giá trị thơ ca của bối cảnh văn học những năm 1930s, 1940s. Ngay lúc tôi viết bài này (2013), sau gần 80 năm lẫn lóc trên thi đàn, nó vẫn sống trong lòng người yêu thơ. Những nhà phê bình văn học, dù khó tính, “bới lông tìm vết” bằng những chuẩn mực giá trị của thời đại mới đi nữa, vẫn phải công nhận Ông Đồ là bài thơ rất hay.

Ông Đồ không chỉ là hiện tượng, là cái mốc của một thời điểm lịch sử như Tình Già của Phan Khôi, như mấy bài thơ của TTKh, mà bằng giá trị nghệ thuật nội tại, bằng cái đẹp chân chất thơ ca, đã biểu lộ một sức sống mãnh liệt, sẽ còn ngất ngưỡng trên thi đàn, làm xao xuyến hàng triệu trái tim những người yêu thơ ...nhiều chục năm nữa.

Tham Khảo:

- thivien.net
- edunet.com
- vn.wikipedia.org
- kienthucphothong.edu.vn
- blog.zing.vn
- kenhtrithuc.edu.vn
- autim.net
- dantri.com
- vnthihuu.net
- baomoi.com
- luanhoan.net

Bài 3: ÔNG ĐỒ VÀ ĐĂNG VƯƠNG CÁC TỰ

Nhắc đến “tuyệt chiêu” thi hóa thân thành họa của Ông Đồ tôi lại nhớ đến hai câu thơ chữ Hán mà thời còn ở trung học, một vị giáo sư của tôi đã cho là hai câu thơ tả cảnh tuyệt vời của văn chương Trung Hoa:

Lạc hà dĩ cô vụ tể phi

Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc

Trần Trọng San dịch:

*Ráng chiều rơi xuống, với cánh cò đơn
chiếc cùng bay*

*Làn nước sông thu với bầu trời kéo dài
một sắc.*

Sau này đi tù, có dịp gần gũi với nhiều bậc thức giả, kiến văn rộng, tôi lại nhiều lần được nghe họ trầm trồ khen ngợi hai câu thơ “độc nhất, vô nhị” đó nữa.

Chính tôi, vừa đọc, vừa thả hồn vào cái cảnh trời mà hai câu thơ ấy vẽ nên, cũng thấy đẹp và hay thật; chữ nghĩa đã hoàn toàn tan biến, hóa thân thành một bức tranh thơ tuyệt tác. Và sau đây là hoàn cảnh ra đời của hai câu thơ ấy.

Con vua Đường Cao Tổ là Nguyên Anh được phong là Đẳng Vương, khi nhậm chức thứ sử tại Tô Châu đã sai đô đốc Hồng Châu xây cất một ngôi gác để làm chỗ ở. Ngôi gác tọa lạc tại quận Nam Xương, bên sông Tầm Dương, được đặt tên là Đẳng Vương các. Năm Hàm Thuần thứ hai, sau khi hoàn tất công việc trùng tu Đẳng Vương các, đô đốc Hồng Châu lúc ấy là Diêm Bá Tự mở đại yến mời tao nhân mặc khách đến sáng tác thơ văn để ghi nhớ.

Vương Bột bấy giờ 19 tuổi, nổi tiếng là văn hay, thơ phú giỏi, đã giong thuyền trên 100 dặm để đến dự bữa đại yến này. Khi được đưa giấy bút mời trở tài thơ, chàng trai họ Vương khảng khái đón nhận và ngay tại buổi tiệc đã sáng tác trọn vẹn bài Đẳng Vương Các Tự.

Bài tự khá dài (hơn 760 chữ) có thể chia làm 5 phần:

- Địa lý và con người ở quận Nam Xương, nơi xây Đẳng Vương các.
- Ngợi ca chủ và khách tham dự bữa tiệc.
- Tả phong cảnh xung quanh (từ Đẳng Vương các nhìn ra).

- Cảm tưởng của riêng tác giả.
- Đoạn kết là bài thơ thất ngôn bát cú cổ phong tuyệt bút.

Hai câu thơ được đời sau nhắc đến và ca tụng hết lời, nằm ở phần tả phong cảnh xung quanh.

Tôi hơi dài dòng về nguồn cội, xuất xứ của hai câu thơ là để có thể đưa ra mấy lời nhận xét như sau:

1/ Không còn nghi ngờ gì nữa, Đăng Vương Các Tự là một bài tự hay, một áng văn đẹp, được viết bởi một chàng trai trẻ tuổi, ngay từ thuở thiếu nhi đã nổi tiếng có tài văn thơ. Lời văn trong bài tự rất văn hoa, bóng bẩy, đẹp một cách hào nhoáng, lộng lẫy, được viết bằng lối văn biền ngẫu nên đọc lên nghe rất cân đối, nhịp nhàng, trơn tuột như một bài thơ.

2/ Vương Bột lặn lội đường xa đến dự yến với mục đích biểu diễn, phô trương kiến thức uyên bác, văn tài điêu luyện của mình nên bài tự chữ dùng nhiều chỗ cầu kỳ, nhiều điển cố khó hiểu.

3/ Ông viết bài tự để tặng người chủ bữa tiệc nên nhiều chỗ chữ nghĩa không thật sự phát xuất từ lòng mình, từ tâm chân tình của mình, nhiều câu có tính đả bôi, đầy cung cách xã giao, nghe rất sáo.

4/ Trong đám rừng hoa chữ nghĩa ấy nổi bật lên một cụm hoa thật đẹp, thật tươi thắm, đứng lẻ loi như một bức tranh thơ riêng biệt, có ma lực hấp hồn những người thưởng ngoạn. Đó chính là hai câu:

Lạc hà dữ cô vụ tề phi

Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc.

5/ Nhưng cây hoa ấy, bức tranh thơ tuyệt đẹp ấy, lại được đặt ở rất xa, mãi tận góc vườn, lẫn lộn với nhiều đồ vật trang trí khác, góp một phần rất khiêm tốn, điểm tô cho Đền Vương các.

Trong khi đó, Ông Đồ của Vũ Đình Liên, ngôn ngữ bình dị hơn, là cả một bộ truyện bằng tranh thơ sinh động. Người đọc không phải “đãi cát tìm vàng” như khi đọc Đền Vương Các Tự, mà, với Ông Đồ, họ có thể thấy ngay trước mắt mình cả một hàng những thỏi vàng óng ánh.

Tham Khảo :

- thivien.net
- my.opera.com
- vi.wikipedia.org
- hoasontrang.us
- chimvie3.free.fr
- haivan.8m.net
- chantam.net
- saimonthidan.com

Bài 4: SÔNG LẤP: MỘT BÀI THƠ TOÀN BÍCH

Sau buổi nhậu cuối tuần, mấy thằng bạn ngồi uống trà, cà phê bù khú chuyện vãn chương. Được một lúc, câu chuyện lan man đến thơ: *làm thơ nên làm thơ dài hay thơ ngắn?* Một ông bạn, sau khi nói một câu ba phải để vừa an toàn (khỏi sợ sai) vừa hợp lòng mọi người: “Thơ dài hay ngắn hoàn toàn tùy sở thích của thi sĩ”, rồi có lẽ do thúc đẩy của hơi men, bỗng nổi hứng tuyên bố thẳng thừng:

“Nhưng những bài thơ ngắn quá (4 câu hoặc ít hơn) không đủ để tác giả bày tỏ lòng mình; nó giống như mấy thằng cha mắc chứng sậu tinh, chưa nhập cuộc đã khóc ngoài quan ải, chưa đi đến chợ đã hết tiền, để người bạn tình nằm tô hô, thất vọng trên giường.”

Vâng! Tôi nhiều khi đọc thơ, cũng có cái cảm giác thất vọng như cô gái “nằm tô hô trên giường.” Một bài thơ ngắn quá, chỉ giống như một màn đá phạt trong bóng đá, một pha phối hợp nhỏ của 2, 3 cầu thủ phe mình để vượt qua một cầu thủ đối phương. Ở đây kỹ thuật cá nhân được tận dụng tối đa; cầu thủ có thể phô diễn tài đi bóng, che bóng, lừa bóng, hoặc sút bóng bay theo đường vòng cung vào lưới. Nhưng người ta không thấy được sự lên

xuống nhịp nhàng của cả 11 cầu thủ trên sân, không có cơ hội để thấy được tài của huấn luyện viên trong việc tổ chức, phối hợp đấu pháp toàn đội.

Trong một bài thơ ngắn thi sĩ phải chắt lọc từng chữ, từng câu để tự nó tạo được âm vang, hình ảnh đặc biệt, hầu lưu lại một chút dấu ấn trong lòng người đọc, bởi, với số chữ giới hạn, ông không có chỗ, không đủ thời gian đào con mương, trút cảm xúc trong lòng mình xuống để nó cuộn cuộn chảy thành dòng, sóng sau dồn sóng trước như thác đổ, khuấy động tâm hồn người đọc. Trong một bài thơ quá ngắn người đọc không có dịp để thấy cái bề thế của trận địa chữ nghĩa. Nó chỉ như một cuộc phục kích, đột kích cấp tiểu đội, trong đó người chỉ huy không có dịp để nghe tiếng rít xé trời của phản lực, tiếng gầm của hải pháo và pháo binh diện địa, tiếng ầm ì của thiết giáp, và đặc biệt, không có dịp để thấy từng đoàn quân, từng đoàn quân, hàng hàng lớp lớp tiến lên chiếm lĩnh mục tiêu.

Với Sông Lấp của Tú Xương, một bài thơ rất ngắn, chỉ có 4 câu lục bát 28 chữ, người ta phải xem nó là một ngoại lệ rất hiếm hoi.

Trước khi quay lại cái giai đoạn lịch sử cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 để tìm hiểu bối cảnh văn hóa, xã hội của Việt Nam lúc tác giả viết Sông Lấp rồi phân tích để tìm cái hay của bài thơ, tôi xin kể

một kinh nghiệm đã trải qua để làm thí dụ so sánh.

Có một dạo tôi bị nhốt xà lim ở A20, Xuân Phước. Chế độ ăn uống ở xà lim cực kỳ hà khắc. Mỗi ngày 2 bữa. Mỗi bữa chỉ có 2 muỗng cơm và 2 muỗng nước. Đến ngày thứ 20 trở đi, vì không có chất bổ dưỡng và mất nước, các tế bào nằm chết xếp lớp trên người tôi, tạo thành những lớp da cứ bong ra như vảy cá. Tôi ngồi bóc hết lớp da này đến lớp da khác và nhìn thân người mình cứ teo tóp đi một cách rõ ràng. Đến ngày thứ 40 thì móng và bắp đùi đã gần như không còn thịt nữa....Đến ngày thứ 50 thì toàn thân chỉ còn một lớp da mỏng bọc xương, ngực thì có thể nhìn thấu từng mảnh xương sườn, đầu thì như một cái sọ dừa khô. Lúc ấy, thỉnh thoảng mê thiếp đi, tôi đã thấy thân chết, tay cầm lưỡi hái, từng bước đến gần bệ nằm của mình mà chân thì bị cùm, cửa xà lim thì đóng kín, khóa chặt, không làm sao chạy thoát được. Cái cảm giác ấy thật đáng sợ đến rùng mình.

Với Tú Xương thì lại khác. Nỗi sợ đến độ ám ảnh của tôi là sự suy kiệt thể xác. Với ông, là sự mất mát tinh thần. Ông không có cái vinh dự đỗ đầu cả 3 kỳ thi như Tam Nguyên Yên Đỗ, hoặc khiêm nhường hơn, đỗ Giải Nguyên (đầu thi Hương) như Nguyễn Công Trứ để được bổ quan, đem tài sức của mình phục vụ quê hương, đất nước. Ông chỉ đỗ Tú Tài (Tú rớt bảng trong năm Giáp Ngọ), không được

vua ban áo mào, vinh quy bái tổ, sau đó được bổ quan cử phẩm, như những ông Nghè, ông Cống. Nhưng ở làng Vị Xuyên quê ông, ông cũng được tiếp rước long trọng, nở mày, nở mặt với bà con, thôn xóm. Trong những buổi hội họp, tiệc tùng, đình đám, ông lại còn được vinh dự ngồi chiếu tiên chỉ (1). Hơn nữa, với sự tự tin vào văn tài của mình, với một tinh thần minh mẫn trong một thân thể khỏe mạnh của tuổi trung niên, đường thi cử của ông vẫn còn rộng mở. Ông có lý do để hy vọng. Hy vọng một ngày nào đó đỗ đạt cho bổ công đèn sách, đèn đáp công lao của bà vợ đảm đang, đem tài sức phục vụ đất nước.

Nhưng thời thế không đứng về phía ông. Những năm cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, nước Việt Nam đã bị người Pháp hầu như nắm toàn quyền cai trị. Triều đình bù nhìn nhà Nguyễn chỉ có quyền bổ nhiệm một số chức quan “hữu danh vô thực”, còn những chức vụ có thực quyền lèo lái guồng máy hành chính của đất nước, đại đa số đều do người Pháp chỉ định. Ở miền trung và miền bắc, thi Hương chưa bị chính thức bãi bỏ nhưng số người học chữ Nho đã thưa giảm rất nhiều. Chính Tú Xương đã phải lên tiếng xác nhận:

*Cái học nhà Nho đã hỏng rồi
Mười người đi học chín người thôi.
(Cái Học Nhà Nho)*

Ngay cả việc thi cử cũng không còn cái vẻ nghiêm trang, long trọng như ngày xưa

*Lọng cắm rợp trời, quan Sứ đến,
Váy lê quét đất, mũ đầm ra.
(Vịnh Khoa Thi Hương)*

Mà dù có đỗ đạt đi nữa cũng đâu còn cái vinh dự, cái niềm tự hào như thời đất nước còn độc lập, tự chủ

*Một đàn thẳng hổng đứng mà trông
Nó đỗ khoa này có sướng không
Trên ghé bà đầm ngoi đít vịt,
Dưới sân ông cử ngông đầu rồng !
(Giễu Người Thi Đỗ)*

Thêm vào đó, người Pháp cũng đã mở trường huấn luyện và một số kỳ thi riêng của họ để chọn người làm việc. Và cũng chính Tú Xương đã phải cay đắng than thở:

*Nào có ra gì cái chữ Nho
Ông Nghè, ông Cống cũng nằm co
Chỉ bằng đi học làm thầy Phán
Tối rượu sâm banh, sáng sữa bò.
(Chữ Nho)*

Từng ngày, từng tháng trôi đi. Khung cảnh chính trị, văn hóa, xã hội không ngừng đổi thay trước mắt theo chiều hướng xấu. Kho kiến thức sau bao năm đèn sách của ông – như đồng tiền trong một nền

kinh tế lạm phát phi mã – ngày càng giảm giá trị. Con người sinh học của Tú Xương vẫn còn lây lất sống, nhưng trong tâm hồn ông, niềm hy vọng, niềm tin vào tương lai, đang đi dần đến cỗi chết, không còn phương cứu vãn. Bài thơ Sông Lấp đã được viết trong hoàn cảnh đó.

SÔNG LẤP

*Sông xưa rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai
Vắng nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò.*

Tú : Nghe tiếng ếch vọng lại từ khu nhà, vườn tược được xây dựng ngay trên lòng sông Vị Hoàng (nay đã bị lấp), tác giả giật mình tưởng tiếng gọi đò vọng lại và nhớ đến bến đò cũ, con sông xưa.

Ý: Tác giả nhớ thương, tiếc nuối cái thời Nho học - mà tác giả là một sĩ tử - còn được coi trọng.

*Năm 1832, sau khi triều đình cho đào **sông Đào** thay thế vai trò của sông Vị Hoàng, nhằm rút ngắn lộ trình đường thủy. Sông Vị Hoàng trở nên kém tác dụng và bị phù sa lấp dần. Cuối thế kỷ XIX, do cần đất để xây dựng các công sở, người Pháp đã lấp sông Vị Hoàng, vì thế con sông này không còn nữa. Nhiều người gọi là sông Lấp, ấy là gọi để nhớ thế thôi, chứ sông đã lấp rồi thì sao còn sông nữa (2).*

Dựa vào 2 câu cuối của bài thơ tôi có thể suy luận ra mấy điều sau:

- Khúc sông Vị Hoàng chảy qua khu nhà của Tú Xương thuộc làng Vị Xuyên không có cầu bắc qua sông.
- Nhà ông Tú không ở sát, nhưng cũng không xa bên đò ngang lắm; ở đây có thể nghe được tiếng gọi đò vọng lại.
- Ông rất nặng lòng với khúc sông đầy kỷ niệm, với quãng đời lúc con sông chưa bị lấp, đến nỗi chỉ “vắng nghe tiếng ếch bên tai” ông cũng giật mình tưởng tiếng gọi đò từ những năm xưa cũ.

-

Nhưng nếu “vắng nghe tiếng ếch bên tai” mà người đọc chỉ tưởng “tiếng ai gọi đò” để từ đó nhớ đến bên đò ngang cạnh nhà ông và rồi đến con sông Vị Hoàng ngày xưa (nay đã bị lấp) thì ... bất công với Tú Xương quá. Nếu dòng liên tưởng chỉ dừng ở đây thì bài thơ đã bị giảm đi ít nhất 90% giá trị nghệ thuật. Nếu chỉ có thế người ta đâu có gọi Sông Lấp là “*tiếng thở dài thế sự*” của Tú Xương. Dĩ nhiên, ông cũng nhớ đến con sông mà vợ ông đã “quanh năm buôn bán” ở đó để nuôi sống một gia đình đông đúc “năm con với một chồng”. Nhưng con sông chỉ đóng vai chiếc cầu để ông trở về cái thời tạm gọi là vàng son của ông, cái thời còn ngồi chiếu tiên chỉ của làng Vị Xuyên, cái thời mà mọi người gọi ông là

Ông Tú với giọng kính trọng một nhà nho có văn tài, cái thời ông còn tràn trề hy vọng khi nghĩ đến kỳ thi sắp tới, và trong lòng ông, niềm tin ở quê hương đất nước vẫn còn rực sáng.

Còn cái lúc ông viết Sông Lấp, ách cai trị của người Pháp đã lan tỏa, đã xâm nhập vào mọi ngõ ngách của cuộc sống người dân Việt, nền Nho học đang lụi tàn, con đường tương lai của ông đang đi vào ngõ cụt. Ông đành quay lại nhìn, nuôi tiếc cái thời xa xưa ấy để rồi buông “tiếng thở dài thế sự”.

Nhận Định Nghệ Thuật

Dù bằng con mắt của người đọc thơ khó tính, dù áp dụng cách nhìn nhận, đánh giá thơ ca của thời đại mới, tôi tin rằng người đọc vẫn khó tìm ra khuyết điểm của bài thơ. Nhưng cái hay của bài thơ thì lại khá nhiều và độc đáo.

1) Không có hội chứng nhàm chán vắn

Những thể thơ truyền thống, đặc biệt là thơ lục bát, rất dễ mắc phải hội chứng nhàm chán vắn. Sông lấp chỉ có 4 câu, quá ngắn, nên thoát khỏi chứng bệnh này.

2) Tứ thơ mạch lạc, thủ pháp “show, not tell” áp dụng rất thành công, từ liên tưởng này đến liên tưởng khác theo một trình tự hợp lý, người đọc rất dễ cảm nhận.

3) Câu chữ đặc địa, khó thay đổi hoặc thay thế
Chúng ta thử đọc bài thơ Không Đề, đã được

nhà phê bình văn học Nguyễn Hưng Quốc khen là “một trong những bài thơ hay nhất, hoàn chỉnh nhất của Nguyễn Bính” (3)

Hôm nao dưới bến xuôi đò

Thương nhau qua cửa tò vò tìm nhau

Anh đi đấy, anh về đâu?

Cánh bướm nâu, cánh bướm nâu, cánh bướm...

Câu thứ 4 của bài thơ thật tuyệt vời. Đúng như Nguyễn Hưng Quốc nhận định:

Người con gái vẫn còn đứng đó, bên thành cửa sổ, vờ vờ nhìn theo. Câu thơ cắt thành ba nhịp, tưởng như mỗi nhịp ngắt là một làn sóng đột nhiên trào lên, che khuất cánh bướm. Bao nhiêu lần khuất rồi hiện. Lần cuối cùng, đã xa lơ xa lắc, người con gái chỉ còn nhìn thấy, mờ thật mờ, hình ảnh cánh bướm thấp thoáng, nhòa đi trong khói sóng bập bênh. Không còn thấy màu sắc nữa: chữ “nâu” ở nhịp cuối biến mất (3).

Câu thứ 4 của bài thơ hay như thế, nhưng còn 3 câu đầu thì sao? Theo tôi, không đắt lắm. Một thi sĩ nào đó có thể khá dễ dàng thay thế 3 câu đầu bằng 3 câu khác để có những hoàn cảnh chia tay khác nhau; mẹ chia tay con, bà chia tay cháu, vợ chia tay chồng, hai người bạn chia tay nhau... miễn sao chữ cuối của

câu 3 có vần au hay âu để vần với “cánh bướm nâu” ở câu cuối.

Trong Sông Lấp mỗi chữ, mỗi câu, mỗi ý tưởng, mỗi hình ảnh đều được xếp đặt, nối kết như một thể trận. Thật khó có thể thay chữ này bằng chữ kia hoặc câu này bằng câu khác mà không làm giảm giá trị nghệ thuật của bài thơ. Riêng chữ “văng” và 2 chữ “giật mình” thì phải nói là đắt như kim cương. Không phải là tiếng sấm, tiếng sét, tiếng sủng nổ, tiếng cãi nhau to tiếng mà chỉ là “văng” nghe tiếng ếch từ xa vọng lại, cũng đủ làm ông Tú “giật mình” nhớ đến một chuỗi những hình ảnh của quá khứ xa xưa. Tâm hồn ông chắc phải thẳng căng như sợi dây đàn nên chỉ một chạm nhẹ cũng rung lên bần bật, tạo nên “tiếng kêu khác khoải” làm tái tê lòng biết bao nhiêu người đọc thơ ông.

Hơn nữa, cái hay của Không Đề chỉ ở câu thứ 4, giống như đội bóng có một cầu thủ siêu sao. Cái hay của Sông Lấp là cái hay tổng thể, cái hay toàn bài; ở đây, đội bóng có một huấn luyện viên tài ba, xếp đặt 11 cầu thủ vào từng vị trí phù hợp với sở trường và lối chơi riêng của họ, tạo được sự phối hợp gắn bó, nhịp nhàng của toàn đội. (Nếu hoán chuyển vị trí của các cầu thủ hoặc thay thế một cầu

thủ trong đội bằng một cầu thủ khác thì hiệu quả của đấu pháp toàn đội sẽ giảm sút)

- 4) Có lẽ cái hay nhất của Sông Lấp, có thể tôn giá trị nghệ thuật của bài thơ lên nhiều nhất, là phép ẩn dụ, đúng hơn phải nói là sự kết hợp tài tình giữa thủ pháp “show, not tell” và phép ẩn dụ để diễn đạt ý của tác giả.

Cái thú khi đọc một bài thơ có phép ẩn dụ - tác giả nói về cái này mà ngụ ý cái kia - là lần theo tứ thơ để tìm, để khám phá ý của tác giả. Phép ẩn dụ càng kín thì, khi người đọc, bằng khả năng liên tưởng của mình, hiểu được, cảm thông được tâm tình mà tác giả muốn chia sẻ, sự ngạc nhiên và thích thú càng gia tăng, bài thơ càng được đánh giá cao.

Phép ẩn dụ trong Sông Lấp rất kín, kín đến nỗi ngay cả có người bình bài thơ ấy cũng không thấy được, cảm được ẩn ý của tác giả. (4) Có thể nói Sông Lấp không phải là một đoàn quân trùng trùng, điệp điệp, nhưng lại có bề thế của một mặt trận, một điệp vụ tình báo siêu đẳng, đưa được những điệp viên thượng thặng, bí mật nằm giữa bộ chỉ huy của quân địch. Phép ẩn dụ ấy được kết hợp một cách tài tình với thủ pháp “show, not tell”, tạo ra một chuỗi những chiếc cầu liên

tưởng, dẫn người đọc đi từ hình tượng này đến hình tượng khác.

Từ tiếng ếch kêu, trong hoàn cảnh riêng của mình, trong tâm tình riêng của mình, nhà thơ “tưởng tiếng ai gọi đò”. Đây là một liên tưởng rất riêng tư; nếu ông không bộc bạch, bày tỏ thì người đọc khó có thể đoán ra được. Biết thế nên ông đã đưa tay dắt chúng ta bước lên chiếc cầu đầu tiên. Đến 2 chiếc cầu liên tưởng kế tiếp thì người đọc đã có thể tự mình qua được; từ tiếng gọi đò nhớ bến đò ngang, từ bến đò ngang nhớ con sông Vị Hoàng ngày xưa, nay đã bị lấp.

Khi từ con Sông Lấp đặt chân lên chiếc cầu sau cùng, bằng vốn kiến thức về lịch sử, văn học sử, cộng với một chút trực giác thi ca, người đọc sẽ bắt gặp nỗi lòng sâu kín của nhà thơ: nhớ thương, tiếc nuối cái thời tạm gọi là vàng son của mình, cái thời Nho học vẫn còn chỗ đứng khá trang trọng trong đời sống người dân Việt. Và người đọc sẽ tròn xoe mắt “À” lên một tiếng khoái trá.

Với Trương Kế, tiếng chuông chùa Hàn San chính là chữ Duyên của đạo Phật, là chiếc phao giúp ông bơi vào bờ bến thi ca, để lại cho đời một bài thơ bất hủ: Phong Kiều Dạ Bạc. Với Trần Tế Xương, tiếng ếch

giữa đêm khuya đã khiến ông giật mình thảng thốt nhớ đến bến đò cũ, con sông xưa, và rời từ con sông ấy đã quay lại để thương, để nhớ, để tiếc một quãng thời gian đầy kỷ niệm của đời mình. Nhờ tiếng ếch ấy, nhờ nỗi nhớ thương, tiếc nuối ấy, ông đã đóng góp vào kho tàng văn chương của Việt Nam và của thế giới một tuyệt tác thi ca, một bài thơ toàn bích: Sông Lấp.

Chú thích:

(1) Người đứng đầu hội đồng kỳ dịch trong làng.

- Nếu làng xét ngôi thứ trong hội đồng theo “thiên tước” thì ai cao tuổi nhất là tiên chỉ.

- Nếu làng xét ngôi thứ trong hội đồng theo “nhân tước” thì ai đỗ cao nhất hoặc có phẩm hàm cao nhất thì ngồi chiếu tiên chỉ.
(Wikipedia Tiếng Việt)

Tú Xương tuy chỉ đỗ Tú Tài nhưng có lẽ làng Vị Xuyên xét ngôi thứ trong hội đồng theo “nhân tước” và lúc ấy chưa có người đỗ đạt nên ông được trọng vọng mời ngồi chiếu tiên chỉ.

(2) mobile.vietgle.vn

(3) Tứ Thơ, Tìm Hiểu Nghệ Thuật Thơ Việt Nam, Nguyễn Hưng Quốc

(4) Về Bài Thơ Sông Lấp Của Trần Tế Xương, Vũ Bình Lục, lethieunhon.com

Bài 5: CŨNG CHỈ LÀ LỜI ĐỒN

(Trao đổi với Lưu Na về bài thơ Sông Lấp)

Khi bài viết Sông Lấp - Một Bài Thơ Toàn Bích phóng đi được ít hôm tôi nhận được vài emails – khen có, và chê cũng có. Tôi đã trả lời độc giả bằng thư riêng. Người khen thì dĩ nhiên không có ý kiến gì thêm, còn người chê có hài lòng với câu trả lời của tôi hay không, thú thật là tôi không biết. Đặc biệt có một nữ độc giả, Lưu Na trẻ hơn tôi mấy tuổi, là một cây viết kỳ cựu (ít nhất cũng hơn tôi) trên trang web văn học T.Vấn & Bạn Hữu, đã có hẳn một bài viết (ngắn) trên trang web ấy liên quan đến bài Sông Lấp - Một Bài Thơ Toàn Bích của tôi.

Sau đây là nguyên văn bài viết:

Lưu Na : Đồn

Nhân đọc bài **Sông Lấp –Một Bài Thơ Toàn Bích** của Phạm Đức Nhì, chợt nhớ một lời đồn.

Đại khái là Tú Xương có giao tình với Phan Bội Châu lúc đó đang trong phong trào chống Pháp. Chỗ bến đò mà Tú Xương cảm hoài chính là chỗ ban

đêm nghĩa quân lén qua sông nên giả tiếng ếch kêu để làm hiệu. Khi đã xảy đàn tan ghé, ông tú Vĩ Xương mới đêm nằm nghe ếch bên tai mà nhớ lúc xưa, và **giật mình** còn ngỡ (tưởng) tiếng ai gọi dò.

Không biết điều ấy thật bao nhiêu vì Tú Xương không bao giờ nói cho chúng ta biết, nhưng cái lời đồn đó làm cho bài thơ càng thêm nổi ngậm ngùi, vì tang thương của đất trời chồng lên thêm với cái đau bể của thời cuộc. Cái buồn trong hơi thơ của Tú Xương càng sâu lắng.

Cũng trong cái khoảng thời gian chống Pháp ấy thì nghĩa quân phải sinh hoạt như một hội kín, lúc hội họp gặp nhau hân hoan tình đồng chí đệ huynh, mà ra khỏi chốn bí mật ấy thì buồn bã phải coi nhau như người dưng nước lã, nên thành câu *sao đang vui vẻ ra buồn bã _ vừa mới quen thân đã lạ lòng*.

Đó là bài thơ Nhớ Bạn Phương Trời của Trần Tế Xương:

Ta nhớ người xa cách núi sông

Người xa xa có nhớ ta không

Sao đang vui vẻ ra buồn bã

Vừa mới quen thân đã lạ lòng

Khi thấy thấy gì trong mộng tưởng

Nỗi riêng riêng đến cả tình chung

Tương tư lọ phải là trai gái

Một ngọn đèn xanh trống điểm thùng

Bài thơ được cho là lời nhắn gửi âm thầm đến Phan Bội Châu, một tâm tình nhớ bạn _ *ta nhớ người xa cách núi sông, người xa, xa có nhớ ta không*. Những câu sau nói lên hoàn cảnh tâm tình của lớp người chống Pháp. Sinh hoạt trốn lánh kiểu hội kín (mượn chữ của Tạ Chí Đại Trùng), nỗi niềm riêng phải sống để dạ chết mang theo chứ không thể thổ lộ ngay cả với người đồng tịch đồng sàng _ *nỗi riêng riêng đến cả tình chung*.

Trong đêm vắng nỗi buồn thật mênh mang _ một ngọn đèn một tiếng trống, lại nhuộm chút đắng cay chua chát, đó chính một trademark trong hơi thơ của Tú Xương, trong những lời kiêu bạc mà chứa đầy nỗi cô đơn:

*Tương tư **lọ** phải là trai gái*

Một ngọn đèn xanh trống điểm thùng

Nói cho ngay tình, cả cái tựa của bài bài thơ nhớ bạn tôi cũng không dám chắc là đúng, và những gì đọc được cũng chỉ là đồn đoán (bàn đề!!!!) khi còn đang học trung học, nhưng lúc đó đọc được 2 câu đầu thôi mà nỗi buồn man mác không nói ra lời vương mãi vào lòng.

Phải chăng lời đồn cũng có lời thi vị làm mình muốn nhớ hoài?

Lưu Na

(nguồn: t-van.net)

Và đây là bài viết trả lời của Phạm Đức Nhì:

CŨNG CHỈ LÀ LỜI ĐÒN

“Mẫu viết ngắn” với cái tựa chỉ có một chữ Đòn nhưng đã thổi một luồng gió mát vào bài viết khá khô khan của tôi. Trong số những phản hồi về bài viết Sông Lấp -Một Bài Thơ Toàn Bích, tôi thích nhất là “mẫu viết ngắn” ấy. Nó đã cho người đọc một góc nhìn mới về bài thơ Sông Lấp và đưa dẫn từ, ý của bài thơ về một chân trời mới. Theo Lưu Na, tác giả của “luồng gió mát”, thì có lời đòn như sau:

Đại khái là Tú Xương có giao tình với Phan Bội Châu lúc đó đang trong phong trào chống Pháp. Chỗ bến đò mà Tú Xương cảm hoài chính là chỗ ban đêm nghĩa quân lên qua sông nên giả tiếng ếch kêu để làm hiệu. Khi đã xảy đàn tan ghé, ông Tú Vị Xương mới đêm nằm nghe tiếng ếch bên tai mà nhớ lúc xưa, và giật mình còn ngỡ (tưởng) tiếng ai gọi đò...

Lời đòn ấy có thể tin được lắm chứ! Phan Bội Châu sinh năm 1867, lớn hơn Tú Xương 3 tuổi, đỗ Giải Nguyên năm 1900.

Trong vòng 5 năm sau khi đỗ Giải nguyên, Phan Bội Châu bốn ba khắp nước Việt Nam kết giao với các nhà yêu nước như Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Hàm (tức Tiểu La Nguyễn Thành), Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế, Đặng Thái Thân, Hồ Sĩ Kiện, Lê Huân, Nguyễn Quyền, Võ Hoành, Lê Đại,...(1)

Tuy Tú Xương không nằm trong danh sách những nhà yêu nước - cùng với Phan Bội Châu - có những hoạt động tích cực chống Pháp, nhưng với văn tài, với những bài thơ thấm đẫm lòng yêu nước của ông, việc Phan Bội Châu có giao tình với ông là việc có thể xảy ra lắm. Thêm vào đó lại còn bài thơ Nhớ Bạn Phương Trời (2)

Ta nhớ người xa cách núi sông

Người xa, xa lắm, nhớ ta không?

Sao đang vui vẻ ra buồn bã?

Vừa mới quen nhau đã lạ lòng

Lúc nhớ nhớ cùng trong mộng tưởng

Nỗi riêng riêng cả đến tình chung

Tương tư lọ phải là trai gái

Một ngọn đèn khuya trông điểm thung

thì tra cứu trong tập Thơ Việt Nam Thế Kỷ XX, Thơ Trữ Tình, tôi thấy ở phần chú thích đã được ghi rõ ràng là: “*Bài này tác giả viết tặng Phan Bội Châu*”. Như vậy, phần đầu của lời đồn về mối giao tình đã trở thành sự thật. Riêng phần còn lại của lời đồn:

Chỗ bến đò mà Tú Xương cảm hoài chính là chỗ ban đêm nghe quân lên qua sông nên giả tiếng ếch kêu để làm hiệu. Khi đã xảy đàn tan nghe, ông Tú Vị Xương mới đêm nằm nghe tiếng ếch bên tai mà nhớ lúc xưa, và giật mình còn ngỡ (tưởng) tiếng ai gọi đò... thì chưa thể kiểm chứng được.

Thôi thì cứ cho toàn bộ lời đồn ấy là thật và xem lại bài Sông Lấp của Tú Xương:

Sông xưa rày đã nên đồng

Chỗ làm nhà cửa chỗ trồng ngô khoai

Vắng nghe tiếng ếch bên tai

Giật mình còn tưởng *tiếng ai gọi đò*.

trong đó *tiếng ai gọi đò* (chữ nghiêng) ám chỉ tiếng ếch kêu làm hiệu của nghĩa quân để gọi đò qua sông. Bốn chữ *tiếng ai gọi đò* được viết nghiêng là để phân biệt với tiếng gọi đò bình thường của khách trong cuộc sống hàng ngày ở bên đò. Để người đọc có thể hiểu được cái ẩn ý ấy người làm thơ phải có một đoạn chú thích.

Nhưng có những bài thơ sử dụng phép ẩn dụ mà lại ở vào thể “tán thối lưỡng nan”, nghĩa là có hai đặc tính mâu thuẫn: bất khả chú thích và bất khả liên tưởng. Tác giả không thể chú thích rõ ràng để người đọc dễ hiểu, thường là vì ba lý do:

- 1/ An ninh: có thể bị tù tội, có khi mất đầu.*
- 2/ Tế nhị: không muốn công khai xúc phạm đối tượng của phép ẩn dụ; như thế sẽ sòng quá.*
- 3/ Kỹ thuật thơ: chú thích sẽ “bật mí” ẩn ý, sẽ giết chết phép ẩn dụ.*

Còn người đọc thì không thể dùng khả năng liên tưởng để hiểu ý được vì khoảng cách giữa tứ và ý quá xa, không thể bắc cầu.

Bài thơ Sông Lấp (nếu chấp nhận toàn bộ lời đồn là thật) ở vào trường hợp này.

Nhà thơ ở vào thế “bị triệt buộc”: bất khả chú thích, bất khả liên tưởng. Nếu chú thích sẽ vô hiệu hóa phép ẩn dụ; nếu không chú thích thì người đọc sẽ không thể lần ra ẩn ý của mình. Trường hợp chấp nhận hy sinh phép ẩn dụ để đi về hướng lời đồn, đưa đoạn chú thích vào bài bình thơ thì, bài thơ, dù vẫn còn nguyên 4 câu, 28 chữ (không thay đổi chữ nào) nhưng cấu tứ đã trở nên rời rạc, lỏng lẻo.

Hồn cốt của bài thơ hoàn toàn nằm trong tiếng ếch và tiếng gọi dò. Con sông còn đầy hay đã bị lấp cũng không quan trọng. Giả sử gia đình ông Tú dời nhà xa hẳn con sông Vị Hoàng. Con mưa đêm vừa tạnh; tiếng ếch kêu từ ruộng mạ nhà ai vọng lại; ông giật thót mình rồi cao hứng viết bài thơ. Lúc ấy chỉ tiếng ếch kêu cũng đủ gợi nhớ đến tiếng gọi dò của nghĩa quân. Hai câu đầu và cả cái tựa Sông Lấp của bài thơ cũng có thể vứt đi để thay bằng hai câu khác, cái tựa khác, mà vẫn không ảnh hưởng gì đến tứ thơ.

Mất đi phép ẩn dụ tài tình, mất đi tính chất đặc địa của câu chữ, Sông Lấp, với cách hiểu ấy, đã mất hẳn

bản sắc của nó, chắc không thể có chỗ đứng trang trọng trong lòng người yêu thơ như ngày hôm nay.

Để viết những bài bình thơ tác giả thường dựa vào văn bản, lịch sử, văn học sử, sự hiểu biết về thơ, kinh nghiệm làm thơ và một chút trực giác trong việc cảm nhận thơ ca của mình. Những giai thoại, những lời đồn trong làng thơ, theo tôi, chỉ nên được xem như những chiếc lá, những bông hoa trang điểm chứ không nên đưa vào làm thân, làm gốc cho một bài bình thơ.

Nhưng dù sao đi nữa cũng xin thành thật cảm ơn Lưu Na. “Mẫu viết ngắn” của Lưu Na đã làm bài viết của tôi tươi mát hơn. Tôi đã có dịp nhìn lại bài thơ Sông Lấp một lần nữa, kỹ càng hơn, cẩn trọng hơn. Và đã nhận ra rằng: “Lời đồn, dù có căn cứ, dù đầy tính thuyết phục, cũng chỉ là ...lời đồn.”

Chú thích:

- (1) Wikipedia.org
- (2) Thơ Việt Nam Thế Kỷ XX, Thơ Trữ Tình, NXB Giáo Dục, 2004 (tr.914)

Bài 6: AI HOÀI CỐ HƠN AI?

Khoảng cuối năm 2011, một người bạn văn chương ở trong nước gửi cho tôi 4 bài thơ kèm theo một câu hỏi như kiểu đánh đố: “Ai hoài cố hơn ai?” Tôi hiểu ý anh bạn, nhưng theo tôi, cách đặt vấn đề của anh không được chính xác lắm. Với một người thích đọc thơ và thỉnh thoảng cũng làm thơ như tôi, câu hỏi đó phải là: “Trong 4 bài thơ thể hiện tâm tình hoài cố, bài thơ nào hay hơn? Hoặc tài thơ của tác giả nào cao hơn?”

Đến khi tra cứu đề bình bài thơ Sông Lấp tôi lại đọc được bài Về Bài Thơ Sông Lấp Của Tú Xương (1) của Vũ Bình Lục, trong đó tác giả cho rằng: “... *Tú Xương và Nguyễn Khuyến, căn cốt vẫn là những nhà thơ trữ tình đặc sắc của dân tộc. Phải nói thêm là cả hai cụ, đều trữ tình ngay cả trong trào phúng và ngược lại. Riêng về thơ, về tài thơ thì tôi cũng muốn xếp cụ Tú Xương cao hơn một tí. Cụ Nguyễn Khuyến kinh điển hơn, uyên bác hơn, nhưng đó lại chính là chỗ gây khó cho nhà thơ nổi tiếng này.*”

Với tôi, thi sĩ, ngay cả trong cùng một loại thơ, như thơ trữ tình chẳng hạn, không phải lúc nào

cũng sáng tác đều tay như một cỗ máy sản xuất một món hàng công nghệ. Có khi cao hứng, chữ nghĩa, ý tứ từ trên trời rơi xuống, viết được bài thơ rất hay. Nhưng cũng có khi, bài thơ viết ra chỉ muốn vút vào sọt rác, hoặc giả đem trình làng, thì chỉ như viên sỏi vút xuống biển, chẳng thấy tăm hơi gì cả.

Có thi sĩ chỉ viết có vài bài mà nổi danh, nhưng cũng có người in hết tập này đến tập khác mà khi xưng tên thì chả ai biết ngài là ai cả. Bởi vậy, tôi không dám dùng phương cách đem “gia tài thơ” của cả hai thi sĩ đặt lên bàn cân rồi kết luận ai tài hơn ai. Công việc ấy không phải là không làm được, nhưng phải cần một ê-kíp những nhà phê bình văn học có tài, phải ra công tra cứu ngọn ngành, phân tích chi li, kỹ lưỡng, phải có óc tổng hợp, phải cân nhắc đủ chiều, đủ mặt. Mà dù có làm được việc ấy, kết luận đưa ra vẫn còn đầy tính chủ quan, còn gây nhiều tranh cãi.

Thôi thì “mèo bé bắt chuột con”, thỉnh thoảng tôi chỉ dám đem bài thơ này so sánh với bài thơ kia (nhưng chỉ giới hạn scope của việc so sánh vào một đặc điểm nào đó thôi). Theo tôi, nếu chọn hai bài thơ thuộc loại “những con tương cận”, nghĩa là có chung một đặc điểm nào đó (chung một đề tài, chung một thủ pháp nghệ thuật...) thì việc so sánh sẽ dễ hơn. Hồ Trường của Nguyễn Bá Trắc và Cảm Hoài của Đặng Dung là “những con tương cận” vì có chung một đề tài, một tâm sự; đó là hào khí của một sĩ phu

trước cảnh nước nhà nguy biến.

Dĩ nhiên, khi so sánh, có người coi trọng cách dùng chữ, có người coi trọng cái thâm trầm, sâu sắc, người khác lại thích cái hào sảng, phóng khoáng, hơi thơ nóng bỏng, dòng chảy cuộn cuộn như thác đổ. Và từ đó họ có sự đánh giá cao thấp khác nhau.

Trong tinh thần đó tôi thấy việc tìm câu trả lời cho câu hỏi của anh bạn về 4 bài thơ là khả thi, là tương đối dễ dàng. Bốn bài thơ đó là:

- 1) Nhớ Quy Nhơn của Vương Linh.
- 2) Thăng Long Thành Hoài Cổ của Bà Huyện Thanh Quan.
- 3) Ông Đồ của Vũ Đình Liên.
- 4) Sông Lấp của Tú Xương.

Hoài cổ là nhớ thương, tiếc nuối một thời đã qua. Như vậy, Nhớ Quy Nhơn, đúng ra, là tâm tình hoài hương chứ không hẳn là hoài cổ. Dĩ nhiên, trong hoài hương đã ẩn chứa hoài cổ (Nhớ Quy Nhơn là nhớ cả cái thời gian mình đã sống ở Quy Nhơn); tuy nhiên, ở đây khung trời quê hương mới chính là tâm điểm của bài thơ. Ba bài còn lại thì đúng là hoài cổ; nhớ thương, tiếc nuối đều xoáy vào “một thời đã mất”.

NHỚ QUY NHON (2)

Không đủ ban ngày để nhớ nhau
Tối nằm chộp mắt đã chiêm bao
Nửa đêm trở dậy hương rừng thoảng
Tương biển Quy Nhơn gió thổi vào.
(Vương Linh, 1921-1992)

Không rõ trước khi rời quê hương miền trung, tập kết ra bắc (1954), chàng thanh niên Lê Công Đạo (Vương Linh) có được đọc và học thơ Trần Tế Xương không, chứ đọc Nhớ Quy Nhơn của ông tôi thấy rất đậm mùi ... Sông Lấp. Tuy không sử dụng phép ẩn dụ, Nhớ Quy Nhơn cũng dùng cách bày tỏ, diễn tả chứ không kể lể, biện giải dài dòng (show, not tell), cũng ngữ cái này, tưởng cái kia. Riêng mức độ tài năng thì cao thấp rất rõ nét. Thôi thì cứ cho hoàn toàn là do tình cờ mà hai bài thơ có hơi hướm giống nhau, chỉ riêng thủ pháp “show, not tell” đã cho người đọc thấy rõ sự “không khéo” của Vương Linh. Trước hết, thay vì dùng hình ảnh khác để người đọc liên tưởng đến Quy Nhơn thì Vương Linh lại bí bách đến độ ôm hai chữ Quy Nhơn, rất vụng về, nhét vào câu thứ tư:

Tưởng biển Quy Nhơn gió thổi vào

rời cái tựa Nhớ Quy Nhơn của bài thơ thì lại “lạ ông tôi ở bụi này”, khiến cái phương cách “show, not tell” trở thành “half-show, half- tell”, nửa đời, nửa đoạn.

Nhớ Quy Nhơn được chọn đăng trong tập Thơ Việt

Nam Thế Kỷ XX, Thơ Trữ Tình và được Nguyễn Bùi Vội khá mạnh miệng ngợi khen. (2)

Với tôi, giá trị nghệ thuật của Nhớ Quy Nhơn chỉ ở mức trung bình. Không kể cái “tội” na ná vóc dáng của Sông Lấp, mà chỉ riêng cái thủ pháp “half-show, half-tell” nửa đờn, nửa đoạn cũng đủ xếp bài thơ ở cuối bảng trong số 4 bài thơ mà tôi được “yêu cầu” bình phẩm.

Với Nhớ Quy Nhơn của Vương Linh ở hạng tư, vị trí hạng ba sẽ dành cho Thăng Long Thành Hoài Cổ của Bà Huyện Thanh Quan. Lý do: TLTHC là một bài thơ Đường luật hay, ngôn ngữ sang cả, cảm xúc đạt dào nhưng có hai khuyết điểm mang tính thời đại là hình ảnh khuôn sáo và thể thơ gò bó. Còn Ông Đồ và Sông Lấp đều là tuyệt tác, đều có những “tuyệt chiêu” trong thơ ca. Việc chọn lựa vị trí hạng nhì và hạng nhất cũng làm tôi có một chút đắn đo, suy nghĩ. Sau đây là một vài điểm so sánh, cân nhắc:

- Cả hai đều áp dụng thủ pháp “show, not tell” thành công.
- Cả hai đều có phép ẩn dụ hoàn hảo, kín kẽ (không sơ hở); tuy nhiên, phép ẩn dụ của Sông Lấp tài tình hơn, sâu kín hơn.
- Tứ thơ của cả hai bài đều mạch lạc; cảm xúc, hình ảnh tuôn chảy theo một trình tự hợp lý.
- Trận địa chữ nghĩa của Ông Đồ lớn hơn, bề thế hơn; nhưng câu chữ, âm thanh, hình ảnh,

cảm xúc của Sông Lấp được xếp đặt, nối kết như một thể trận chặt chẽ hơn.

- Ông Đồ có “tuyệt chiêu” thơ hóa thân thành họa; Sông Lấp không có.
- “Tuyệt chiêu” thơ hóa thân thành họa của Ông Đồ không hoàn hảo; bức tranh thứ năm vẫn còm cộm chữ nghĩa.
- Sông Lấp không có hội chứng nhàm chán vãn; vị ngọt thơ ca của Ông Đồ hơi đậm.

Dựa vào những phân tích trên đây, tôi, với cái nhìn chủ quan của mình, chọn Sông Lấp vào vị trí hạng nhất. Như vậy, thứ tự (từ cao xuống thấp) của 4 bài như sau:

- 1) Sông Lấp.
- 2) Ông Đồ
- 3) Thăng Long Thành Hoài Cổ
- 4) Nhớ Quy Nhơn.

Nếu có ai trong số người đọc có cái nhìn khác, nhận định khác, cách xếp hạng khác xin e-mail cho tôi biết. Tôi sẽ thêm vào phần “ý kiến bạn đọc”.

Chú thích:

- (1) lethieunhon.com
- (2) Thơ Việt Nam Thế Kỷ XX, Thơ Trữ Tình, Nhà xuất bản Giáo Dục 2004, trang 418.
- (3) Xin xem thêm Đọc Thăng Long Thành Hoài Cổ Nghĩ Về Vị Trí Của Thơ Đường Luật
- (4) Xin xem thêm Ông Đồ: Những Bức Tranh Thơ.

Phần IV

**TỔNG BIỆT HÀNH:
LỜI BÌNH VÀ TRANH LUẬN**

Bài 1: TỔNG BIỆT HÀNH – KHEN CHÊ CHƯA ĐÚNG MỤC

Tổng Biệt Hành của Thâm Tâm được báo Tiểu Thuyết Thứ Bảy đăng năm 1940. Chỉ hơn một năm sau, nó đã được Hoài Thanh chọn đưa vào tuyển tập Thi Nhân Việt Nam với những lời nhận xét:

Thơ thất ngôn của ta bây giờ thực có khác thơ thất ngôn cổ phong. Nhưng trong bài dưới đây (Tổng biệt hành) lại thấy sống lại cái không khí riêng của nhiều bài thơ cổ. Điều thơ gấp, lời thơ gắt, câu thơ rắn rỏi, gân guốc, không mềm mại uyển chuyển như phần nhiều thơ bây giờ. Nhưng vẫn được chút băng khuâng khó hiểu của thời đại. (1)

TỔNG BIỆT HÀNH (2)

*Đưa người, ta không đưa qua sông
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thắm, không vàng vọt
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?*

*Đưa người ta chỉ đưa người ấy
Một già gia đình một dừng dừng...
Li khách! Li khách! Con đường nhỏ
Chỉ nhón chưa về bàn tay không
Thì không bao giờ nói trở lại!
Ba năm mẹ già cũng đừng mong*

*Ta biết người buồn chiều hôm trước
Bây giờ mùa hạ sen nở nốt
Một chị, hai chị cũng như sen
Khuyên nốt em trai dòng lệ sót*

*Ta biết người buồn sáng hôm nay:
Giờ chưa mùa thu, tươi lắm thay
Em nhỏ ngây thơ đôi mắt biếc
Gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay...*

*Người đi? Ừ nhỉ, người đi thực!
Mẹ thà coi như chiếc lá bay
Chị thà coi như là hạt bụi
Em thà coi như hơi rượu cay (3)*

Bài thơ không có phép ẩn dụ toàn bài nên tứ và ý giống nhau. Những bài viết khác đã giải thích và diễn dịch khá kỹ lưỡng nên ở đây tôi xin đi thẳng vào phân phân tích và nhận định nghệ thuật.

Bốn câu thơ mở đầu thật tuyệt.

*Đưa người ta không đưa qua sông
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thắm không vàng vọt
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?*

Mấy câu thơ hay quá! Tú thơ đẹp quá! Âm điệu mới lạ do phá cách trong luật bằng trắc lôi cuốn được sự chú ý của người đọc ngay từ giây phút đầu tiên. Hai câu đầu là tâm sự, cảm xúc của người đưa tiễn: không đưa người qua sông nhưng sao lòng ta nôn nao như sóng vỗ. Hai câu sau là tâm tình kẻ ra đi qua sự nhận xét tinh tế của người đưa tiễn: chỉ nhìn đôi mắt, ta cũng biết người buồn lắm vì trong đôi mắt ấy chứa cả bóng hoàng hôn. *Để tả cảnh tiễn biệt, chia ly, 4 câu thơ trên có thể hiện ngang độ sức về giá trị nghệ thuật với bất kỳ đoạn thơ nào, ngay cả của thơ ca đương đại, mà không hề nao núng.*

Âm điệu gân guốc, rắn rỏi.

Thơ Mới thời bấy giờ cổ vũ ý tưởng mới, ngôn ngữ mới, thể thơ mới, đề tài mới... nhưng vẫn tôn trọng một số âm luật cũ để giữ được âm điệu mềm mại, du dương trong thơ. Tổng biệt hành được cấu trúc bằng phương thức nghịch âm bất tuân những niêm luật vốn có của thể hành. Nó cũng chẳng tôn trọng âm luật của thơ mới. Có câu toàn thanh bằng: *Đưa người ta không đưa qua sông*; có câu có đến 4 thanh trắc liên tiếp: *Sao có tiếng sóng ở trong lòng?* Bởi

vậy âm điệu của nó *không uyển chuyển, du dương* như phần nhiều thơ thời bấy giờ, thay vào đó, *điệu thơ gấp, lời thơ gắt, câu thơ rắn rỏi gân guốc*. Đó là nét rất độc đáo của Tổng Biệt Hành. Nhờ đó, mới ra lò nó đã được sự chú tâm, ưu ái của Hoài Thanh.

Gọi được không khí hào hùng

H. Linh trong bài *Đền Vội Bài Thơ Hay: Tổng Biệt Hành Của Thâm Tâm*, đã viết:

Đề tài bài thơ là một trong hằng hà sa số những cuộc ly biệt được đưa vào “Thơ Mới” thời 1930 – 1945. Nhưng có lẽ trong văn học Việt Nam, trước và sau Thâm Tâm, không ai viết về chia ly đầy tính bi hùng, trữ tình và mãnh liệt đến như thế.

Không rõ “Tổng Biệt Hành” có gì “khó hiểu”? Nhưng rõ ràng khi đọc, tôi thấy thật “bâng khuâng”. Về trầm hùng, cổ kính của bài thơ cùng những hình ảnh “mong manh, ghê rợn, như những nhát dao xiết vào tâm hồn, tưởng là rất nhẹ hóa ra lại rất nặng” gây nên một ấn tượng thật mạnh và sâu đến người đọc. (4)

Còn Nguyễn Hưng Quốc nhận xét khách quan hơn, chính xác hơn:

Chị, em và người yêu lưu luyến thế ấy, chẳng lẽ lại đành tâm ra đi? Nhưng ly khách lại đi thật. Bóng đã xa, người đưa tiễn còn ngơ ngác đứng và hun hút

nhìn :

Người đi? ừ nhỉ, người đi thực

Mẹ thà coi như chiếc lá bay

Chị thà coi như là hạt bụi

Em thà coi như hơi rượu say

*... li khách tuy ngậm ngùi nhưng nét chính vẫn là sự
nghênh ngang, hào sảng. Thấp thoáng chút hùng khí
đời xưa. Phảng phất hình ảnh Kinh Kha ngày trước.
Rất đẹp. Biết là cường điệu mà vẫn thấy đẹp. (5)*

Có lẽ ưu điểm lớn nhất, thành công lớn nhất của Tổng Biệt Hành là gọi lại được cái cảnh tượng bi tráng của cuộc đưa tiễn Kinh Kha qua sông Dịch. Cái thần tình của Thâm Tâm là ông không nhắc gì đến Thái Tử Đan, Kinh Kha, Tần Thủy Hoàng, không nhắc gì đến con sông Dịch; ông chỉ gián tiếp, bóng gió rất xa xôi, bằng việc chọn thể hành cổ kính, đề tài tổng biệt quen thuộc, chất liệu thơ xưa cũ, và chỉ có thể cũng đã đủ khiến người đọc không thể không cảm thấy như chính mình đang hít thở cái không khí trầm hùng của cuộc chia ly ấy.

Ngôn ngữ thơ trong Tổng Biệt Hành

Theo Chu Mộng Long thì:

Bài thơ (Tổng Biệt Hành) phục sinh một cách toàn diện những gì tưởng chừng đã bị khai tử: thể hành

cổ kính, đề tài tổng biệt với người ra đi – li khách xưa cũ, kể cả chất liệu thơ: sông, sóng, bóng chiều, hoàng hôn, sen, lệ, mùa thu, lá bay, hạt bụi, hơi rượu say quen thuộc đến mức đã mòn về nghĩa... (6) với ý nhại cổ (giễu nhại : parody)

Theo tôi, Thâm Tâm không phục cổ hoặc nhại cổ mà chỉ gọi cổ.

Chỉ với những từ sông, sóng, bóng chiều, hoàng hôn rất cũ, rất xưa, Thâm Tâm đã tạo nên 4 câu thơ tuyệt vời:

*Đưa người ta không đưa qua sông
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thắm không vàng vọt
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?*

Và cũng với chất liệu thơ cũ mòn cộng với thể hành cổ kính và đề tài tổng biệt quen thuộc đã góp phần rất quan trọng vào việc gọi lại không khí trầm hùng, bi tráng trong bài thơ.

Nhưng cũng với những từ cũ như: sen, lệ, mùa thu, mắt biếc, chiếc khăn tay, ông đã viết nên 2 đoạn thơ:

*Ta biết người buồn chiều hôm trước
Bây giờ mùa hạ sen nở nốt
Một chị, hai chị cũng như sen
Khuyên nốt em trai dòng lệ sót*

*Ta biết người buồn sáng hôm nay:
Giời chưa mùa thu, tươi lắm thay
Em nhỏ ngây thơ đôi mắt biếc
Gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay...*

không những tầm thường mà lại còn hơi “sến” nữa.

Cho nên nếu thi sĩ khám phá được thể thơ mới, đề tài mới, chất liệu thơ mới thì, dĩ nhiên, rất đáng hoan nghênh. Tuy nhiên, những thứ “mới” ấy chỉ thực sự có giá trị khi nhờ chúng thi sĩ đưa được những câu thơ mới, hình tượng mới, trong đó chứa đầy cảm xúc mới của mình, vào thơ. (7) Nhưng dù thế nào đi nữa cũng không nên coi thường thứ ngôn ngữ, chất liệu thơ xưa cũ hoặc giản dị. Nếu bài thơ vừa mới vừa hay vừa đẹp thì sẽ được đọc giả nồng nhiệt đón chào, ngả mũ bái phục; còn nếu chỉ có mới không thôi thì nó cũng sẽ sớm đi vào quên lãng như hàng hà sa số những bài thơ dở khác.

Đoán tâm trạng của người khác

*Nước trong, cá tung tăng, cá vui đấy.
Anh không là cá sao anh biết cá vui?
Anh không là tôi sao anh biết tôi không biết cá vui?*

Trên đây là mẫu đối thoại của hai triết gia Trung Hoa (tôi quên tên) ý muốn nói rằng “không thể biết

được những suy nghĩ, tâm trạng của người khác”. Theo tôi, nếu có óc quan sát tinh tế, thì trong khá nhiều hoàn cảnh, người ta có thể nhận biết được đối tượng (được quan sát) đang vui, buồn hay đứng đưng, vô cảm. Nhưng nếu muốn đặc tả tâm trạng, muốn đi vào chi tiết của niềm vui, nỗi buồn thì duy nhất chỉ có người trong cuộc. Đó là lý do thi sĩ thường viết ở ngôi thứ nhất.

Trong Tổng Biệt Hành, tác giả có đến 5 trường hợp đoán tâm trạng người khác.

1. *“Bóng chiều không thắm, không vàng vọt
Sao đây hoàng hôn trong mắt trong”*

Nhìn đôi mắt “đầy hoàng hôn” của bạn tôi đoán là bạn đang buồn. Điều này có thể chấp nhận được. Đôi mắt là cửa sổ linh hồn, vui buồn thể hiện lên đôi mắt.

2. *“Một già gia đình một đứng đưng”*

Nhìn khuôn mặt vô cảm của bạn tôi biết bạn đứng đưng trước cuộc chia ly.

3. *Ta biết người buồn chiều hôm trước
Bây giờ mùa hạ sen nở nốt
Một chị, hai chị cũng như sen
Khuyên nốt em trai dòng lệ sót*

4. *Ta biết người buồn sáng hôm nay:*

Giời chưa mùa thu, tươi lắm thay

Em nhỏ ngây thơ đôi mắt biếc

Gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay...

Nhìn cảnh bịn rịn, quyến luyến của chị, của em với bạn, tôi đoán bạn rất buồn khi chia ly.

5. Ba câu cuối của bài thơ

Ở 4 trường hợp đầu tác giả đã sử dụng khả năng quan sát tinh tế của mình để cảm nhận nỗi buồn (hoặc dừng dưng) của ly khách. Có lẽ ông đã áp dụng kinh nghiệm của các cụ ngày xưa qua câu ca dao:

Trông mặt mà bắt hình dong

Con lợn có béo bộ lông mới ngon.

Điều này có thể tạm chấp nhận được, vì đó chỉ là nỗi buồn chung chung, không đặc tả, không có chiều sâu. Tuy nhiên, sử dụng phương pháp này trong thơ thì hơi bị... thất cách, sức thuyết phục đối với độc giả rất yếu. Bởi tục ngữ cũng có câu “xanh vỏ đỏ lòng”; nhìn bề ngoài mà “bắt mạch tâm trạng” thì rất dễ bị “bé cái lăm”. Còn riêng trường hợp thứ 5 thì phải nói là “vô phương bào chữa”. Đoán tâm trạng người khác mà thi sĩ dám viết chi li đến độ:

*Mẹ thì coi như chiếc lá bay
Chị thì coi như là hạt bụi
Em thì coi như hơi rượu cay...*

thì quả là “liều” hết chỗ nói.

Dẫu biết rằng trong thực tế thì tâm trạng của kẻ ra đi hay người đưa tiễn cũng đều là của Thâm Tâm, nhưng đã lập trận địa chữ nghĩa, phân công phân nhiệm tướng sĩ, thì vai nào phải ra vai đó; người phạm mất mặt mà cứ như là Tiên, Thánh, đọc tâm ý người đối diện vanh vách như đọc tờ báo trước mặt thì coi sao được. Theo tôi, đây là khuyết điểm lớn, làm giảm sức thuyết phục của bài thơ.

Phú quý giật lùi

Đọc bài thơ Tổng Biệt Hành chắc không ít độc giả có nhận xét giống tôi. Đoạn đầu hay quá, tuyệt quá, để lại hương vị thật ngọt ngào, sáng khoái. Nhưng đến những đoạn sau, đoạn thì cường điệu, giả tạo, đoạn thì tầm thường, nhạt nhẽo. Đoạn cuối thì cảm xúc dâng trào, hào khí bốc cao nhưng đó chỉ là cảm xúc, hào khí kiểu quân tử Tàu, vừa khinh bạc, vừa vô tình, hơn nữa, chỉ là sản phẩm từ sự võ đoán của người đưa tiễn.

Tôi đã có một đôi lần, vào các dịp lễ tết, xem văn nghệ tại các chùa, nhà thờ gần nhà. Vài Phật tử, con

cái Chúa là ca sĩ chuyên nghiệp, từ Cali bay sang hát “sô”, nhân tiện ghé vào chùa, nhà thờ hát ủng hộ mấy bài. Họ yêu cầu được xếp hát ở đầu chương trình để còn “chạy” chỗ khác. Thế là chương trình văn nghệ có vài tiết mục đầu hấp dẫn, còn sau đó là “cây nhà lá vườn”. Tôi không có ý phủ nhận thiện chí, tinh thần phục vụ của các em trong Gia Đình Phật Tử, Thiếu Nhi Thánh Thể, nhưng rõ ràng cái không khí hào hứng của chương trình văn nghệ, sau mấy tiết mục đầu, đã giảm đi, đã nhạt đi rất nhiều.

Cũng tương tự như vậy, các vị khách mời trong buổi tiệc thơ Tổng Biệt Hành, nếu không bị hơi men làm mờ mắt, sẽ thấy phẩm chất của rượu thì “phú quý giạt lùì”, càng về sau càng kém ngon, càng về sau càng “dởm”. Đây cũng là một lỗi không nhỏ của thi sĩ trong việc dàn trải ý tứ.

Những lời khen + Những lời tán dương quá lớ

Trong thời gian tra cứu để viết bài này tôi thấy một điều rất lạ là hàng mấy chục bài viết liên quan đến Tổng Biệt Hành, bài nào cũng vậy, đều hết mực ngợi khen. Tay viết nào già giặn thì lời khen văn hoa bay bướm, kém hơn thì sao chép nguyên ý của các bậc lão thành, đàn anh, chỉ đổi sơ lời văn, giọng văn cho nó thành của mình. Đặc biệt trong trang mạng của các trường đại học, trung học thì các bài bình Tổng Biệt Hành đều rập khuôn, đều ca tụng đến tận

trời xanh.

Sau đây là một lời khen “hoi mạnh miệng”:

*Khi sáng tác “Tổng biệt hành”(1940) có lẽ Thâm Tâm cũng không ngờ rằng bài thơ của mình sẽ để lại nhiều ấn số cho hậu thế. Cuộc đời của ông ngắn ngủi. Tác phẩm ông để lại không nhiều. Nhưng chỉ với một “Tổng biệt hành”, ông đã được lưu danh vào lịch sử văn học nước nhà. “Tổng biệt hành” không chỉ là một trong **những bài thơ hay nhất của phong trào Thơ Mới mà còn xứng đáng là một kiệt tác của thơ Việt Nam hiện đại.** (12)*

Và kế tiếp là thí dụ về một “vẻ đẹp tượng tượng” của một nhà phê bình văn học có vai vế, có học vị, Thạc Sĩ Hồ Thúy Ngọc:

*Kế thừa nhưng không lặp lại, Thâm Tâm đã tạo nên sức sống diệu kỳ cho Tổng biệt hành. Đặc biệt, sự kế thừa, sáng tạo trong cấu tứ thơ Đường giúp tác giả thể hiện sâu sắc một cái nhìn đa chiều về “vẻ đẹp con người cao cả trong toàn bộ sự biểu hiện chân thật của nhân tính, **đầy tình thần nhân đạo**”(13)*

Nhưng Chu Mộng Long lại nghĩ khác. Theo ông, trong Tổng Biệt Hành:

Kẻ ra đi chỉ có hành động mà không có nội tâm: một gia đình, một dừng dừng; chỉ có lí tưởng mà

coi thường tình cảm: Chí nhón chưa về bàn tay không; *đề cao lý tưởng mà quên tình ruột thịt:* Thì không bao giờ nói trở lại!/ Ba năm mẹ già cũng đừng mong. (14)

Và vô tình nhất, theo tôi, có lẽ là 3 câu cuối của bài thơ

Mẹ thì coi như chiếc lá bay
Chị thì coi như là hạt bụi
Em thì coi như hơi rượu cay...

Vì chí lớn, vì nghiệp lớn, vì lý tưởng, vì đại nghĩa, vì quê hương đất nước ra đi, thân này kể bỏ; những người thân yêu ruột thịt cũng coi như không, nói chi đến bạn bè. Ngay cả người gần gũi nhất là bà mẹ đã ban da xé thịt cho mình được chào đời, cũng chỉ xem như là chiếc lá bay. Cạn một ly rượu để hơi men bùng lên đôi mắt. Lúc ấy trên vai là gói hành trang, đầu đó vọng lại tiếng gọi của bạn bè đồng trang lứa, và trước cổng nhà là con đường rộng mở dẫn đến tương lai. Mạnh bước ra đi. Khác gì Kinh Kha, theo lời ủy thác của Thái Tử Đan qua sông Dịch thực hiện một sứ mạng trọng đại cứu muôn vạn dân lành. Ôi hiên ngang quá! Hào hùng quá! Lãng mạn quá! Nhưng nghe sao cũng vô cùng khinh bạc, thiếu tình người, nếu không muốn nói là vô nhân đạo.

Tôi không cô vũ cho việc chạy chọt để lánh né chiến trường, an thân ở hậu phương lúc nước nhà nguy biến, nhưng cái thái độ vô tình, coi nhẹ gia đình, coi nhẹ những người thân yêu ruột thịt, như li khách, thật khó mà đồng cảm.

Chúng ta hãy nghe Yên Thao bày tỏ tâm sự lúc chia tay người vợ đầu gối, tay ấp của mình:

*Tôi có người vợ
trẻ đẹp như thơ
tuổi chớm đôi mươi, cưới buổi dâng cờ
má trắng mịn thơm thơm mùi lúa chín
ai ra đi mà không từng bịn rịn?
rời yêu thương nào đã mấy ai vui?
em nhìn tôi e ấp buổi chia phôi
tôi dấn bước mà nghe hồn nhỏ lệ. (15)*
(Nhà Tôi, Yên Thao)

Đó mới là có chút tình người; đó mới tạm gọi là có hơi hám của nhân bản, nhân đạo. Người lính chiến trong Yên Thao vẫn chấp nhận ra đi làm nghĩa vụ của mình, nghĩa vụ của trai thời loạn, nhưng là con người, trái tim không phải là sỏi đá, nên khi “dấn bước” lên đường đã đau thương đến độ “nghe hồn nhỏ lệ”. Còn như Thâm Tâm:

*Mẹ thà coi như chiếc lá bay
Chị thà coi như là hạt bụi*

Em thà coi như hơi rượu cay...

thì quả là quá cứng cỏi, quá lạnh lùng và quá vô tình.

Thạc Sĩ Hồ Thúy Ngọc trích lời Trần Đình Sử cho là “*sự biểu hiện chân thật của nhân tính, đầy tinh thần nhân đạo*” thì quả là có óc tưởng tượng cực kỳ phong phú.

Vài Lý Do

Tổng Biệt Hành là bài thơ hay, nổi tiếng, được rất nhiều người biết đến và yêu mến. Có điều mức độ nổi tiếng của nó lại không tương xứng với giá trị nghệ thuật, có thể nói, đã vượt khá xa giá trị nghệ thuật. Sau đây là một vài lý do:

1. Tổng Biệt Hành khơi lại được cái hào khí của Kinh Kha – vì chí nhón, vì đại cuộc, sẵn sàng liều mình ra đi – đúng vào thời điểm tuổi trẻ VN nô nức lên đường chống Pháp, và sau đó “chống nhau” (miền nam thì chống cộng, miền bắc thì đánh miền nam để thống nhất đất nước dưới chế độ cộng sản) nên được chính quyền miền bắc, và sau đó là miền nam, giúp sức phổ biến vì lý do chính trị.
2. Tổng Biệt Hành lọt vào mắt xanh của Hoài Thanh – một cây bút bình thơ sắc sảo, uy tín vào hạng nhất thời bấy giờ – và được ưu ái giới thiệu trong Thi Nhân Việt Nam. Các bài viết về Tổng Biệt Hành sau

này, vì uy tín của Hoài Thanh và Thi Nhân Việt Nam, không tiếc lời ca ngợi bài thơ, nhiều khi bịa ra “những cái đẹp tưởng tượng” để tán dương.

3. Tổng Biệt Hành được đưa vào chương trình giảng dạy văn học; dựa vào mấy bài mẫu của ngành giáo dục, sinh viên học sinh cứ thế mà “tụng”, mà khen bài thơ đến tận trời xanh.

4. Những người có ý kiến khác biệt cũng không dám bày tỏ vì đang sống và chịu ảnh hưởng của một môi trường văn học chưa được tự do; viết khác đi dễ bị đê ý, trù dập.

Như vậy, Tổng Biệt Hành được rất đông đảo người đọc biết đến, khen hay, rồi yêu thích, dĩ nhiên, một phần là vì giá trị nghệ thuật của nó, nhưng cũng còn vì những “cái khác” (rất ngoài thơ) nữa. Khi rũ sạch hết những “cái khác” ấy, Tổng Biệt Hành sẽ trần trụi hiện ra, không xiêm y lụa là của thời đại; bên cạnh những nét đẹp độc đáo cũng còn không ít những khuyết điểm khá quan trọng liên quan đến cả ý tưởng và kỹ thuật thơ.

Khi được thả hồn mình đắm chìm trong không khí trầm hùng bi tráng của cuộc chia tay lịch sử trên sông Dịch, người đọc dù nhận ra những “bất ổn” trong bài thơ, cũng cố lờ đi, để nghe trái tim mình đập nhanh hơn, để thấy hào khí bốc lên ngút trời, vì chí nhớn mà nhảy vào biển lửa cũng không một giây do dự.

Tôi, với cái nhìn chủ quan của mình, đã cố công phân tích, bình phẩm bài thơ Tổng Biệt Hành. Trước hết, để đưa nó về vị trí tương xứng với giá trị nghệ thuật của nó. Sau nữa, nếu có quý vị nào làm công tác phê bình văn học, có tầm nhìn rộng hơn, muốn đánh giá bài thơ trong một khung cảnh rộng lớn hơn, trong một giai đoạn lịch sử dài hơn, thì bài viết này xin được đóng vai trò một lời góp ý nho nhỏ trong kho tư liệu của quý vị.

KẾT LUẬN

Khi biết tôi có ý định viết về Tổng Biệt Hành, một anh bạn bắc kỳ 54, cũng thuộc giới cầm bút, đã nhắc nhở:

“Bài Tổng Biệt Hành của Thâm Tâm có một sức hút rất lớn đến hai thế hệ chiến tranh của Việt Nam (thế hệ đàn anh của mình và thế hệ của tôi và anh). Đơn giản: chúng diễn tả và đáp ứng đúng tâm trạng những người trai vừa lớn lên phải đối mặt với chiến tranh (chiến tranh chống Pháp, chiến tranh chống Cộng). Nhưng với các thế hệ đàn em, sức hút của bài thơ không lớn, nếu có chẳng chỉ là tầm vóc nghệ thuật mà bài thơ ấy có được. Vì thế, khi viết về bài thơ này, phải hết sức cẩn trọng (trong lời chê). Người đọc (thế hệ chúng ta) mang tâm trạng như

đọc về quá khứ của mình, trong đó chỗ đứng của bài thơ này chiếm vị trí rất trang trọng.”

Trước tiên, tôi sẽ nghe lời khuyên của anh – “hết sức cẩn trọng” trong phần viết về khuyết điểm của bài thơ. Tôi cũng đồng ý với anh là thế hệ kế tiếp của anh và tôi – không bị ảnh hưởng bởi cái sức hút vô hình kia – sẽ có được cái nhìn chính xác hơn về giá trị của bài thơ. Nhưng khi nhìn qua cửa sổ, thấy những chiếc xe bus vàng đón trẻ con đi học, tôi chợt nhớ mình đang sống trên nước Mỹ tự do. Trước những trào lưu văn học mới, Thi Nhân Việt Nam (Hoài Thanh) cũng không còn là “khuôn vàng thước ngọc” (ít nhất đối với tôi), và ở cái tuổi trên 6 bó của cuộc đời, hào khí của Kinh Kha cũng không đủ sức mê hoặc tôi đến mức khi đọc Tống Biệt Hành có thể quên đi công việc của mình đang làm là thẩm định giá trị nghệ thuật của bài thơ.

Như vậy, công việc ấy tại sao cứ phải chờ đến thế hệ sau, anh nhỉ?

Chú Thích:

(1) Thi Nhân Tiền Chiến, Hoài Thanh & Hoài Chân, NXB Văn Học, 1988, tr.281

(2) Nhận Diện Chân Dung Nhà Văn, Lý Hồng Xuân, Văn Nghệ, 2000, tr. 261

(3) Nhiều bản khác viết là say. Khi trích tôi giữ nguyên bản chính.

(4) Đến Với Bài Thơ Hay: Tổng Biệt Hành Của Thâm Tâm, H. Linh, thuonghylenien.com

(5) Tứ Thơ, Nguyễn Hưng Quốc, Tìm Hiểu Nghệ Thuật Thơ Việt Nam, Quê Mẹ xuất bản tại Paris, 1988

(6), (7), (14) Phục Cổ Hay Nhại Cổ? Trường Hợp Tổng Biệt Hành, chumonglong.wordpress.com. Ông Chu Mộng Long, hiện đang giảng dạy tại Đại Học Quy Nhơn, cho biết bài viết đã được đăng trên Tạp Chí Thơ, Hội Nhà Văn, 06/2008.

Về điểm này tôi có viết một đoạn thơ vui như sau:

Thái Tử Charles ôm Công Nương Diana

trên chiếc giường nệm êm ái

Chí Phèo chẳng cần giường

mà đè Thị Nở ngay bên góc chuôi

nếu chỉ dựa vào độ “hiện đại” của chiếc giường

để đoán cô gái nào sướng hơn

có khi bạn làm to

(Lâm To, Phạm Đức Nhì)

(8), (9), (10), (11) Nhận Diện CDNV, Lý Hồng

Xuân, Văn Nghệ, 2000, tr. 261

(12) Hoàng Trọng Hà, Vài Suy Nghĩ Về Bài Thơ Tổng Biệt Hành, baolamdong.vn

(13) Vẻ Đẹp Cổ Điển Và Hiện Đại Trong Tổng Biệt Hành Của TT, Thạc Sĩ Hồ Thúy Ngọc (Trích lời Trần Đình Sử), htu.edu.vn/khoa-su-pham-xa-hoi-nhan-van

(15) Đoạn thơ trên được lưu truyền trong các sinh hoạt văn học, văn hóa, văn nghệ ở miền nam; tôi thuộc lòng vì thường hay diễn ngâm trong các buổi nghệ. Còn đoạn dưới đây được trích trong sách báo dòng chính ở miền bắc.

Tôi có người vợ trẻ

đẹp như thơ

tuổi chớm đôi mươi, cưới buổi dâng cờ

má trắng mịn thơm thơm mùa lúa chín

ai ra đi mà không từng bịn rịn?

rời yêu thương nào đã mấy ai vui?

em lặng buồn nhìn với lúc chia phôi

*tôi **mạnh bước** mà nghe hồn nhỏ lẻ.*

(Thơ VN/Thế Kỷ XX/Thơ Trữ Tình/NXB Giáo

Dục/2004)

Mạnh bước có vẻ không ăn khớp lắm với **nghe hồn nhỏ lẻ**. **Dần bước** nghe hợp hơn và hay hơn nhiều.

ĐỌC “TỔNG BIỆT HÀNH” THƠ THÂM TÂM

TỔNG BIỆT HÀNH

Đưa người, ta không đưa qua sông
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thắm, không vàng vọt
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?

Đưa người ta chỉ đưa người ấy
Một già gia đình một dừng dừng...
Li khách! Li khách! Con đường nhỏ
Chí nhón chưa về bàn tay không
Thì không bao giờ nói trở lại!
Ba năm mẹ già cũng đừng mong

Ta biết người buồn chiều hôm trước
Bây giờ mùa hạ sen nở nốt
Một chị, hai chị cũng như sen
Khuyên nốt em trai dòng lệ sót

Ta biết người buồn sáng hôm nay:
Giời chưa mùa thu, tươi lắm thay
Em nhỏ ngây thơ đôi mắt biếc
Gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay...

Người đi? Ừ nhi, người đi thực!
Mẹ thà coi như chiếc lá bay
Chị thà coi như là hạt bụi
Em thà coi như hơi rượu cay ./.
Thâm Tâm

Lời Bình: Châu Thạch

Bài thơ “Tống Biệt Hành” được nhà thơ Thâm Tâm sáng tác vào khoảng năm 1940. Kể từ khi ra đời đến nay đã trên 75 năm bài thơ luôn luôn được yêu thích và đã được đưa vào sách giáo khoa của học đường. Hành là một thể thơ cổ, thường được sử dụng để diễn tả một tâm trạng bi phẫn, bi hùng. Bài thơ “Tống Biệt Hành” của Thanh Tâm có hai nhân vật, người đưa tiễn và người ra đi. Tâm trạng của người ra đi được biểu hiện qua lời của người đưa tiễn và ngược lại, tâm trạng của người đưa tiễn cũng là tình cảm của người ra đi.

Vào đề với bốn câu thơ, tác giả đã cho ta nghe sự va đập dồn dập của nhiều âm thanh:

Đưa người, ta không đưa qua sông
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thắm, không vàng vọt
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?

Về thơ có nhiều chữ “không” và lạ thay, nội chứa trong chữ “không” đó nảy sinh chữ “có”: Không sông thì lại có tiếng sóng, không thăm thì có mắt trong, không vàng vọt thì có hoàng hôn. “Không” và “có” là hai từ đối lập nhau, lại hoà hợp trong về thơ này, tạo thành âm thanh biểu hiện nổi âm ức trong lòng. Đọc về thơ ta thấy ngay nhiều nghịch lý xảy ra giữa cảnh và người đưa tiễn cũng như người ra đi. “Đưa người, ta không đưa qua sông/ Sao có tiếng sóng ở trong lòng?” là nghịch lý xảy ra đối với người đưa tiễn, và “Bóng chiều không thăm, không vàng vọt/ Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?” là nghịch lý xảy ra đối với người ra đi. Khung cảnh bên ngoài đối chọi với tình cảm trong lòng là một nghệ thuật điêu luyện trong sáng tác. Tác giả dùng phương pháp “tả khách hình chủ” nghĩa là mượn cái này để làm nổi bật cái kia giống như Nguyễn Du đã dùng cái đẹp của Thuý Vân để gần cái đẹp của Thuý Kiều, làm cho Thuý Kiều nổi bật thêm lên. Ở đây Thâm Tâm đã dùng hai sự kiện “không” và “có”, mục đích dùng cái không của không gian để làm nổi cộm lên cái có trong tâm hồn. Cái có ở đây là nỗi buồn ly biệt.

Qua về thứ hai của bài thơ:

Đưa người, ta chỉ đưa người ấy
Một già gia đình một đứng dung...
Li khách! Li khách! Con đường nhỏ
Chí lớn chưa về bàn tay không

Thì không bao giờ nói trở lại!
Ba năm mẹ già cũng đừng mong

Đoạn này ý nói người ra đi sẽ không quay về khi chí lớn chưa thành, dầu mẹ có chết ba năm sau ngày giáp cử cũng không về để tang mẹ được. Những câu thơ ở về thơ này thật răn rỏi nêu lên sự quyết tâm của người ra đi vì chí lớn. Lời thơ như hịch xuất quân, như lời thề non nước.
Qua hai vế thơ kể tiếp như sau:

Ta biết người buồn chiều hôm trước
Bây giờ mùa hạ sen nở nốt
Một chị, hai chị cũng như sen
Khuyên nốt em trai dòng lệ sót

Ta biết người buồn sáng hôm nay:
Giời chưa mùa thu, tươi lắm thay
Em nhỏ ngây thơ đôi mắt biếc
Gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay...

Đoạn này có tác giả bình thơ nhận xét rằng “Không những tâm thường mà còn hơi “sến” nữa”. Thật ra nhà thơ Thâm Tâm rất rành tâm lý. Ở hai vế thơ trên biểu hiện niềm đau quặn thắt trong lòng người đưa tiễn, sự xúc động đã dâng lên cao độ khi thốt lên tiếng kêu đau thương “Li khách! li khách!”. Qua hai vế thơ này lời thơ trở nên kể lể vì niềm đau đã được nén xuống, hơi thở nhẹ đi, con

tim bình tĩnh lại. Nỗi đau không còn là ngọn lửa bùng lên nữa mà bây giờ nó là ngọn lửa âm ỉ đốt cháy trong lòng. Lời thơ kể lể ở đây không phải là “tầm thường”, không phải là “sến” mà nó là dàn nhạc trầm lắng da diết, sau khúc nhạc gầm thét diễn tả nỗi đau trong lòng nhân vật.

Vế chót của bài thơ như sau:

Người đi: ? Ừ nhỉ, người đi thực!
Mẹ thà coi như chiếc lá bay
Chị thà coi như là hạt bụi
Em thà coi như ly rượu cay

Có người cho rằng vế thơ này “Quá cứng cỏi, lạnh lùng và vô tình”. Thật ra đây là một vế thơ rất hay, nó cho thấy bút pháp tài hoa của tác giả. Những điều mà người ra đi phủ nhận trong vế thơ này chính là những điều mà người ra đi canh cánh bên lòng. Chữ “thà” ở đây không có nghĩa là “xem như không có” mà chữ “thà” ở đây có nghĩa là “không bỏ đi được”.

Nếu người ra đi ngày ấy xem mẹ như lá, chị như bụi và em như ly rượu cay thì người đó không đáng để đưa vào thơ. Ta hãy đọc một đoạn thơ có chữ “thà” trong bài “Khúc Tình Buồn” của Nguyễn Tất Nhiên để hiểu thêm về chữ “thà” của Thâm Tâm: “Người từ trăm năm/ về qua sông rộng/ ta ngoắc mòn tay/

trùng trùng gió lộng/ thà như giọt mưa/ vỡ trên
tượng đá/ thà như giọt mưa/ khô trên tượng đá/ có
còn hơn không...”. Ta thấy rằng, khi người yêu qua
sông, Nguyễn Tất Nhiên ngoắc mòn tay gọi người
yêu trong vô vọng.

Lúc đó nhà thơ càng dùng chữ “thà” thì càng đau
đớn gấp bội. Tình yêu lúc đó càng mãnh liệt đến nỗi
nhà thơ muốn “Thà như giọt mưa” thì vẫn còn có để
đến với em hơn là không chi hết. “Thà” của Nguyễn
tất Nhiên và Thâm Tâm là từ ngữ đã vượt ra ngoài
nghĩa của cái chữ thường tình. Nó khẳng định một
tình yêu mãnh liệt với người yêu trong thơ Nguyễn
Tất Nhiên và nó cũng khẳng định một tình yêu mãnh
liệt với mẹ, với chị, với em trong thơ Thâm Tâm.

**Gần đây có ý kiến cho rằng “Mức độ nổi tiếng
của Tống Biệt Hành không tương xứng với giá trị
nghệ thuật của nó vì các lý do sau:**

**- Được Hoài Thanh là nhà phê bình danh tiếng
ưu ái giới thiệu trong Thi Nhân Việt Nam. Do đó
người sau vì uy tín của Hoài Thanh và Thi Nhân
Việt nam cứ thế ca ngợi, tán dương theo.**

**- Được cả chính quyền miền Bắc và miền Nam
Việt Nam cần người lên đường phục vụ cho chế
độ nên giúp sức phổ biến vì lý do chính trị.**

- Được đưa vào nhà trường giảng dạy nên thầy giáo, học sinh cứ tán tụng, không dám bày tỏ ý kiến đối nghịch vì sợ bị trù dập.”

Nhận xét như thế tôi cho là quá bất công với Tổng Biệt Hành vì:

Hoài Thanh không ưu ái với nhà thơ Thâm Tâm mà Hoài Thanh chọn Tổng Biệt Hành để đưa vào Thi Nhân Việt Nam với sự công tâm đánh giá nghệ thuật như bao bài thơ của các tác giả khác thời bấy giờ. Uy tín của Hoài Thanh đủ khẳng định cho Tổng Biệt hành có giá trị nghệ thuật cao. Truyện Kiều của Nguyễn Du mà còn có người dám chỉnh sửa lại thì Tổng Biệt Hành là cái gì mà 75 năm qua mọi người nhắm mắt tán tụng nó theo Hoài Thanh. Điều đó không thể nếu tự Tổng Biệt Hành không có giá trị ngang tầm với danh của nó.

- Chỉnh quyền miền Bắc và miền Nam trước 1975 có hàng vạn bài thơ phục vụ cho chế độ mình trực tiếp và cụ thể, đâu cần chi một bài thơ Tổng Biệt Hành nói về một sự ra đi vu vơ không mục đích rõ ràng.

- Bài thơ được đưa vào nhà trường tức là được chọn lọc. Thêm một lần nữa khẳng định giá trị nghệ thuật cao của bài thơ. Nhiều năm qua kể từ khi bài thơ được giảng dạy đến nay, không có dư luận nào chê

trách việc giảng dạy Tổng Biệt Hành. Điều đó chứng tỏ giá trị nghệ thuật của Tổng Biệt Hành được đánh giá đúng nên không có sự phản hồi, phản bác, đối nghịch trong công luận.

Thật ra với thời gian 75 năm, kinh nghiệm cho ta thấy có nhiều tác phẩm hời hợt, được vinh danh gượng ép vì một lý do nào đó đã lần lượt mai một hết với thời gian rồi. Riêng Tổng Biệt Hành của Thâm Tâm, nó vẫn còn sống thắm tươi trên diễn đàn văn học và trong lòng nhiều thế hệ. Nó không chết đâu, và mức độ nổi tiếng của nó rất tương xứng với giá trị nghệ thuật của chính nó vì Tổng Biệt Hành là khúc ca tiền biệt rất hay mà tiền biệt thì ở thời đại nào cũng có xảy ra ./.

Châu Thạch

Chú Thích: Những đoạn in đậm là Châu Thạch trích của PĐN. PĐN xin phép Châu Thạch cho in đậm để độc giả dễ theo dõi.

LẠI BÀN VỀ TỔNG BIỆT HÀNH

(Trao đổi với nhà văn Châu Thạch)

Cách đây không lâu anh Nguyễn Khắc Phước có thư riêng mời tôi cộng tác với trang web Văn Nghệ Quảng Trị, một trang thuần túy văn học nghệ thuật. Trước khi nhận lời mời tôi có bỏ ra vài buổi dạo qua trang web. Là người làm thơ và bình thơ nên tôi để ý đến những cây bút phê bình văn học và những bài viết của Châu Thạch đã chiếm được cảm tình của tôi với cung cách đứng đắn lịch sự, lời văn hòa nhã.

Hôm nay đọc được bài Đọc Tổng Biệt Hành Thơ Thâm Tâm của anh trên Văn Nghệ Quảng Trị (và Văn Đàn Việt) trong đó anh có nhắc đến mấy đoạn trong một bài viết – cũng về Tổng Biệt Hành - của tôi nên xin phép được trao đổi với anh trong tinh thần “bạn văn” cùng viết trên một diễn đàn văn học.

Sau đây là những đoạn trong bài viết của tôi được anh đề cập:

1/ Anh nhắc đến hai đoạn thơ:

Ta biết người buồn chiều hôm trước

*Bây giờ mùa hạ sen nở nốt
Một chị, hai chị cũng như sen
Khuyên nốt em trai dòng lệ sót*

*Ta biết người buồn sáng hôm nay:
Giời chưa mùa thu, tươi lắm thay
Em nhỏ ngây thơ đôi mắt biếc
Gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay...*

rồi anh viết: Đoạn này có tác giả bình thơ nhận xét rằng “không những tầm thường mà lạ còn hơi ‘sến’ nữa.” Theo anh thì: “Lời thơ kể lể ở đây không phải ‘tầm thường’, không phải ‘sến’ mà nó là dàn nhạc trầm lắng da diết, sau khúc nhạc gầm thét diễn tả nỗi đau trong lòng nhân vật.”

Theo tôi, hai đoạn thơ đã có những khuyết điểm sau đây:

- Nói chuyện “chiều hôm trước” mà dùng trạng từ chỉ thời gian “Bây giờ” là không chính xác. Muốn chính xác, muốn hay, phải dùng từ khác.
- So sánh “sen nở nốt” với “dòng lệ sót” rất khập khiễng. Những bông sen nở cuối mùa và dòng lệ còn sót lại của mấy người chị vừa

khóc vừa khuyen em, hai hình ảnh đó quá xa cách, không tương hợp. Phép “ẩn dụ” không hay.

- Chữ “dòng” trong cụm từ “dòng lệ sót” giảm giá trị của chữ “sót”.
- “*Giời chưa mùa thu tươi lắm thay*” là một câu thơ “vô tích sự” bởi nó lạc lõng, thừa thãi, không ăn nhập gì với cả đoạn thơ.
- Đọc hai câu:

Em nhỏ ngây thơ đôi mắt biếc
Gói tròn thương tiếc chiếc khăn

tay

tôi tưởng tượng trước mắt mình một em nhỏ, đôi mắt ngây thơ tròn xoe nhìn người anh sắp đi xa, tay cầm chiếc khăn tay như muốn gói tròn thương tiếc trong lòng mình vào đấy. Ôi! Hình ảnh ấy vừa khô cứng, vừa “cải lương”, lại vừa không thật; ngây thơ đôi mắt biếc như em nhỏ thì biết gì mà thương với tiếc; chữ “tiếc” ở đây hoàn toàn sai.

Trên đây là một vài chi tiết khiến tôi đưa ra nhận xét là hai đoạn thơ “không những tầm thường mà lại còn ‘sến’ nữa.” Anh Châu Thạch cho đó “là dàn nhạc trầm lắng da diết, sau khúc nhạc gầm thét diễn tả

nỗi đau trong lòng nhân vật” là quyền của anh. Tôi dành sự phán xét sau cùng cho độc giả.

2/ Vé chót của bài thơ như sau:

*Người đi? Ừ nhỉ, người đi thực!
Mẹ thà coi như chiếc lá bay
Chị thà coi như là hạt bụi
Em thà coi như hơi rượu cay*

Có người cho rằng vé thơ này “quá cứng cỏi, lạnh lùng và vô tình.” Theo anh thì: “Thật ra đây là một vé thơ rất hay, nó cho thấy bút pháp tài hoa của tác giả.”

Tôi không nghĩ như vậy. Trên bề mặt chữ nghĩa 3 câu cuối rõ ràng là cứng cỏi, lạnh lùng và vô tình. Hơn nữa, đó không phải là tâm trạng, cách suy nghĩ của chính người ra đi nói ra mà chỉ là sự vô đoán của người đưa tiễn. Cho nên nếu nói đến giá trị nghệ thuật thì mấy câu thơ ấy chỉ như là rượu già, khó làm vừa lòng những tay sành rượu.

3/ Hoài Thanh không ưu ái với nhà thơ *Thâm Tâm* mà Hoài Thanh chọn *Tổng Biệt Hành* để đưa vào *Thi Nhân Việt Nam* với sự công tâm đánh giá nghệ thuật như bao bài thơ của các tác giả khác thời

bấy giờ. Uy tín của Hoài Thanh đủ khẳng định cho Tống Biệt hành có giá trị nghệ thuật cao.

Tôi đồng ý với anh Châu Thạch là TBH phải hay, phải có giá trị nghệ thuật ở mức độ nào đó, phải hợp “gu” với Hoài Thanh thì mới được ông tuyển chọn đưa vào Thi Nhân Việt Nam. Nhưng được Hoài Thanh tuyển chọn lại là con dao hai lưỡi. Thời gian qua đi, cách nhìn nhận và đánh giá thơ ca thay đổi, uy tín của Hoài Thanh - đặc biệt lúc ông còn sống - khiến người yêu thơ e ngại khi phải đưa ra những ý kiến trái ngược hoặc khác với nhận định của ông. “Sợ” uy quyền của ông cũng có nhưng cái sợ lớn nhất là sợ bước vào một trận chiến không cân sức với một đối thủ quá mạnh.

Anh Châu Thạch còn viết rằng: *“Truyện Kiều của Nguyễn Du mà còn có người dám chỉnh sửa lại thì Tống Biệt Hành là cái gì mà 75 năm qua mọi người nhắm mắt tán tụng nó theo Hoài Thanh.”* Theo tôi, chỉnh sửa một điểm nào đó trong truyện Kiều không khó vì không bị đè nặng bởi một sức ép chính trị tâm lý nào. Miễn là anh có kiến thức rộng về văn học, thơ ca và đủ tự tin để viết. “Đụng” vào TBH là “đụng” vào cả một chính sách lớn của nhà nước trong hoàn cảnh chiến tranh, lúc người chống lưng

cho nó vừa có văn tài, vừa có quyền uy ngất ngưởng trong lãnh vực bình phẩm văn chương.

4/ Chinh quyền miền Bắc và miền Nam trước 1975 có hàng vạn bài thơ phục vụ cho chế độ mình trực tiếp và cụ thể, đâu cần chi một bài thơ Tổng Bíệt Hành nói về một sự ra đi vu vơ không mục đích rõ ràng.

Những bài thơ viết để trực tiếp phục vụ chế độ (ở miền nam có một số bản nhạc như vậy nhưng thơ thì không nhiều), đọc lên đã sặc mùi tuyên truyền. Tác giả loại thơ này thường là người nằm trong bộ máy chính quyền, chức vụ không cao, viết vì công việc, vì “cái ghê”, vì miếng cơm manh áo. Cả tác giả lẫn tác phẩm đều bị coi thường, khinh rẻ. Thậm chí đọc phải những bài thơ này có người còn bực bội chửi thề ngay cả trước mặt công chúng. (Con số hàng vạn của anh Châu Thạch tôi e rằng quá lớn).

Chỉ có những bài thơ tác giả có tay nghề cao, viết bằng trái tim mình, bày tỏ cảm xúc thật của mình nhưng ý tứ của bài thơ lại tình cờ phù hợp với đường lối, chính sách của chính phủ nên được phổ biến trong quảng đại quần chúng. Vâng! Chính những bài thơ ấy mới hấp dẫn người đọc, mới thôi

thúc người đọc đi theo, làm theo tiếng gọi của tứ thơ (hoặc ý thơ). TBH nằm trong số những bài thơ ấy.

5/ Bài thơ được đưa vào nhà trường tức là được chọn lọc. Thêm một lần nữa khẳng định giá trị nghệ thuật cao của bài thơ. (Điều này không phải lúc nào cũng đúng.) Nhiều năm qua kể từ khi bài thơ được giảng dạy đến nay, không có dư luận nào chê trách việc giảng dạy Tổng Biệt Hành. Điều đó chứng tỏ giá trị nghệ thuật của Tổng Biệt Hành được đánh giá đúng nên không có sự phản hồi, phản bác, đối nghịch trong công luận.

Vào trường học là có giáo án, thi cử. Thử hỏi có học sinh nào dám đem tương lai của mình để đánh đổi lấy một cơ hội được phản bác điều mình được dạy trong trường lớp? Có thầy, cô giáo nào dám dạy sai giáo án để phí công bao năm đèn sách ở các trường cao đẳng hay đại học sư phạm? Và lại, nếu người phản bác không có thực tài, không chọn đúng thời điểm có phong trào, có cách nhìn nhận, đánh giá thơ ca mới, không có sự hỗ trợ của một vài nhân vật có chức quyền trong ngành, những ý kiến phản bác sẽ như muối bỏ bể, rơi vào quên lãng.

Giá Trị Nghệ Thuật Của Tổng Biệt Hành

1/ Khuyết điểm

Ngoài những khuyết điểm ở hai đoạn thơ nói về chị và em TBH còn có những yếu kém sau đây:

- Câu “*Đưa người ta chỉ đưa người ấy*” có vẻ ngây ngô và đóng góp rất ít cho bài thơ.
- Cái dở nhất của TBH, theo tôi, là có nhiều đoạn người ra đi không được bày tỏ trực tiếp mà cảm xúc, tâm trạng của anh ta lại do người tổng biệt vô đoán và nói hộ. Độc giả có cảm giác như được Thâm Tâm mời đến thưởng thức món thuốc lá gia truyền rất ngon, nhưng khi gặp nhau thì chỉ được hút một, hai hơi; sau đó là ngồi ngửi khói (hút gián tiếp). Lời khuyên “Làm thơ nên viết ở ngôi thứ nhất” đã bị vi phạm mà không có lý do chính đáng.

2/ Ưu điểm

Dù vậy TBH cũng vẫn là một bài thơ hay. Chỉ với 4 câu đầu tác giả đã khắc họa một cách tài tình tâm

trạng của người đưa tiễn – và với khả năng quan sát tinh tế, đã “bắt” được nỗi buồn của người ra đi:

Đưa người ta không đưa qua sông

Sao có tiếng sóng ở trong lòng

Bóng chiều không thắm không vàng vọt

Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong

Để tả cảnh chia ly 4 câu thơ này có thể hiện ngang độ sức với bất cứ câu thơ hay nào của bất cứ tác giả nào trong Phong Trào Thơ Mới.

Cái độc đáo nữa của TBH là *Điệu thơ gấp, lời thơ gắt, câu thơ rắn rỏi, gân guốc, không mềm mại uyển chuyển như phần nhiều thơ bấy giờ*. (1)

Đứng bên cạnh những bài thơ có âm điệu du dương như hầu hết thơ mới thời ấy TBH có dáng dấp độc đáo, gây được sự chú ý ngay từ hình thức bề ngoài của bài thơ.

Cái hay nhất của TBH là - mặc dù nhân vật và khung cảnh khác xa nhau – đã gợi được không khí hào hùng, bi tráng của cuộc chia ly nổi tiếng trong lịch sử Trung Hoa: Thái Tử Đan tiễn Kinh Kha sang sông Dịch để ám sát Tần Thủy Hoàng. Người đọc,

đặc biệt là nam nhân, cảm thấy hào khí bốc lên cao ngất, thân này kẻ bỏ, gia đình (mẹ, chị và em) cũng coi như không có, vì lý tưởng, vì nước quyết ra đi để thỏa mãn chí lớn của người trai.

Chí lớn không về bàn tay không

Thì không bao giờ nói trở lại

Ba năm mẹ già cũng đừng mong.

Tôi hoàn toàn đồng ý với Châu Thạch khi anh viết:

Đoạn này ý nói người ra đi sẽ không quay về khi chí lớn chưa thành, dẫu mẹ có chết ba năm sau ngày giáp cử cũng không về để tang mẹ được. Những câu thơ ở về thơ này thật rắn rỏi nêu lên sự quyết tâm của người ra đi vì chí lớn. Lời thơ như hịch xuất quân, như lời thề non nước.

Tóm lại, nếu đặt ưu và khuyết điểm lên bàn cân thì TBH vẫn là một bài thơ hay. Ưu điểm rất độc đáo và gây được ấn tượng sâu sắc nơi người đọc. Có những đoạn thơ thường được ngâm nga trong những buổi họp mặt của thanh niên trước lúc lên đường. Nhưng khuyết điểm cũng không ít trong đó có cả khuyết điểm căn bản trong việc sáng tác thơ ca.

Riêng về tứ thơ thì tôi cho rằng tứ thơ của TBH là một thứ dây leo chùm gởi, phải nhờ vào cái bóng của một “khung cảnh lịch sử” ở tận bên Trung Quốc để có được sức hấp dẫn người đọc như nó đã có. Hơn nữa, như đã phân tích ở trên, rượu trong bữa tiệc thơ TBH là rượu giả; cảm xúc (ngoài hai câu đầu) không phải là thứ “tông” phát xuất từ chính trái tim người tông biệt mà chỉ là cảm xúc của người ra đi được người tông biệt đoán ra. Khách mời của bữa tiệc TBH tưởng như mình sắp sửa qua sông Dịch để cứu muôn triệu dân lành. Rót rượu đầy ly, nâng cao và hô một tiếng “dzô” thật lớn rồi uống cạn để thấy hào khí trong người mình dâng lên cao ngất. Đến khi tỉnh dậy sau cơn say khướt, thấy nhức đầu một cách khó hiểu nhưng cũng không biết là mình uống phải rượu giả, toàn nước lã pha cồn.

Hồ Trường (Nguyễn Bá Trác) thì hoàn toàn khác. Khung cảnh thật, rượu thật, tâm sự được chính tác giả thốt ra trong lúc ngà ngà say, không có bàn tay “gạn đục khơi trong” của lý trí nên cũng rất thật. Và hào khí, thì dù người đọc có say hay tỉnh, cũng thấy bốc cao ngất trời và nóng bỏng.

Trong trò chơi bình thơ, với tôi, chê lắm một câu (bài) thơ hay hoặc khen lắm một câu (bài) thơ dở là một lỗi nặng, ảnh hưởng đến uy tín của người bình thơ. Tuy nhiên, ở đời ai chẳng có lúc lỗi lầm? Miễn là sau đó mình cố gắng học hỏi và sửa chữa. Nhưng

bình một bài thơ mà – vì một lý do nào đó ngoài thơ - thấy một điểm hay mà không dám khen, thấy một điểm dở mà không dám chê thì theo tôi, là một cái tội, tội với lương tâm mình và tội với thơ. Cho nên khi bình thơ, tôi khen chê thẳng thắn đúng với sự hiểu biết và cảm nhận của mình lúc đó. Vì thế bài viết của anh Châu Thạch đã cho tôi cơ hội đọc kỹ lại Tổng Biệt Hành và giải thích thêm một số chi tiết mà tôi – vì muốn hướng sự chú ý của độc giả vào những điểm chính – đã bỏ qua. Và chuyện đúng sai xin nhường cho độc giả phán xét.

Với bài thơ TBH anh Châu Thạch và tôi có vài chỗ ý kiến khác nhau. Đó cũng là chuyện thường tình trong bình phẩm thơ ca. Trong Văn Nghệ Quảng Trị anh Châu Thạch có số bài gấp nhiều lần số bài của tôi. Anh là cựu binh, còn tôi là lính mới. Cũng may là trên chôn văn chương nên tôi mới dám mạnh dạn trao đổi với anh. Qua hai bài viết, một của anh và một của tôi, xin được nói riêng với anh Châu Thạch, cả hai chúng ta đều có lợi. Và biết đâu những độc giả đọc bài của chúng ta cũng đang rung đùi, gật gù khoái chí.

Chú thích:

1/ Chữ của Hoài Thanh

Lê Mai Linh: Câu chuyện văn chương –Tống Biệt hành

Vừa qua, trên trang web T.Vấn & Bạn Hữu có bài tranh luận giữa hai tác giả CHÂU THẠCH và PHẠM ĐỨC NHÌ về bài thơ TỐNG BIỆT HÀNH của thi sĩ THÂM TÂM, đã làm tôi NGỨA NGÁY TAY CHÂN, nên tôi muốn có đôi điều góp ý. Bài viết trong tinh thần CHUYỆN NHƯ ĐÙA, mong HAI ANH và ĐỘC GIẢ xem cho vui, trong lúc chờ đợi chứng kiến MỸ và TRUNG CỘNG bắn đạn DỎM và NỔ PHÁO TỊT NGÒI vào nhau

Nhà thơ THÂM TÂM, một KHUÔN MẶT THƠ mà người nào yêu thơ cũng yêu mến.

Bài thơ TỐNG BIỆT HÀNH là KINH NHẬT TỤNG TÌNH YÊU cho một thời trai tơ, trai trẻ, trai dậy thì. Kể cả mấy gái chưa chồng hay chết chồng

Bài thơ TỐNG BIỆT HÀNH là một KHỐI KIM CƯƠNG NGUYÊN VẸN, chẳng một ai dám đục, đẽo, đập, đá hay thui, xéo hay nậy.

Bài thơ TỔNG BIỆT HÀNH, khi vui, đọc cho buồn.

Bài thơ TỔNG BIỆT HÀNH, khi buồn, đọc cho vui

Bài thơ TỔNG BIỆT HÀNH, khi đói, nó là gạo nấu cơm là nếp nấu xôi.

Bài thơ TỔNG BIỆT HÀNH là nước khi khát, là cứu tinh cho người vượt qua sa mạc khô cháy

Bài thơ TỔNG BIỆT HÀNH, là rượu cho những bợm nhậu, là thuốc lào cho những người tù khổ sai Cộng Sản

75 năm nay nó là như thế và sẽ là như thế, khi trái đất này còn người YÊU THƠ.

Thế nhưng vừa qua, người anh em tôi, nhà thơ PHẠM ĐỨC NHÌ đã chọn một cách rất “không bình thường” để phân tích, mổ xẻ TƯỢNG ĐÀI THÂM TÂM TỔNG BIỆT HÀNH:

Ông đã đem BÚA TẠ, KÈM KINGSIZE, ĐỤC KINGSIZE, XÀ BENG KINGSIZE, THUỐC NỔ QUEEN, BAO TAY PRINCESS,,,

Ông TRỤC, KÉO, LÔI PHO TƯỢNG ĐÀI THÂM TÂM TỔNG BIỆT HÀNH ra khỏi TRÁI TIM NHỮNG NGƯỜI YÊU của THÂM TÂM TỔNG BIỆT HÀNH

Với những lý do của Ông:

Bài thơ Tổng Biệt Hành:

1/ Không những bình thường mà còn SÉN.

2/ Nói chuyện chiều hôm trước mà dùng trạng từ chỉ thời gian “BÁY Giờ” là không chính xác.

(Theo tôi biết, trong văn phạm tiếng Anh và các thứ ngôn ngữ khác, vẫn có các thì: HIỆN TẠI TRONG QUÁ KHỨ hay QUÁ KHỨ TRONG TƯƠNG LAI.)

3/ Chữ “dòng” trong cụm từ “dòng lệ sót” giảm giá trị của chữ “sót”.

4/ “Giời chưa mùa thu tươi lắm thay” là một câu thơ “vô tích sự” bởi nó lạc lõng, thừa thãi, không ăn nhập gì với cả đoạn thơ.

5/ So sánh “sen nở nốt” với “dòng lệ sót” rất khập khễnh.

6/ Đọc hai câu:

” Em nhỏ thơ ngây đôi mắt biếc

Gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay “

Hình ảnh KHÔ, CỨNG, vừa CÁI LƯƠNG, lại vừa không thật, ngây thơ đôi mắt biếc như em nhỏ thì biết gì mà thương với tiếc

7/ Bài thơ TỔNG BIỆT HÀNH nói về một sự ra đi vu vơ, không mục đích rõ ràng.

8/ Câu: ”Đưa người ta chỉ đưa người ấy” có vẻ ngây ngô, và đóng góp rất ít cho bài thơ.

9/ Lời khuyên: "Làm thơ nên viết ở ngôi thứ nhất" đã bị vi phạm mà không có lý do chính đáng.

(PHẠM ĐỨC NHÌ không cho chúng ta biết LỜI KHUYÊN NÀY CỦA AI. Phải chăng có một ông TỔ SU' BỒ ĐỀ THƠ khuyên và chỉ có anh PDN biết.)

10/ Rượu trong bữa tiệc thơ TỔNG BIỆT HÀNH là rượu giả, rượu toàn nước lã pha cồn

Rồi ông kết luận về TỔNG BIỆT HÀNH :

Dù vậy, TỔNG BIỆT HÀNH VẪN LÀ MỘT BÀI THƠ HAY. CHỈ VỚI 4 CÂU ĐẦU TÁC GIẢ ĐÃ KHẮC HỌA MỘT CÁCH TÀI TÌNH TÂM TRẠNG CỦA NGƯỜI ĐƯA TIỀN và VỚI KHẢ NĂNG TINH TẾ ĐÃ BẮT ĐƯỢC NỖI BUỒN CỦA NGƯỜI RA ĐI:

"Đưa người ta không đưa sang sông

Sao có tiếng sóng ở trong lòng

Ráng chiều không thắm không vàng vọt

Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong”

*Để tả cảnh chia ly, 4 câu thơ này có thể hiên ngang
độ sức với bất cứ câu thơ hay nào của bất cứ tác giả
nào trong phòng trào THƠ MỚI.*

Thưa anh nhà thơ PHẠM ĐỨC NHÌ:

1/Anh nói: **TÔI DÀNH SỰ PHÁN XÉT SAU CÙNG
CHO ĐỘC GIẢ** Vậy tôi đề nghị anh **NÊN NÓI LỜI
XIN LỖI VỚI ANH CHÂU THẠCH**. Bài của nhà
phê bình **CHÂU THẠCH** rất **HÀN LÂM, NGƯỜI
LỚN**.

2/ Mặc dù anh đã **HÀN GẮN NHỮNG VẾT ĐỤC
ĐỂO** lên **PHO TƯỢNG TỔNG BIỆT HÀNH**,
nhưng sự **MÁT MÁT VẪN CÒN, NIỀM ĐAU
CŨNG CÒN**, vậy anh nên viết bài **TẠ LỖI** với độc
giả của T.Vân & Bạn Hữu, rằng anh đã chạm vào
tình cảm **YÊU THƠ** của họ dành cho **THẦN
TƯỢNG THÂM TÂM**.

Như đã nói trên bài viết, **ĐÂY LÀ CHUYỆN ĐUA CUỐI TUẦN**, xin mọi người hoan hỉ thứ tha.

AMEN -

Lê Mai Linh

VĂN CHƯƠNG ĐÂU PHẢI LÀ ĐƠN THUỐC

(Viết sau khi đọc Câu Chuyện Văn Chương của Lê Mai Linh)

Nhận được cái link từ một bạn văn trong nước với lời nhắn “Nhận thấy có liên quan đến bài viết của anh và anh Châu Thạch bàn về **TỔNG BIỆT HÀNH** của **THÂM TÂM**... nên chép lại đường link để anh xem và có phản hồi với bài viết (nếu có). Chúc vui.”

Sau đó 2 ngày tôi cũng nhận được mail của anh Trương Vấn thông báo về bài Câu Chuyện Văn Chương trên trang TVấn & BH. Đọc CCVC tôi mừng tượng tác giả của nó là một người yêu thơ cuồng nhiệt theo cách riêng của mình, và ... rất tự tin. Lẽ ra trong tranh luận văn chương phải chú trọng đến đối tượng tranh luận - ở đây là giá trị nghệ thuật của TBH - thì ông LML chỉ nói phốt qua vài

điểm ông không đồng ý (không dẫn chứng), rồi tự động coi mình là “bên thắng cuộc”, đề nghị hình phạt cho “bên thua cuộc”.

Dù vậy, trong bài này tôi chỉ chú trọng việc làm rõ những điểm liên quan đến văn chương mà ông đề cập, không phải để phân định thắng thua mà tìm sự thông cảm không những của riêng ông mà còn của cả những độc giả khác quan tâm đến cuộc tranh luận.

1/ Nói chuyện chiều hôm trước mà dùng trạng từ chỉ thời gian “BÂY Giờ” là không chính xác.

Theo tôi (LML) biết, trong văn phạm tiếng Anh và các thứ ngôn ngữ khác, vẫn có CÁC THÌ: HIỆN TẠI TRONG QUÁ KHỨ hay QUÁ KHỨ TRONG TƯƠNG LAI.

Ở đây tôi không bàn đến văn phạm tiếng Anh và các thứ ngôn ngữ khác mà chỉ xin đưa ra một thí dụ bằng tiếng Việt để chứng minh “Bây giờ” trong TBH là không chính xác.

Thứ Hai tuần trước tôi gặp anh ta ở chùa Vĩnh Nghiêm

Lúc ấy hoa sen nở đẹp quá.

Nếu thay “Lúc ấy” bằng “Bây giờ” thì sai. Điều này chắc độc giả ai cũng có thể chấp nhận.

Trở lại TBH: Tôi xin phép đổi mấy chữ (để làm rõ ý của mình)

Ta biết người buồn chiều hôm trước

Đang vào cuối hạ sen nở nốt

Nhóm chữ trạng từ chỉ thời gian (*đang vào cuối hạ*) có thể bao phủ một khoảng thời gian từ “chiều hôm trước” cho đến lúc người đưa tiễn đang “tâm tình” ngày hôm sau (và có thể thêm một thời gian ngắn nữa trong tương lai). Đưa “Bây giờ mùa hạ” vào thì sai – ít nhất cũng là lỗi kỹ thuật - vì “độ phủ sóng” của “Bây giờ” hẹp hơn, chỉ là một khoảnh nhỏ của hiện tại, không thể vươn ngược về “chiều hôm trước”.

2/ Bài thơ TỔNG BIỆT HÀNH nói về một sự ra đi vu vơ, không mục đích rõ ràng.

Ông LML đã thiếu cẩn trọng, không đọc kỹ nên đã gán câu văn trên - của anh Châu Thạch - cho tôi.

Tuy nhiên, đó là sự làm lẫn nhỏ nhất, không đáng kể. Hơn nữa, chính tôi cũng đồng ý với nhận xét rất tinh tế ấy của anh Châu Thạch.

3/ Lời khuyên: “Làm thơ nên viết ở ngôi thứ nhất” đã bị vi phạm mà không có lý do chính đáng.

(PHẠM ĐỨC NHÌ không cho chúng ta biết LỜI KHUYẾN NÀY CỦA AI. Phải chăng có một ông TỔ SU BỒ ĐỀ THƠ khuyên và chỉ có anh PĐN biết.)

Trước hết, tôi đã bỏ ra 2 buổi để đọc 69 bài thơ của ông LML trên TVấn& BH (đúng ra là 70 nhưng có một bài đăng 2 lần) và nhận thấy rằng tất cả 69 bài thơ ấy (vâng! 100%) đều được viết ở ngôi thứ nhất.
(1)

Sau đây là một đoạn trích trong Mấy Ý Nghĩ Về Thơ của Nguyễn Đình Thi:

Những hình ảnh còn tươi nguyên, mà nhà thơ tìm thấy, bao giờ cũng mới mẻ, đột ngột lạ lùng. Vì nhà thơ nhìn bằng con mắt của người đầu tiên. Đó là

*những hình ảnh mới tinh, chưa có vết nhòa của thói quen, không bị dập khuôn vào những ý niệm trừu tượng định trước. **Mượn câu nói của một nhà văn Pháp, nhà thơ bao giờ cũng là ngôi thứ nhất.***

Tôi tạm dùng hình tượng rượu thật, rượu giả để giải thích ý này. Cảm xúc hay tâm sự do chính tác giả (hay chính nhân vật trong bài thơ) nói ra là rượu thật, còn do người khác suy đoán rồi nói hộ là rượu giả. Có loại rượu giả cao cấp và loại rượu giả xoàng.

Trong TBH có 2 bình rượu thật:

a/ Đưa người ta không đưa qua sông

Sao có tiếng sóng ở trong lòng

Không đưa người qua sông nhưng sao lòng nôn nao như sóng vỗ. Đây là 2 câu thơ tuyệt vời nói lên tâm trạng của người đưa tiễn.

b/ Ly khách! Ly khách! Con đường nhỏ

Chí lớn không về bàn tay không

Thì không bao giờ nói trở lại

Ba năm mẹ già cũng đừng mong.

Đây là những câu thơ người ra đi thì thầm với chính mình – nói như Châu Thạch - lời thơ như hịch xuất quân, như lời thề non nước.

Còn lại là 4 bình rượu giả:

a/ Bóng chiều không thắm, không vàng vọt

Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?

Ta cảm được nỗi buồn của người khi thấy mắt người như chứa cả bóng hoàng hôn. Mắt là cửa sổ linh hồn; nhìn đôi mắt có thể đoán khá chính xác một người đang vui hay buồn. Do tác giả chọn được hình rất đẹp, rất thơ nên 2 câu thơ tuy là rượu giả nhưng là loại rượu giả cao cấp, chỉ người sành rượu mới phân biệt được. Hai câu này kết hợp với 2 câu đầu thành một đoạn thơ rất hay, thường được đọc, ngâm

nga trong các buổi nhậu, tiệc trà bù khú chuyện văn chương.

*b/ Ta biết người buồn chiều hôm trước
 Bây giờ mùa hạ sen nở nốt
 Một chị, hai chị cũng như sen
 Khuyên nốt em trai dòng lệ sót*

*c/ Ta biết người buồn sáng hôm nay:
 Giờ chưa mùa thu, tươi lắm thay
 Em nhỏ ngây thơ đôi mắt biếc
 Gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay...*

Hai đoạn b và c cũng là 2 bình rượu giả. Ngôn ngữ và khung cảnh thơ sến, cái lương nên có thể xếp vào loại rượu giả xoàng, nháp môi là nhận được ngay.

*d/ Người đi! Ừ nhỉ! Người đi thật
 Mẹ thà coi như chiếc lá bay
 Chị thà coi như là hạt bụi
 Em thà coi như hơi rượu cay*

Người đưa tiễn cứ như có bùa phép, thấy được cả những chi tiết nhỏ nhất trong đầu người ra đi. Thử

hỏi độc giả liệu có tin được “chân tình” của tác giả không? Ba câu cuối rõ ràng là rượu giả, được nhà hàng ngênh ngang pha ngay trước mặt thực khách.

Trước khi tôi viết về TBH, trong lúc uống cà phê bình thơ, thấy tôi chĩa mũi dùi vào chi tiết “nói hộ tâm sự của người khác” trong thơ, một người bạn lên tiếng:

Người đưa tiễn, người ra đi, rồi mẹ, chị và em, tất tất đều là “con đẻ” của Thâm Tâm; dĩ nhiên ông ta biết suy nghĩ trong đầu của họ.

Đồng ý là như vậy. Nhưng khi đã phân công, phân nhiệm thì vai nào phải ra vai đó để phù hợp với vở kịch của cuộc đời. Người trần mắt thịt mà cứ như là Tiên, Thánh, đọc suy nghĩ, cảm xúc của người khác như đọc trang giấy trước mặt mình thì coi sao được.

4/Anh nói: TÔI DÀNH SỰ PHÁN XÉT SAU CÙNG CHO ĐỘC GIẢ, Vậy tôi đề nghị anh NÊN NÓI LỜI XIN LỖI VỚI ANH CHÂU THẠCH. Bài của nhà phê bình CHÂU THẠCH rất HÀN LÂM, NGƯỜI LỚN.

Qua bài viết của anh Châu Thạch, thú thật, chất hàn lâm thì tôi không dám nói chứ về phong cách thì tôi đồng ý với ông LML là anh có một phong cách rất người lớn: cẩn trọng, đứng đắn và hòa nhã. Sau mấy bài viết tranh luận về TBH và Nhớ Rừng chúng tôi đã thư qua, thư lại, trò chuyện trên điện thoại và thấy có một số điểm tương đồng trong tranh luận văn chương. Anh đã thẳng thắn nói rằng trong việc thẩm định giá trị nghệ thuật của một bài thơ việc có ý kiến khác nhau là thường tình; đó là quyền tự do của mỗi người. Chúng tôi đã kết bạn văn chương và đã trao đổi với nhau một số điều riêng tư lý thú.

5/ Vậy anh nên viết bài TẠ LỖI với độc giả của T.Vấn & Bạn Hữu, rằng anh đã chạm vào tình cảm YÊU THƠ của họ dành cho THÂN TƯỢNG THÂM TÂM.

Trong số độc giả thường đọc, thưởng thức rồi yêu thơ có rất nhiều người mê thích một bài thơ vì một hay nhiều lý do rất riêng tư, có khi chẳng ăn nhập gì đến kỹ thuật thơ, cảm xúc thơ ... nói chung là giá trị nghệ thuật của bài thơ. Nếu bài thơ nhắc đến hoặc gọi lại những kỷ niệm về khung trời quê hương, mỗi

tình đầu, “những năm tháng không thể nào quên”, hào khí của thanh niên ... thì độc giả sẽ ngây ngất như say rượu, cảm xúc dạt dào, hào khí dâng cao ... và họ sẽ vung tay cho điểm bài thơ rất rộng rãi. TBH cũng ở trong trường hợp đó. Dĩ nhiên, nó không phải là bài thơ dở, nhưng vì những lý do rất “ngoài thơ” người ta đã quên nhắc đến những khuyết điểm của nó, đã ca tụng nó, cho điểm nó cao hơn giá trị thực sự của nó rất nhiều.

Nhiệm vụ của người bình thơ ngoài việc chỉ ra ưu, khuyết điểm của bài thơ còn phải tháo những giá chống, gỡ những bàn tay nâng đỡ, tước bỏ những ưu ái riêng tư của mình để bài thơ tự đứng trên đôi chân của nó, tỏa sáng bằng chính giá trị nghệ thuật tự thân của nó.

Tôi bình TBH (và những bài thơ khác) cũng với tinh thần đó, cố gắng thuyết phục để độc giả cùng tôi đối xử công bằng với bài thơ, khen chê đúng mực.

Trường hợp của ông LML thì đặc biệt hơn. Đọc đoạn ông viết về TBH tôi biết ngay là ông mắc

chúng bệnh “cuồng ái” với bài thơ. Dem cái “tình yêu thơ” kiểu ấy mà bước vào chỗ bình thơ tranh luận với tôi thì chắc chắn tôi sẽ “tù chết đến bị thương”. Cuối cùng chỉ bị ông hỏi khó mấy câu và bắt xin lỗi, tạ lỗi với không biết bao nhiêu là người. Thôi thì như thế cũng là may mắn.

Bệnh của ông LML thì hơi khó chữa, nhưng đối với bạn đọc của T.Vấn & BH và tất cả những người yêu thơ khác, tôi hy vọng là qua mấy bài tranh luận về TBH quý vị cũng vẫn yêu mến bài thơ nhưng sẽ đối xử với nó công bằng hơn.

Riêng về việc ông LML yêu cầu tôi xin lỗi anh Châu Thạch và TẠ LỖI với bạn đọc của trang T.Vấn & BH tôi xin được cho qua vì nó *ngây ngô, trịch thượng và ... quá vô duyên*.

6/Ông đã đem BÚA TẠ, KÈM KINGSIZE, ĐỤC KINGSIZE, XÀ BENG KINGSIZE , THUỐC NỔ QUEEN, BAO TAY PRINCESS,,,, Ông TRỤC, KÉO, LÔI PHO TƯỢNG ĐÀI THÂM TÂM TỔNG BIỆT

*HÀNH ra khỏi TRÁI TIM NHỮNG NGƯỜI YÊU
của THÂM TÂM TỔNG BIỆT HÀNH*

Theo ngôn ngữ của ông LML thì mỗi người yêu thơ đều có một tượng đài trong tim cho mỗi bài thơ mình yêu thích. Tùy cách hiểu và đánh giá của mỗi người, tượng đài ấy lớn nhỏ khác nhau.

Có người đọc thơ để thưởng thức, có người đọc để phê bình. Tôi thuộc loại người thứ hai nên những điều ông LML trách tôi cũng có phần đúng. Tôi đã dùng đủ loại dụng cụ ông nói ở trên để đục đẽo hàu có được một tượng đài – mà theo tôi - đúng với kích cỡ của TBH. Tôi không có khả năng trục tượng đài ra khỏi trái tim của người yêu thơ để đưa vào chỗ ấy một tượng đài khác. Tôi chỉ ước mong những bài viết của mình đủ thuyết phục để có được một vài người yêu thơ tự làm công việc thay thế đó trong tim họ.

KẾT LUẬN

Ở phần đầu ông Lê Mai Linh xác định: “Bài viết trong tinh thần Chuyện Như Đùa” và ở phần cuối ông nhắc lại: “Đây là Chuyện Đùa Cuối Tuần, xin mọi người hoan hỉ thứ tha.” Đồng ý trong

“chuyện văn chương” có những vùng đất dành riêng cho óc khôi hài (sense of humor) và ngay cả những bài viết chính luận nghiêm túc vẫn có thể có câu, đoạn ẩn chứa những nụ cười ý nhị. Ngồi vào bàn bình thơ, người viết không nhất thiết phải bỏ lại bên ngoài óc hài hước hay cách hành văn dí dỏm của mình.

Có điều chắc chắn là *bình thơ không phải chuyện đùa*. Người bình thơ, ngoài kiến thức, tài năng còn phải có “tâm” với thi ca và nhất là phải có thái độ của người lớn: đứng đắn, nghiêm túc, có trách nhiệm với lời khen chê của mình. Khen chê một câu thơ, một bài thơ là do nhận định chủ quan của người viết phê bình – không phải lúc nào cũng đúng nên dĩ nhiên, chưa phải là kết luận chung cuộc. Sự khen chê ấy còn được cân nhắc, lượng giá (có khi soi mói) của nhiều cặp mắt phê bình khác.

Không phải cứ ngứa ngáy tay chân là nhảy xổ vào cuộc tranh luận thơ ca của người khác, nói vung tít mẹt rồi chấp tay xin hai chữ đại xá. Hơn một trăm năm trước Trần Tế Xương đã viết hai câu thơ về bác Cử Nhu:

Văn chương đâu phải là đơn thuốc

Chớ có khuyên xằng chết bỏ bu.

Với những người Bình Thơ hoặc đang tranh luận về giá trị nghệ thuật của thơ, hai câu đó bây giờ vẫn đúng.

CHÚ THÍCH:

1/ Hôm nay (11/14/2015) đọc bài thơ mới của ông LML (Những Ngày Tôi Muốn Chết) trên T.Vấn & BH, tôi thấy nó cũng được viết ở ngôi thứ nhất.

PHỤ LỤC:

Có trường hợp bài thơ là một cuộc đối thoại giữa nhân vật chính và người em của mình; bài thơ chấm dứt bằng câu trả lời của người em. Có người bạn hỏi rằng “Phải chăng tác giả đã viết bằng ngôi thứ hai?”

Này lặng em ơi, lặng lặng nhìn

Phải chăng mình ngựa sắc hồng in

Nhẹ nhàng em sẽ buông rèm xuống

Chị sợ bên sông bóng ngựa chìm.

Ngựa hồng đã đến bên hiên

Chị ơi, trên ngựa chiếc yên ... vắng người.

(Mòn Mỏi, Thanh Tịnh)

Theo tôi, cảm xúc của người chị (ngôi thứ nhất) vẫn là chính. Độc giả theo dòng cảm xúc từ đầu bài thơ đã hiểu được tâm trạng mòn mỏi đợi chờ tình quân của chị cho nên khi đọc 2 câu trả lời của người em - chỉ làm nhiệm vụ cung cấp thông tin - đã đồng cảm với sự tuyệt vọng và nỗi buồn đau vô bờ bến của người phụ nữ đáng thương này. Thủ pháp Show, Not Tell của Thanh Tịnh rất tài tình và đã đạt hiệu quả tối đa.■

Cùng Tác Giả

Đã Xuất Bản

Như Thế Là Tội Ác (Thơ)

Ấn Bản Điện Tử

Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu 2016



Phạm Đức Nhì

BÌNH THƠ:

THỰC TẾ BẾP NÚC

Ấn Bản Điện Tử

do

T.Vấn & Bạn Hữu

Thực hiện

2017

©T.Vấn & Bạn Hữu 2017

©Phạm Đức Nhì 2017